

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH THỊ THU PHƯƠNG

ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC LÃNH ĐẠO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ TỪ
NĂM 1949 ĐẾN NĂM 1956

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HÀ NỘI – 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH THỊ THU PHƯƠNG

**ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC LÃNH ĐẠO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ TỪ
NĂM 1949 ĐẾN NĂM 1956**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số: 92 29 015**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS. TRẦN TRỌNG THƠ



2. TS. NGUYỄN THỊ MAI



HÀ NỘI – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Đinh Thị Thu Phương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	9
1.1. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án	9
1.2. Kết quả của các công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu	27
Chương 2. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ TỪ THÁNG 11 NĂM 1949 ĐẾN THÁNG 7 NĂM 1954	31
2.1. Những yếu tố tác động và chủ trương của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về thực hiện nhiệm vụ kinh tế	31
2.2. Quá trình chỉ đạo các lĩnh vực kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc	44
Chương 3. ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÔI PHỤC KINH TẾ TỪ THÁNG 7 NĂM 1954 ĐẾN THÁNG 8 NĂM 1956	91
3.1. Tình hình mới, yêu cầu mới và chủ trương của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế	91
3.2. Quá trình chỉ đạo, khôi phục các lĩnh vực kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc	103
Chương 4. NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM	136
4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế (1949-1956).....	136
4.2. Một số kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế (1949-1956)	165
KẾT LUẬN	182
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	186
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	188
PHỤ LỤC	207

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ

STT	TÊN BẢNG	TRANG
1	Bảng 4.1: Tình hình cải cách ruộng đất ở Liên khu Việt Bắc (1954-1956)	148
2	Bảng 4.2: Tình hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp của Liên khu Việt Bắc (1955-1956)	150
3	Bảng 4.3: Kết quả thu thuế nông nghiệp ở Liên khu Việt Bắc năm 1953	153
4	Bảng 4.4: Kết quả thu thuế nông nghiệp ở Liên khu Việt Bắc năm 1955	154
5	Bảng 4.5: Kết quả thu thuế công thương nghiệp ở Liên khu Việt Bắc năm 1955	154
6	Biểu đồ 4.1: So sánh tỷ lệ nộp thuế nông nghiệp của một số Liên khu trên cả nước năm 1951	152

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Xây dựng và phát triển kinh tế có ý nghĩa tạo nên tảng vật chất cho đời sống xã hội, bảo đảm và nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời, góp phần tạo dựng tiềm lực, sức mạnh tổng hợp và vị thế của mỗi quốc gia. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, sản xuất vật chất và phát triển kinh tế giữ vai trò nền tảng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội; tạo cơ sở vật chất để tiến hành chiến tranh cách mạng cũng như xây dựng và phát triển đất nước trong thời bình. V.I. Lênin viết: “... không chuẩn bị hết sức đầy đủ về kinh tế, thì việc tiến hành một cuộc chiến tranh hiện đại chống chủ nghĩa đế quốc tiên tiến là điều không thể làm được đối với một nước nông nghiệp đã kiệt quệ” [88, tr.475]. Thảm họa quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, khi tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng luôn chú trọng nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế kháng chiến. Đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng là một bộ phận của đường lối kháng chiến, kiến quốc. Với đường lối ấy, Đảng lãnh đạo xây dựng nền kinh tế vừa bảo đảm sinh hoạt, cải thiện đời sống nhân dân, vừa bảo đảm cho hoạt động của bộ máy điều hành kháng chiến, cung cấp cho các lực lượng vũ trang chiến đấu. Nhờ đó, Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ, tự lực cánh sinh đi đến thắng lợi. Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng chủ trương xây dựng, củng cố miền Bắc về mọi mặt, trong đó khôi phục kinh tế là một nhiệm vụ then chốt. Hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế ở miền Bắc là thành tựu to lớn của Đảng và nhân dân, đặt những nền móng quan trọng cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng, thống nhất đất nước.

Thành công trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và những năm đầu khôi phục kinh tế ở miền Bắc có vai trò và sự đóng góp quan trọng của các Đảng bộ địa phương, trong đó có các Đảng bộ liên khu. Trên cơ sở đường lối, chủ trương kinh tế của Trung ương Đảng, các Đảng bộ liên khu đã căn cứ vào tình hình, điều kiện thực

tiền đề ra biện pháp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế phù hợp. Sự lãnh đạo của các Đảng bộ liên khu có vai trò quyết định trong việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế trên địa bàn, cả trong kháng chiến chống thực dân Pháp và những năm đầu khôi phục kinh tế ở miền Bắc, qua đó góp phần vào thành công chung của của Đảng. Việc nghiên cứu sự lãnh đạo của các Đảng bộ liên khu, sẽ góp phần làm sáng rõ và toàn diện hơn những đặc điểm trong hoạt động lãnh đạo, tổ chức thực hiện của Đảng về nhiều phương diện trên mặt trận kinh tế, nhất là trên lĩnh vực lựa chọn các lĩnh vực kinh tế để tập trung lãnh đạo xây dựng và phát triển, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng.

Việt Bắc là căn cứ địa cách mạng chủ yếu của cả nước trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng thời tiếp tục giữ vị trí chiến lược về chính trị, quốc phòng, an ninh trong những năm miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện vai trò hậu phương lớn cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước. Đảng bộ Liên khu Việt Bắc được thành lập vào tháng 11 năm 1949 và hoàn thành nhiệm vụ vào tháng 8 năm 1956. Lãnh đạo phong trào cách mạng trên một địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, chiếm khoảng 2/3 diện tích Bắc Bộ, trên cơ sở quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối kinh tế của Trung ương vào điều kiện cụ thể của địa phương, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, góp phần bảo đảm vững chắc yêu cầu hậu cần cho kháng chiến, đồng thời phục vụ công cuộc khôi phục và củng cố miền Bắc sau khi hòa bình lập lại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Liên khu Việt Bắc từng bước thực hiện tự cung, tự cấp, đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ và phục vụ hoạt động của các cơ quan Đảng, Chính phủ cùng bộ máy chỉ đạo kháng chiến đóng trên địa bàn; tích cực chi viện cho các chiến trường, góp phần vào những thắng lợi quan trọng của cuộc kháng chiến, tiêu biểu như các chiến dịch: Biên giới (1950), Hoàng Hoa Thám (1951) và Điện Biên Phủ (1954)..., đồng thời đạt được những kết quả bước đầu trong khôi phục kinh tế sau năm 1954. Thực tiễn đó thể hiện sự nỗ lực, chủ động, sáng tạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong việc phát huy tiềm năng, thế mạnh tại chỗ, khắc phục những trở ngại khách quan của địa bàn rộng lớn, địa hình chia

cắt, hiểm trở, giao thông vận tải khó khăn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp, phương thức sản xuất lạc hậu để hoàn thành nhiệm vụ được giao trên lĩnh vực kinh tế.

Quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế trong kháng chiến chống Pháp và những năm đầu khôi phục miền Bắc sau hòa bình lập lại là nội dung lịch sử Đảng cần được nghiên cứu nhằm làm sáng rõ, toàn diện và sâu sắc hơn quá trình hiện thực hoá đường lối kinh tế của Đảng tại một địa bàn có tầm chiến lược, góp phần hoàn thiện bức tranh toàn cảnh về sự lãnh đạo đúng đắn, toàn diện của Đảng, làm sáng rõ thêm lịch sử đấu tranh của các Đảng bộ và nhân dân khu vực trung du, miền núi phía Bắc trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp và những năm đầu khôi phục miền Bắc sau hòa bình lập lại; đồng thời, đúc kết những kinh nghiệm có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay.

Đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu phản ánh về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trên lĩnh vực xây dựng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về vấn đề này còn phân tán, chủ yếu đề cập từng địa phương hoặc từng giai đoạn riêng lẻ; chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu, dưới góc độ khoa học Lịch sử Đảng về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đối với nhiệm vụ kinh tế. Do đó, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc cùng những nỗ lực, đóng góp của các cấp bộ Đảng, quân và dân Liên khu trên lĩnh vực kinh tế trong giai đoạn 1949–1956 chưa được phản ánh một cách toàn diện, sâu sắc; những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo, tổ chức và phát triển kinh tế trong thời kỳ này cũng chưa được tổng kết, đúc rút đầy đủ để có thể tham khảo, vận dụng trong thực tiễn hiện nay.

Với những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài: "**Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956**" làm Luận án tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng rõ quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956, đúc rút những kinh nghiệm vận dụng trong công cuộc phát triển kinh tế hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan các công trình khoa học đã xuất bản liên quan để xác định các nội dung, mức độ nghiên cứu đã được thực hiện, xác định những nội dung luận án tập trung nghiên cứu, những tư liệu và phương pháp có thể kế thừa để thực hiện luận án.

- Nghiên cứu, làm rõ những yếu tố chi phối, tác động đến quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc từ năm 1949 đến năm 1956.

- Tái hiện và luận giải quá trình Đảng bộ Liên Khu Việt Bắc đề ra chủ trương và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, những kết quả đạt được của sự lãnh đạo đó.

- Phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của Đảng bộ Liên Khu Việt Bắc trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956; đúc kết những kinh nghiệm có thể vận dụng trong xây dựng, phát triển kinh tế tại địa bàn các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế trong thời gian từ tháng 11 năm 1949 đến tháng 8 năm 1956.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung:

Nội hàm sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956 có nhiều góc độ tiếp cận, phân tích. Căn cứ vào thực tiễn công tác xây dựng kinh tế của Đảng bộ Liên khu, trên cơ sở những tài liệu của Đảng bộ Liên khu được thu thập và khảo cứu, Luận án tiếp cận theo góc độ *nội dung lãnh đạo các lĩnh vực kinh tế* của Đảng bộ Liên khu

Việt Bắc là chủ yếu; đồng thời, sử dụng kết hợp cách tiếp cận theo phương thức lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc ở mức độ cần thiết nhằm làm rõ sự hình thành chủ trương, chỉ đạo các lĩnh vực kinh tế mà Đảng bộ Liên khu đề ra.

Theo đó, phạm vi nội dung luận án tập trung nghiên cứu *chủ trương* và *sự chỉ đạo* của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về kinh tế trên các lĩnh vực kinh tế: nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp; giao thông vận tải; tài chính; bảo vệ kinh tế kháng chiến, đấu tranh kinh tế với địch.

- Về thời gian: Phạm vi thời gian mà luận án tiến hành nghiên cứu từ thời điểm Đảng bộ Liên khu Việt Bắc được thành lập (tháng 11-1949) đến thời điểm Đảng bộ Liên khu Việt Bắc kết thúc nhiệm vụ (tháng 8-1956). Trong nghiên cứu, luận án có thể đề cập đến những nội dung lịch sử trước tháng 11-1949 và sau tháng 8-1956 để làm sáng rõ thêm nội dung luận án.

- Về không gian: Phạm vi không gian mà luận án tiến hành nghiên cứu gắn với sự thay đổi về địa bàn phụ trách lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc. Cụ thể:

Từ năm 1949 đến năm 1950: địa bàn nghiên cứu bao gồm 17 tỉnh (Sơn La, Lai Châu, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Bắc Ninh, Phú Thọ, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Quảng Yên, Hải Ninh); đặc khu Hòn Gai và huyện Mai Đà của tỉnh Hòa Bình (từ 1-7-2026 thuộc địa bàn các tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Bắc Ninh, Phú Thọ, Quảng Ninh).

Từ năm 1950 đến năm 1952: tỉnh Phúc Yên và Vĩnh Yên hợp nhất thành tỉnh Vĩnh Phúc nên địa bàn nghiên cứu có 16 tỉnh, 1 đặc khu Hòn Gai và huyện Mai Đà của tỉnh Hòa Bình.

Từ năm 1952 đến năm 1954: 4 tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái tách ra khỏi Liên khu Việt Bắc nên địa bàn nghiên cứu có 12 tỉnh, 1 đặc khu .

Từ năm 1954 đến 1956: tháng 8-1954, 2 tỉnh Lào Cai và Yên Bái sáp nhập trở lại Liên khu Việt Bắc, nên địa bàn nghiên cứu có 14 tỉnh và 1 đặc khu; đến tháng 2-1955, đặc khu Hòn Gai và tỉnh Quảng Yên tách ra thành lập khu Hồng Quảng trực thuộc Trung ương, nên địa bàn nghiên cứu còn lại 13 tỉnh.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vận dụng những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế, về mối quan hệ và vai trò kinh tế đối với sự nghiệp cách mạng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng hai phương pháp chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp lịch sử nhằm tái hiện một cách trung thực, cụ thể, theo trình tự thời gian quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ khi Liên khu Việt Bắc được thành lập năm 1949 đến khi giải thể năm 1956; đặt quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế của Đảng bộ liên khu Việt Bắc trong bối cảnh cách mạng chung của cả nước giai đoạn 1949-1956 để có những đánh giá khách quan, trung thực.

Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp logic nhằm nghiên cứu, phân tích, đánh giá tổng quát kết quả, thành công, hạn chế, ưu điểm, khuyết điểm, đúc kết kinh nghiệm quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

Ngoài hai phương pháp trên, luận án sử dụng các phương pháp khác như: phương pháp tổng hợp và phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê... để phân tích, đối chiếu số liệu, dữ kiện, chỉ ra sự phát triển trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế giữa các giai đoạn, các địa bàn trong Liên khu Việt Bắc hoặc giữa Liên khu Việt Bắc với các địa bàn khác.

4.3. Nguồn tài liệu

Nghiên cứu sinh chủ yếu khai thác những nguồn tư liệu sau để sử dụng trong luận án:

- Văn kiện Đảng Toàn tập, Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc, Hồ Chí Minh Toàn tập.

- Tài liệu gốc có liên quan đến quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956 được lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (Hà Nội).

- Lịch sử Đảng bộ các tỉnh trong Liên khu Việt Bắc; các công trình nghiên cứu có liên quan đã xuất bản của tác giả trong và ngoài nước; các đề tài, luận án, luận văn đã công bố có liên quan đến Đảng lãnh đạo kinh tế, đến nền kinh tế Việt Nam những năm 1949 đến 1956.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

5.1. Về tư liệu

Cung cấp một cách có hệ thống những tư liệu về Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

5.2. Về nội dung

Phục dựng quá trình lãnh đạo, luận giải theo góc độ khoa học những thành công, những hạn chế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956 trên các lĩnh vực kinh tế; đúc rút những kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956 có thể vận dụng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế ở vùng trung du và miền núi phía Bắc hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần vào quá trình tổng kết lý luận và thực tiễn xây dựng và phát triển kinh tế trong điều kiện chiến tranh, ở một nước nghèo như Việt Nam phục vụ nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền và phát triển đất nước.

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp những luận cứ khoa học, những kinh nghiệm có thể vận dụng trong việc định hướng, khai thác các nguồn lực phát triển kinh tế ở các địa phương miền núi phía Bắc hiện nay.

Luận án cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập Lịch sử Việt Nam nói chung và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận án kết cấu gồm 4 chương, 8 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu với những góc độ và phương pháp tiếp cận khác nhau liên quan đến nội dung Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

1.1.1. Những công trình nghiên cứu có đề cập sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế trong thời gian từ 1949 đến 1956.

1.1.1.1. Những công trình lịch sử Đảng đề cập nội dung Đảng lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế

Tác phẩm “*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1 (1930-1954), Quyển 2 (1945 - 1954)*” [185] do Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn, đã phản ánh sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, trong đó có nội dung lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế dân chủ nhân dân. Theo tác phẩm, Trung ương Đảng chủ trương tổ chức, xây dựng và phát triển kinh tế độc lập, tự chủ vững mạnh trong thời kỳ kháng chiến, coi đó, “là một trong hai nhiệm vụ chiến lược” [185, tr.535]; xây dựng kinh tế, vừa là nhiệm vụ kiến thiết chế độ mới, vừa là điều kiện bảo đảm cho kháng chiến lâu dài và thắng lợi. Công trình phản ánh xây dựng nền kinh tế phục vụ kháng chiến với những nội dung: khắc phục khó khăn sau khi giành chính quyền, chống đói, ổn định tài chính, động viên nhân dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế vùng tự do và căn cứ địa, từng bước xây dựng nền kinh tế dân chủ nhân dân, đồng thời thực hiện các chính sách kinh tế ở nông thôn như giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất... Công trình cũng phản ánh đến sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế cụ thể, và đưa ra nhận xét: “Trong phát triển kinh tế, Đảng xác định nông nghiệp là ngành cần chú trọng phát triển nhất, đồng thời về công nghiệp, coi trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp và thủ công nghiệp, xây dựng kỹ nghệ, mở mang thương nghiệp, phát triển tài chính...” [185, tr.538]. Những kết quả

khoa học của công trình rất bổ ích đề luận án tham khảo trong nghiên cứu, làm rõ sự lãnh đạo của Đảng Liên khu Việt Bắc lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế những năm 1949-1956.

Sách “*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 2 (1954-1975)* [191] do Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh biên soạn, đã dành một dung lượng đáng kể để tái hiện và phân tích về nhiệm vụ khôi phục kinh tế ở miền Bắc sau hoà bình lập lại năm 1954. Cuốn sách làm rõ những thuận lợi, khó khăn, quan điểm, chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng về khôi phục kinh tế cũng như những kết quả đạt được trong những năm 1954-1956, trong đó tập trung phản ánh về sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải... Theo cuốn sách: “Miền Bắc bắt tay vào khôi phục kinh tế trong điều kiện khó khăn vô cùng gay gắt về nhiều mặt (...) Nông nghiệp, ngành chủ yếu của nền kinh tế miền Bắc bị thiệt hại nghiêm trọng (...) Công nghiệp vốn nhỏ yếu lại bị thiệt hại nặng” [188, tr.54 -55]. Cuốn sách viết: “Do sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân, sự giúp đỡ nhiệt tình của các nước anh em, đến cuối năm 1957, miền Bắc nước ta đã căn bản hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế” [188, tr. 79].

Tác phẩm “*Đảng Cộng sản Việt Nam – 80 năm xây dựng và phát triển (1930– 2010)*” [134] do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tổ chức bản thảo và ấn hành, có nhiều bài viết đề cập về Đảng lãnh đạo kinh tế, như: *Kinh tế Việt Nam 1945-1954 chủ trương và thành tựu* (của Đặng Phong); *Quan điểm của Đảng về vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam* (của Lê Văn Yên),... đã phân tích quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế, những thành tựu về kinh tế trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, về vấn đề nông dân và giải quyết vấn đề ruộng đất... Các tác giả cho rằng, trong kháng chiến chống thực dân Pháp đáng coi trọng phát triển kinh tế nông nghiệp: “với chính sách toàn dân tăng gia sản xuất, lại được sự giúp đỡ tận tình của Chính phủ, các cơ quan, các đơn vị bộ đội cho nên nông nghiệp trong suốt thời kỳ kháng chiến được đảm bảo ổn định, phát triển và đủ cung cấp cho kháng chiến” [69, tr. 261], và sau khi hoà bình lập lại, “miền Bắc bước vào thời

kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm đến kinh tế nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm điểm xuất phát” [69, tr.166].

Đề tài khoa học cấp bộ *“Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển nông nghiệp trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) vấn đề và kinh nghiệm”* [183] do Viện Lịch sử Đảng chủ trì, đã trình bày một cách hệ thống những chủ trương, quan điểm, đường lối, chính sách phát triển nông nghiệp của Đảng, Nhà nước từ 1945 đến 1954. Đề tài phân tích những điểm sáng tạo của Đảng trong việc hoạch định đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp, chính sách giảm tô, giảm tức, chính sách thuế nông nghiệp, chính sách cải cách ruộng đất, chính sách huy động lực lượng nông dân... Đường lối đó được minh chứng bằng những kết quả cụ thể, đặc biệt là những đóng góp to lớn về lương thực, thực phẩm cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong quá trình nghiên cứu về nông nghiệp trên phạm vi cả nước với nhiều vùng miền khác nhau đề tài có thống kê một số kết quả đạt được trong lĩnh vực nông nghiệp ở Liên khu Việt Bắc.

Đào Trọng Cảnh trong luận án phó tiến sĩ lịch sử: *“Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc xây dựng các vùng tự do lớn trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954”* [49], bảo vệ thành công tại Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã phản ánh sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và phát huy vai trò của các vùng tự do, căn cứ địa trong kháng chiến chống Pháp, trong đó, có đề cập đến nội dung Đảng lãnh đạo xây dựng kinh tế trong các căn cứ địa; vấn đề phát huy vai trò của hậu phương trong xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

Luận án tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của Lý Việt Quang *“Đảng lãnh đạo thực hiện chính sách ruộng đất ở Bắc Bộ từ năm 1945 đến năm 1957”* [154], bảo vệ thành công tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, cho rằng: từ năm 1945 đến 1957, Đảng giữ vai trò lãnh đạo quyết định trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách ruộng đất ở Bắc Bộ nhằm giải quyết vấn đề kinh tế nông nghiệp và củng cố chính quyền cách mạng. Đảng từng bước đề ra các chủ trương như giảm tô, giảm tức, tiến tới cải cách ruộng đất với mục tiêu thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”,

giải phóng sức sản xuất ở nông thôn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quan hệ sở hữu ruộng đất phong kiến cơ bản bị xóa bỏ, đời sống kinh tế nông dân được cải thiện và nguồn lực cho kháng chiến được tăng cường. Đồng thời, Đảng cũng kịp thời lãnh đạo sửa sai sau cải cách ruộng đất, góp phần ổn định kinh tế – xã hội nông thôn Bắc Bộ. Tác giả luận án viết: "Thực tiễn cách mạng cho thấy, chủ trương cải cách dần dần chế độ ruộng đất của Đảng là chính xác, đáp ứng được nguyện vọng của nông dân... có tác dụng tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc" [154, tr.185].

Luận án tiến sĩ, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của Lê Đức Thuận "*Đảng lãnh đạo kháng chiến về kinh tế trong chống thực dân pháp từ năm 1946 đến 1954*" [164] bảo vệ thành công tại Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, đã phản ánh có hệ thống quá trình Đảng hoạch định chủ trương và chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp trên mặt trận kinh tế. Luận án đã phân tích những thuận lợi, khó khăn cùng yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng nền kinh tế kháng chiến trong điều kiện đất nước nghèo nàn, lạc hậu và bị thực dân Pháp bao vây, phá hoại. Tác giả luận án nhận định rằng: "Chủ trương KCVKT của Đảng được hoạch định từ khá sớm, ngay từ những ngày đầu kháng chiến và luôn có sự bổ sung, phát triển để phù hợp với tình hình thực tiễn" [164, tr.168] (KCVKT- kháng chiến về kinh tế). Luận án phân tích những chuyển biến trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp quốc phòng, tài chính, tiền tệ, thương mại và giao thông vận tải. Những kết quả đạt được đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nhu cầu vật chất cho quân đội và làm thất bại một bước chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của thực dân Pháp. Bên cạnh thành tựu, công trình cũng chỉ ra những hạn chế trong thực hiện chính sách ruộng đất, quản lý tài chính, huy động nhân lực, vật lực ... Trên cơ sở đánh giá thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, luận án rút ra các kinh nghiệm về phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, bám sát thực tiễn, dựa vào nhân dân và tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế. Qua đó, công trình khẳng định sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận kinh tế là một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tác giả Đinh Trần Dương với bài viết *Chủ trương của Đảng về xây dựng nền kinh tế kháng chiến 1947-1954* [55]; tác giả Phạm Văn Vĩnh với bài viết *Đảng lãnh đạo xây dựng kinh tế (1946-1954)* [196], đã phân tích chủ trương của Đảng về xây dựng kinh tế trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đặc biệt là yêu cầu xây dựng nền kinh tế tự lực, tự cường, phục vụ kháng chiến lâu dài. Các tác giả tập trung phân tích sự hình thành và phát triển đường lối kinh tế kháng chiến của Đảng trên các lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính và bảo đảm đời sống nhân dân. Đồng thời, các công trình cũng chỉ ra những kết quả quan trọng của quá trình tổ chức thực hiện chủ trương kinh tế, góp phần củng cố hậu phương, bảo đảm nguồn lực vật chất cho tiền tuyến và tạo cơ sở để đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.

1.1.1.2. Những công trình lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam, lịch sử Việt Nam cận hiện đại, lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam... có đề cập đến Đảng lãnh đạo kinh tế

Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị trong tác phẩm *“Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp: thắng lợi và bài học”* [19], đã tổng kết nội dung về xây dựng và phát triển “nền kinh tế dân chủ nhân dân”, khẳng định: “Xây dựng, phát triển nền kinh tế dân chủ nhân dân, kinh tế kháng chiến là một nội dung cốt lõi của công cuộc xây dựng chế độ mới” và trong nền kinh tế kháng chiến “Ưu tiên hàng đầu là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho bộ đội và nhân dân. Mặt trận nông nghiệp ngay từ đầu đã được gắn liền với việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng” [19, tr.341, 343]. Công trình cho rằng trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đi đôi với phát triển sản xuất, “quan hệ sản xuất phong kiến, thực dân ở vùng tự do bị xóa bỏ; cơ sở kinh tế dân chủ nhân dân, về tổ chức, chính sách từng bước được hình thành” [19, tr.345]. Công trình cũng chỉ ra những “sai lầm” trong “đấu tranh kinh tế với địch” cùng với sự phá hoại của địch đã làm ảnh hưởng tới đời sống của bộ đội và nhân dân.

Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị trong công trình *“Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: thắng lợi và bài học”* [18]

đã đề cập đến nhiệm vụ khôi phục kinh tế ở miền Bắc sau tháng 7 năm 1954 nhằm củng cố miền Bắc vững mạnh chuẩn bị cho công cuộc xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội đồng thời chi viện sức người, sức của cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, thống nhất đất nước ở miền Nam.

Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị trong công trình *“Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975: thắng lợi và bài học”* [20], đã phản ánh toàn diện quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng trong suốt 30 năm; tập trung phân tích đường lối kháng chiến, nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo chiến lược và quá trình huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. Trong công trình, Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh đã chỉ rõ: vấn đề lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ quân sự, chính trị và bảo đảm hậu cần cho kháng chiến.

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam với tác phẩm: *‘Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945-1975)’* [186], đã tập trung nghiên cứu quá trình xây dựng, bảo vệ và phát huy sức mạnh hậu phương trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Trong *Phần thứ nhất: Xây dựng, bảo vệ và phát huy sức mạnh hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, công trình dành một nội dung quan trọng phân tích việc xây dựng hậu phương về kinh tế trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp và tài chính. Qua đó, tác phẩm làm rõ quá trình tổ chức, khôi phục và phát triển sản xuất, bảo đảm lưu thông hàng hóa, huy động các nguồn lực vật chất và duy trì đời sống nhân dân trong điều kiện chiến tranh. Tác phẩm khẳng định: "nền kinh tế lúc mới kháng chiến rất yếu kém, tưởng chừng không có cách gì đáp ứng được yêu cầu đánh lâu dài, cho đến khi thắng lợi đã bước lên từng bước, bảo đảm cho toàn dân chiến thắng kẻ thù" [186, tr.291]. Trong *Phần thứ hai: Xây dựng, bảo vệ và phát huy sức mạnh hậu phương trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, công trình đề cập đến việc khôi phục kinh tế, ổn định đời sống và củng cố hậu phương miền Bắc trong những năm đầu hòa bình 1954–1956. Những nội dung trên cho thấy việc xây dựng hậu phương về kinh tế không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt của nhân dân mà còn tạo

lập cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn lực phục vụ kháng chiến. Trên cơ sở đó, công trình khẳng định hậu phương giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là nơi cung cấp sức người, sức của, bảo đảm hậu cần và tạo nên sức mạnh bền vững cho tiền tuyến. Sự vững mạnh của hậu phương về kinh tế là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với khả năng duy trì và giành thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam trong một số công trình, như: “*Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 -1975)*”, *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam, tập IV (từ 1945 đến năm 1975)* [188]; *Chiến thắng Điện Biên Phủ cột mốc vàng lịch sử* [133]; *Chiến thắng Điện Biên Phủ sức mạnh Việt Nam và tầm vóc thời đại* [135],... đã đề cập, phân tích mối quan hệ giữa chiến tranh và phát triển kinh tế, tầm quan trọng của nhiệm vụ kinh tế trong xây dựng hậu phương quân đội, hậu phương trong chiến tranh nhân dân Việt Nam, luận giải về tầm quan trọng của nhân tố kinh tế đối với các thắng lợi lớn lao của sự nghiệp kháng chiến do nhân dân ta tiến hành.

Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam với các công trình: *Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1950* [193]; *Lịch sử Việt Nam từ năm 1951 đến 1954* [194]; *Lịch sử Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1965* [195], đã phản ánh tình hình kinh tế Việt Nam từ những ngày đầu độc lập, nạn đói đe dọa, sản xuất đình đốn, tài chính kiệt quệ cùng những giải pháp của Đảng và Chính phủ để diệt “giặc đói” đến chính sách kinh tế mới đã góp phần đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Sau khi được giải phóng, miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục, cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa.

Ngô Đăng Tri với luận án phó tiến sĩ lịch sử, “*Vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)*” [166], bảo vệ thành công tại Trường Đại học Tổng hợp; Lê Văn Đạt với luận án tiến sĩ ngành Lịch sử cận đại và hiện đại “*Vùng tự do Liên khu V trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 -1954*” [80], bảo vệ thành công tại trường Đại học sư phạm Hà Nội, đều đã đề cập đến quan điểm, chủ trương của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lĩnh vực kinh tế, đặt nhiệm vụ kinh tế trong mối quan hệ với xây

dựng hậu phương, cách mạng ruộng đất, mặt trận quân sự... Các tác giả Phạm Văn Vĩnh, Lê Đức Thuận với công trình: *"Phát triển kinh tế, xây dựng quốc phòng trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)"*, đã phân tích quan điểm, chủ trương của Đảng trong phát triển kinh tế, vai trò của phát triển kinh tế đối với nhiệm vụ xây dựng quốc phòng - một mặt trận quan trọng trong kháng chiến chống Pháp.

1.1.1.3. *Những chuyên khảo tiếp cận dưới góc độ lịch sử kinh tế, kinh tế chính trị, kinh tế học... có đề cập đến Đảng lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế*

Nguyễn Ngọc Minh và các tác giả trong công trình khoa học *"Kinh tế Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến thắng lợi (1945-1954)"* [114], đã tái hiện bức tranh khá toàn diện về kinh tế Việt Nam trên các lĩnh vực nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp, giá cả, tiền tệ và tín dụng, tài chính thuế khóa... Từ đó, các tác giả đã phân tích những thắng lợi, những kinh nghiệm lớn trong xây dựng và phát triển kinh tế với điều kiện đặc biệt ở một nước có chiến tranh và đưa ra kết luận: "Trong thời đại ngày nay, một nước dù nhỏ yếu, nông nghiệp lạc hậu, bị đế quốc xâm lược, khi đã đoàn kết đứng dậy, dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác Lênin ... thì hoàn toàn có khả năng vừa kháng chiến vừa xây dựng nền kinh tế dân tộc dân chủ nhân dân..." [114, tr.471]

Đào Văn Tập và các tác giả trong công trình *"45 năm kinh tế Việt Nam (1945-1990)"* [157], đã trình bày tương đối hệ thống quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của nền kinh tế Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến những năm đầu đổi mới. Đối với giai đoạn 1949–1956, công trình tập trung phản ánh quá trình tổ chức nền kinh tế trong điều kiện kháng chiến và những năm đầu sau hòa bình lập lại, khi yêu cầu bảo đảm đời sống nhân dân gắn chặt với nhiệm vụ huy động nhân lực, vật lực phục vụ chiến trường. Trên lĩnh vực nông nghiệp, các tác giả đề cập đến hoạt động khôi phục và phát triển sản xuất, thực hiện các chính sách ruộng đất, động viên nông dân gia tăng sản lượng và bảo đảm lương thực cho kháng chiến. Trong lĩnh vực công nghiệp và thủ công nghiệp, tác phẩm làm rõ việc xây dựng, duy trì các cơ sở sản xuất,

khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ và sản xuất những mặt hàng thiết yếu phục vụ quân đội và nhân dân. Công trình cũng phân tích hoạt động tài chính, tiền tệ, thương nghiệp và giao thông vận tải, qua đó phản ánh những biện pháp huy động, phân phối và lưu thông các nguồn lực kinh tế trong hoàn cảnh chiến tranh. Bên cạnh đó, các chính sách xã hội, đời sống của các tầng lớp nhân dân cũng được xem xét trong mối quan hệ với những biến đổi của nền kinh tế. Tác giả khẳng định: "Cốt lõi của chính sách kinh tế kháng chiến là tăng gia sản xuất để tự cấp, tự túc về các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và một phần quan trọng các sản phẩm công nghiệp đặc biệt là công nghiệp quốc phòng" [157, tr.10].

Đặng Phong với công trình "*Lịch sử kinh tế Việt Nam (1945-2000), Tập I (1945-1954)* [137]; *Lịch sử kinh tế Việt Nam (1945-2000), Tập II (1954-1975)* [138], đã tái hiện tương đối toàn diện nền kinh tế Việt Nam trong 30 năm kháng chiến; trong đó, có phân tích tình hình, quan điểm chủ trương chỉ đạo phát triển kinh tế của Đảng; quá trình tổ chức thực hiện cũng như kết quả đạt được trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, tài chính... (trong kháng chiến chống thực dân Pháp); những hoạt động khôi phục các ngành kinh tế ở miền Bắc (những năm đầu sau hòa bình lập lại) với những tư liệu, số liệu phân tích, thống kê trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, tài chính, tiền tệ, thương nghiệp.... Công trình cho thấy vai trò lãnh đạo của Đảng, thông qua những chủ trương, những chính sách kinh tế và sự tổ chức điều hành cùng nỗ lực của nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định nhất trong thành công của nhiệm vụ triển kinh tế.

Bộ Tài chính với công trình "*60 năm tài chính Việt Nam*" [41], đã tái hiện quá trình hoạt động của ngành tài chính đầy khó khăn, gian khổ nhưng cũng đầy tự hào. Qua đó khắc họa rõ nét vai trò lãnh đạo của Đảng, những đóng góp của ngành tài chính đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng nước nhà. Trong Phần thứ nhất: *Tài chính thời kỳ đầu Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, đã làm rõ trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, ngành tài chính có nhiều nỗ lực, cố gắng để

cân bằng thu - chi tiến tới thu vượt chi, thông qua động viên nhân dân đóng góp tự nguyện, thông qua chính sách thuế, phát hành công trái, phát hành giấy bạc Việt Nam và tăng cường đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp... Công trình khẳng định: "Nền tài chính nước nhà được xây dựng từ cơ sở ban đầu hầu như là chưa có gì, đã từng bước tiến lên ngày càng vững chắc và mạnh mẽ, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cung cấp cho các nhu cầu chi tiêu to lớn và cấp bách của công cuộc kháng chiến" [41, tr.65]. Nhiệm vụ củng cố nền tài chính quốc gia trong những năm đầu hòa bình được phân tích làm rõ trong Chương 4, đề cập về nền tài chính trong giai đoạn chuyển tiếp từ chiến tranh sang hòa bình và khôi phục kinh tế 1954-1957.

Nguyễn Văn Bích trong công trình: *"Nông nghiệp nông thôn Việt Nam sau 20 năm đổi mới quá khứ và hiện tại"* [23], đã khái quát tình hình nông nghiệp, nông thôn Việt Nam từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đến giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1975); tác giả đi sâu phân tích, luận giải các quan điểm, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng nhằm phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng. Tác giả nhấn mạnh trong giai đoạn 1945-1975, vai trò của nông nghiệp đối với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược là vô cùng to lớn.

Phạm Minh Chính và Vương Quân Hoàng, qua tác phẩm *"Kinh tế Việt Nam, thăng trầm và đột phá"* [52], đã phản ánh những diễn biến của lịch sử kinh tế Việt Nam từ khi Pháp xâm lược cho đến năm 2000; phân tích về vấn đề độc lập tiền tệ trong giai đoạn 1945-1954 là một trong những chủ trương, chính sách đúng đắn về kinh tế của Đảng và Chính phủ.

1.1.1.4. Những công trình nghiên cứu nước ngoài đề cập đến Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng và phát triển kinh tế trong thời gian 1949-1956

Bên cạnh những công trình nghiên cứu trong nước, một số nghiên cứu của tác giả nước ngoài cũng đề cập đến sự lãnh đạo của Đảng và đời sống kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 1949-1956.

Lucien Bodard trong tác phẩm *Cuộc chiến tranh Đông Dương* [24], đã tái hiện cuộc chiến tranh do Pháp tiến hành tại Đông Dương trong giai đoạn

1945-1954 trên nhiều phương diện, đề cập tương đối rõ cuộc đối đầu về kinh tế giữa hai bên, trong đó vấn đề lương thực, đặc biệt là lúa gạo, giữ vị trí nổi bật. Theo Bodard, Việt Minh đã huy động rộng rãi các lực lượng quân sự, chính trị và tổ chức quần chúng để khai thác tối đa nguồn lương thực phục vụ kháng chiến. Việc huy động được thực hiện thông qua nhiều hình thức như thuế, vay và đóng góp, đồng thời gắn với công tác vận động nhằm tạo sự đồng thuận và tinh thần tự giác trong nhân dân. Về phía Pháp, kiểm soát nguồn lúa gạo được xem là một biện pháp quan trọng để cô lập và làm suy giảm tiềm lực của lực lượng kháng chiến: “phương pháp duy nhất để thắng người Việt là qua lúa gạo, qua cuộc chiến tranh lúa gạo” [24, tr.640]. Vì vậy, quân Pháp đẩy mạnh chiếm đóng vùng đồng bằng, xây dựng hệ thống đồn bốt và siết chặt việc sản xuất, vận chuyển, phân phối lương thực. Tuy nhiên, những biện pháp đó không thể triệt tiêu khả năng huy động nguồn lực của Việt Minh và cuối cùng không đem lại kết quả như phía Pháp mong muốn.

Yvor Gra trong tác phẩm *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954)* [83], đã đề cập đến tình hình kinh tế Việt Nam trong chiến tranh, nhất là khả năng huy động nhân lực, vật lực và tài lực của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tác giả phản ánh việc Việt Minh tổ chức sản xuất, bảo đảm lương thực, xây dựng hậu phương, huy động dân công, vận chuyển và cung cấp hậu cần cho các chiến dịch trong những điều kiện khó khăn, thiếu thốn nhất là trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, tác giả cho rằng: "Đó là những kỳ tích thực sự mà nguồn nhân công vô tận do cuộc tổng động viên cung cấp đã làm nên" [83, tr.951].

Phrăng-xoa Gioay-ô trong tác phẩm “*Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (Gionevor-1954)*” [82], khi phản ánh về vai trò và sự tác động của Trung Quốc đối với tiến trình giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, đã đề cập đến quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Theo tác giả, hoạt động ngoại thương chủ yếu được thực hiện theo phương thức “trao đổi hàng”, phù hợp với điều kiện chiến tranh, sự thiếu hụt tiền tệ và những khó

khẩn trong lưu thông hàng hóa. Tác giả nhấn mạnh: "Cũng trong năm 1952, ngày 7 tháng 4, Trung Quốc và Việt Minh ký "Hiệp định trao đổi hàng", theo đó, chính phủ Bắc Kinh cam kết cung cấp cho Việt Nam dân chủ cộng hòa máy công cụ, dược phẩm, v.v... và cả thiết bị quân sự, tất cả đồ gỗ và sản phẩm nông nghiệp" [82, tr.98-99]

H.Nava với tác phẩm *“Thời điểm của những sự thật”* [125], cho rằng: Việt Minh tiến hành chiến tranh trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa chính trị, quân sự, ngoại giao, tư tưởng và kinh tế dưới sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương; khả năng tổ chức, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng giúp Việt Minh duy trì chiến tranh lâu dài và từng bước giành ưu thế trước quân đội Pháp.

Nhìn chung, các nghiên cứu nước ngoài về tình hình kinh tế của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và trong những năm đầu xây dựng miền Bắc hầu như không đề cập đến sự lãnh đạo của Đảng, nhưng đều có chung một nhận định việc có được “khả năng kinh tế” là một trong những nguyên nhân thắng lợi của Việt Nam trong chiến tranh.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu đề cập sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về nhiệm vụ kinh tế trong thời gian từ năm 1949 đến năm 1956

1.1.2.1. Những công trình nghiên cứu phong trào kháng chiến, về công tác xây dựng Đảng trên địa bàn Việt Bắc có đề cập đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về kinh tế

Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam trong hai tác phẩm: *Việt Bắc 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 -1975), tập 1* [189] và *Việt Bắc 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 -1975), tập 2* [190], đã tái hiện quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng, củng cố, bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc trên nhiều phương diện, trong đó có nhiệm vụ xây dựng kinh tế cung cấp tài lực cho cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp cũng được đề cập đến. Tác phẩm khẳng định: "Đi đôi với việc củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, Liên khu đặc biệt chú trọng chỉ đạo công tác kinh tế - tài chính, coi đó là một nhiệm vụ hàng đầu để xây dựng hậu phương căn cứ địa kháng chiến" [189, tr.313].

Bộ Tư lệnh quân khu I trong công trình: *Tổng kết chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chiến lược quân sự của Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, tập 3 [46], đã khái quát quá trình thực hiện nhiệm vụ hậu cần ở Liên khu Việt Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng bộ Liên khu. Theo cuốn sách, mặc dù tình hình kinh tế ở Liên khu Việt Bắc gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn và liên tục bị thực dân Pháp bao vây phá hoại nhưng nhân dân Việt Bắc vẫn không ngừng tăng gia sản xuất để phục vụ nhu cầu; đồng thời, đóng góp, tiếp tế lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội, dân quân du kích địa phương, tham gia sản xuất thuốc men, cứu chữa thương binh, sản xuất vũ khí, tổ chức phục vụ các chiến dịch như: Chiến dịch đường số 3, Chiến dịch Đông Bắc, Chiến dịch Sông Thao... Trong Đông - Xuân 1953-1954, đồng bào Việt Bắc đã phấn khởi, nỗ lực đóng góp cao nhất nhân tài, vật lực cho tiền tuyến với khẩu hiệu "*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng*". Công tác tiếp tế cung cấp phục vụ được thực hiện trên cơ sở điều kiện cụ thể của địa phương.

Tác giả Hoàng Ngọc La trong luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam: *Quá trình hình thành và phát triển của căn cứ địa Việt Bắc (Trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám - 1945)* [86], đã phân tích đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội... của Việt Bắc, qua đó, cho thấy những thuận lợi, khó khăn trong xây dựng, phát triển kinh tế ở Việt Bắc.

Phan Thị Thoa trong luận án tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại: *Hoạt động tài chính ở Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1945-1954)* [161], đã nhấn mạnh hoạt động tài chính là huyết mạch của mọi nền kinh tế; dựng lại bức tranh khá sinh động về hoạt động tài chính ở Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Theo tác giả, trong bối cảnh phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, bộ máy tài chính ở Liên khu Việt Bắc dần hình thành và được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống, hoạt động thu - chi được cân bằng; "bảo đảm được những yêu cầu cơ bản về nguồn lực tài chính, cung cấp cho kháng chiến và một phần để phát triển chế độ dân chủ nhân dân"

[161, tr.176]. Tác giả cho rằng, chính quan điểm, sự chỉ đạo đúng đắn của Trung ương được Đảng bộ Liên khu chấp hành và lãnh đạo thực hiện đã khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng về sức người, sức của ở Liên khu Việt Bắc, góp phần không nhỏ cùng quân dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên với ấn phẩm *Hồ Chí Minh với việc xây dựng ATK Định Hoá trong căn cứ địa Việt Bắc (1947-1954)* [22], tác giả Nguyễn Xuân Minh, trong luận án phó tiến sĩ lịch sử, chuyên ngành Lịch sử cận đại, hiện đại *An toàn khu (ATK) Trung ương ở Việt Bắc (trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* [124]; các tác giả Trần Trọng Thơ, Lê Xuân An, trong công trình *Xây dựng căn cứ địa Việt Bắc theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh (1946 - 1954)* [163], đã phân tích chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn, chuẩn bị và tiến hành xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa vững chắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; quá trình xây dựng và bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc, “An toàn khu Trung ương” ở Việt Bắc trên các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực kinh tế.

Dương Đình Thông với bài viết: *Quân và dân Việt Bắc với chiến dịch Điện Biên Phủ - Bài học về phát huy vai trò của căn cứ địa cách mạng trong bảo vệ tổ quốc* [162], đã phân tích những đóng góp của Liên khu Việt Bắc đối với thắng lợi lịch sử Điện Biên Phủ, trong đó, đề cập đến một số hoạt động kinh tế, như: tập trung sức mạnh chiến đấu bảo vệ các con đường giao thông huyết mạch, huy động nhân tài, vật lực cho chiến dịch Điện Biên Phủ,...

Đỗ Khánh Chi trong luận án tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: *Quá trình thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng ở tỉnh Phú Thọ từ năm 1953 đến năm 1957* [50] đã phân tích quan điểm chủ trương về cách mạng ruộng đất của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực tiễn tiến hành chính sách ruộng đất tại tỉnh Phú Thọ những năm 1953-1957, đánh giá những thành công và hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện chính sách ruộng đất trên nhiều khía cạnh, trong đó có khía cạnh kinh tế.

Nguyễn Duy Tiến trong luận án tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Lịch sử Việt Nam: *Quá trình giải quyết vấn đề ruộng đất ở Thái Nguyên từ sau Cách mạng Tháng Tám tới hết cải cách ruộng đất* [158], đã luận giải và phân tích quan điểm chủ trương về cách mạng ruộng đất của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực tiễn tiến hành chính sách ruộng đất tại tỉnh Thái Nguyên, chỉ ra những thành công và hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện chính sách ruộng đất trên khía cạnh, kinh tế...

Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai, trong tác phẩm *Lào Cai - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945–1954)* [79], Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Kạn trong công trình: *Bắc Kạn - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* [78], trong khi phản ánh, phân tích về vai trò chiến lược của địa bàn Việt Bắc đã đề cập đến các hoạt động kinh tế, các phong trào tăng gia sản xuất, bảo đảm hậu cần tại chỗ, xây dựng nền kinh tế tự lực, tự cường phục vụ kháng chiến ở hai tỉnh Lào Cai, Bắc Kạn; thể hiện những nỗ lực của quân và dân hai địa phương trong sản xuất, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Nguyễn Thị Lan trong luận án tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *Đảng bộ Liên khu Việt Bắc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng (1949-1956)* [87]; tác giả Vũ Thái Dũng luận án tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *Công tác dân vận của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc từ tháng 10 năm 1949 đến tháng 7 năm 1954* [54], đã đề cập đến điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của Liên khu Việt Bắc; đề cập đến sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với các lĩnh vực kháng chiến, trong đó có lĩnh vực xây dựng kinh tế.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về phong trào kháng chiến, về công tác xây dựng Đảng trên địa bàn Việt Bắc đã đề cập đến chủ trương của Đảng; phân tích những điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội chứa đựng cả thuận lợi và khó khăn đối với hoạt động kinh tế; đề cập một số hoạt động lãnh đạo

của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về kinh tế trên một số phương diện và công tác cụ thể như nông nghiệp, tài chính, chính sách ruộng đất và những kết quả đạt được giai đoạn 1949–1956.

1.1.2.2. Những công trình Lịch sử Đảng bộ địa phương trước đây thuộc Liên khu Việt Bắc đề cập đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế.

Đến nay các tỉnh thuộc địa bàn Liên khu Việt Bắc trước đây đều đã nghiên cứu, xuất bản lịch sử đảng bộ địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã...; trong đó, có đề cập đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đối với nhiệm vụ kinh tế thời gian từ năm 1949 đến năm 1956. Có thể kể đến những công trình sau:

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu, tập 1 (1945-1975) [7] do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu tổ chức nghiên cứu, biên soạn đã khái quát về điều kiện tự nhiên, con người, đặc điểm kinh tế – xã hội của tỉnh, phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lai Châu trên lĩnh vực kinh tế những năm 1949-1956. Công trình cho biết: từ sau chiến dịch Tây Bắc, một vùng đất đai rộng lớn ở Lai Châu được giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng Lai Châu, nhân dân khẩn trương khai hoang phục hóa, cải tiến canh tác, phát triển sản xuất. Chủ trương tạm chia ruộng đất vắng chủ, ruộng đất của Việt gian cho các gia đình không có ruộng, ít ruộng được triển khai, cùng với chủ trương thu thuế nông nghiệp và tạm vay góp phần khích lệ, động viên nhân dân hăng hái tham gia sản xuất. Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng Lai Châu, đời sống nhân dân từng bước ổn định và đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm cho các chiến dịch, đặc biệt là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975) [13] do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang tổ chức nghiên cứu, biên soạn đã phân tích điều kiện tự nhiên, con người, đặc điểm kinh tế – xã hội của tỉnh; phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đối với nhiệm vụ xây dựng kinh tế ở tỉnh Tuyên Quang trong kháng chiến chống thực dân Pháp; cũng như đối với nhiệm

vụ khôi phục kinh tế ở địa phương trong những năm đầu cùng cả nước tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975); trong đó, nổi bật nhất là nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2020) [5] do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tổ chức nghiên cứu, biên soạn, đã khái quát điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế – xã hội của tỉnh, phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đối với nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956. Theo cuốn sách, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ đã lãnh đạo huy động và phát huy cao độ các nguồn lực tại chỗ, tích cực đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung; bước sang thời kỳ khôi phục và cải tạo kinh tế sau chiến tranh, Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định đời sống, từng bước củng cố hậu phương vững chắc, đồng thời tăng cường chi viện sức người, sức của cho miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Giang (1945-2020) [6] do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang tổ chức nghiên cứu, biên soạn, đã phản ánh về điều kiện tự nhiên, con người, đặc điểm kinh tế – xã hội của tỉnh, phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong xây dựng Hà Giang thành hậu phương của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực kinh tế; đã phân tích những thuận lợi và khó khăn của tỉnh Hà Giang sau hòa bình lập lại nhất là về kinh tế như: đời sống kinh tế chủ yếu mang tính tiểu nông, quy mô nhỏ lẻ, phân tán; công nghiệp hầu như chưa hình thành, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm; sản xuất nông nghiệp lạc hậu, năng suất lao động thấp... trên cơ sở đó, phản ánh sự lãnh đạo Đảng bộ tỉnh Hà Giang trong khôi phục phát triển kinh tế .

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập 1 (1936-1965) [12] do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức nghiên cứu, biên soạn, đã khái quát điều kiện tự nhiên, con người, đặc điểm kinh tế – xã hội của tỉnh; khắc họa vai

trò của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quê hương, bảo vệ an toàn khu Trung ương, tăng cường công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng hậu phương về kinh tế, chi viện cho tiền tuyến trong những năm 1949-1954; đã tái hiện lại quá trình khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế ở Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong những năm 1954-1956.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926-2025) [4] do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh tổ chức nghiên cứu, biên soạn, đã khái quát điều kiện tự nhiên, con người, đặc điểm kinh tế – xã hội của tỉnh, tái hiện quá trình Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế, bảo đảm hậu cần cho tiền tuyến trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuốn sách đã phân tích các chủ trương của Đảng bộ như chú trọng phát triển nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng kinh tế tự cấp, tự túc được triển khai sâu rộng... đã góp phần ổn định đời sống nhân dân và phục vụ kháng chiến trong những năm 1949-1954; khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo quan hệ sản xuất... đã từng bước đưa nền kinh tế địa phương phát triển trong những năm 1954-1956.

Ngoài ra, các công trình lịch sử Đảng bộ địa phương như: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sơn La, tập 1* [11]; *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Thọ* [10]; *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái* [15]; *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn* [3]; *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Giang* [1]; *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn* [8]; *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc* [14]... đều phản ánh những thông tin về điều kiện tự nhiên, con người, đặc điểm kinh tế – xã hội các tỉnh, phân tích vai trò lãnh đạo của các Đảng bộ đối với duy trì và phát triển sản xuất trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp; khôi phục kinh tế, ổn định đời sống và từng bước xây dựng cơ sở vật chất sau khi hòa bình lập lại. Các tác phẩm cho thấy, các Đảng bộ đã đề ra nhiều chủ trương phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp được triển khai phù hợp với điều kiện từng địa phương; chỉ đạo xây dựng và phát

huy vai trò của chính quyền và các đoàn thể quần chúng tạo nền tảng cho phát triển kinh tế. Các công trình đã cung cấp nhiều thông tin về đời sống kinh tế - xã hội các tỉnh trong những năm 1949-1956.

1.2. KẾT QUẢ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan và giá trị đối với luận án

Về mặt nội dung:

Qua các công trình đã tổng quan cho thấy, đến nay, đã có nhiều công trình của các tác giả trong nước và một số công trình của tác giả nước ngoài, trực tiếp hoặc gián tiếp, dưới những góc độ, phạm vi, cách tiếp cận nghiên cứu, đã phản ánh, đề cập nhiều nội dung có liên quan đến nội dung Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

- Đã phản ánh khá toàn diện bối cảnh lịch sử, tình hình kinh tế chung của đất nước và ở miền Bắc những năm 1949 đến 1956. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng bối cảnh lịch sử và tình hình, nhiệm vụ cách mạng cả nước có tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về kinh tế.

- Đã chỉ ra những điều kiện tự nhiên, xã hội, truyền thống yêu nước, ý chí đấu tranh của nhân dân các dân tộc trong Liên khu Việt Bắc. Nhìn chung các nghiên cứu cho thấy sự tác động của các nhân tố trên đây đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về kinh tế những năm 1949 đến 1956 ở cả hai phương diện thuận lợi và khó khăn. Tuy nhiên, các nghiên cứu tập trung nhiều hơn về khía cạnh thuận lợi, ít đề cập đến những mặt bất lợi của các yếu tố trên.

- Đã phân tích một số nội dung trong đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng, phát triển kinh tế trong kháng chiến chống thực dân Pháp và những năm đầu miền Bắc được giải phóng. Các nghiên cứu đã đều cho rằng đường lối, chủ trương của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với công tác xây dựng, phát triển kinh tế ở các địa phương trong có Liên khu Việt Bắc những năm 1949 đến 1956. Một số nghiên cứu cho rằng, trong kháng chiến chống thực dân Pháp,

Việt Bắc là căn cứ địa của cả nước, nơi đứng chân của các cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến, do đó, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Việt Bắc có nhiều thuận lợi trong tiếp nhận, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, phát triển kinh tế.

- Đã đề cập một số nội dung chủ trương và một số chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc, của các Đảng bộ các tỉnh trong liên khu; kết quả đạt được trên các lĩnh vực kinh tế: nông nghiệp, tài chính, phân phối,... Những kết quả đạt được thể hiện sự vận dụng đúng đắn chủ trương của Đảng, sự chỉ đạo có tính chủ động của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc và các Đảng bộ địa phương trực thuộc.

Nhìn về tổng thể, tuy đã đề cập đến đời sống kinh tế ở Liên khu Việt Bắc, đến nội dung Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế trên những lĩnh vực cụ thể trong thời gian từ năm 1949 đến 1956, nhưng, nội dung đề cập còn thiếu tính hệ thống, tản mạn, mờ nhạt; chưa phân tích một cách toàn diện và sâu sắc chủ trương, quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế trên các lĩnh vực. Việc phân tích ưu điểm, thành tựu, hạn chế trong lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế của Đảng bộ, nguyên nhân ưu điểm, thành công, nguyên nhân ưu điểm chưa được chú trọng; nội dung kinh nghiệm chỉ dừng lại ở những kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ kinh tế ở những địa bàn cụ thể, lĩnh vực cụ thể. Do đó, có thể thấy, cho đến nay chưa có một công trình nào có nội dung nghiên cứu phản ánh một cách hệ thống, chuyên sâu, dưới góc độ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam về quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

Tuy nhiên, những kết quả đạt của các công trình được tổng quan có ý nghĩa quan trọng, nhất là cung cấp những luận cứ để nghiên cứu sinh kế thừa trong thực hiện luận án.

Về mặt phương pháp tiếp cận, nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu đã tổng quan thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau; tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau. Nhiều công trình đã sử dụng kết hợp phương pháp chuyên ngành của khoa học lịch sử là phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương

pháp phân kỳ và một số phương pháp trong nghiên cứu khoa học xã hội- nhân văn, như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, đối chiếu... qua đó, giải quyết được các yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

Do đó, cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu của những công trình tổng quan có ý nghĩa gợi mở để nghiên cứu sinh lựa chọn góc độ tiếp cận, sử dụng phương pháp nghiên cứu để thực hiện luận án.

Về mặt tư liệu

Các công trình nghiên cứu liên quan đã sử dụng nhiều nguồn tư liệu khác nhau: tư liệu văn kiện Đảng đã công bố; tư liệu là những công bố khoa học; tư liệu hồi ức, hồi ký của các nhân chứng lịch sử; tư liệu hiện đang lưu trữ tại các kho lưu trữ của Đảng và Nhà nước, các viện nghiên cứu;...

Những tài liệu được các công trình nghiên cứu sử dụng rất có ý nghĩa gợi mở đối với nghiên cứu sinh trong việc khai thác, phê phán sử liệu để thực hiện luận án. Đồng thời, những kết quả khoa học của các công trình được tổng quan cũng là những cứ liệu để nghiên cứu sinh có thể sử dụng trong xây dựng kết cấu và thể hiện nội dung luận án.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu, giải quyết

Trên cơ sở kế thừa những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở góc độ tiếp cận, phạm vi, đối tượng nghiên cứu đã nêu trên, luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề sau đây:

- Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến 1956.

- Những chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế trên các lĩnh vực cụ thể và kết quả đạt được, từ năm 1949 đến năm 1956.

- Đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân của những ưu điểm, khuyết điểm; đúc kết một số kinh nghiệm có thể vận dụng vào lãnh đạo phát triển kinh tế ở các địa phương khu vực miền núi phía Bắc hiện nay.

Tiểu kết Chương 1

Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án cho thấy: đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956, với nhiều hướng tiếp cận, nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau.

Về cơ bản, các công trình nghiên cứu đã trực tiếp hoặc gián tiếp đã phản ánh, phân tích, làm rõ được bối cảnh lịch sử, vai trò của kinh tế trong kháng chiến chống Pháp và trong những năm đầu sau hòa bình lập lại trên miền Bắc, chủ trương của Đảng về xây dựng kinh tế, những tiềm năng cũng như những khó khăn về phát triển kinh tế tại địa bàn Liên khu Việt Bắc. Một số công trình cũng đề cập, phản ánh một số chủ trương, một số chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đối với việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956, nêu được một số kết quả về xây dựng và phát triển kinh tế trên địa bàn Liên khu Việt Bắc...

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài có thể khẳng định chưa có một công trình độc lập, nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu về Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

Kết quả các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan đến đề tài luận án đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học, gợi mở cho nghiên cứu sinh về lựa chọn hướng tiếp cận, sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực hiện luận án. Đây cũng là nguồn tài liệu quý báu giúp nghiên cứu sinh kế thừa, sử dụng chọn lọc trong quá trình thực hiện luận án Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

Từ tổng quan những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh đã xác định rõ nhiệm vụ tập trung nghiên cứu trong luận án.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ TỪ THÁNG 11 NĂM 1949

ĐẾN THÁNG 7 NĂM 1954

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ

2.1.1. Những yếu tố tác động

2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của Liên khu Việt Bắc

Về vị trí địa lý, Liên khu Việt Bắc "phía Đông Nam giáp đường số 5, phía Tây Nam theo dọc sông Hồng Hà từ Gia Lâm đến Trung Hà (Sơn Tây) thẳng theo địa giới tỉnh Sơn La tới giáp biên giới Bắc Lào và phía Bắc là cả miền biên thùy Hoa - Việt từ Móng Cáy tới Lai Châu" [73, tr.637]. Liên khu Việt Bắc chiếm 2/3 đất đai Bắc Bộ với diện tích là 102.700 km² [73, tr.145].

Địa hình Việt Bắc cao về phía Bắc thấp dần về phía Nam và Tây Nam, chia làm hai vùng thượng du và trung du một cách rõ rệt. Địa hình nơi đây chủ yếu là rừng núi hiểm trở (95% diện tích ở Liên khu là đồi núi [73, tr.151]), với "những dãy núi lớn chạy từ Tây Bắc sang Đông Bắc xuống trung du, gồm những vùng núi đất, rừng già xen với những dãy núi đá vôi" [46, tr.7]. Địa hình Việt Bắc rất đa dạng xen kẽ giữa đồi, núi là khe sâu, thung lũng, lòng chảo với diện tích rộng hẹp khác nhau vừa có tác dụng che giấu, bảo vệ lực lượng vừa thuận lợi cho sản xuất và đời sống. Do tác động của những dòng suối lộ thiên, suối ngầm và xâm thực của nước mưa đã tạo nên những hang động lớn ở những khu vực có núi đá vôi. Các hang động, mái đá ngườm ở Bắc Sơn, Bình Gia thuộc tỉnh Lạng Sơn, hang Kéo Quảng ở Nguyên Bình, hang Pắc Bó ở Cao Bằng,... là những hang động kín đáo để đồng bào cất giấu lương thực, gia súc và ẩn náu an toàn.

Việt Bắc có nhiều sông suối, ao hồ như: sông Bằng Giang, sông Bắc Vọng (Cao Bằng); sông Gâm (Hà Giang); sông Lô (Tuyên Quang); sông Cầu (Bắc Thái); sông Hồng (Phú Thọ)... Hệ thống sông, suối không chỉ cung cấp nước, thủy sản mà còn có vai trò giao thông quan trọng. Người dân dùng

thuyền, bè vận chuyển nông sản, lâm sản từ miền núi về xuôi. Tuy nhiên, do sông hẹp, dốc nên mùa mưa thường lũ lớn, nước chảy xiết nguy hiểm; mùa khô nước cạn, gây khó khăn cho đi lại và sản xuất.

Việt Bắc nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa nóng - lạnh rõ rệt, ít chịu ảnh hưởng của bão và gió nóng. Mùa Đông nhiệt độ thấp, vùng núi cao có băng giá; độ ẩm cao, thường có mưa phùn, sương mù ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất. Khí hậu và địa hình núi cao tạo điều kiện cho nhiều loại thảo mộc nhiệt đới, cận ôn đới phát triển.

Việt Bắc có tài nguyên đa dạng với rừng già có nhiều gỗ quý, dược liệu và động vật quý hiếm. Khoáng sản gồm than, mangan, boxit, lưu huỳnh, vàng, bạc... Đất đai màu mỡ như đất phù sa, đất đỏ vàng, đất đỏ nâu, đất xám bạc màu thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp như trồng lương thực, hoa màu và các cây công nghiệp. Trong kháng chiến, đồng bào đã tận dụng điều kiện tự nhiên, cần cù lao động, vừa tự cung tự cấp vừa nuôi dưỡng, che chở cán bộ.

Địa hình nhiều rừng núi, khe sâu khiến giao thông ở Việt Bắc thưa thớt. Có một số tuyến đường chính như đường số 4 (300 km) dọc biên giới Việt - Trung, đường số 3 (286 km) từ Cao Bằng đến Hà Nội, đường số 1 (170 km) từ Mộc Nam Quan qua ba tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh đến Hà Nội. Ngoài ra còn có một số đường liên tỉnh dù xe cơ giới có thể đi lại, nhưng do đường hẹp, dốc, nhiều khúc cua, đèo cao như đèo Giàng, đèo Gió, đèo Bông Lau... nên việc di chuyển khá nguy hiểm.

Liên khu Việt Bắc khi thành lập có dân số "3 triệu 133 ngàn người" với hơn 30 dân tộc [73, tr.149], trong đó dân tộc Kinh sống tập trung ở trung du, các thị xã, thị trấn và chiếm đa số; dân tộc Tày chủ yếu sống ở vùng núi thấp; dân tộc Nùng sống ở vùng biên giới Việt - Trung. Còn các dân tộc khác như Cao Lan, Sán Chỉ, Dao... sống ở các triền núi cao hoặc xen kẽ với các dân tộc khác. Mỗi dân tộc có phong tục, tập quán và phương thức sản xuất riêng. Ở vùng rừng núi, mật độ dân số thấp "Trung bình 300 thước vuông mới có một người ở" [73, tr.149], đồng bào dân tộc ít người chủ yếu sinh sống theo phương thức tự cung, tự cấp, cách sản xuất còn rất thô sơ, kinh tế nghèo nàn, lương thực

nhiều vùng không đủ ăn. Ở trung du và đồng bằng, mật độ dân số đông hơn có điều kiện để phát triển sản xuất nông nghiệp nên lương thực, thực phẩm được sản xuất ra nhiều hơn, cũng là khu vực cung cấp chủ yếu nhân lực, vật lực cho kháng chiến.

Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có tác động trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển kinh tế ở Liên khu Việt Bắc. Là khu vực nhiều rừng núi, hang động, sông, suối đã mang lại cho Việt Bắc nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện để phát triển sản xuất. Bên cạnh thuận lợi, Việt Bắc có những khó khăn như địa bàn rộng, nhiều vùng dân cư thưa thớt, giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, thực dân Pháp tập trung đánh phá,... ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, sản xuất, xây dựng kinh tế.

2.1.1.2. Tình hình kinh tế ở Việt Bắc trước khi thành lập Liên khu

Sau Cách mạng Tháng 8 (1945) và trong những năm đầu kháng chiến, tình hình kinh tế ở Việt Bắc rất khó khăn. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và dưới sự lãnh đạo trực tiếp của nhiều tổ chức cấp ủy khác nhau: Khu ủy 1, Khu ủy 10, Khu ủy 12, Khu ủy 14 (những năm đầu kháng chiến chôn thực dân Pháp), tiếp đến là Liên Khu ủy 1, Liên khu ủy 10 và các cấp ủy trực thuộc (từ đầu năm 1948 đến tháng 10 năm 1949), đời sống kinh tế ở Việt Bắc từng bước được cải thiện và dần hình thành diện mạo đời sống kinh tế kháng chiến.

Kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong đời sống kinh tế. Thực hiện nhiệm vụ cấp bách "tăng gia sản xuất", đảm bảo nhu cầu tự cấp, tự túc và phục vụ kháng chiến, đồng bào các dân tộc Việt Bắc đã khắc phục những khó khăn, hăng hái lao động, tận dụng khai phá đất hoang để sản xuất, kinh tế dần dần được khôi phục. Năm 1948, ở Liên khu 1 diện tích cây lúa đạt 683.945 mẫu tăng hơn so với năm 1947 56.303 mẫu, năng suất tăng thêm 48.882 tấn. Diện tích trồng dâu cũng tăng từ 2.069 mẫu (năm 1947) lên 3.750 mẫu (năm 1948) [72, tr.218]. Việc cổ động nhân dân tăng gia sản xuất đáp ứng nhu cầu tự cấp, tự túc được hết sức chú ý. Đồng bào nỗ lực tăng gia sản xuất nhưng vì điều kiện thời tiết, thiếu kế hoạch, thiếu sự hướng dẫn lại bị thực dân Pháp phá hoại nên

nhiều nơi ruộng đất bị bỏ hoang, năng suất trồng trọt thấp, chăn nuôi đại gia súc không đáng kể, tiểu gia súc bị chết nhiều do không có thuốc phòng ngừa khi có dịch bệnh. Năm 1948, diện tích lúa nương tăng 34% đạt 9.000 ha nhưng sản lượng chỉ tăng khoảng 6% so với năm 1947. So với năm 1948, diện tích lúa mùa, lúa chiêm 1949-1950 ở vùng trung du ít hơn 22% (khoảng 19.300 ha) nên thu hoạch kém hơn 43% (khoảng 43.400 tấn) [29, tr.36]. Ở Liên khu 10, những đồn điền của thực dân Pháp và Việt gian bị bỏ hoang, đến đầu năm 1948 đã tiếp tục hoạt động dưới chế độ quản trị và diện tích được mở rộng ở khu vực các bãi sông. Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm như trâu, bò, gà, lợn mang lại kết quả nhất định nhất là trong các gia đình, ở miền ngược số lượng trâu bò nhiều hơn miền xuôi.

Về công nghiệp, kỹ nghệ, thời gian từ sau Cách mạng Tháng 8 (1945), đến giữa năm 1947, khu vực trung du, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, như nghề dệt, nghề sản xuất giấy... tuy vẫn duy trì nhưng thiếu nguyên liệu, dụng cụ kỹ thuật lạc hậu, năng suất thấp; ở vùng thượng du, các nghề tiểu thủ công nghiệp mới hình thành, còn kém phát triển; trong khi đó, các cơ sở kỹ nghệ và khai mỏ của tư bản Pháp (các mỏ thiếc và wolfram Tĩnh Túc, ở Pia Oắc (Cao Bằng), Các mỏ kẽm ở Chợ Điện (Bắc Kạn), các mỏ than ở Tuyên Quang ...) còn tồn tại về mặt cơ sở vật chất, nhưng phần lớn không còn hoạt động. Từ cuối năm 1947, công nghiệp và kỹ nghệ có bước phục hồi và phát triển, nhất là ở những tỉnh trung du- đồng bằng như Bắc Ninh, Phúc Yên, Bắc Giang, Phú Thọ, Vĩnh Yên... Các nghề tiểu thủ công nghiệp bắt đầu hình thành như nghề làm thuốc lá, đúc nông cụ, làm thủy tinh, nấu đường, cán bông, dệt vải... đáp ứng được phần nào nhu cầu của nhân dân. Trong những nghề trên, nghề làm giấy là phát triển nhất. Ở Liên khu 1, giấy báo tự túc được 100%, giấy đánh máy tự túc được 95%, giấy học trò tự túc được 50%. Ở Liên khu 10, năm 1949 có tất cả 45 xưởng giấy [70, tr.287].

Về thương mại, từ sau Cách mạng Tháng 8 (1945) đến cuối năm 1947, tình hình nội thương khó khăn, ngoại thương giảm sút, hoạt động thương mại chủ yếu là các hoạt động tự phát, “buôn lậu” hàng hóa từ vùng tạm bị chiếm sang bán ở vùng tự do. Từ năm 1948, thương mại bắt đầu phục hồi, các chợ hình thành

ở nhiều nơi, đặc biệt ở những vùng tự do có những chợ sầm uất như: chợ Chờ, chợ Núi, chợ Me (Bắc Ninh), Vũ Yên, Thanh Cù, Âm Thượng (Phú Thọ)... Trong vùng bị tạm chiếm, ngoài những chợ do thực dân Pháp lập ra và quản lý, xuất hiện những chợ do nhân dân tự lập ra. Các hàng hóa được trao đổi chủ yếu là từ vùng trung du- đồng bằng lên vùng thượng du; chiếm số lượng lớn là thóc, gạo, muối... .

Về tài chính, đến cuối năm 1947, hầu hết các địa phương ở Việt Bắc gặp khó khăn về tài chính, không cân đối được thu- chi, bội chi nhiều, nhất là ở các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Giang.... Việc sử dụng tiền Việt Nam được sử dụng ở Việt Bắc từ cuối năm 1946 nhưng đến cuối năm 1947, một số nơi vẫn tiêu dùng tiền Đông Dương một cách len lút; bên cạnh đó, thực dân Pháp tung đồng bạc giả nhằm phá hoại kinh tế, ở một số tỉnh biên giới như Hà Giang, Lào Cai đồng bạc giả của Pháp được ưa chuộng hơn giấy bạc Việt Nam. Việc thu thuế ở các khu vực tạm bị chiếm hầu như không thu được.. Từ năm 1948, công tác thu thuế, gồm các loại thuế như: điền thổ, môn bài, sát sinh, trước bạ... được tiến hành thuận lợi hơn. Ở Liên khu 10, tình hình thu thuế ở hai tỉnh Vĩnh Yên, Phú Thọ tương đối tốt. Ở Liên khu 1, trong năm 1948 đã thu được gần 30 triệu đồng tiền thuế [72, tr.69]. Sự tiến triển trong công tác thuế, cùng với việc đồng tiền Việt Nam được sử dụng triệt để trong lưu thông, đã giúp cho tình hình tài chính được cải thiện.

Về giao thông, vận tải, sau ngày toàn quốc kháng chiến, các đường giao thông vận tải trên bộ bị phá hủy. Đến những năm 1948, 1949, một số đường giao thông vận tải trên bộ được sửa chữa lại hoặc làm cầu tre, đủ lối đi dễ dàng cho người, ngựa, xe đạp. Về đường thủy, thuyền, bè vẫn đi lại trên sông Thương, sông Cầu, sông Máng... chủ yếu đi về đêm để tránh máy bay địch. Nhìn chung, giao thông ở địa bàn Việt Bắc có sự phát triển, song, chủ yếu ở khu vực miền xuôi; ở các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, các tỉnh Tây Bắc nhiều đồi núi, dốc cao, đèo sâu, lại bị máy bay Pháp bắn phá cả đường bộ, đường thủy, nên vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là thiếu phương tiện vận tải, nhân công khan hiếm.

Trên lĩnh vực đấu tranh kinh tế với địch, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, các địa phương đã tiến hành bao vây kinh tế, phá hoại các cơ sở kinh tế của thực dân Pháp, đến năm 1949, việc bao vây, phá hoại càng được siết chặt. Tuy nhiên, công tác đấu tranh kinh tế với địch nảy sinh nhiều vấn đề, việc tổ chức bộ máy cũng như hoạt động bao vây, phá hoại kinh tế của thực dân Pháp chưa được hợp lý đã gây những khó khăn cho đời sống nhân dân. Năm 1949, giá cả các loại hàng hóa thiết yếu như gạo, muối, vải... tăng cao, đời sống của nhân dân ở Liên khu gặp nhiều khó khăn, nhất là dân cày nghèo: "Đời sống dân cày nghèo năm 1949 so với năm 1948 đã kém hơn" [73, tr.716].

Như vậy, đến trước thời điểm Đảng bộ Liên khu Việt Bắc thành lập, tình hình kinh tế ở địa bàn Việt Bắc nhìn chung đã dần dần mở mang, nông nghiệp, đã đảm bảo tự túc được một phần về lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác; tiểu thủ công nghiệp đã hình thành một số cơ sở sản xuất những mặt hàng thiết yếu, thương mại, kinh tế, tài chính, giao thông vận tải cũng bước đầu phát triển. Tuy nhiên, đời sống kinh tế trên địa bàn vẫn còn nghèo nàn, lạc hậu, trình độ sản xuất còn thấp, bị chiến tranh tàn phá, nên đời sống nhân dân Việt Bắc còn gặp rất nhiều khó khăn, đến năm 1949 nạn đói diễn ra trầm trọng ở nhiều nơi.

Tình hình kinh tế trên đây, vừa có những thuận lợi, đồng thời cũng chứa đựng không ít khó khăn, thách thức đối với Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế.

2.1.1.3. Truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng, bản tính cần cù của đồng bào Việt Bắc

Trải qua lịch sử dựng nước và giữ nước, sinh sống trong không gian rộng lớn, có vùng phen dậu của quốc gia, nhân dân các dân tộc ở Việt Bắc đã đóng góp một phần công sức không nhỏ vào sự nghiệp đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi, xây đắp nên truyền thống yêu nước, truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường. Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược và đặt ách cai trị lên đất nước Việt Nam, đồng bào các dân tộc Việt Bắc cùng nhân dân cả nước

quyết không khuất phục, liên tiếp đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước, giành độc lập dân tộc. Truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường của đồng bào các dân tộc Việt Bắc tiếp tục được phát huy khi có sự lãnh đạo của Đảng.

Trong những năm đầu của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, nhất là sau ngày toàn quốc kháng chiến, quân và dân Việt Bắc cùng với quân và dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ vững chính quyền cách mạng, vừa xây dựng vừa chiến đấu, góp phần để đất nước trụ vững và vượt qua khó khăn chông chát. Tiếp nối vai trò là "cái nôi" cách mạng thời kỳ đấu tranh giành độc lập, Việt Bắc được Trung ương giao phó sứ mệnh vẻ vang và nặng nề là bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến, giữ vững căn cứ địa, nơi đứng chân vững chắc và lâu dài của cách mạng cả nước. Nhân dân các dân tộc Việt Bắc cùng nhân dân cả nước làm nên chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông năm 1947, đánh bại kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, mở ra một giai đoạn mới của cuộc kháng chiến trường kỳ. Truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng đó chính là nguồn lực tinh thần quý báu để nhân dân các dân tộc ở Việt Bắc tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng, trong đó có đường lối xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

Đồng thời, nhân dân các dân tộc Việt Bắc có truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống, trong lao động, sản xuất, có tính thần lao động cần cù, chịu thương, chịu khó, có tinh thần sáng tạo và tích lũy nhiều kinh nghiệm trong lao động sản xuất phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa bàn sinh sống.

Truyền thống yêu nước, cách mạng, tinh thần và quyết tâm kháng chiến đến thắng lợi của quân và dân Việt Bắc cũng như những phẩm chất tốt đẹp, bản tính cần cù, yêu lao động,...là yếu tố rất quan trọng để Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo phát huy vai trò của nhân dân, phát huy nguồn lực tại chỗ trong lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế.

2.1.1.4. Đường lối kinh tế kháng chiến và sự chỉ đạo của Đảng đối với Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về nhiệm vụ kinh tế

Trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến, xuất phát từ thực tiễn đất nước, trên cơ sở đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, Đảng chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến, tự chủ, tập trung vào lãnh đạo các lĩnh vực kinh tế theo trình tự ưu tiên: "Chú trọng nông nghiệp, rồi đến công nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp quốc phòng" [56, tr.103-104].

Sau hơn 3 năm tiến hành toàn quốc kháng chiến (1946-1949), trên cơ sở những thắng lợi đạt được, Đảng chủ trương đưa cuộc kháng chiến lên một giai đoạn mới, thực hiện nhiệm vụ chuyển sang tổng phản công trong năm 1950. *Hội nghị toàn quốc lần thứ ba* (21-1-1950 đến 3-2-1950) của Đảng đề ra Chương trình công tác năm 1950 bao gồm 12 điểm, trong đó có những vấn đề liên quan đến kinh tế. Hội nghị chủ trương "Phát triển kinh tế dân chủ nhân dân" [61, tr.56], bao gồm các nhiệm vụ: tăng gia sản xuất; phát triển hợp tác xã, mở mang các xí nghiệp quốc gia, thiết thực chuẩn bị điều kiện để kế hoạch hóa bộ phận kinh tế nhà nước, chấn chỉnh vận tải tiếp tế, kiến lập ngoại thương, cải thiện đời sống cho nhân dân, thi hành chính sách ruộng đất cho đúng mức; tăng cường siết chặt vòng vây và phá hoại kinh tế của thực dân Pháp...

Sau khi Trung Quốc, Liên Xô và một số nước dân chủ nhân dân công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, điều kiện mở rộng quan hệ giao thương tăng lên, ngày 3-5-1950, Ban Thường vụ Trung ương ban hành Chỉ thị *Về việc sửa đường và vận tải* gửi Liên khu Việt Bắc. Chỉ thị giao nhiệm vụ cho Liên khu Việt Bắc sửa chữa những con đường lớn từ biên giới với Trung Quốc vào Liên khu [61, tr.325].

Để chuyển sang tổng phản công, đáp ứng yêu cầu bảo đảm lương thực cho bộ đội và nhân dân ngày càng cấp bách trong khi sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiên tai và sự phá hoại của thực dân Pháp, ngày 10-12-1950, Ban Thường vụ Trung ương ban hành Chỉ thị *Về việc đẩy mạnh tăng gia*

sản xuất vụ chiêm 1951, chỉ rõ những nhiệm vụ cụ thể của “vùng tự do”; “vùng mới giải phóng”; “miền bị địch tạm chiếm” trong sản xuất lương thực, mở rộng diện tích, tăng năng suất lúa, ngô, khoai, sắn, bảo đảm để đủ ăn và có thừa để sẵn sàng cung cấp cho du kích địa phương và cho quân đội khi có chiến dịch, đề phòng thóc gạo rơi vào tay quân địch [61, tr.552].

Đại hội lần thứ II của Đảng (2-1951) thông qua Chính cương Đảng Lao động Việt Nam, chỉ rõ: "Muốn thắng địch về quân sự, chính trị, phải có một cơ sở kinh tế vững chắc, phải phát triển kinh tế kháng chiến nhằm mục đích làm cho quân và dân ta đủ ăn, đủ mặc, có súng, có đạn để đánh lâu... Nhiệm vụ trọng tâm về kinh tế của ta lúc này là đẩy mạnh tăng gia sản xuất nông nghiệp" [62, tr.127]. Đại hội đã đề ra đường lối kinh tế dân chủ nhân dân; đồng thời, chủ trương chuyển hướng trong công tác đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp, từ bao vây kinh tế một cách tiêu cực sang đấu tranh tích cực: "Cần tùy nơi, tùy lúc mà bao vây cho đúng, cốt sao có lợi cho tác chiến và bảo vệ được nội hóa" [62, tr.129].

Trên cơ sở đường lối, chính sách kinh tế được đề ra tại Đại hội lần thứ II của Đảng, *Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (3-1951), chủ trương thay đổi căn bản hệ thống tài chính hướng tới mục tiêu tăng thu, giảm chi, đề ra những đề án: "Thành lập Quốc gia Ngân hàng", "Kiến lập mật dịch", "Tăng gia sản xuất"; "Đặt thuế khóa mới".

Trong bối cảnh yêu cầu kháng chiến ngày càng lớn, trước yêu cầu cấp bách về bảo đảm nguồn cung cấp thường xuyên, ổn định, đặt việc quản lý thu, chi tài chính dưới sự điều hành tập trung của Chính phủ, ngày 1-5-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 13-SL trong đó quy định bãi bỏ các loại đóng góp trong nông nghiệp và đặt ra thuế nông nghiệp. Đến ngày 16-7-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 40-SL ban hành Điều lệ tạm thời thuế nông nghiệp. Theo đó, biểu thuế nông nghiệp năm 1951 được xây dựng theo hình thức lũy tiến toàn phần, với thuế suất dao động từ mức tối thiểu 5% đến mức tối đa 45%. Ngưỡng bắt đầu chịu thuế được xác định từ mức thu hoạch

bình quân 61 kg trở lên. Ngày 18-7-1951, Chính Phủ ban hành Thông tư số 106/TTg *Về việc thống nhất quản lý tài chính* trong đó nhấn mạnh việc thống nhất thu - chi là yêu cầu cấp bách, các khoản thu sẽ do Chính Phủ quy định để tránh hiện tượng nhân dân phải đóng góp nhiều.

Bước sang năm 1952, nhiệm vụ kinh tế tiếp tục được Đảng và Chính phủ quan tâm đẩy mạnh. Phương hướng chung của hoạt động kinh tế là sản xuất, tiết kiệm và ổn định nguồn tài chính để qua đó tích trữ, tiết kiệm nguồn lực phục vụ nhu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ rõ: "Phải đặt phong trào sản xuất và tiết kiệm là trung tâm của phong trào thi đua ái quốc" [63, tr.50] với khẩu hiệu "Bộ đội thi đua diệt giặc lập công, nhân dân thi đua sản xuất, tiết kiệm" [63, tr.51]. Ngày 17-4-1952, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết *Về mấy công tác tài chính, ngân hàng mậu dịch quan trọng và cấp bách*, trong đó nhấn mạnh: "Năm 1952 phải thực hiện thăng bằng thu chi" [63, tr.54], ổn định nền tài chính, chống lạm phát, thiết thực bồi dưỡng và tích trữ nguồn lực phục vụ kháng chiến. Muốn vậy cần tăng thu, giảm chi, ổn định đời sống nhân dân.

Trước những bất cập trong công tác thuế nông nghiệp, sau một năm triển khai, ngày 14-6-1952, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Chỉ thị *Về công tác thu thuế nông nghiệp vụ chiêm năm 1952*, trong đó nhấn mạnh "các cấp ủy phải... Lãnh đạo công tác thu thuế rất chặt chẽ để kịp thời sửa chữa sai lầm khuyết điểm của địa phương và giúp địa phương giải quyết mọi khó khăn, trở ngại" [63, tr.208]. Để giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 96-SL(14-6-1952), sửa đổi một số điều trong Điều lệ tạm thời thuế nông nghiệp. Trong đó quy định ngưỡng chịu thuế nông nghiệp là 71 kg trở lên [197].

Trên lĩnh vực đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp, tháng 11-1952, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị *Về vấn đề đấu tranh mậu dịch với địch*. Chỉ thị nhấn mạnh hai nhiệm vụ trong đấu tranh mậu dịch với thực dân Pháp là: "1- Khơi luồng bán lâm thổ sản vào vùng địch; 2- Chống hàng lậu từ vùng địch bán sang

vùng ta" [193, tr.357]. Chỉ thị đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của việc khơi thông được luồng hàng bán vào vùng địch nhất là đối với Liên khu Việt Bắc: "Hàng ta bán vào vùng địch, phần lớn là lâm thổ sản. Bán được lâm thổ sản là một nguồn lợi lớn cho vùng tự do, nhất là đối với Việt Bắc, một nhân tố trọng yếu giúp ta đấu tranh kinh tế và đấu tranh tiền tệ với địch một cách thắng lợi" [193, tr.358].

Bước sang năm 1953, trước tình hình cách mạng Việt Nam có nhiều chuyển biến quan trọng, đặt ra yêu cầu mới về số lượng lớn nhân lực, vật lực cần huy động để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, Trung ương Đảng đề ra nhiều chủ trương về kinh tế.

Ngày 9-1-1953, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị *Về việc động viên nhân lực, vật lực phục vụ mặt trận* gửi Liên khu Việt Bắc, Liên khu 3 và Liên khu 4. Chỉ thị nêu rõ, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cuộc kháng chiến, Trung ương quyết định động viên một số lượng lớn nhân công, lương thực, sửa chữa cầu đường và chuẩn bị các phương tiện vận tải. Các Liên khu ủy, trong đó có Liên khu ủy Việt Bắc cần giải thích rõ đường lối của Đảng để nhân dân hiểu và tích cực, tự giác thực hiện; đồng thời, phải bồi dưỡng lực lượng nhân dân, cải thiện đời sống nhân dân...

Trước tình hình ở một số địa phương, nạn đói có tính chất thường xuyên và có nơi đã trở nên nghiêm trọng, ngày 12 - 5 - 1953, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị *Về phòng đói và cứu đói*. Chỉ thị nhấn mạnh để phòng đói phải tích cực sản xuất và thực hành tiết kiệm. Việc cứu đói tiến hành theo "phương châm chung là: kiên quyết lấy chỗ có, người có để cứu chỗ đói, người đói" [64, tr.210].

Nhằm đáp ứng nhu cầu kháng chiến tăng nhanh, khối lượng hàng hóa cần vận chuyển ngày càng lớn, trong khi hệ thống đường sá, cầu phà xuống cấp nghiêm trọng, công tác sửa chữa, làm đường còn chậm, tổ chức yếu kém, gây lãng phí dân công, tiền của và ảnh hưởng đến sản xuất; thực dân Pháp tăng cường phá hoại giao thông bằng bom mìn, biệt kích, ngày 15-6 -1953, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị *Về việc lãnh đạo công tác làm cầu đường giao thông vận*

tải, Chỉ thị xác định: "Nhiệm vụ hiện nay là phải làm những đường tốt cần thiết để đảm bảo việc vận chuyển quân sự, để sẻ bớt gánh nặng vận chuyển cho dân và đồng thời cũng để mở rộng việc vận chuyển kinh tế" [64, tr.244].

Sau hai năm tiến hành chính sách kinh tế, tài chính mới đến năm 1953, để giữ vững thành tựu thăng bằng được thu chi đã đạt được, đồng thời, khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong lãnh đạo, ngày 30-7-1953, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị *Về công tác kinh tế tài chính và sản xuất tiết kiệm*. Chỉ thị khẳng định: "Phát triển kinh tế tài chính, phát triển sản xuất là bồi dưỡng lực lượng của nhân dân, của kháng chiến, xây dựng cơ sở vật chất của công cuộc kháng chiến và kiến quốc" [64, tr.267].

Đặc biệt, với nhận thức tăng cường huy động sức dân phải tiến hành bồi dưỡng sức dân; cho rằng "Việc giảm tô, giảm tức dù có làm triệt để đi nữa cũng không thể bồi dưỡng nông dân đúng mức, không thoả mãn được yêu cầu của nông dân, làm cho nông dân quyết tâm hy sinh cho sự nghiệp kháng chiến" [64, tr.52], Đảng quyết định tiến hành cải cách ruộng đất ngay trong kháng chiến.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (từ 25 đến 30-01-1953) chủ trương nhiệm vụ kinh tế vẫn tiếp tục như năm 1952 là tăng gia sản xuất và tiết kiệm, tiến tới thăng bằng thu chi không những ở vùng tự do mà ở cả vùng tạm bị chiếm, chống sự phá hoại và cướp bóc kinh tế, chú trọng công tác giao thông vận tải...; đồng thời, nhấn mạnh: "đã đến lúc, vấn đề cải cách ruộng đất phải được đề ra và giải quyết kịp thời, đặng đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi. Không thể bỏ trễ trong khuôn khổ chính sách giảm tô, giảm tức" [64, tr.52]. Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thực thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân" [121, tr.31].

Ngày 24-4-1953, Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị "*Phát động quần chúng trong năm 1953*", nhằm mục đích: Đánh đổ thế lực phản động, làm yếu thế lực kinh tế của phong kiến, đập tan thế lực chính trị của phong kiến, thỏa mãn một phần yêu cầu kinh tế của nông dân và giành ưu thế chính trị cho nông

dân lao động ở nông thôn, củng cố khối liên minh, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến, “chuẩn bị điều kiện cải cách ruộng đất” [64, tr.175].

Cụ thể hóa đường lối của Trung ương Đảng, Chính phủ ban hành các Sắc lệnh về chính sách ruộng đất, quy định các nội dung cụ thể như: giảm tô, giảm tức; tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian phản động để chia cho nông dân; chia ruộng đất, ruộng công, sử dụng ruộng đất vắng chủ và khai thác ruộng đất bỏ hoang. Ngày 18-8-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 176/SL sửa đổi một số điều trong Điều lệ tạm thời thuế nông nghiệp quy định ngưỡng chịu thuế nông nghiệp là 81kg trở lên [199].

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (từ 14 đến 23-11-1953) quyết định tiến hành cải cách ruộng đất, coi đó là con đường để "giải phóng sức sản xuất ở nông thôn khỏi ách trói buộc của giai cấp địa chủ phong kiến, mới có thể chấm dứt tình trạng bần cùng và lạc hậu của nông dân, mới có thể phát động mạnh mẽ lực lượng to lớn của nông dân, để phát triển sản xuất và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn" [64, tr.377-378]. Hội nghị chỉ rõ việc tiến hành cải cách ruộng đất phải được làm từng bước, tùy điều kiện cụ thể từng địa phương để ấn định thời gian thực hiện. Thực hiện chủ trương của Đảng, Kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa I (12-1953) thông qua Luật Cải cách ruộng đất. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để tiến hành cải cách ruộng đất trong thực tiễn.

Ngày 6-12-1953, khi quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bộ Chính trị chủ trương: "Toàn dân, toàn Đảng và Chính phủ nhất định đem toàn lực chi viện Chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch này" [65, tr.88]. Tiếp đó, Chỉ thị của Bộ Chính trị (8-2-1954) nêu rõ: "kết hợp chặt chẽ việc phục vụ tiền tuyến với việc phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất và việc tăng gia sản xuất" [65, tr.15].

Có thể thấy, trên cơ sở đường lối kháng chiến kiến quốc, Đảng xác định xây dựng nền kinh tế kháng chiến là nhiệm vụ quan trọng, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất, ổn định đời sống nhân dân

và phục vụ mặt trận quân sự. Những chủ trương và chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ kinh tế là nhân tố định hướng để Đảng bộ Liên khu Việt Bắc quán triệt và vận dụng vào thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế phục vụ kháng chiến tại địa bàn Liên khu.

2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về thực hiện nhiệm vụ kinh tế

2.1.2.1. Đảng bộ Liên khu Việt Bắc thành lập

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (8-1945), địa bàn Việt Bắc với tư cách là một vùng lãnh thổ rộng lớn "gồm những tỉnh trung du và thượng du Bắc kỳ, địa thế hiểm trở, nhiều rừng núi..." [165, tr.27] được tổ chức thành nhiều đơn vị hành chính - quân sự là các khu và sau đó là thành các liên khu. Từ cuối năm 1946, địa bàn Việt Bắc chia làm ba khu là Khu 1, Khu 10 và Khu 12. Trong đó Khu 1 bao gồm các tỉnh: Phúc Yên, Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Kạn; Khu 10 bao gồm các tỉnh: Hà Giang, Lào Cai, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên; Khu 12 bao gồm các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Hải Ninh, Quảng Yên và đặc khu Hòn Gai. Đến tháng 7-1947, Khu 14 được thành lập bao gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, một phần tỉnh Phú Thọ và châu Mai Đà của tỉnh Hoà Bình.

Sau Chiến dịch Việt Bắc (1947), để thuận lợi cho việc chỉ huy tác chiến và xây dựng lực lượng cũng như chủ động giải quyết các vấn đề cấp bách thời chiến, từ ngày 15 đến 17-1-1948, Trung ương Đảng chủ trương thống nhất các khu ở Bắc bộ thành các Liên Khu [59, tr.33]. Ngày 25-1-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 120-SL hợp nhất các khu thành liên khu (Phụ lục 1). Sắc lệnh quy định: Khu 1 và Khu 12 hợp nhất thành Liên khu 1 bao gồm 9 tỉnh vùng Đông Bắc: Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Yên, Hải Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phúc Yên và đặc khu Hòn Gai; Khu 10 và Khu 14 hợp nhất thành Liên khu 10, bao gồm các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang, Vĩnh Yên và châu Mai Đà thuộc tỉnh Hòa Bình.

Trong năm 1949, những thắng lợi quân sự đặt ra yêu cầu "thành lập các mặt trận (Trung du, Tây Bắc)... và ... thống nhất chỉ huy" [73, tr.1]. Mỗi bước phát triển của cách mạng trong nước càng khẳng định vai trò "đất đứng chân" tại chỗ rất quan trọng của các căn cứ địa cách mạng trong đó có Việt Bắc. Vì thế "cần kiến thiết Việt Bắc thành một căn cứ địa vững chắc trong kế hoạch phòng thủ của nước ta hiện nay và sau này" [73, tr.1]. Bên cạnh đó, cách mạng thế giới có thêm những bước tiến mới đặc biệt là thắng lợi của cách mạng Trung Quốc tạo ra nhiều thuận lợi đối với cách mạng Việt Nam. Vì vậy, "những mối quan hệ có tính cách địa phương giữa Trung và Việt đặt ra và cần có chủ trương thống nhất" [73, tr.1]. Đồng thời, do yêu cầu của cuộc kháng chiến cần "giảm chính ở cấp khu để có thêm phương tiện tăng cường cấp tỉnh (cán bộ, tiền tài)" [73, tr.1]. Xuất phát từ những yêu cầu trên đây của cuộc kháng chiến, vào tháng 10-1949, Trung ương Đảng quyết định thống nhất Liên khu 1 và Liên khu 10 thành Liên khu Việt Bắc.

Sự thay đổi về đơn vị hành chính – quân sự đã dẫn đến sự thống nhất các tổ chức Đảng trên địa bàn Liên khu. Ngày 5-11-1949, Hội nghị thống nhất hai Đảng bộ Liên khu 1 và 10, thành lập Đảng bộ Liên khu Việt Bắc tiến hành. Nghị quyết hội nghị đề ra những nhiệm vụ, kế hoạch thống nhất, sắp xếp cán bộ, mối quan hệ giữa quân sự với Đảng và kháng chiến hành chính... (Phụ lục 2). Ngày 5-11-1949 là dấu mốc về sự ra đời của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc.

Trong quá trình tồn tại, Liên khu Việt Bắc có nhiều sự thay đổi về địa giới hành chính và thay đổi về tổ chức Đảng. Khi thành lập, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc bao gồm Liên khu ủy, các tổ chức Đảng trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Liên khu ủy, các tổ chức Đảng trong lực lượng quân đội hoạt động trên địa bàn Liên khu và 17 Đảng bộ tỉnh trực thuộc (Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Yên, Hải Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phúc Yên, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai, Tuyên Quang, Sơn La, Lai Châu), 1 đặc khu Hòn Gai và huyện Mai Đà của tỉnh Hòa Bình. Đến năm 1950, tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên hợp nhất thành Vĩnh Phúc vì vậy Đảng bộ Liên khu Việt Bắc có 16 Đảng bộ tỉnh, tổ chức Đảng ở đặc khu Hòn

Gai và tổ chức Đảng ở huyện Mai Đà [73, tr.145]. Ngày 17-7-1952, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định: "Thành lập Khu Tây Bắc gồm bốn tỉnh: Yên Bái, Lào Kay, Lai Châu và Sơn La. Bốn tỉnh đó từ nay sẽ đứng ngoài Liên khu Việt Bắc" [71, tr.210] đến ngày 28-1-1953 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 134-SL chính thức thành lập Khu Tây Bắc (Phụ lục 3). Từ đây đến tháng 7-1954, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc có 12 Đảng bộ tỉnh, 1 tổ chức Đảng ở đặc khu Hòn Gai.

2.1.2.2. Chủ trương của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về thực hiện nhiệm vụ kinh tế

Đảng bộ Liên khu Việt Bắc thành lập (11-1949), cũng là lúc nhu cầu về lương thực, thực phẩm phục vụ dân sinh, phục vụ nhiệm vụ kháng chiến trên địa bàn Liên khu, cũng như cung cấp cho các cơ quan đầu não của Trung ương Đảng, Chính phủ, đoàn thể, quân đội... không ngừng tăng cao. Trên cơ sở đánh giá "Thời cơ tổng phản công đang đến gần trước mắt ta" [73, tr.14], Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 01- CT/LKVB (17-12-1949) *Gửi các cấp Đảng bộ và các ngành công tác toàn Liên khu Việt Bắc về đặt chương trình ba tháng đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị tổng phản công (từ ngày 1-1 đến 31-3-1950)*, trong đó chủ trương về nhiệm vụ kinh tế chung của toàn Liên khu cũng như cho mỗi vùng: triển khai chính sách tạm cấp ruộng đất cho dân cày nghèo trong những đồn điền đã ấn định; tăng gia sản xuất, đề phòng nạn đói; ở trung du "mua thóc nhà giàu để Chính phủ lập kho dự trữ"; ở biên giới và vùng Đông Bắc "nỗ lực phá kinh tế ở Hòn Gay"; ở vùng tự do "nỗ lực cấy nhiều lúa chiêm, trồng nhiều ngô khoai"... [73, tr, 21-22].

Trước tình hình địch đẩy mạnh các hoạt động phá hoại mùa màng, gia tăng các hoạt động cướp bóc, thiên tai, lũ ngập ở vùng ven sông Lô, sông Chảy... (Phụ lục 4), giá cả hàng hóa nhất là giá gạo tăng lên rất cao (Phụ lục 5), nạn đói đe dọa đời sống cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, ảnh hưởng đến tinh thần kháng chiến của nhân dân, ngày 25- 2-1950, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 09-CT/LKVB *Về việc chống mức sinh hoạt đắt đỏ và nạn đói*. Ban Thường vụ Liên khu ủy, khẳng định: "Cuộc kháng chiến càng đến

gần thắng lợi, mặt kinh tế càng trở nên trọng yếu" [73, tr.81] và đề ra những nhiệm vụ về kinh tế để các địa phương tập trung thực hiện như: vận động những nhà có thóc bán cho dân chúng; khẩn trương kiểm kê thóc gạo cũng như tổ chức vận chuyển từ vùng thực dân Pháp kiểm soát ra bên ngoài; tăng cường buôn bán, chuyên chở thóc gạo ở vùng tự do và nhất là : "Về tăng gia sản xuất, phải có kế hoạch chuyển hướng việc trồng màu cho kịp thời vụ... tiết kiệm thực phẩm" [73, tr.80-81].

Tiếp đó, *Hội nghị cán bộ toàn Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất* (từ ngày 4 đến 14-3-1950) đã "ấn định nhiệm vụ và kế hoạch thi hành các nghị quyết "Chuyển mạnh sang tổng phản công"" [73, tr. 86]. Trong đó, Nghị quyết *Hội nghị cán bộ toàn Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất*, chủ trương thực hiện bốn nhiệm vụ về kinh tế

1. Tích cực diệt nạn đói trước mắt, gấp rút chuyển hướng việc tăng gia các hoa màu chóng được ăn...
2. Bao vây và phá hoại kinh tế địch...
3. Thiết thực cải thiện đời sống cho dân cày nghèo, triệt để thi hành chính sách tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo. Xây dựng hợp tác xã nông nghiệp...
4. Giữ vững giá trị đồng bạc Việt Nam... [73, tr.170]

Ngày 26-7-1950, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc, ban hành Nghị quyết số 25-NQ/LKVB *Về kế hoạch tạm cấp ruộng đất Liên khu Việt Bắc*, trong đó nhấn mạnh chủ trương tạm cấp ruộng đất của Trung ương mang ý nghĩa kinh tế - xã hội sâu sắc, góp phần từng bước xóa bỏ những tàn tích bóc lột phong kiến ở nông thôn, tạo điều kiện để dân cày nghèo có tư liệu sản xuất, nông dân có thêm động lực cải tiến kỹ thuật, mở rộng sản xuất, tăng nguồn lương thực phục vụ đời sống và yêu cầu của cuộc kháng chiến, góp phần củng cố niềm tin của quần chúng đối với cách mạng, bồi dưỡng và phát triển lực lượng tham gia kháng chiến. Liên khu ủy chủ trương "làm xong việc tạm cấp trong năm 1950" [73, tr.409].

Trong lúc trên mặt trận quân sự chúng ta giành nhiều thắng lợi quan trọng, thực dân Pháp tìm mọi cách triệt hạ kinh tế kháng chiến. Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc khẳng định "Trong lúc về phương diện quân sự và chính trị, ta đã có nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế đang trở thành vấn đề quyết định cho sự thắng bại của ta ... Cho nên bảo vệ mùa màng là nhiệm vụ hết sức trọng yếu" [73, tr.499]. Đồng thời "vấn đề tăng gia sản xuất rất quan trọng" [73, tr.523]. Đảng bộ Liên khu chủ trương trong năm 1950 kế hoạch tăng gia sản xuất là nhiệm vụ của cả vùng tạm chiếm và vùng tự do. Tuy nhiên, "chú trọng nhiều hơn ở vùng tự do" [73, tr.524] do nơi đây có điều kiện thuận lợi để sản xuất và phân phối sản phẩm. Trên cơ sở kết quả thực hiện chương trình công tác ba tháng 6, 7, 8 năm 1950, ngày 26-9-1950, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Nghị quyết số 33-NQ/LKVB *Về ấn định những công tác chính của Liên khu Việt Bắc (đồng thời là những công tác phải kiểm tra) về ba tháng cuối năm 1950*. Nghị quyết xác định thực hiện kế hoạch về kinh tế là một trong những nhiệm vụ trung tâm của toàn Liên khu. Về nhiệm vụ kinh tế ba tháng cuối năm 1950, Liên khu ủy chủ trương:

1. Bảo vệ vụ lúa tháng mười.
2. Thu thóc công lương còn thiếu và mua thóc quân lương.
3. Tổ chức vận động cây chiêm và giống màu phòng nạn đói tháng 3 sang năm.
4. Chấn chỉnh và xúc tiến công tác vận tải.
5. Hoàn thành giảm tô và tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân nghèo, thực hiện giảm tức [73, tr.492].

Bước sang năm 1951, thực hiện Nghị quyết Đại hội II của Đảng, Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất (từ ngày 10 đến 20-5-1951) chủ trương: "vấn đề kinh tế - tài chính là một công tác chủ yếu của ta lúc này vì nó quyết định sự thắng bại quân sự của ta" [74, tr.122]. Đại hội đề ra 6 nhiệm vụ về kinh tế:

Một là, "*phổ biến và chuẩn bị thi hành thuế nông nghiệp*" [74, tr.123] mà trước hết các địa phương phải thực hiện tốt kế hoạch tạm vay.

Hai là, "*thực hiện vụ mùa thắng lợi nhằm vào hướng tăng diện tích đi đôi với tăng năng suất*" [74, tr.124]. Muốn cải thiện được đời sống nhân dân và cung cấp được nhiều cho mặt trận không thể thực hiện duy nhất chính sách "thắt lưng, buộc bụng" mà cần động viên và hướng dẫn nhân dân tăng gia sản xuất. "Ngoài việc sản xuất lúa gạo hoa màu cần chú trọng đến chăn nuôi gia súc và phục hồi lại các vườn hoi, tràm, quế, sơn để làm cho nông nghiệp được phồn thịnh" [74, tr.124]. Đồng thời, tích cực bảo vệ mùa màng, thủy lợi, đê điều.

Ba là, "*phát triển công thương nghiệp*" [74, tr.124] nhằm đảm bảo hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân. Muốn vậy cần khuyến khích mở mang các ngành sản xuất tiểu công nghệ; "Xây dựng các cơ quan mậu dịch trong toàn Liên khu, chú trọng phát triển các thương khẩu mậu dịch ở biên giới và ở những nơi giáp địch" [74, tr.124] nhằm thúc đẩy trao đổi hàng hóa; tăng cường ngành vận tải để đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa.

Bốn là, "*củng cố nền tài chính*" [74, tr.125] muốn củng cố nền tài chính thì phải thi hành chính sách thuế nông nghiệp; tăng cường phát triển sản xuất nông nghiệp, công thương nghiệp; tăng thu, giảm chi...

Năm là, "*tích cực đấu tranh kinh tế với địch*" [74, tr.125]. Cần chuyển hướng bao vây và phá hoại kinh tế của thực dân Pháp để hàng hóa xa xỉ phẩm của chúng không thâm nhập được vào vùng tự do đồng thời làm giảm năng suất các xí nghiệp của địch.

Sáu là, "*thành lập các Ban Kinh tế - Tài chính các cấp*" [74, tr.126] nhằm nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế tài chính ở địa phương và lãnh đạo các ngành kinh tế tài chính hoạt động thống nhất theo đúng quan điểm của Đảng.

Từ ngày 8 đến ngày 11-6-1951, Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc mở rộng đã đề ra chủ trương để thi hành những chỉ thị lớn của Trung ương trong đó khẳng định "...đặc biệt theo dõi vấn đề tạm vay" [74, tr.177]. Đồng thời để kịp thời sửa chữa những tư tưởng không đúng, những hành động sai lầm Liên khu ủy chủ trương mở những lớp nghiên cứu về chính sách tạm vay và thuế nông nghiệp cho cán bộ, đảng viên.

Triển khai Chỉ thị của Ban Bí thư (25-5-1951) *Về việc phối hợp với chiến trường chính bảo vệ mùa màng, bảo vệ căn cứ địa, Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc* (từ ngày 2 đến 7-7-1951), nhấn mạnh: đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp là "một nhiệm vụ chiến lược, phải thường xuyên đối phó" [74, tr.220]. Hội nghị chủ trương thực hiện hai nhiệm vụ: "1. Thường xuyên bảo vệ dụng cụ, mùa màng, thóc gạo, kênh máng. 2. Hiện tại là bảo vệ thóc gạo, hoa màu đã thu hoạch và bảo vệ dân làm vụ mùa" [74, tr.220].

Quán triệt đường lối kinh tế trong năm 1952 của Đảng là chuyển hướng đẩy mạnh sản xuất vượt lên tự cấp, tự túc nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu kháng chiến và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc xác định: sản xuất là nhiệm vụ trọng yếu trong năm 1952 và "trong việc sản xuất, phải đặc biệt chú ý sản xuất nông nghiệp" [74, tr.377]. Tháng 9-1952, *Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc* chủ trương: "Việc phát triển sản xuất phải đi đôi với việc chống cướp phá của địch" [74, tr.737], có như vậy mới bảo vệ được thành quả lao động sản xuất của nhân dân.

Triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị (17-4-1952) *Về mấy công tác tài chính, ngân hàng mật dịch quan trọng và cấp bách*, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Chỉ thị số 40-CT/LKVB (10-9-1952) *Gửi các tỉnh ủy toàn khu về việc chấn chỉnh công tác lãnh đạo kinh tế - tài chính*. Liên khu ủy nhấn mạnh: "Tỉnh ủy phải lãnh đạo thống nhất toàn bộ công tác kinh tế - tài chính, kết hợp giữa các ngành mật dịch, thuế, ngân hàng, v.v.." [74, tr.747], tránh trường hợp khoán trắng cho các đồng chí ủy viên phụ trách. Từ đó, tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy địa phương đối với công tác kinh tế.

Triển khai Chỉ thị Ban Chấp hành Trung ương (14-6-1952) *Về công tác thu thuế nông nghiệp vụ chiêm năm 1952*, ngày 30-10-1952, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Nghị quyết *Về hoàn thành nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp của Liên khu Việt Bắc*, trong đó chủ trương: "Đối với vùng du kích, phải tích cực phát triển du kích chiến tranh để mở rộng cơ sở làm thuế. Phải tích cực tiến hành thu thuế rầy. Phải phát động một phong trào chống khai man ở những nơi diện tích và sản lượng còn sai" [74, tr.802].

Bước sang năm 1953, cuộc kháng chiến của nhân dân có bước phát triển mạnh mẽ, yêu cầu phục vụ kháng chiến ngày càng cao, đồng thời việc bồi dưỡng sức dân về vật chất, tinh thần cũng đặt ra cấp bách. Thực hiện chủ trương và sự chỉ đạo của *Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (từ 25 đến 30-01-1953), Đảng bộ Liên khu Việt Bắc tăng cường lãnh đạo phát triển kinh tế. Đảng bộ Liên khu chủ trương phải đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hiện thăng bằng thu - chi nhằm cung cấp cho kháng chiến, bồi dưỡng nhân lực, đề phòng nạn đói: "sản xuất năm nay phải hướng vào sản xuất được nhiều chất bột. Đồng thời phải ra sức khai thác lâm thổ sản và đẩy mạnh tiêu thụ vào vùng địch. Lại cần phát triển mạnh nghề phụ gia đình và chấn chỉnh công tác mậu dịch để phục vụ sản xuất" [75, tr.8].

Ngày 2-4-1953, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Nghị quyết số 1-NQ/LKVB *Về nhiệm vụ công tác hậu địch*, trong đó trên lĩnh vực kinh tế chủ trương "... công tác kinh tế trong vùng địch là một công tác trọng yếu. Ở vùng địch tạm chiếm, phải đẩy mạnh đấu tranh hợp pháp chống áp bức bóc lột, đòi quyền lợi hàng ngày. Ở vùng du kích thì thu hẹp diện tích bỏ hoang, chống cướp phá, bảo vệ sản xuất. Ở vùng căn cứ du kích thì phát triển về cả diện tích lẫn năng suất" [75, tr.203].

Trên cơ sở Chỉ thị "*Phát động quần chúng trong năm 1953*" của Trung ương Đảng (24-4-1953), ngày 14-5-1953, Ban Thường vụ Liên khu Việt Bắc ban hành Nghị quyết số 18-NQ/LKVB *Về công tác phát động quần chúng và một số nhiệm vụ trước mắt*, chủ trương thành lập Ban ruộng đất và toàn án nhân dân, tổ chức thí điểm tại 2 tỉnh Thái Nguyên và Phú Thọ. Đến ngày 13-9-1953, Ban Thường vụ Liên khu Việt Bắc ban hành Nghị quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu Việt Bắc mở rộng* số 39-NQ/LKVB, trong đó ấn định số xã phát động quần chúng ở Bắc Giang và Thái Nguyên. Đồng thời, đề ra chủ trương về bảo vệ giao thông vận tải và bảo vệ kinh tế như bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ mùa màng. Đến tháng 10-1953, căn cứ vào chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ Liên Khu Việt Bắc chủ trương "phát động quần chúng đợt 3 sẽ làm 200 xã nhằm Thái Nguyên, Phú Thọ là chính" [75, tr.549-550].

Thực hiện nhiệm vụ "hết sức nặng nề và quan trọng" [75, tr.683] do Trung ương giao là kiến thiết 2 con đường: đường Đồng Đăng - Bình Gia - Bắc Sơn - Linh Nham - Sơn Cầm; đường từ cầu số 31 Quán Vuông - Đèo Huông - Tuyên Quang nhằm nối liền biên giới xuyên qua Việt Bắc xuống khu 3, khu 4, khu 5, từ ngày 15 đến 16-12-1953, Liên khu ủy tiến hành *Hội nghị kiến thiết cầu đường* và ban hành *Nghị quyết* số 29-NQ, chủ trương: "Công trình kiến thiết đường sá dần dần phải đi vào chính quy. Sự lãnh đạo phải tập trung không phải tỉnh nào làm xong phần tỉnh này là xong. Phải nâng cao trách nhiệm, Liên khu và các tỉnh phải bảo đảm công trình kiến thiết đó" [75, tr.686]. Sau đó, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành hai *Nghị quyết* số 108-QN/LKVB (17-12-1953) *Về thành lập Ban cán sự Công trường I* và *Nghị quyết* số 131-QN/LKVB (28-12-1953) *Về thành lập Ban cán sự Công trường II*.

Thực hiện đường lối của Đảng trong *Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (11-1953), Liên khu ủy chủ trương một trong hai nhiệm vụ trung tâm trong năm 1954 là: "Công tác cải cách ruộng đất, tiến hành từng bước, nên chủ yếu năm nay là công tác trung tâm ở vùng tự do" [76, tr.185]. *Hội nghị cán bộ toàn Liên khu* (17 đến 31-1-1954), nhấn mạnh:

Công tác cải cách ruộng đất thành công, sức sản sinh (sản xuất-TG) ở nông thôn mới được giải phóng, lực lượng của nông dân được bồi dưỡng... do đó sẽ đẩy mạnh mọi công tác kháng chiến làm cho khu căn cứ địa sẽ trở nên bức thành kiên cố vững chắc hơn nữa trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc [76, tr.115].

Bên cạnh đó, Liên khu ủy cũng chủ trương thực hiện các nhiệm vụ:

1. Phát triển sản xuất lương thực là chính chủ yếu là đẩy mạnh sản xuất lúa đi đôi với sản xuất hoa màu chống đói, sản xuất đi đôi với phát triển chăn nuôi...
2. Tiểu công nghệ và thủ công nhằm phát triển nghề phụ gia đình cung cấp những thứ cần thiết cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nông dân, ở nơi có điều kiện thì có thể phát triển để xuất khẩu.

3. Tài chính: tích cực thu các thứ thuế bằng tiền và thuế nông nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ đi đôi với thực hiện đúng chính sách, đúng thời gian...

4. Mậu dịch: công tác mậu dịch năm nay cần phải chú trọng chuẩn bị đủ lực lượng và có kế hoạch để bình ổn vật giá. Trước hết đối với những thứ hàng chính như gạo, muối, vải và trong lúc giáp hạt... Mở rộng việc mậu dịch với Trung Quốc để hoàn thành những hợp đồng và để phục vụ đời sống nhân dân. Để mở rộng giao lưu hàng hóa, phải chú trọng tu bổ đường kinh tế dân sinh, đồng thời phát triển các phương tiện vận tải và chấn chỉnh tổ chức vận tải [76, tr.195-196].

Có thể thấy, từ sau khi thành lập, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc luôn xác định kinh tế là nhiệm vụ “trọng yếu” và đã đề ra các chủ trương thực hiện nhiệm vụ kinh tế. Những chủ trương này vừa quán triệt đường lối, sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, vừa phù hợp với tình hình, nhiệm vụ và đặc điểm cụ thể của Liên khu. Theo đó, nhiệm vụ kinh tế được chủ trương xây dựng và phát triển trên nhiều lĩnh vực: nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại, giao thông, tài chính, đấu tranh kinh tế với địch..., gắn với từng vùng trung du - đồng bằng, thượng du, vùng tự do, vùng tạm bị chiếm, vùng căn cứ du kích... Trên cơ sở những chủ trương đề ra, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế nhằm phục vụ kháng chiến.

2.2. QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC

2.2.1. Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp

Quán triệt chủ trương chung của Đảng về nông nghiệp, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc tập trung lãnh đạo và ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp, bởi đây là thế mạnh kinh tế của Liên khu, đồng thời là cơ sở quan trọng để ổn định đời sống nhân dân và bảo đảm hậu cần cho kháng chiến.

Triển khai đường lối về kinh tế của Đảng trong *Hội nghị toàn quốc lần thứ ba* (21-1-1950 đến 3-2-1950) và chủ trương của Liên khu ủy Việt Bắc qua Chỉ thị số 01- CT/LKVB (17-12-1949), ngày 24-1-1950, Ban Thường vụ Liên

khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 33-TT/LKVB *Về việc thi hành chỉ thị của Trung ương tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo*. Trong đó chỉ đạo các địa phương hai nội dung: *một là*, khi tiến hành điều tra tình hình ruộng đất và nhân khẩu các tỉnh phải thường xuyên báo cáo những khó khăn, kinh nghiệm; *hai là*, các tỉnh phải gửi bản báo cáo chi tiết, đầy đủ về kế hoạch tạm cấp ruộng đất và phải được Liên khu ủy duyệt, sau đó mới tiến hành trong thực tế.

Đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế nạn đói có thể xảy ra trên địa bàn Liên khu và triển khai Chỉ thị số 09-CT/LKVB Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc (25-2-1950), *Hội nghị cán bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất* (3-1950) thông qua *Đề án tích cực diệt nạn đói trước mắt cải thiện đời sống cho dân cày nghèo*. Đề án nhấn mạnh việc bồi dưỡng sức dân là điều kiện quan trọng để chuẩn bị cho tổng phản công. Trọng tâm trước mắt là chống nạn đói, ổn định đời sống nhân dân và bảo vệ nguồn lương thực. Các biện pháp chủ yếu gồm tăng gia sản xuất, trồng hoa màu ngắn ngày, chống đầu cơ và điều hòa lúa gạo. Đồng thời, Đề án chú trọng cải thiện đời sống dân cày nghèo thông qua giảm tô, giảm tức và tạm cấp ruộng đất. Việc phát triển hợp tác sản xuất như hội đồng công, tập đoàn làm chung... cũng được xem là hướng đi cần thiết

Thực hiện chủ trương tăng gia sản xuất trong *Hội nghị toàn quốc lần thứ ba* (21-1-1950 đến 3-2-1950) của Đảng, Liên khu ủy Việt Bắc tổ chức *Hội nghị quân, dân, chính trung du* (9-1950), trong đó chỉ đạo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cấy chiêm và trồng màu năm 1950-1951 từ tổ chức; lập chương trình, phổ biến chương trình; động viên nhân dân thực hiện; giải quyết khó khăn của dân về đất, nhân công, vốn, hướng dẫn chuyên môn, bảo vệ mùa màng. Đặc biệt về công tác thủy nông, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo "sửa chữa cống, làm cửa kênh, nạo vét bùn, phân phối hợp lý nước" [73, tr.526]. Bên cạnh đó cần hướng dẫn nhân dân làm công tác tiêu thủy nông phục vụ cho sản xuất để phòng những công trình thủy nông lớn bị thực dân Pháp đánh phá. Tiếp tục quán triệt Chỉ thị Ban Thường vụ Trung ương (10-12-1950) *Về việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất vụ chiêm 1951*, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 50-

CT/LK (30-4-1951) *Gửi các cấp Đảng bộ trong toàn Liên khu về thực hiện vụ mùa thắng lợi*. Chỉ thị yêu cầu các địa phương nghiêm túc thực hiện kế hoạch vụ chiêm năm 1951: "Phải thâm nhuận mục đích, ý nghĩa "vụ mùa thắng lợi"... Kịp thời tạo thêm điều kiện, giải quyết những phương tiện cần thiết để thực hiện "vụ mùa thắng lợi"... Hướng dẫn thành lập chương trình... Tổ chức thi đua... Tổ chức lãnh đạo" [74, tr. 46-47]. Đồng thời, Chỉ thị cũng khẳng định quyết tâm "...làm cho vụ mùa thắng lợi năm nay phải là một cuộc vận động lớn, một chiến dịch lớn mà phải thắng lợi lớn trên chiến trường ruộng, rẫy trong toàn Liên khu" [74, tr.48].

Trên cơ sở chỉ đạo của Liên khu ủy, Hội đồng Kinh tế được thành lập ở các tỉnh; nhiều nơi cử đoàn chuyên môn xuống xã hướng dẫn sản xuất như Ban Cấy chiêm (Thái Nguyên), Ban Ngô (Lạng Sơn), Ban Thủy nông (Tuyên Quang). Ở cấp xã, Ban Kinh tế dân sinh được củng cố để hoạt động hiệu quả. Thực hiện chủ trương giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất, Đảng bộ Liên khu giao nhiệm vụ cho Đảng đoàn nông dân khu phối hợp với chính quyền hướng dẫn, kiểm tra các địa phương. Các tỉnh coi đây là nhiệm vụ quan trọng, triển khai linh hoạt theo điều kiện cụ thể như lập tiểu ban điều tra, tăng cường cán bộ xã, bổ sung đại biểu dân tộc... Vì vậy, diện tích trồng lúa và hoa màu cũng như thu hoạch của đồng bào Liên khu Việt Bắc tăng lên: năm 1950 diện tích lúa và hoa màu là 702.044 ha (tăng 322.763 ha so với năm 1947), đạt 1.128.438 tấn (tăng 677.750 tấn so với năm 1947) [73, tr.653] (Phụ lục 6). Tuy nhiên, nhiệm vụ lãnh đạo phát triển sản xuất nông nghiệp của Đảng bộ Liên khu trong năm đầu thành lập vẫn còn những hạn chế. Liên khu ủy chỉ rõ: "Việc tăng gia hãy còn rất xa với nhu cầu. Nếu Việt Bắc không cố gắng thì sẽ là một điểm đáng lo cho việc nuôi bộ đội và mở chiến dịch" [73, tr.667].

Hưởng ứng cuộc vận động của Chính phủ "thi đua sản xuất lập công" và triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu lần thứ nhất về "*thực hiện vụ mùa thắng lợi nhằm vào hướng tăng diện tích đi đôi với tăng năng suất*", Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 61-TT/LKVB (22-8-1951) *Về việc vận động và lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh vụ*

mùa thắng lợi. Trên cơ sở đánh giá việc thực hiện phong trào thi đua vụ mùa thắng lợi ở Liên khu đã diễn ra nhưng còn rời rạc, lẻ tẻ, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo các địa phương nâng cao nhận thức cán bộ, coi vụ mùa thắng lợi là trọng tâm của tăng gia sản xuất; đồng thời "tổ chức chăm bón, làm cỏ, bón phân để tăng năng suất cần gây thành một phong trào quần chúng thi đua sôi nổi" [74, tr.255]. Bên cạnh đó, cần gắn nhiệm vụ vụ mùa với thuế nông nghiệp và chấn chỉnh hội đồng thi đua cấp xã.

Ngày 10-12-1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu ban hành Chỉ thị và Kế hoạch số 878/KTTC *Gửi Ủy ban Kháng chiến Hành chính các tỉnh*, yêu cầu các địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phong trào thi đua "Vụ mùa thắng lợi" do Đảng bộ Liên khu phát động từ ngày 1-5-1951. Ngày 24-12-1951, Ban Thường vụ Liên khu ban hành công văn số 984-VF/LKVB *Gửi các Tỉnh ủy toàn Liên khu về chương trình sản xuất năm 1952*, trong đó nhấn mạnh: để thực hiện tốt các cấp cần chú ý nghiên cứu, quán triệt sâu sắc nội dung bản kế hoạch sản xuất năm 1952. Cần điều tra tình hình địa phương để lập chương trình, kế hoạch cho phù hợp và phải biết dùng thi đua để thúc đẩy phong trào.

Thực hiện đường lối kinh tế sản xuất và tiết kiệm trong năm 1952 của Trung ương, Ban Thường vụ Liên khu Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 34-CT/LKVB (6-8-1952) *Về việc đẩy mạnh phát triển đôi công và thực hiện kết hợp công tác đôi công với việc huy động dân công để đảm bảo sản xuất tiết kiệm và nhu cầu tiền tuyến* nhằm giải quyết những khó khăn về nhân công trong sản xuất ở các địa phương, Chỉ thị nhấn mạnh: "Tổ chức đôi công là một vấn đề căn bản để đẩy mạnh sản xuất tiết kiệm" [74, tr.697]. Tổ chức đôi công là một hình thức hợp tác trong sản xuất phù hợp với lối sống gắn bó, gần gũi, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau của người Việt Nam. Hình thức lao động sản xuất đó không chỉ giải quyết khó khăn về nhân công mà còn góp phần gắn kết tình làng nghĩa xóm cũng như tạo tâm lý yên tâm cho các chiến sĩ chiến đấu ngoài mặt trận khi ở nhà chỉ có cha, mẹ, vợ, con không ai đỡ đần, gánh vác nay có làng xóm, láng giềng chung tay giúp đỡ.

Năm 1952, thực dân Pháp tiến hành đánh phá đập Thác Huống (Thái Nguyên) dẫn đến 24.809 mẫu ruộng không có nước tưới tiêu [75, tr.67]. Trước tình hình đó, Đảng bộ Liên khu ban hành Chỉ thị số 41-CT/LKVB (23-9-1952) *Gửi các Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang và Thái Nguyên về công tác ở khu Nông Giang, sông Cầu* trong đó chỉ đạo cần "nghiên cứu kỹ kế hoạch của Liên khu, căn cứ vào đó mà đặt một kế hoạch cụ thể chuyển hướng canh tác và phát triển tiêu thủy nông cho địa phương" [74, tr.757].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu đã lập kế hoạch sản xuất cụ thể gửi tới các địa phương. Trên cơ sở đó, chính quyền các cấp tổ chức học tập chủ trương, khảo sát tình hình để lập kế hoạch sản xuất phù hợp, mở rộng diện tích canh tác. Đồng thời, các tổ chức thi đua ở xã, thôn được củng cố; cán bộ, đảng viên gương mẫu đi đầu, cán bộ chuyên môn hướng dẫn kỹ thuật, góp phần đưa phong trào tăng gia sản xuất lan rộng trong toàn Liên khu. Mặc dù thời tiết không thuận lợi nhưng thu hoạch tại các địa phương Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang vẫn đạt mức khá (Phụ lục 7). Vụ mùa năm 1951, toàn Liên khu Việt Bắc cấy trồng thêm được 25.913 mẫu lúa, 12.698 mẫu hoa màu [185, tr.344]. Không chỉ sản xuất lương thực, một số địa phương đã tiến hành trồng cây công nghiệp như ở vùng miền núi và tỉnh Phú Thọ trồng bông có hiệu quả. Bên cạnh trồng trọt, nhân dân đã chú trọng hơn đến chăn nuôi, có ý thức chống rét và chống dịch cho đại gia súc. Do đó, dịch bệnh ở trâu, bò, ngựa đã giảm hẳn, nơi bùng phát dịch được dập tắt nhanh chóng.

Từ năm 1952, Liên Khu ủy chỉ đạo thi đua, học tập phong trào sản xuất Hoàng Hanh, tổ đổi công Trịnh Xuân Bái¹, tổ chức cuộc vận động “sản xuất và tiết kiệm” nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp. Kết quả là diện

¹ Hoàng Hanh quê ở xã Xuân Lạc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, sớm tham gia phong trào cách mạng và vươn lên trở thành điển hình trong tăng gia sản xuất với thành tích nổi bật ở cả trồng trọt và chăn nuôi, đồng thời có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật nông nghiệp.

Trịnh Xuân Bái quê ở thôn Vực Thượng, xã Hạnh phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tổ đổi công do Trịnh Xuân Bái khởi xướng đã tập hợp nông dân liên kết, hỗ trợ nhau về sức lao động, công cụ sản xuất, góp phần khắc phục tình trạng thiếu nhân lực và nâng cao hiệu quả canh tác.

tích canh tác tăng lên "28.608 mẫu, trong đó có 25.913 mẫu lúa; năng suất, sản lượng cũng tăng bình quân từ 10 đến 15 phần trăm" [189, tr.315]. Với kết quả đó, Liên khu đã bảo đảm đóng góp cho Nhà nước, tăng nguồn dự trữ lương thực cho các chiến dịch lớn. Với những nỗ lực và cố gắng của đồng bào Liên khu Việt Bắc, trong Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất (1952), Liên khu vinh dự có 16 chiến sĩ thi đua nông nghiệp trong tổng số 40 chiến sĩ thi đua nông nghiệp trong cả nước [167, tr.10].

Quán triệt sâu sắc đường lối kinh tế trong *Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (từ 25 đến 30-01-1953) và thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về kinh tế của Liên khu là: phát triển sản xuất kết hợp với phong trào phát động quần chúng triệt để thi hành chính sách ruộng đất của Đảng, Liên khu ủy thông qua *Đề án về nhiệm vụ công tác kinh tế - tài chính năm 1953*. Đề án xác định nhiệm vụ kinh tế trong năm 1953 của Liên khu là: "Đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm" [75, tr.4]. Đề án chỉ rõ những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về sản xuất ở vùng giải phóng, vùng miền núi, vùng căn cứ du kích... Bên cạnh sản xuất, cần tích cực chống địch phá hoại mùa màng và thiên tai. Đề án đề ra các chỉ tiêu trong sản xuất nông nghiệp: về sản xuất lúa phải "tăng số thu hoạch lên 15%... tỉnh Phú Thọ phải tăng năng suất từ 15% đến 25%, tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang phải tăng năng suất ít nhất 15% đến 20%. Các tỉnh miền núi (vùng tự do) phải tăng năng suất ít nhất 15%" [75, tr.4]. Thực hiện đề án của Liên khu ủy, Ban kinh tế Liên Khu Việt Bắc đã họp từ ngày 2 đến ngày 5 -3-1953 đề ra những biện pháp cụ thể để phát triển nông nghiệp, công thương nghiệp, tài chính,...; trong đó, tập trung phát triển nông nghiệp ở cả vùng tự do, vùng tạm bị chiếm.

Sau khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị *Về phòng đói và cứu đói* (12-5-1953), ngày 22-6-1953, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 41-TT/LKVB *Về việc đề phòng nạn đói và cứu đói*, trong đó chỉ đạo: "Tỉnh ủy tổ chức việc lãnh đạo cho chặt chẽ để đảm bảo được việc thi hành kế hoạch có kết quả" [75, tr.313]. Thực hiện đường lối kinh tế của Trung ương gắn chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp với chính sách ruộng đất, ngày 7-5-1953,

Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 40-CT/LKVB *Về việc chỉnh đốn những sai lầm hiện nay trong công tác phát động quần chúng*, trong đó chỉ đạo: Tỉnh ủy cần nắm vững sách lược phát động quần chúng, trước mắt chủ yếu tập trung chuẩn bị ở những nơi chưa thí điểm. Đồng thời, phải bước đầu chấn chỉnh bộ máy xã, lãnh đạo sát tình hình địa phương để kịp thời ngăn ngừa các cuộc đấu tranh tự phát. Từ tháng 6 đến tháng 11 năm 1953, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành nhiều chỉ thị và thông tư để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát động quần chúng: Chỉ thị số 38-CT/LKVB (10-6-1953) *Về việc nghiên cứu Chỉ thị phát động quần chúng năm 1953 của Trung ương*; Thông tri số 47-TT/LKVB (8-7-1953) *Gửi các tỉnh ủy toàn Liên khu về bộ khuyết việc thi hành chính sách ruộng đất ở những nơi chưa phát động quần chúng*; Thông tri số 49-TT/LKVB (10-7-1953) *Gửi các tỉnh ủy toàn Liên khu về phổ biến chính sách ruộng đất*; Chỉ thị số 30-CT/LKVB (12-8-1953) *Về việc tuyên truyền chính sách phát động quần chúng ở những vùng dân tộc thiểu số có chế độ thổ ty*; Thông tri số 79-TT/LKVB (11-11-1953) *Về việc chỉ đạo riêng củng cố xã đã phát động lấy kinh nghiệm lãnh đạo chung*. Nhìn chung, những chỉ đạo trên tập trung vào quán triệt và triển khai chủ trương phát động quần chúng, gắn với thực hiện chính sách ruộng đất ở Việt Bắc. Liên khu ủy chú trọng phổ biến chính sách, uốn nắn những thiếu sót trong quá trình thi hành ở cơ sở, đồng thời có chỉ đạo riêng đối với vùng dân tộc thiểu số còn tồn tại chế độ thổ ty. Việc củng cố các xã đã phát động cũng được đặt ra nhằm rút kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả lãnh đạo và mở rộng phong trào trong toàn Liên khu.

Dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy, cấp ủy, chính quyền các địa phương đẩy mạnh tổ chức các tổ đổi công, vận động nhân dân tương trợ, giúp đỡ nhau sản xuất, kịp thời giúp đỡ nông dân giống, nông cụ, vật nuôi. Đồng thời, khắc phục những khó khăn do hạn hán, lũ lụt và kẻ thù phá hoại. Ở tỉnh Thái Nguyên, huyện Phú Lương tổ chức *Tuần lễ ra quân chống hạn* đắp xong hai đập giữ nước đảm bảo tưới tiêu cho khoảng 100 mẫu ruộng; huyện Phú Bình tát nước tưới cho 144 mẫu lúa chiêm; huyện Đại Từ cấy vượt diện tích 500 mẫu lúa [12, tr.181]. Các địa phương trong tỉnh Phú Thọ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy

ban huyện, 6 tháng đầu năm 1953 nhân dân 9 huyện đã đào được 61 ngòi tiêu thủy, xây 13 công, đắp 22 đập, đắp 29 nương, bảo vệ 4.870 ha, đã dùng đến 34,015 công [128, tr.73]. Hưởng ứng cuộc vận động thi đua của Chính phủ, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã phát động "*Mùa thi đua năm 1953*". Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nhân dân thi đua cải tiến kỹ thuật canh tác như: cày sâu, bừa kỹ, làm cỏ, bón phân, gieo mạ thưa... Vì vậy, đã tiết kiệm được nhiều thóc giống, năng suất tăng, đời sống nhân dân được cải thiện, "10 xã huyện Lâm Thao, Phú Thọ, quai mạ thưa tiết kiệm được 140 tạ 99 cân thóc giống..., huyện Lập Thạch (Vĩnh Phúc) có 1.713 gia đình cấy nhỏ rảnh, kết quả bông lúa to, nhiều hạt, chắc, tiết kiệm được 31.783 cân mạ" [174, tr.5].

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương gắn chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp với chính sách ruộng đất, trong năm 1953, Đảng bộ Liên khu lãnh đạo 3 đợt phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức ở 222 xã. Trong đó, hai đợt đầu thu được 2.215 tấn thóc, chia cho 21.028 hộ nông dân nghèo [76, tr.58], tạo không khí phấn khởi, hăng hái sản xuất trong nông dân.

Với tinh thần phấn khởi, quyết tâm thi đua vượt mọi khó khăn, năm 1953 sản xuất nông nghiệp của Liên khu Việt Bắc có sự phát triển rõ rệt: diện tích cây lúa tăng 25.913 mẫu và trồng hoa màu tăng 12.689 mẫu [76, tr.72] (tỉnh Lạng Sơn: năm 1946 diện tích lúa chiêm, lộc mao là 25 ha, đến 1953 là 2.027 ha, ngô chiêm từ 270 ha lên 700 ha [152, tr.32]). Năng suất trong toàn Liên khu tăng trung bình từ 10% đến 15%, điển hình ở Phú Thọ có nơi tăng từ 30% đến 50% [76, tr.72]. Như vậy, đã đạt và vượt chỉ tiêu mà *Đề án về nhiệm vụ công tác kinh tế - tài chính năm 1953* đề ra. Từ đó, không những đẩy lùi nạn đói, ổn định đời sống nhân dân mà góp phần cung cấp cho mặt trận "hơn 1.000 tấn gạo, 118 tấn thịt, 113 tấn rau khô (đỗ, lạc) và muối (rau khô vượt mức được 150%). Nói chung khả năng cung cấp ta chưa dùng hết. Trung bình mới hết 40 đến 90% khả năng" [76, tr.82].

Cuối năm 1953, Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ. Liên khu Việt Bắc tập trung mọi nguồn lực cung cấp sức người, sức của cho mặt trận. Để hoàn thành nhiệm vụ, *Hội nghị Liên khu ủy Việt Bắc (1-1954)*

chỉ đạo toàn diện, cụ thể đối với từng lĩnh vực trong đó chú trọng sản xuất nông nghiệp. Hội nghị nhấn mạnh: "Phát triển sản xuất lương thực là chính, chủ yếu là đẩy mạnh sản xuất lúa đi đôi với sản xuất hoa màu chống đói. Sản xuất đi đôi với phát triển chăn nuôi" [76, tr.194]. Đến ngày 24-5-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy ban hành Thông tri số 40-TT/LKVB *Về việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp*. Trong đó chỉ đạo các tỉnh: "Trong nhiệm vụ sản xuất phải chú trọng giải quyết khó khăn về giống má, nông cụ, trâu bò, nhân công cho nông dân... Ở những nơi có nạn đói xảy ra, phải nêu khẩu hiệu "Cứu đói như cứu lửa" [76, tr.431-432].

Để đẩy mạnh sản xuất cần tăng cường thủy lợi, củng cố hệ thống đê điều. Liên khu ủy chỉ đạo các tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó, huy động nhân lực, vật lực để hạn chế thiệt hại do thiên tai. Tỉnh Thái Nguyên lên kế hoạch phòng lụt và chống lụt: "chuẩn bị 100 khối đất cho đê Phú Lôi và 50 khối cho đê Vạn Trại, chuẩn bị 50 khối đá và 50 sọt cho các cống... Vận động ba huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình gieo thêm mạ và thành nhiều đợt..." [148, tr.2]. Để chống hạn, nhân dân trong Liên khu đã tu bổ, sửa chữa xây dựng nhiều công trình thủy lợi nhỏ như: nhân dân Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái nguyên, Lạng Sơn khẩn trương sửa chữa, đào đắp hàng nghìn nương phai làm thủy lợi nhỏ dẫn nước tưới ruộng. Nhân dân Bắc Ninh đào đắp trên 41.000 m³ đất đá, sửa chữa đê Đa Tân, đảm bảo nước tưới cho 1.850 mẫu lúa. Các huyện Thuận Thành, Gia Lương đắp đập, khơi nương trên 10 km lấy nước tưới cho trên 300 mẫu phục vụ cho thâm canh tăng vụ [189, tr.350].

Ngày 7-3-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 19-TT/LKVB *Về việc thi hành kế hoạch phát động quần chúng giảm tô đợt 4* trong đó nhấn mạnh các Tỉnh ủy, Đoàn ủy "phải chỉ đạo công tác phát động quần chúng giảm tô cho được "vững, nhanh, tốt gọn" như phương châm trung ương đã đề ra" [76, tr.218].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ Liên khu, từ đầu năm 1954, tỉnh Bắc Ninh tổ chức cho nhân dân trong vùng địch chiếm đóng học tập chính sách nông thôn của Đảng. Chính quyền địa phương chia "618 mẫu ruộng vắng chủ

cho nông dân, 852 hộ bản cổ nông được giảm tô và hoãn tô 255 tấn thóc" [189, tr.349]. Ở tỉnh Bắc Giang, các xã mới được giải phóng như Yên Thế, Lạng Giang, Hiệp Hòa... đã phát động giảm tô, một số xã tiến hành cải cách ruộng đất.

Liên khu Việt Bắc được Trung ương lựa chọn tiến hành thí điểm cải cách ruộng đất (từ tháng 12-1953 đến tháng 3-1954) trong 6 xã ở Thái Nguyên, dân số là 10.781 người. Đã tịch thu, trưng thu, trưng mua 2.609 mẫu ruộng đất của địa chủ chia cho 6.089 nông dân [65, tr.201]. Bên cạnh đó các tỉnh cũng tăng cường hỗ trợ điều kiện về vốn, giống, phương tiện, do đó, nhân dân yên tâm sản xuất. Đến năm 1954, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Yên Dũng (Bắc Giang) đã tiến hành "trưng vay của địa chủ 237 tấn thóc, 642 trâu, bò và trên chín triệu đồng trợ cấp cho sản xuất" [189, tr.349]. *Chương trình công tác kinh tế tài chính ba tháng 6, 7, 8* của tỉnh Thái Nguyên nhấn mạnh: "hoàn thành cho vay nông nghiệp trong 6 xã đã cải cách ruộng đất ở Đại Từ đến tháng 7 phải hoàn thành" [148, tr.3].

Dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy, trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, sản xuất nông nghiệp tại Liên khu Việt Bắc có sự phát triển mạnh mẽ. Vụ chiêm năm 1954, diện tích gieo cấy toàn Liên khu tăng 40.852 mẫu lúa và đóng góp với nhà nước 136.000 tấn lương thực [189, tr.350]. Để đạt được kết quả đó, có sự đóng góp to lớn của các địa phương trong toàn Liên khu. Đặc biệt tỉnh Thái Nguyên đến tháng 6-1954, diện tích lúa chiêm và lúa Nam Ninh đạt 31.738 mẫu, tăng gần 8 lần so với trước năm 1945 [12, tr.181]. Ở tỉnh Tuyên Quang, đến giữa năm 1952, có 25.574 con trâu, 1.537 con bò, 38.283 con lợn; Huyện Hàm Yên, năm 1953 đã nuôi cá trên 72 mẫu mặt nước đầm hồ [13, tr.88]. Công tác phòng dịch cho gia súc được các địa phương chú ý hơn trước. Năm 1954, dịch bệnh gia súc xảy ra trong 11 tỉnh trên địa bàn Liên khu với 110 ổ dịch cả cũ và mới, đã tiêm phòng được 5.593 trâu, 1.213 bò và 929 lợn [92, tr.12], (Phụ lục 8).

Với những kết quả đạt được, không chỉ ổn định đời sống nhân dân mà còn đạt và vượt chỉ tiêu cung cấp lương thực, thực phẩm cho mặt trận, đặc biệt là Chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong toàn bộ thời gian diễn ra Chiến dịch Điện

Biên Phủ, Liên khu Việt Bắc cung cấp: 4.680 tấn lương thực và 130.554 lượt dân công phục vụ chiến dịch [46, tr.92].

2.2.2. Chỉ đạo sản xuất tiểu thủ công nghiệp và hoạt động thương nghiệp

Về tiểu thủ công nghiệp

Thực hiện chủ trương về phát triển tiểu thủ công nghiệp hướng vào những ngành thiết yếu phục vụ kháng chiến và dân sinh như dệt vải, làm giấy, nông cụ... nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu lần thứ nhất về phát triển công thương nghiệp, Liên khu ủy chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền địa phương tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc phát triển các nghề thủ công truyền thống như nghề dệt vải. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, trong 6 tháng đầu năm 1950, đồng bào Liên khu Việt Bắc sản xuất được 71.122m vải [114, tr.183]. Đầu năm 1951, mặc dù khan hiếm nguyên liệu, giá cả leo thang tiểu thủ công nghiệp còn kém phát triển nhưng Liên khu ủy, các cấp ủy địa phương đã tích cực chỉ đạo Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, các cơ quan, xí nghiệp khắc phục được khó khăn, đẩy mạnh cơ khí hóa ở các xưởng bột giấy và xưởng chế tạo giấy, tăng cường củng cố quản trị các xí nghiệp, tạo điều kiện cho sản xuất tư nhân phát triển (ở Phú Thọ, trong 6 tháng đầu năm 1951, có thêm 6 xưởng bột giấy của tư nhân [150, tr.6]). Liên khu Việt Bắc tập trung đồng đảo đồng bào dân tộc thiểu số nên trước đây nghề rèn ít phát triển, nông cụ thiếu thốn, canh tác nông nghiệp năng suất không cao. Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy, của các cấp ủy, nghề rèn nông cụ có bước phát triển, góp phần đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Trong năm 1951, toàn Liên khu sản xuất được 56.275 chiếc lưỡi cày; năm 1952 sản xuất được 77.407 chiếc; năm 1953 sản xuất được 24.574 dao tông cho Tây Bắc (thứ dao dùng trong sản xuất) [114, tr.185].

Năm 1953, Liên khu ủy Việt Bắc thông qua *Đề án về nhiệm vụ công tác kinh tế - tài chính năm 1953*. Bản Đề án trình bày kế hoạch chỉ đạo và thực hiện chặt chẽ, toàn diện các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực công thương nghiệp. Về phát triển tiểu thủ công nghiệp hướng tới phát triển nông nghiệp, Đảng bộ Liên

khu chỉ đạo "chú trọng phát triển thủ công nghiệp gia đình và tiểu công nghệ, thủ công nghiệp gia đình là chính" [75, tr.6]. Sự chỉ đạo này là hoàn toàn sát hợp với quan điểm của Trung ương: "Việc phát triển công nghiệp cần được chú ý, đặc biệt là tiểu công nghệ và thủ công nghiệp" [62, tr.128] và hoàn cảnh thực tế của địa phương. Đề án chỉ rõ những giải pháp phát triển thủ công nghiệp gia đình như: tăng cường công tác mậu dịch bằng cách lãnh đạo để bài trừ hàng lậu, hàng cấm, hàng xa xỉ phẩm, giáo dục thương nhân, đẩy mạnh xuất khẩu vào vùng địch... Đồng thời, cần tận dụng nguyên liệu sẵn có của địa phương như ở Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái sản xuất được nhiều bông cần chủ động chế biến, cải tiến kỹ thuật, tìm cách tiêu thụ hàng hóa. Để phát triển tiểu thủ công nghiệp cần "chú trọng các ngành vải sợi, nông cụ, ép dầu, thuộc da" [75, tr.6]. Tuy nhiên, cần chú ý đến phẩm chất kết hợp với tăng cường đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp, tạo điều kiện cho việc tiêu thụ hàng hóa cũng như công tác phát động quần chúng để thúc đẩy nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất.

Với sự chỉ đạo tích cực của Đảng bộ Liên khu, kết hợp với đẩy mạnh công tác phát động quần chúng cũng như công tác tiểu phi được mở rộng nên "vấn đề sản xuất nông cụ và phốt phát được phát triển đều" [76, tr.75]. Một số tỉnh như Hà Giang đã chú ý đến việc tiếp tế nguyên liệu cho sản xuất tiểu công nghệ "trong năm 1953 đã đưa lên được 7.335 cân sắt, 50 cân thép, 1.400 cân gang" [76, tr.162], tiếp tế nông cụ cho bà con sản xuất với "148 lưỡi cày, 100 cuốc, 100 thuổng, 50 xẻng..." [76, tr.162]. Các địa phương chú trọng thủ công nghiệp gia đình: "Chỉ riêng của nhân dân các vùng gần địch ở Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc đã tự làm và tự bán vào vùng tạm chiếm được 900 triệu ngân hàng trong năm 1953" [76, tr.75]. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành sản xuất thiếu hướng dẫn chuyên môn, thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa công thương và các đoàn thể như nông hội, công đoàn để vận động cũng như giải quyết khó khăn cho nhân dân.

Về thương nghiệp

Cùng với nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế ở Liên khu Việt Bắc. Quát triệt quan

điểm của *Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (3-1951) và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu lần thứ nhất (1951) về phát triển thương nghiệp, Liên khu ủy chỉ đạo: "Công tác mậu dịch là một trong ba công tác quan trọng trong chương trình kinh tế, tài chính năm nay" [150, tr.1]. Trong hoàn cảnh kháng chiến, mậu dịch quốc doanh có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo cung cấp những nhu yếu phẩm thiết yếu mà trước hết là gạo, muối, vải, sau nữa là giấy viết, dầu hỏa, xà phòng...; điều hòa thị trường, ổn định giá cả; đáp ứng yêu cầu của sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời giúp thanh toán được phần lớn nạn giấy bạc lẻ và giấy rách; thúc đẩy được việc khai thác lâm thổ sản... Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy, một mặt các cơ quan mậu dịch được thành lập trong toàn Liên khu. Mặt khác, mậu dịch tập trung hoạt động ở những thị trường chính, nơi tập trung nguồn hàng nông sản, thủ công nghiệp... hay có khối lượng lưu chuyển hàng hóa lớn cũng như những địa bàn tiêu biểu cho hoạt động thương nghiệp của địa phương. Trong những 1951, 1952, Kỳ Lừa (Lạng Sơn), Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ được xác định là thị trường chính của Liên khu và cả nước. Cũng trong năm 1951, 1952, Liên khu tăng cường nhiều cán bộ cho các cơ quan mậu dịch. Do đó, ngành thương nghiệp có sự tiến bộ về tổ chức và nghiệp vụ.

Bên cạnh hoạt động của các cơ quan mậu dịch, hoạt động buôn bán của thương nhân cũng diễn ra nhộn nhịp hơn trước sau khi thể lệ thuế công thương nghiệp được phổ biến rộng rãi. Từ tháng 9-1951, số thương nhân buôn chuyển không ngừng tăng lên như ở Yên Bái từ 20 người tăng lên 300 người, Tuyên Quang từ 1.650 người tăng lên 1.852 người. Xuất hiện nhiều công ty kinh doanh thương mại, vận tải: ở Thái Nguyên có công ty vốn 27 triệu, Bắc Giang có công ty chè, giấy vốn trên 10 triệu, Quảng Yên công ty Việt Hòa vốn 4 triệu... [90, tr.5].

Trong điều kiện chiến tranh, hoạt động mậu dịch ở Liên khu còn nhiều khó khăn trong phát huy vai trò chủ động trên thị trường, cũng như trong cung cấp những mặt hàng thiết yếu như gạo, vải... Vì vậy, giá cả hàng hóa vẫn tiếp tục tăng cao (chỉ tính đầu năm 1951, từ tháng 1 đến tháng 5, giá gạo và giá vải lần lượt tăng là 190%, và 110%) [150, tr.4].

Trước tình hình đó, quán triệt Nghị quyết Bộ Chính trị (17-4-1952) *Về mấy công tác tài chính, ngân hàng mậu dịch quan trọng và cấp bách*, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 53-TT/LKVB (21-10-1952) *Gửi các Tỉnh ủy toàn Liên khu về việc lãnh đạo mậu dịch và xuất nhập khẩu*, trong đó nhấn mạnh: "Các tỉnh ủy phải chú ý kiểm tra đôn đốc mậu dịch và xuất nhập khẩu (nhất là vùng sát địch). Phải kết hợp với sự lãnh đạo của ngành dọc mà lãnh đạo mậu dịch cho chặt chẽ và kịp thời để đẩy mạnh công tác mậu dịch, khiến nó phục vụ được nhân dân, thực hiện được chính sách kinh tế, tài chính của Đảng" [74, tr.793].

Trong thực tiễn chỉ đạo, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc không chỉ chú trọng mở mang thương nghiệp giữa các vùng mà còn tận dụng lợi thế có đường biên giới để mở mang thương mại với Trung Quốc. Liên khu Việt Bắc có lợi thế về xuất nhập khẩu do có đường biên giới kéo dài từ Móng Cái đến Lai Châu. Hoạt động xuất nhập khẩu của Liên khu diễn ra ở các cửa khẩu chính như Bắc BẮC, Vĩnh Phúc và Phú Thọ. Năm 1952, liên Bộ Công thương, Tài chính, Ngân hàng quyết định kế hoạch mở biên giới thì hoạt động xuất nhập khẩu của Liên khu càng thuận lợi hơn. Một mặt, Đảng bộ Liên khu tăng cường chỉ đạo xuất khẩu các mặt hàng lợi thế của Liên khu như nông nghiệp, lâm thổ sản... mặt khác nhập những mặt hàng thiết yếu phục vụ sinh hoạt và kháng chiến. Tính đến tháng 11-1952, Liên khu Việt Bắc xuất khẩu số hàng trị giá 18.569.470.250 đồng (tiền Trung Hoa) so với số phải giao là 21.678.375.000 đồng thì đã thực hiện được 85,7% chương trình" [75, tr.68] và "tính đến tháng 10/1952... số hàng nhập trị giá 13.927 triệu đồng" [75, tr.47]. Báo cáo kiểm thảo công tác kinh tế tài chính năm 1952 của Hội nghị Ban kinh tế Liên khu Việt Bắc từ ngày 5 đến ngày 9-1-1953, cho biết: "Mậu dịch với Trung Quốc phát triển mạnh cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công nghệ và thương mại hoạt động" [170].

Nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển hơn nữa, đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến tranh ngày càng cam go, ác liệt, Liên khu ủy Việt Bắc thông qua *Đề án về nhiệm vụ công tác kinh tế - tài chính năm 1953*. Đề án xác định phát triển mậu dịch phục vụ sản xuất cần gắn với bình ổn vật giá, khuyến khích nhân dân

khai thác lâm thổ sản để tạo nguồn hàng lưu thông. Đồng thời, cần giáo dục cán bộ, thương nhân mua bán đúng giá, chống đầu cơ, ép giá và bảo đảm vận tải hàng hóa vào vùng địch, sang Trung Quốc. Từ yêu cầu đẩy mạnh lưu thông hàng hóa và bảo đảm nhu yếu phẩm cho nhân dân, tháng 2-1953, Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 15-TT/LKVB *Về việc giúp đỡ mậu dịch trong việc bán vải cho nhân dân* và Thông tri số 17-TT/LKVB *Về việc giúp đỡ mậu dịch trong việc bán hàng cho nhân dân*. Liên khu ủy yêu cầu các địa phương hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa, nhất là vải, cho phép nhân dân mua bằng tiền hoặc đổi bằng lâm thổ sản. Việc bán hàng nhằm thực hiện chính sách kinh tế của Đảng, cung cấp nhu yếu phẩm cho nhân dân nên cần "bán ngay, bán mạnh", giảm thủ tục và tổ chức mua bán linh hoạt, thuận tiện.

Với đường lối đúng đắn của Trung ương, sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ Liên khu, sự phối kết hợp giữa các ngành, các cơ sở mậu dịch ngày càng trưởng thành và nhận được sự tin tưởng của nhân dân. Công tác giá cả có nhiều tiến bộ: bình ổn và điều hòa được việc buôn bán, vận tải nhất là vào tháng 1 và tháng 10. Từ đó, giá các nhu yếu phẩm như gạo, thịt, muối... được bình ổn góp phần ổn định đời sống nhân dân: "So sánh đầu năm với cuối năm thì giá gạo hạ bớt được 40%, vải 16%, thịt 10%, muối 38%" [76, tr.75]. Ở Thái Nguyên, đến tháng 11-1953, giá gạo chỉ còn 320 đồng/kg, Bắc Giang là 278 đồng/kg, Phú Thọ 360 đồng/kg [105, tr.3] (cuối tháng 11-1952, giá gạo ở Thái Nguyên là 4.600 đồng/kg, Bắc Giang 4.485 đồng/kg, Phú Thọ 5.600 đồng/kg [103, tr.28]); hoạt động mua bán lâm thổ sản cũng được đẩy mạnh "con số lên tới 13 nghìn triệu trị giá bằng 65.000 tấn thóc, tức là một nửa số thu thuế nông nghiệp trong một năm" [76, tr.75], riêng tỉnh Bắc Kạn "số thu hoạch về sa nhân bán cho mậu dịch đã trị giá 400 triệu đồng" [76, tr.162]. Nhờ đó, cuộc sống của đồng bào ở nhiều nơi ổn định hơn, nhiều gia đình do thu nhặt lâm thổ sản bán cho mậu dịch, thương nhân nên có tiền mua trâu, bò, quần, áo, nông cụ và không phải đóng thuế nông nghiệp bằng thóc. Nhiều tỉnh trong Liên khu tăng số hàng xuất, chỉ nhập những mặt hàng địa phương không sản xuất được.

Năm 1953, Nghị định thư về mậu dịch tiểu ngạch nhân dân biên giới được ký kết giữa Việt Nam và Trung Quốc, cho phép nhân dân các tỉnh biên giới trong đó có các tỉnh thuộc Liên khu Việt Bắc được trao đổi những sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày. Vì vậy, càng thúc đẩy quan hệ mậu dịch giữa hai nước nói chung và Liên khu Việt Bắc với Trung Quốc nói riêng. Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trong tháng 12-1953 của chi sở mậu dịch xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc, Sơn Tây, Phú Thọ là 618.040.910 đồng (46.283 m vải diêm bầu, 1.095 m vải phin đen, 20.147 kg muối...), xuất khẩu đạt 611.429.370 đồng [141, tr.36]. Như vậy, cán cân xuất nhập khẩu đã gần cân bằng. Bên cạnh đó, năm 1953, thực dân Pháp ra sức càn quét, đánh chiếm, phá hoại kinh tế kháng chiến nên việc xuất nhập khẩu, đưa hàng hóa vào vùng Pháp chiếm đóng gặp rất nhiều khó khăn. Chưa kể đến việc tiêu thụ các sản phẩm của tiểu thủ công nghiệp giá thành còn cao, chưa đáp ứng được nhu cầu của nông dân.

2.2.3. Chỉ đạo bảo đảm và phát triển giao thông vận tải

Trong nền kinh tế kháng chiến giao thông vận tải có một vị trí hết sức quan trọng, nó đảm bảo sự hoạt động liên tục của nền kinh tế, lưu thông hàng hóa giữa các khu vực, góp phần đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi cuối cùng. Quán triệt sâu sắc vấn đề trên, Đảng bộ Liên khu bám sát thực tiễn, tăng cường chỉ đạo tổ chức xây dựng, bảo vệ, sửa chữa cầu đường, tăng cường vận tải phục vụ chiến dịch, sản xuất và đời sống nhân dân trong Liên khu.

Sau thắng lợi của Chiến dịch Biên giới năm 1950, tuyến biên giới Việt - Trung được khai thông, thực hiện Nghị quyết *Hội nghị toàn quốc lần thứ ba* (21-1-1950 đến 3-2-1950) của Đảng và Chỉ thị *Về việc sửa đường vận tải* của Ban Thường vụ Trung ương (3-5-1950), ngày 31-5-1950, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 104-TT/LKVB *Gửi các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên, Yên Bái, Lào Cai; các Đảng đoàn, Mặt trận, Nông, Thanh, Phụ về việc tiếp tục sửa chữa đường sá*. Chỉ thị yêu cầu các địa phương, các cấp, các ngành phải quán triệt nghiêm túc chủ trương của Trung ương để lập kế hoạch thi hành. Trên cơ sở đó, tuyến đường sắt Lào Cai - Yên Bái được khôi phục để tăng cường trao đổi, vận chuyển hàng

hóa. Do đó, Liên khu Việt Bắc được mở thông biên giới với các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời, được nối liền với vùng tự do Liên khu 4, Liên khu 5, phá thế bao vây, cô lập của kẻ thù.

Trong năm 1951, 1952 thực dân Pháp ra sức phá hoại giao thông vận tải, trọng điểm mà chúng đánh phá là đường số 1 và đường số 3 trên địa bàn Liên khu Việt Bắc. Thực dân Pháp lợi dụng địa thế hiểm trở, chia cắt của vùng rừng núi để tiến hành phá hoại, gây khó khăn cho quá trình sửa chữa đường sá như khu vực đèo Giàng, đèo Sài Hồ, đèo Khế... Chúng sử dụng cả biệt kích dùng thuốc nổ phá đường Bó Hạ đi Nhất Lang, cầu Cho Phong gây rất nhiều khó khăn cho kháng chiến, đặc biệt, khi thực dân Pháp tấn công Phú Thọ đã phá 17 cầu lúc rút lui [75, tr.62] làm cho giao thông vận tải ở nhiều địa bàn có lúc bị ngưng trệ. Công tác sửa chữa cầu đường thực sự là một cuộc đấu tranh cam go với kẻ thù. Tiếp tục thực hiện chủ trương "chấn chỉnh và xúc tiến công tác vận tải" [73, tr.492], ngày 16-1-1951, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 08-TT/LKVB *Về việc sửa đường vận tải*, trong đó nhấn mạnh vấn đề sửa đường là rất quan trọng. Vì vậy, "mỗi tỉnh phải cử một đồng chí tỉnh ủy viên hay một ủy viên hành chính kháng chiến có năng lực phụ trách và có đủ thẩm quyền giải quyết các công việc thuộc về sửa đường vận tải trong tỉnh" [74, tr.12].

Trước sự chỉ đạo quyết liệt của Liên khu ủy, các cấp ủy địa phương chỉ đạo và tổ chức phát huy vai trò của các đoàn thể như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ tham gia vận động nhân dân cùng bộ đội vận tải, tiếp tế, bảo vệ, sửa chữa cầu đường. Vấn đề vận tải được tăng cường hơn trước, ngoài phương tiện vận tải do Nhà nước đảm nhận, thì vận tải tư nhân cũng có bước phát triển: một số thuyền bị hỏng do máy bay oanh tạc được sửa chữa, số lượng thuyền được sử dụng để vận chuyển hàng hóa đã tăng lên, ở "Yên Bái, số thuyền tăng lên từ 30 đến 60, Thái Nguyên từ 89 đến 104, Vĩnh Phúc từ 50 đến 53" [90, tr.5]; vận tải đường bộ chủ yếu là dùng xe trâu, xe ngựa và bắt đầu sử dụng xe đạp: 1950 ở Bắc Giang có 50 xe trâu, xe ngựa, sang năm 1951 tăng lên 220 chiếc, xe đạp Phú Thọ có 5 chiếc, Bắc Giang có 30 chiếc, Yên Bái 31 chiếc, Thái Nguyên

179 chiếc [90, tr.5]. Từ đầu năm 1952, đã hình thành lực lượng vận tải quốc doanh đầu tiên trên tuyến đường Thủy Khâu đến Phú Thọ với 26 ô tô vận tải, 92 xe trâu bò, 6 thuyền [194, tr.185]. Báo cáo kiểm thảo công tác kinh tế tài chính năm 1952 của Hội nghị Ban kinh tế Liên khu Việt Bắc từ ngày 5 đến ngày 9-1-1953 ghi: “Chúng ta cũng đã ghi được nhiều kết quả trong công tác sửa chữa cầu đường (...) đã xây dựng được ngành vận tải nhân dân, nắm được phần lớn lực lượng đưa vào tổ chức để sử dụng có kế hoạch hơn trong việc phục vụ kháng chiến và dân chính” [170].

Bước sang năm 1953, thực dân Pháp phá hoại giao thông vận tải ác liệt, có trọng tâm, trọng điểm bằng nhiều hình thức: ném bom oanh tạc, cho Việt gian đốt phá cầu bằng hóa chất, đánh mìn xe vận tải... Quán triệt Nghị quyết *Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (từ 25 đến 30-01-1953) và căn cứ vào tình hình của Liên khu, trong Đề án *Về nhiệm vụ công tác kinh tế - tài chính năm 1953*, Liên khu ủy Việt Bắc chỉ đạo: “Địch càng ra sức phá hoại thì ta càng cố gắng sửa chữa” [75, tr.17] và nhấn mạnh: “Mở mang đường kinh tế, đồng thời chú ý tổ chức vận tải thủy bộ để phát triển kinh tế” [75, tr.18]. Ngày 16-2-1953, trong Chỉ thị số 5-CT/LKVB (16-2-1953) *Về việc sửa chữa và bảo vệ cầu, đường, phà*, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc nhấn mạnh vai trò của giao thông vận tải đối với kinh tế: “Việc chuyên chở hàng hóa từ nơi thừa sang nơi thiếu sẽ giúp bình ổn vật giá, thuận lợi hơn, kinh tế phát triển hơn” [75, tr.110]. Chỉ thị yêu cầu nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ cầu, đường, phà; khắc phục tư tưởng ngại khó, ngại khổ. Đồng thời, các cấp ủy Đảng phải trực tiếp chỉ đạo làm đường, huy động dân công và phối hợp với lực lượng vũ trang để chống âm mưu phá hoại của địch. Với những sự cố gắng đó, Đảng bộ Liên khu thể hiện rõ quyết tâm bảo vệ bằng được cầu, đường, phà vì: “Nếu ta để giao thông bị nghẽn một đêm là một đêm ta thiệt hại, ảnh hưởng xấu đến kế hoạch quân sự và kinh tế của ta” [75, tr.113]. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư (15-6 -1953) *Về việc lãnh đạo công tác làm cầu đường giao thông vận tải*, ngày 23-6-1953, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 42-TTLKVB *Về việc thi hành Chỉ*

thị số 44 ngày 15-6-1953 của Trung ương về công tác cầu đường, giao thông vận tải. Thông tri nhấn mạnh các tỉnh cần họp hội nghị tỉnh ủy để nghiên cứu kỹ chỉ thị của Trung ương và kiểm tra, đánh giá việc thi hành Chỉ thị số 5-CT/LKVB (16-2-1953) của Liên khu Việt Bắc, chỉ rõ những hạn chế trong công tác lãnh đạo. Liên khu ủy cũng lưu ý những hạn chế ở hai tỉnh Lạng Sơn, Bắc Kạn là "... giao thông sáu tháng đầu năm nay bị bế tắc quá đáng. Các tỉnh đều đề cho tình trạng lãng phí nghiêm trọng..." [75, tr.314-315]. Từ đó, chỉ đạo những việc cần làm ngay là: tăng cường công tác tuyên truyền để cán bộ và nhân dân hiểu rõ sự cần thiết việc làm đường, cầu phà đối với kháng chiến và đời sống; tổ chức thi đua, tính toán làm khoán để tránh lãng phí; tăng cường lãnh đạo của Đảng trong tổ chức dân công; huy động dân công làm cầu đường.

Trên cơ sở chỉ đạo sát sao của Liên khu ủy, năm 1953, giao thông vận tải có sự tiến bộ rõ rệt. Phương tiện vận tải quốc doanh tập thể và tư nhân đều tăng. Đặc biệt, hoạt động vận tải tư nhân được Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện. Các đơn vị vận tải do tư nhân thành lập cũng xuất hiện ở nhiều tỉnh thuộc Liên khu Việt Bắc như Phú Thọ, Thái Nguyên... Hàng hóa được vận chuyển bằng nhiều phương tiện vận tải khác nhau như: xe bò, xe ngựa, xe thồ, xe ba gác, thuyền lớn nhỏ, kể cả ca nô trên các tuyến sông vùng kháng chiến đã góp phần làm cho hàng hóa từ Liên khu Việt Bắc đến các địa bàn khác hoặc ngược lại lưu thông hơn trước. Từ đó, góp phần bình ổn được giá cả ở Liên khu. Vải, muối là những mặt hàng trước đây khan hiếm, giá thành tăng cao nay do giao thông vận tải thuận lợi hơn nên số lượng hàng hóa được vận chuyển từ Liên khu 4 lên Việt Bắc không ngừng tăng lên; nông cụ, vật tư do Liên khu Việt Bắc sản xuất cũng được vận chuyển đi Tây Bắc nhiều hơn.

Cuối năm 1953, để phục vụ cho kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954, công tác giao thông vận tải được đẩy mạnh. Triển khai Nghị quyết *Hội nghị kiến thiết cầu đường* của Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc (12-1953) Liên khu ủy Việt Bắc ban hành ba thông tri: Thông tri số 90-TT/LKVB (8-12-1953) *Về việc huy động dân công phục vụ kế hoạch cầu đường*; Thông tri số 96-TT/LKVB (14-12-1953) *Về việc huy động dân công phục vụ kế hoạch*

cầu đường; Thông tri số 98-TT/LKVB (18-12-1953) *Về việc huy động dân công phục vụ kế hoạch cầu đường*. Trong đó, Liên khu ủy giao trách nhiệm cho các tỉnh về huy động dân công, thóc gạo như: về thóc gạo "Lạng Sơn phải đảm bảo có 1.800 tấn... Bắc Giang phải cung cấp 800 tấn... Thái Nguyên phải cung cấp 500 tấn..." [75, tr.666]; về huy động dân công, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo chỉ huy động hai đợt dân công loại A, B trong vòng 4 tháng ở 8 tỉnh là 39.000 người [75, tr.721] (Phụ lục 9).

Từ đầu năm 1954, Đảng bộ Liên khu xác định bảo đảm và tăng cường giao thông vận tải một trong những nhiệm vụ quan trọng, vừa phục vụ nhiệm vụ xây dựng kinh tế, phục vụ dân sinh, đồng thời, đáp ứng yêu cầu phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ. Liên khu ủy chỉ đạo: đối với giao thông đường bộ, phải tập trung lực lượng đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trên những con đường chính, đường xung yếu, đường liên tỉnh, vận động nhân dân mở mang những con đường mới; đối với đường thủy, phải bảo đảm đủ phà ở bến chính và chuẩn bị những bến phà cần thiết cùng phương tiện vận chuyển. Để hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải thông suốt, Liên khu ủy chỉ đạo phát động "*Chiến dịch cầu đường*" với quy mô lớn trên địa bàn Liên khu.

Thực hiện chỉ đạo của Liên khu ủy, các cấp chính quyền tích cực tuyên truyền, động viên, huy động nhân dân cùng cán bộ chiến sĩ cầu đường sửa chữa, bảo vệ các con đường huyết mạch. Trong 3 tháng đầu năm 1954, thực hiện kế hoạch điều vận của Liên khu, 5 tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang đã chỉ đạo các ban điều vận phụ trách công tác bảo đảm giao thông vận tải. Ở các tỉnh đều thành lập các "Ban cán sự cung đường" để bảo đảm việc vận chuyển được thông suốt. Theo chỉ đạo của Liên khu ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu đã thành lập một đoàn cán bộ chỉ đạo riêng công tác giao thông vận tải ở Thái Nguyên để rút kinh nghiệm hướng dẫn các đại phương khác [129].

Trong thời gian diễn ra Chiến dịch Điện Biên Phủ, Liên khu ủy chỉ đạo công tác giao thông vận tải phải thực hiện 2 nhiệm vụ chính: bảo đảm số lượng phương tiện vận tải phục vụ tiên tuyến kết hợp với công tác điều vận hậu

phương, phục vụ nhu cầu vận chuyển trong nội địa Liên khu. Thực hiện nhiệm vụ huy động và tổ chức chuyển vận từ hậu phương ra tiền tuyến do Hội đồng cung cấp Mặt trận giao, trong 3 đợt huy động, Liên khu Việt Bắc đã tập hợp được 5.627 xe đạp thồ cùng nhân công tham gia vận chuyển cho mặt trận Điện Biên Phủ; tổng số khối lượng luân chuyển hàng hóa phục vụ là 293.883, 818 tấn -kilômét. Với thành tích đó, Liên khu được tặng thưởng 19 huân chương chiến sĩ hạng ba cho cá nhân và 2 huân chương cho tập thể; 196 bằng khen, 1147 giấy khen [129].

Cùng với vận chuyển phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, công tác “chuyển vận hậu phương” cũng đạt được nhiều thành tích trong phục vụ dân sinh. Liên khu ủy đã chỉ đạo tập trung lực lượng lớn dân công làm nhiệm vụ sửa chữa, bảo đảm giao thông vận tải trên tuyến đường số 1 và số 3 nhằm bảo đảm việc tiếp nhận và vận chuyển hàng viện trợ quốc tế. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhân dân các địa phương có sáng kiến thành lập các “Tổ bảo vệ”, các “Đội chủ lực sửa chữa” cầu đường. “Trên trục đường số 3, hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn thành lập được 331 tổ với trên 3000 tổ viên có nhiệm vụ thường xuyên bám sửa mặt đường” [189, tr.352]. Nhiều chiến sĩ làm đường “tăng năng suất 300, 400 cho đến 500% công việc” [76, tr.81]. Nhân dân Thái Nguyên, Bắc Cạn tích cực vượt mọi khó khăn, nguy hiểm “tham gia san lấp 8.000 mét khối đất đá trên tuyến vận tải hậu cần từ Quán Vuông ra mặt trận. Nhân dân Bắc Giang cùng lực lượng công binh của Bộ và thanh niên xung phong mở 87 ki-lô-mét từ đường số 13 qua đèo Lũng Lô, Phiêng Ban, vượt qua suối sâu, đèo cao, nối liền với đường số 41, hình thành tuyến đường giao thông chủ yếu từ hậu phương Việt Bắc lên tiền tuyến Tây Bắc” [189, tr.352]. Mặt khác, nhiều nơi giao thông đi lại khó khăn, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo các địa phương huy động dân công mở đường mới để đảm bảo giao thông thông suốt như ở Đèo Giàng (Bắc Cạn), Đèo Khê (Thái Nguyên), Đèo Cà (Bắc Giang).

Giao thông vận tải được kiến thiết, tăng cường và giữ vững ở Liên khu có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc đảm bảo cung cấp cho mặt trận và thúc

đẩy phát triển kinh tế, hàng hóa lưu thông, giải quyết được phần lớn nạn khan hiếm hàng hóa, giá cả tăng vọt, đảm bảo đời sống nhân dân.

2.2.4. Chỉ đạo công tác tài chính - ngân sách

Nhận thức rõ vai trò rất quan trọng của công tác tài chính - ngân sách đối với nền kinh tế kháng chiến, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã quan tâm chỉ đạo sát sao.

Do yêu cầu cung cấp cho mặt trận ngày càng lớn, trong năm 1951, Trung ương Đảng, Chính phủ ban hành nhiều chủ trương, chính sách về tài chính để tiến tới mục tiêu thăng bằng thu – chi, về kiện toàn và củng cố bộ máy tài chính các cấp. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, bộ máy tài chính của Liên khu Việt Bắc được kiện toàn, bố trí thành 17 ty tài chính với tổng số 322 cán bộ [153, tr.24]. Tuy có nhiều ty tài chính nhưng số lượng cán bộ làm công tác tài chính vẫn còn thiếu, chưa kể đến trình độ, chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế. Trước tình hình đó, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh công tác tài chính. Tháng 2- 1950, Liên khu ủy tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tài chính cấp huyện và tỉnh (đối tượng cán bộ thuộc các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Châu Mai Đà, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Yên). Năm 1951, phân sở thuế Liên khu Việt Bắc được thành lập, đồng thời, các chi sở thuế ở cấp tỉnh và phòng thuế ở cấp xã cũng hình thành. Đặc biệt các tỉnh có hoạt động xuất nhập khẩu đã thành lập các chi sở thuế xuất nhập khẩu như Phú Thọ, Quảng Yên... Như vậy, bộ máy tài chính ở Liên khu được hình thành về cơ bản là một thuận lợi to lớn thúc đẩy hoạt động của lĩnh vực tài chính.

Đến năm 1953, cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn phản công, dưới sự chỉ đạo của Trung ương, nhiều chiến dịch lớn được mở, nhu cầu về nhân lực, vật lực ngày càng tăng. Để đáp ứng nguồn lực kinh tế cho cuộc kháng chiến, bộ máy tài chính cần phải được củng cố hơn nữa, nhất là trong công tác thuế. Trước yêu cầu của tình hình mới, Đảng bộ Liên khu coi nhiệm vụ củng cố, chấn chỉnh ngành thuế ở các địa phương là cấp bách và cần phải làm ngay. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1953, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc đã

ban hành 3 thông tri liên quan đến công tác thuế: Thông tri số 37-TT/LKVB (9-6-1953) *Về việc cử cán bộ và đảng viên sang phụ trách ngành thuế*; Thông tri số 60-TT/LKVB (10-9-1953) *Gửi các tỉnh ủy toàn Liên khu về việc chấn chỉnh tổ chức phòng thuế nông nghiệp tỉnh*; Thông tri số 68-TT/LKVB (20-9-1953) *Gửi các ban tỉnh ủy toàn Liên khu về việc chấn chỉnh chi sở thuế các tỉnh*. Liên khu ủy chỉ rõ ngành thuế còn nhiều yếu kém như thiếu cán bộ cốt cán, một số bị địch mua chuộc, năng lực nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm còn hạn chế, làm ảnh hưởng đến nguồn thu tài chính. Vì vậy, Liên khu ủy yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với ngành thuế, kiện toàn tổ chức, bổ sung cán bộ trung thành, liêm khiết, có trình độ và từng bước chuyên môn hóa đội ngũ. Đồng thời, cần đẩy mạnh giáo dục tư tưởng, nâng cao trách nhiệm, rà soát và thay thế những cán bộ không đủ điều kiện, qua đó củng cố bộ máy tài chính, tăng hiệu quả thu ngân sách phục vụ kháng chiến.

Trong bối cảnh yêu cầu kháng chiến ngày càng lớn, việc bảo đảm nguồn cung cấp thường xuyên, ổn định trở thành nhiệm vụ cấp bách. Vì vậy, thống nhất quản lý thu - chi là yêu cầu cần thiết để đảm bảo hoạt động thu - chi có hiệu quả. Trên cơ sở Nghị quyết của Bộ Chính trị (17-4-1952), *Về mấy công tác tài chính, ngân hàng mậu dịch quan trọng và cấp bách* và Thông tư số 106/TTg của Chính phủ (18-7-1951) *Về việc thống nhất quản lý tài chính*, Liên khu ủy ban hành những văn bản chỉ đạo cụ thể đối với các địa phương trong Liên khu: Thông tri số 49-TT/LKVB (25-9-1952) *Gửi các cấp ủy Đảng toàn Liên khu về việc thống nhất các kho quỹ riêng vào ngân sách quốc gia*; Thông tri số 14-TT/LKVB (12-3-1953) *Về việc xúc tiến hoàn thành thống nhất kho quỹ riêng*; Thông tri số 14-TT/LKVB (24-5-1953) *Về việc tập trung các kho quỹ riêng và tài sản rải rác*. Liên khu ủy nhấn mạnh việc thống nhất các kho quỹ riêng vào ngân sách quốc gia nhằm khắc phục tình trạng quản lý phân tán, sử dụng tùy tiện, lãng phí và tham ô. Các khoản quỹ, kho thóc, tài sản có nguồn gốc công phải được nộp hoặc thu hồi về cơ quan tài chính, nhưng không làm ảnh hưởng đến sản xuất. Việc này nhằm tập trung nguồn thu, tăng cường quản lý tài chính, góp phần cân bằng thu - chi và ngăn ngừa thất thoát ngân sách nhà

nước. Việc xúc tiến hoàn thành thống nhất kho quỹ riêng từ tỉnh đến huyện trong tháng 3-1953, ở các xã và đơn vị bộ đội là hết tháng 8-1953.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ về thống nhất quản lý tài chính, tăng thu giảm chi để tiến tới thăng bằng thu – chi, đặc biệt là thực hiện chính sách thuế mới, Đảng Bộ Liên khu chỉ đạo sát sao việc cải cách chế độ đảm phụ, bãi bỏ các thứ thuế đóng góp cũ, thực hiện chính sách thuế mới. Trong các loại thuế, thuế nông nghiệp là nguồn thu đặc biệt quan trọng của cả nước và Liên khu Việt Bắc. Việc thi hành chính sách thuế nông nghiệp được tiến hành bắt đầu từ năm 1951 và Liên khu Việt Bắc được Trung ương tin tưởng để tổ chức thí điểm sau đó nhân rộng ra cả nước. Trước nhiệm vụ to lớn đó, Đại hội Đảng bộ Liên khu lần thứ nhất (1951) chủ trương "phổ biến và thi hành thuế nông nghiệp". Do yêu cầu phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, thuế nông nghiệp chưa thể triển khai ngay trong vụ chiêm năm 1951, mà trước hết phải thực hiện biện pháp tạm vay ở các địa phương trong đó có Liên khu Việt Bắc với nguyên tắc: "Ít nhất phải vay cho được 1/3 số thuế nông nghiệp của mọi nông hộ" [74, tr.123]. Ngày 10-6-1951, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 02-CT/LKVB *Về việc tạm vay* trong đó giải thích rõ và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạm vay, nguyên tắc tạm vay để các địa phương kịp thời sửa chữa những sai lầm về thái độ và nhận thức. Trong đó, nhấn mạnh nguyên tắc tạm vay của Chính phủ là: "tất cả những người có thu hoạch thóc bắt buộc phải cho vay, riêng đối với bản cổ nông có thể tùy trường hợp cho phép tự nguyện, nhưng đối với các tầng lớp khác thì nguyên tắc là sẽ tạm thu mà mức thu tối thiểu là 1/3 số thuế nông nghiệp tính theo bản thảo "Ấn điều lệ"" [74, tr.151]. Tiếp đó, ngày 21-6-1951, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc tiếp tục ban hành Thông tri số 46-TT/LKVB *Gửi các Tỉnh ủy Bắc Giang, Quảng Yên, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Vĩnh Phúc về bổ khuyết vấn đề tạm vay*. Trên cơ sở chỉ ra những hạn chế, thiếu sót của các địa phương trong quá trình thi hành chính sách tạm vay, Liên khu ủy tích cực chỉ đạo việc đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, phối hợp với việc bảo đảm thu hoạch của nhân dân...

Mặc dù ở địa bàn Liên khu tập trung đông đồng bào các dân tộc thiểu số, đời sống còn hết sức khó khăn, nhưng Đảng bộ Liên khu tin tưởng: "Dân chúng không sợ viên đạn, lưỡi lê của giặc thì chắc dân chúng cũng không quản ngại hi sinh để đóng góp" [74, tr.169]. Do đó, công tác tuyên truyền, động viên để nhân dân hiểu và tự nguyện đóng góp là vô cùng quan trọng và cần thiết. Chủ trương tạm vay của Trung ương Đảng không chỉ góp phần giải quyết vấn đề tài chính của cả nước mà qua đó còn có ý nghĩa giác ngộ lòng yêu nước và nghĩa vụ của công dân. Đây cũng là một thử thách lớn đối với các cấp ủy Đảng và chính quyền trong vận động quần chúng nhân dân.

Để tiếp tục chỉ đạo phổ biến và thi hành chính sách thuế nông nghiệp, ngày 9-8-1951, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 62-TT/LKVB *Về hướng dẫn thi hành Chỉ thị số 14-CT/TW của Trung ương về công tác thu thuế nông nghiệp*, trong đó giải thích rõ những nội dung trọng tâm của chỉ thị như: vì sao coi nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp là một chiến dịch, một công tác trung tâm? ai là người thực hiện? phương pháp và kế hoạch thu như thế nào?... Ngày 13-8-1951, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 04-CT/LKVB *Về việc học tập, tuyên truyền chính sách thuế nông nghiệp*, trong đó quyết định việc mở các lớp học tập chính sách thuế nông nghiệp ở các cơ quan, mở các khóa huấn luyện ngắn hạn, đưa nội dung thuế nông nghiệp vào bài giảng trong các lớp huấn luyện của Đảng, chính quyền, bộ đội, đoàn thể, trường học... nhằm mục đích "đảng viên và nhân dân phải thấm nhuần chính sách" [74, tr.247]; đồng thời với việc mở các lớp học tập, chỉ thị cũng nhấn mạnh việc tăng cường công tác tuyên truyền trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân với nội dung, hình thức phù hợp. Đến ngày 27-8-1951, Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy thông qua bản *Kế hoạch thực hiện thuế nông nghiệp* của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu để có căn cứ tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu về việc mở các lớp học tập chính sách thuế nông nghiệp, trong năm 1951 "Liên khu đã mở hai lớp đào tạo được 300 cán bộ, các tỉnh mở tất cả 1.842 lớp,

gần 77.226 học viên" [74, tr.425], việc tuyên truyền được tiến hành sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Việc học tập chính sách thuế nông nghiệp trở thành cuộc vận động chính trị lớn trong toàn Liên khu, nông dân được tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Chính quyền địa phương tiến hành điều tra nông thôn nhằm thống kê các số liệu về diện tích, sản lượng làm căn cứ để tính thuế cho từng đối tượng. Mặc dù nhiệm vụ thu thuế là vô cùng quan trọng nhưng phải có tác dụng thúc đẩy sản xuất. Vì vậy, căn cứ vào tình hình của Liên khu có nhiều vùng rừng núi, đời sống đồng bào còn nhiều khó khăn, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 11-CT/LKVB (6-10-1951) *Về thuế rẫy* nhấn mạnh: "Trung ương và Chính phủ để chiếu cố tới một phần đời sống của đồng bào miền núi nên quyết định không thu thuế rẫy, mà để đồng bào tự nguyện tùy khả năng đóng góp mà tham gia kháng chiến" [74, tr.321]. Chính sách miễn thuế rẫy được đồng bào miền núi nhiệt liệt hoan nghênh và có tác dụng thúc đẩy sản xuất.

Mặc dù mới bắt đầu thí điểm ở Liên khu nhưng chính sách thuế nông nghiệp đã phát huy tác dụng thúc đẩy, động viên nhân dân hăng hái lao động, sản xuất như: nhân dân ở Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn hô hào nhau trồng khoai, đồng bào ở Hà Giang hăng hái sản xuất vụ chiêm... làm cho diện tích gieo cấy năm 1951 tăng hơn so với năm 1950: "Quý 3 năm 1951, toàn Liên khu đạt trên 80% chỉ tiêu về thóc, 70% chỉ tiêu ngô, tính chung về lương thực thu được 106.765 tấn bằng 78,2% ấn định" [189, tr.315]. Phong trào thi đua "đóng thuế nhanh, thóc tốt" để "nuôi quân, diệt thù" diễn ra sôi nổi khắp các bản làng, khơi dậy được khí thế sản xuất, đánh giặc trong toàn Liên khu. Vì vậy, công tác tạm vay đã hoàn thành về căn bản và thu thuế nông nghiệp đạt kết quả bước đầu: về tạm vay, "tính tới cuối tháng 10, toàn Liên khu đã thu được 23.034 tấn thóc và 700 tấn ngô, gần đủ mức Trung ương giao cho" [74, tr.426]; về thu thuế nông nghiệp, "tính tới cuối tháng 11-1951, đã thu được 4.842 tấn thóc và 23.637.178 đồng" [74, tr.425].

Thực hiện Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương (14-6-1952) *Về công tác thu thuế nông nghiệp vụ chiêm năm 1952*, Liên khu ủy Việt Bắc ban hành nhiều chỉ thị, thông tri để chỉ đạo các địa phương tiến hành nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp như: Chỉ thị số 26-CT/LKVB (22-5-1952) *Về việc thu thuế nông nghiệp vụ chiêm năm 1952*; Chỉ thị số 28-CT/LKVB (5-7-1952) *Gửi các Ban Thường vụ tỉnh ủy toàn Liên khu về gấp rút công tác thu thuế nông nghiệp vụ chiêm năm 1952 và hoàn thành nhiệm vụ thuế năm 1951*; Chỉ thị số 44-CT/LKVB (15-11-1952) *Gửi các tỉnh ủy Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc và Quảng Yên về việc tích cực thu thuế nông nghiệp kết hợp với việc phát triển du kích chiến tranh ở vùng du kích và căn cứ du kích*; Thông tri số 85-TT/LKVB (28-11-1952) *Về việc tiến hành thu thuế nông nghiệp cho kịp thời vụ*, tiếp tục nhắc nhở và đôn đốc các địa phương về nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp. Tuy nhiên, do các tỉnh quá chú trọng nhiệm vụ sản xuất và tiết kiệm mà coi nhẹ nhiệm vụ thu thuế, trong đó có thuế nông nghiệp nên kết quả đạt được còn thấp: "Tổng số đã thu được về thuế năm 1952 là 26.573 tấn 282, được 20,45% mức" [193, tr.69]

Trên cơ sở những tổng kết đánh giá của Đảng bộ Liên khu về những hạn chế của công tác tài chính trong năm 1952, đến năm 1953 Đảng bộ Liên khu đã tăng cường chỉ đạo chấn chỉnh và kiện toàn bộ máy tài chính nhất là lĩnh vực thuế. Quán triệt Nghị quyết *Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (từ 25 đến 30-01-1953), Đảng bộ Liên khu xác định "công tác tài chính năm nay hướng vào thực hiện bằng được thăng bằng thu - chi" [75, tr.18] đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn nhưng vô cùng quan trọng để thúc đẩy cuộc kháng chiến đến thắng lợi. *Đề án về nhiệm vụ kinh tế - tài chính năm 1953* của Đảng bộ Liên khu nhấn mạnh: để hướng đến thăng bằng thu - chi phải hoàn thành thuế nông nghiệp 1952, chuẩn bị thu thuế vụ chiêm 1953 và tích cực thu các quỹ khác cũng như tiếp tục xúc tiến việc tập trung quỹ riêng vào ngân sách quốc gia. Ngay từ đầu năm, Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo giải quyết tư tưởng ngại khó trong cán bộ, tích cực tuyên truyền trong nhân dân, chống khai man..., Liên khu ủy tích cực chỉ đạo thông qua việc ban hành nhiều chỉ thị, thông tri

như: Chỉ thị số 1-VB/CT (5-2-1953) *Gửi các Ban Thường vụ tỉnh ủy toàn Liên khu về việc gấp rút hoàn thành nhiệm vụ thuế nông nghiệp 1952*; Thông tri số 33-TT/LKVB (24-5-1953) *Gửi các tỉnh ủy toàn khu về việc thi hành Nghị quyết Hội nghị thuế nông nghiệp Liên khu ngày 26 -29/5/1953*; Thông tri số 76-TT/LKVB (21-10-1953) *Về việc nắm vững phương châm chính lý 1953, đẩy mạnh việc tiến hành thu thuế mùa đông*; Chỉ thị số 47/CT (12-11-1953) *Gửi các Ban tỉnh ủy toàn Liên khu về việc tranh thủ thời gian gấp rút hoàn thành nhiệm vụ thu thuế mùa đông 1953*. Liên khu ủy yêu cầu các tỉnh ủy quán triệt chính sách thuế, rà soát tình hình sản xuất, nắm chắc diện tích, sản lượng và đối tượng nộp thuế để tổ chức thu đúng, thu đủ. Đồng thời, Liên khu ủy nhấn mạnh việc chính lý thuế phải sát thực tế, sửa chữa những sai sót trong kê khai, bình nghị, định mức thuế, tránh làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nông dân. Các văn bản cũng thể hiện yêu cầu cấp bách trong việc tranh thủ thời gian, huy động cán bộ xuống cơ sở, đôn đốc hoàn thành thuế mùa đông. Qua đó cho thấy thuế nông nghiệp được coi là nhiệm vụ kinh tế - tài chính quan trọng, góp phần động viên lương thực, tài chính phục vụ kháng chiến, đồng thời củng cố sự lãnh đạo của Đảng đối với nông thôn. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Liên khu ủy, tình hình thu thuế nông nghiệp năm 1953 ở Liên khu Việt Bắc đạt tỷ lệ 92,1 % [175, tr.19], tăng vượt bậc so với năm 1952 là 47,8% [169, tr. 42].

Kết quả trên cho thấy chính sách thuế và biểu thuế được đặt ra hợp lý nên nhân dân rất phấn khởi và tin tưởng. Mặc dù mức thuế năm 1953 đã giảm nhưng số thu vẫn tăng, điều đó chứng tỏ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước hợp lòng dân và những chỉ đạo rút kinh nghiệm của Đảng bộ Liên khu đã phát huy tác dụng trong thực tế.

Với khẩu hiệu "*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng*", Đảng bộ và đồng bào các dân tộc Việt Bắc đã cùng nhân dân cả nước nỗ lực ở mức cao nhất để chi viện cho mặt trận trong năm 1954. Vì vậy, công tác tài chính càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Trên cơ sở bám sát tình hình, Liên khu ủy kịp thời chỉ đạo đôn đốc các địa phương tranh thủ thời gian hoàn thành nhiệm vụ như: Công văn số 30/VF *Gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn, Hà Giang,*

Cao Bằng, Tuyên Quang, về công tác thu thuế nông nghiệp (11-1-1954); Thông tri số 37-TT/LKVB *Gửi các tỉnh về việc đảm bảo công tác thu thuế nông nghiệp vụ chiêm 1954* (12-5-1954). Năm 1954, tổng số thuế nông nghiệp thu được vào vụ chiêm là 33.944,471 tấn so với chỉ tiêu là 127.459 tấn đạt 26.6%. Trong đó tỉnh dẫn đầu là Phú Thọ đạt 13.250,333 tấn so với chỉ tiêu là 23.540 tấn đạt 56,3% [179, tr.142] (Phụ lục 10).

Cùng với thuế nông nghiệp, các loại thuế khác cũng được tiến hành như thuế công thương nghiệp, thuế xuất nhập khẩu. Do là chính sách mới, ngành công thương nghiệp ở Liên khu cũng như trên cả nước còn nhỏ bé, phân tán, chưa ổn định nên trong thời gian đầu năm 1951, việc thi hành của các cấp còn lúng túng, chật vật sau khi chú ý sửa chữa, rút kinh nghiệm đã có kết quả như tỉnh Thái Nguyên "... trong tháng 9 thu được 55 triệu; sang tháng 11 đã thu được trên 150 triệu" [74, tr.426]. Đến hết tháng 9 năm 1952, thuế công thương nghiệp thu được 13.300.332.544 đồng đạt 32,4% và thuế xuất nhập khẩu thu được 6.177.029.174 đồng đạt 56,6% [75, tr.71]. Đến năm 1953, sau quá trình thực hiện và rút kinh nghiệm, mức thu tăng hơn so với năm 1952: "thuế công thương năm nay tuy chưa đạt mức nhưng đã thu được gấp đôi năm 1952, thuế sát sinh lên 2 lần rưỡi, thuế hàng hóa lên gấp rưỡi" [76, tr.77]. Mức thu chưa cao do việc kiểm soát còn nhiều sơ hở, chưa vận động được đông đảo nhân dân tham gia chống buôn lậu. Vì vậy, ngày 8-5-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 34-TT/LKVB *Gửi các tỉnh ủy, về chỉnh đốn công tác thu thuế công thương nghiệp*. Trên cơ sở chỉ rõ những hạn chế trong công tác thu thuế công thương nghiệp năm 1953, thông tri chú ý các tỉnh cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy và ủy ban kháng chiến, tổ chức học tập về chính trị, tư tưởng cho cán bộ, nhân viên ngành thuế nhằm nâng cao tinh thần, trách nhiệm tránh tự tư, tự lợi, kiên quyết đưa ra ngoài các phần tử xấu, đầu cơ. Tính đến tháng 7-1954, thuế công thương nghiệp đạt 2.611 triệu so với nhiệm vụ toàn năm đạt 32,3 % [96, tr.1]. Mặc dù trước đó số thất thu nhiều nhưng sau khi Liên khu ủy chỉ đạo sát sao, các địa phương chú ý tăng cường chỉnh huấn cán bộ, áp dụng các biện pháp chống thất thu, tình hình thu thuế từ

tháng 6 đến tháng 7 năm 1954 đã khả quan hơn: trước ngày 21-7-1954, thuế buôn chuyển thu được 163,9 triệu (Phú Thọ 43,6 triệu, Thái Nguyên 55,7 triệu, Lạng Sơn 18 triệu...), thuế doanh nghiệp của các cửa hàng buôn ngồi đạt 215,4 triệu [96, tr.2].

Cùng với việc tăng nguồn thu, Nhà nước thực hiện nghiêm chính sách giảm chi và tiết kiệm một cách tích cực, triệt để. Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, khoản chi lớn nhất là tiền lương cho công nhân, viên chức và bộ đội. Vì vậy, muốn tăng thu, giảm chi phải rà soát lại tổ chức bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Đặc biệt, cần xem xét chặt chẽ vấn đề biên chế, tránh tình trạng bộ máy chồng chéo, gây tốn kém. Chính sách giảm chi nhằm sử dụng ngân sách hợp lý hơn, tập trung phục vụ nhiệm vụ kháng chiến. Ngay từ năm 1950, Liên khu ủy Việt Bắc đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/LKVB (24-9-1950) *Về xúc tiến giản chính cơ quan có kế hoạch và có tổ chức*. Đến Ngày 22-10-1950, Ban Thường vụ Trung ương ban hành Chỉ thị *Về việc giản chính*. Trên cơ sở đó, từ ngày 8 đến 11-6-1951, diễn ra Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc mở rộng. Hội nghị chỉ đạo việc thi hành những chỉ thị lớn của Trung ương, trong đó có việc thi hành biên chế và thành lập Ban biên chế khu. Đến ngày 9-7-1951, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 45-TT/LKVB *Về việc thi hành chỉ thị chấn chỉnh biên chế của Trung ương*, trong đó nhấn mạnh công tác chấn chỉnh biên chế và giản chính đều hướng tới mục đích cuối cùng là bớt người để thực hiện giảm chi nhưng hai công việc này có điểm khác nhau. Giản chính nặng về giảm số lượng người, chấn chỉnh biên chế nặng về cải tiến và hợp lý tổ chức làm cho bộ máy làm việc phù hợp với điều kiện kháng chiến, tình hình tài chính và mức đóng góp của dân. Vì vậy, thông tri đã nêu rõ kế hoạch thực hiện để các địa phương tiến hành như: tổ chức Ban biên chế ở khu và tỉnh; nhiệm vụ cụ thể của Ban biên chế khu; tổ chức đoàn nghiên cứu và phổ biến...

Năm 1951, các cơ quan, ngành từ khu tới huyện đã tiến hành tinh giảm bộ máy nhưng công việc vẫn được đảm bảo do các cơ quan phát động phong trào sửa đổi lỗi làm việc, tăng năng suất. Vì vậy, toàn Liên khu đã giảm được

50% số nhân viên [74, tr.426] nhưng sau đó phải thành lập một số cơ quan mới như kinh tế - tài chính, nên số nhân viên tăng lên. Đến năm 1952, kế hoạch tinh giảm bộ máy đã cụ thể hơn, vì vậy đã giảm được "1.300 người, tiết kiệm cho công quỹ hàng năm 1.560 tấn thóc" [75, tr.74]. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện biên chế vẫn tồn tại tình trạng do giải thích không thấu đáo dẫn đến hoang mang, hiểu lầm, có nhân viên chạy vào vùng địch như ở Bắc Giang, Bắc Ninh, có nhân viên khi ra ngoài biên chế tham gia các hoạt động sai trái như ở Thái Nguyên, Tuyên Quang...

Đồng thời với việc củng cố bộ máy tài chính, tăng cường các nguồn thu một cách hợp lý, Đảng bộ Liên khu cũng lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm. Trên cơ sở Chỉ thị số 09-CT/LKVB Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc (25-2-1950), *Đề án tích cực diệt nạn đói trước mắt cải thiện đời sống cho dân cày nghèo* (4-3-1950) cũng như Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương (21-3-1950), Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc kịp thời ban hành Công văn *Gửi các tỉnh Đảng bộ, Đặc khu Hồng Gay, Ban chuyên môn, Đảng đoàn các giới về gây phong trào tiết kiệm trong nhân dân*, trong đó nhấn mạnh bên cạnh các nhiệm vụ, giải pháp đang triển khai cần quán triệt chỉ đạo mới của Trung ương đó là: "Tiết kiệm gạo... Tiết kiệm nguyên, vật liệu, máy móc... Tiết kiệm nhân lực... Tiết kiệm chi tiêu" [73, tr.235]. Kế hoạch sản xuất và tiết kiệm được phát động rộng khắp từ năm 1952, đẩy mạnh trong năm 1953 đã góp phần tăng thu, giảm chi đóng góp được nhiều cho ngân sách nhà nước và cuộc kháng chiến.

Nhìn chung, từ năm 1949 đến năm 1954, tình hình kinh tế ở Liên khu Việt Bắc gặp rất nhiều khó khăn, nhưng dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu, sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng, sự đồng lòng của nhân dân, công tác tài chính được đảm bảo đến mức cao nhất góp phần củng cố kinh tế, tăng cường tiềm lực cho cuộc kháng chiến của dân tộc.

2.2.5. Chỉ đạo đấu tranh kinh tế với địch

Từ năm 1950, trên địa bàn Liên khu Việt Bắc, thực dân Pháp tăng cường phá hoại kinh tế kháng chiến, tiến hành nhiều cuộc càn quét, đốt phá, cướp bóc

mùa màng ở khắp nơi, bắn phá ngăn chặn thuyền bè của ta vận chuyển thóc, gạo. Riêng hai tỉnh Bắc Kạn và Vĩnh Phúc trong vụ chiêm 1950 bị địch "gặt hết ngót 5.000 mẫu lúa, cướp 702 tấn thóc" [73, tr.666].

Trước tình hình trên, quán triệt Nghị quyết *Hội nghị toàn quốc lần thứ ba* (21-1-1950 đến 3-2-1950) của Đảng và thực hiện Nghị quyết *Hội nghị quân dân chính trung du* (9-1950) coi công tác bảo vệ mùa màng là công tác trọng yếu, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo lập kế hoạch cụ thể, chi tiết những công việc phải làm trước, trong và sau khi gặt, đồng thời, nhấn mạnh "bố trí việc gặt như một trận đánh của bộ đội" [73, tr.511]. Nhiệm vụ bảo vệ mùa màng là nhiệm vụ trọng yếu và khó khăn, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo: "Ta có thể chuyển sang tổng phản công hay không một phần cũng do ta có thắng trong trận giặc lúa này hay không" [73, tr.513]. Với sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu, đồng bào các dân tộc Việt Bắc tích cực chuẩn bị các điều kiện với khẩu hiệu "*bảo vệ mùa màng để chiến thắng*", "*gặt mau, giấu kỹ, vận chuyển nhanh*". Tháng 12-1950, thực dân Pháp cho máy bay ném bom đánh phá một trong những công trình quan trọng của hệ thống thủy nông Bắc Giang - Thái Nguyên là đập Vạn Giá. Trước tình hình đó, Liên khu đã huy động số lượng lớn nhân công lên tới hàng nghìn người để sửa chữa đập đảm bảo tưới tiêu cho 1.600 mẫu lúa chiêm năm 1951 [189, tr.314].

Bước sang năm 1951, thực dân Pháp dùng lực lượng ứng chiến phối hợp với quân chiếm đóng và gián điệp để càn quét hậu phương kháng chiến như ở Vĩnh Phúc, Quảng Yên, Lai Châu... Trong các cuộc càn quét quân Pháp tàn sát, cướp bóc, phá hoại mùa màng nhằm lung lạc tinh thần nhân dân, ngăn chặn việc vận chuyển thóc gạo, triệt hạ kinh tế kháng chiến... Ngày 13-9-1951, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc đã ban hành Chỉ thị số 07-CT/LKVB *Gửi các Tỉnh Đảng bộ Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ và Quảng Yên về việc địch tàn phá nền kinh tế và một số mặt công tác khác*. Chỉ thị đánh giá khái quát những hoạt động tàn phá nền kinh tế của thực dân Pháp và đề ra biện pháp ứng phó: "mở một đợt hoạt động để đẩy mạnh du kích chiến tranh nhằm mục đích phục vụ cho chính trị và kinh tế" [74, tr.276]. Mặc dù bị thực dân Pháp tàn

phá, cướp bóc nhưng diện tích và sản lượng trồng trọt năm 1951 vẫn tăng hơn năm 1950. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nhân dân ở các vùng địch tạm chiếm tích cực đấu tranh phá vành đai trắng với nhiều hình thức khác nhau theo phương châm "trong lấn ra, ngoài lấn vào". Cuộc đấu tranh lấn "vành đai trắng" của đồng bào vùng địch tạm chiếm diễn ra ác liệt, gian khổ có nhiều mất mát, hi sinh nhưng đồng bào quyết không lùi bước để giành lại từng tấc đất, mảnh vườn như: đồng bào ven đường số 2 ở Vĩnh Phúc, đường số 13 ở Bắc Giang, đường số 6 ở Bắc Ninh cũng tích cực đấu tranh để được trở về thôn, xóm bám đất, bám làng... Cuộc đấu tranh của đồng bào Liên khu phá "vành đai trắng" của địch có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế và quân sự, không những nhân dân có điều kiện tăng gia sản xuất, khai thông được luồng hàng giữa vùng tự do và vùng địch tạm chiếm mà còn cải tạo địa hình chiến đấu, khai thông liên lạc phá thế bao vây, cô lập của kẻ thù.

Cuối năm 1951, đầu năm 1952, thực dân Pháp tiếp tục đánh phá các công trình thủy lợi lớn ở Liên khu Việt Bắc như đập Thác Huống nhằm mục đích triệt hạ sản xuất nông nghiệp làm cho "25.141 mẫu lúa và hoa màu của ba huyện Yên Thế, Hiệp Hòa, Việt Yên (Bắc Giang) không có nước tưới" [189, tr.314]. Trước tình hình đó, Liên khu khẩn trương huy động 34.000 ngày công sửa đập. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu, các cấp ủy đảng địa phương ở Bắc Giang đã linh hoạt khắc phục khó khăn bằng cách vận động nhân dân tích cực làm thủy lợi nhỏ cứu được 2.470 mẫu lúa và hoa màu, nhân dân Bắc Ninh đắp đập bảo đảm tưới tiêu cho 23.800 ha lúa, hoa màu [189, tr.314].

Năm 1953, thực dân Pháp phối hợp càn quét với phá hoại kinh tế kháng chiến bằng nhiều thủ đoạn như giết trâu bò, gà, vịt, phá đập kè để ngập lúa, bắt nhỏ ngô, lúa ven đường. Thiệt hại lớn nhất là Vĩnh Phúc "nhà bị đốt: 10.893 nóc, trâu, bò mất: 888 con, lợn, gà: 11.167 con, thóc, lúa mất: 4.879 tạ" [76, tr.38]. Thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn để hạ giá đồng bạc Đông Dương từ 17 quan xuống 10 quan nhằm cướp trắng của nhân dân, ngăn chặn việc lưu thông hàng hóa, lũng súc những người buôn bán... Trước tình hình đó, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo Đảng bộ các địa phương phải chú trọng lãnh đạo công tác bảo vệ sản

xuất, bảo vệ đê điều để phát động quần chúng nhân dân đấu tranh. Ngày 20-2-1953, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 7-CT/LKVB *Gửi Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc lãnh đạo tranh đấu sửa chữa đê Thanh Diêm*. Chỉ thị nêu rõ: "nhiệm vụ lớn của Đảng bộ Vĩnh Phúc hiện nay là phải vận động, lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh với giặc, đòi chúng phải bờ kè, chữa đê Thanh Diêm, bảo vệ tài sản, tính mệnh của nhân dân" [75, tr.145]. Từ ngày 18 đến 21-6-1953, *Hội nghị sơ kết đê điều* diễn ra bao gồm đại biểu của 6 tỉnh có đê vỡ. Hội nghị kiểm điểm những kết quả đạt được và hạn chế. Từ đó, chỉ rõ những nhiệm vụ phải hoàn thành trong thời gian tới. Các tỉnh thể hiện sự quyết tâm qua việc ký giao ước thi đua hoàn thành nhiệm vụ, tích cực bảo vệ đê điều, chống lụt, chống địch và phòng lụt. Công trình đại thủy nông ở các địa phương được sửa chữa, tu bổ, nạo vét như nông giang Liên Sơn, nông giang Lạng Giang, nông giang sông Cầu... Ngày 12 đến 13-1-1953, thực dân Pháp cho ném bom đập Vạn Giá, tổng cộng 80 quả bom và 2 quả nổ chậm. Đảng bộ, quân dân địa phương đã đóng góp 6.181 công, đào đắp 2.569 m³ đất, 20 m³ đá phục vụ sửa chữa các đập ngăn kênh, làm đường vòng cầu tre, làm máng dẫn nước qua cống ngầm Vạn Giá đến ngày 17-6-1953 là hoàn thành [128, tr.70]. Ngoài ra, các địa phương trong Liên khu vận động nhân dân tích cực làm tiểu thủy nông chống hạn, chủ động tưới nước cho hoa màu. Để đối phó với thủ đoạn thả sâu phá hoại mùa màng, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền trong cán bộ và nhân dân. Phong trào "ngũ trị" được phát động trong toàn Liên khu, nhân dân áp dụng các biện pháp: che giếng nước, cày sâu bừa kỹ, đốt diệt côn trùng, bắt sâu bọ...

Với sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc, công tác chống địch phá hoại, bảo vệ mùa màng đã góp phần phục hồi sản xuất, bồi dưỡng sức dân tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết ở Liên khu. Các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Quảng Yên bị địch phá hoại dữ dội, Đảng bộ địa phương tăng cường lãnh đạo đấu tranh lấn đất đai, phục hồi diện tích cày cấy, kết quả lần được "26.783 mẫu lúa và 2.733 mẫu màu các loại và đã huy động 300.870 nhân công đắp 143.441 m³ đá, bảo vệ cho 700 cây số đê" [76, tr.51].

Đến tháng 7-1953, thực dân Pháp tiếp tục tăng cường đánh phá giao thông vận tải, tung biệt kích vào hậu phương kháng chiến, đánh mìn, bắn xe, ... phá hoại an ninh trật tự, gây hoang mang tinh thần, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, buôn bán của nhân dân. Đảng bộ Liên khu chỉ đạo quyết liệt công tác bảo vệ giao thông vận tải, xây dựng các tuyến vận tải chiến lược qua Chỉ thị số 23-CT/LKVB (4-7-1953) *Về việc bảo vệ đường giao thông vận tải, phòng gian, diệt biệt kích*, trong đó nhấn mạnh "Nếu ta không tích cực hoạt động phòng gian, diệt biệt kích để chống ngang nhiên hoạt động như thế thì về chính trị rất có hại, ảnh hưởng đến tinh thần nhân dân, nhất là các người buôn bán vật tải; về kinh tế quân sự cũng rất tai hại" [75, tr.384-385]. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ bảo vệ cầu, đường phà, Liên khu ủy chỉ đạo "Mỗi huyện phải có một huyện ủy viên hoặc một ủy viên kháng chiến chuyên trách việc bảo vệ cầu đường..." [75, tr.385].

Ngoài việc bảo vệ mùa màng thóc gạo nhiệm vụ đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp còn diễn ra trên lĩnh vực thương nghiệp, tài chính, có kết hợp chặt chẽ các hoạt động đấu tranh tiền tệ, đấu tranh mậu dịch, đấu tranh xuất nhập khẩu. Quán triệt phương châm đấu tranh mậu dịch là chủ yếu, đấu tranh kinh tế phải phục tùng đấu tranh chính trị và quân sự. Đấu tranh mậu dịch là chủ yếu bởi:

có điều khiển được đúng đắn việc giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm thì mới kích thích được sản xuất phát triển, mới bảo đảm cung cấp cho chiến tranh và nâng cao được đời sống nhân dân. Có đẩy mạnh được công tác đấu tranh mậu dịch thì mới ổn định được giá cả thị trường, bảo vệ được giá trị tiền tệ của ta, xây dựng được nền kinh tế độc lập, tự chủ [114, tr.259].

Từ tháng 9-1951, Trung ương chỉ đạo thành lập các tuyến đấu tranh, mỗi tuyến đặt một bộ máy gồm ba cơ quan: mậu dịch xuất nhập khẩu, ngân hàng xuất nhập khẩu và thuế xuất nhập khẩu. Ở Liên khu Việt Bắc, có hai tuyến bao gồm: tuyến A có các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Yên; tuyến B có các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Sơn Tây. Tuy nhiên, nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu,

việc quản lý xuất nhập khẩu còn chưa chặt chẽ mới quản lý được 1/5 số hàng nhập khẩu. Trong khi đó, thực dân Pháp tăng cường ngăn cấm lưu thông hàng hóa giữa vùng kháng chiến và vùng tạm chiếm nhất là các hàng hóa thiết yếu. Hàng hóa lưu thông khó khăn và khan hiếm dẫn đến tiền Việt Nam tiếp tục sụt giá với tiền Đông Dương. Để tăng cường lưu thông những hàng hóa thiết yếu, ngày 25-3-1951, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Thông tri số 29-TT/LKVB *Gửi Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc cấm dân công ở vùng tạm chiếm mang hàng xa xỉ phẩm ra vùng tự do*. Từ thực tế dân công ở vùng tạm chiếm thường mang theo rất nhiều xa xỉ phẩm như: thuốc lá, bánh ngọt... ra vùng tự do bán gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất tiểu công nghệ và sinh hoạt. Vì vậy, Ban Thường vụ chỉ đạo "Các Tỉnh ủy phải thông tri cho các địa phương ngăn cấm dân công không được mang các thứ hàng xa xỉ phẩm ra vùng tự do, phải vận động khuyến khích dân công mang theo thóc gạo, vải và những thứ cần thiết cho đời sống của nhân dân ra vùng tự do bán" [74, tr.34].

Quán triệt Chỉ thị Ban Bí thư (11-1952) *Về vấn đề đấu tranh mâu dịch với địch* với phương châm là: nắm hàng chính, nắm thị trường chính, nắm bán buôn là chính, "coi hàng hóa là vũ khí, thị trường là chiến trường; đầu cơ, tích trữ, buôn bán trái phép, phá chính sách là đối tượng mà mâu dịch phải ngăn chặn, tiêu hao và tiêu diệt" [114, tr.242], Ban Thường vụ Liên khu ủy ban hành Chỉ thị số 45-CT/LKVB (24-11-1952) *Về việc đẩy mạnh công tác đấu tranh mâu dịch với địch*. Liên khu ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, nhân viên thấu suốt nhiệm vụ đấu tranh mâu dịch, tiền tệ với thực dân Pháp. Công tác này phải dựa vào quần chúng, tranh thủ thương nhân đưa hàng vào bản làng, thôn xóm, đồng thời ngăn hàng lậu, bài trừ xa xỉ phẩm.

Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực ngoại thương không kém phần phức tạp. Thời gian đầu thực dân Pháp lợi dụng uy thế quân sự để phong tỏa Liên khu Việt Bắc, ngăn chặn việc buôn bán giữa các vùng trong Liên khu hoặc giữa Liên khu với các vùng trong cả nước và với nước ngoài. Sau Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, do thất bại về chính trị, quân sự, thực dân Pháp ra sức phá hoại kinh tế ở Liên khu bằng nhiều thủ đoạn, trong đó có việc triệt để

phong tỏa dọc biên giới, các Chi cục ngoại thương Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Lào Cai phải đình chỉ hoạt động. Đảm bảo yêu cầu cung cấp cho kháng chiến, thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định đời sống nhân dân phải chuyển hướng ngoại thương từ chủ yếu buôn bán với nước ngoài sang kết hợp buôn bán với nước ngoài và tăng cường quan hệ hàng hóa, mua bán, trao đổi giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm. Quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương về chuyển hướng đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp: "Từ chỗ bao vây kinh tế địch một cách tiêu cực, chúng ta chuyển sang đấu tranh kinh tế với địch một cách tích cực, quản lý xuất nhập khẩu theo phương châm tranh thủ trao đổi có lợi, tranh thủ xuất siêu" [114, tr.257], các phòng tiếp liệu được thành lập ở những nơi tiếp giáp như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc... Các phòng tiếp liệu thực hiện nhiệm vụ mua những hàng hóa cần thiết và hướng dẫn thương nhân kinh doanh. Sau chiến thắng Biên giới (1950), cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới, đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp cũng có những chuyển biến căn bản. Mặt khác, việc hình thành các chỉ số quản lý xuất nhập khẩu tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa ở Liên khu: "Số nhập khẩu trong 2 tháng 6 và 7 lên tới 260 triệu, nghĩa là vượt chương trình" [74, tr.427].

Bảo vệ kinh tế kháng chiến, đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp ở Liên khu Việt Bắc là một mặt trận quan trọng nhằm bảo vệ tiềm lực kháng chiến và đời sống nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, nhân dân và chính quyền địa phương đã kiên cường chống lại âm mưu phá hoại mùa màng, tích cực khôi phục và bảo vệ các công trình thủy lợi, đảm bảo nguồn nước cho sản xuất, đẩy mạnh đấu tranh mậu dịch, khai thông các luồng hàng... Những nỗ lực này góp phần duy trì thế chủ động về kinh tế cho hậu phương, tạo điều kiện vững chắc để tiến tuyến chiến đấu.

Tiểu kết Chương 2

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Liên khu Việt Bắc là đơn vị quân sự - hành chính được thành lập năm 1949, với địa bàn ban đầu bao gồm toàn bộ vùng lãnh thổ trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam. Trong quá trình kháng chiến, địa giới hành chính Liên khu có sự thay đổi, song,

về cơ bản vẫn là địa bàn rừng núi, vừa có những thuận lợi rất căn bản để tổ chức, vận hành nền kinh tế kháng chiến, đồng thời phải đối diện với những khó khăn to lớn về địa hình chia cắt, kinh tế vốn chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu và còn những yếu tố của kinh tế tự nhiên.

Trước yêu cầu cấp bách của cuộc kháng chiến, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc vận dụng sáng tạo đường lối kinh tế kháng chiến của Trung ương, đề ra những chủ trương cụ thể, phù hợp với điều kiện đặc thù của Liên khu, nơi vừa là căn cứ địa kháng chiến trọng yếu, vừa là hậu phương trực tiếp của chiến trường. Đảng bộ Liên khu xác định phát triển sản xuất là nhiệm vụ trung tâm và lâu dài, đi đôi với việc bảo vệ thành quả kinh tế trước sự phá hoại của thực dân Pháp. Trên cơ sở đó, Liên khu ủy xây dựng kế hoạch tổ chức và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế trên các lĩnh vực: nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, tài chính, đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, kinh tế kháng chiến của Liên khu đã đạt được những thành quả to lớn, là nhân tố bảo đảm cho đời sống nhân dân, cho phong trào kháng chiến ở Liên khu phát triển; đồng thời, góp phần cung cấp cho các chiến trường cũng như bảo đảm nhiệm vụ cung cấp cho các cơ quan đầu não, hoàn thành nhiệm vụ căn cứ địa cách mạng của cuộc kháng chiến.

Từ thực tiễn lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế trong giai đoạn 1949–1954, có thể thấy rằng Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, năng lực tổ chức, khả năng vận dụng đường lối chung vào thực tiễn cụ thể một cách sáng tạo, linh hoạt. Những thành quả kinh tế đạt được có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng: vừa bảo đảm hậu cần tại chỗ, phục vụ thắng lợi các chiến dịch lớn, vừa cải thiện từng bước đời sống nhân dân, góp phần củng cố lòng dân và niềm tin vào sự nghiệp kháng chiến.

Chương 3

ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÔI PHỤC KINH TẾ TỪ THÁNG 7 NĂM 1954 ĐẾN THÁNG 8 NĂM 1956

3.1. TÌNH HÌNH MỚI, YÊU CẦU MỚI VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÔI PHỤC KINH TẾ

3.1.1. Tình hình mới và yêu cầu mới

3.1.1.1. Việt Bắc cùng cả nước chuyển sang thời kỳ khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội

Với thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tuy nhiên, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc, được hoàn toàn giải phóng, tiến hành khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội; miền Nam đặt dưới sự cai quản của quân Pháp và chính quyền thân Pháp, tiếp tục đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương Tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ đã từng bước thay thế Pháp, thiết lập chính quyền tay sai, xây dựng chế độ độc tài ở miền Nam, nhằm mục tiêu lâu dài biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Dưới sự chỉ đạo của đế quốc Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tổ chức cuộc "trung cầu dân ý", khước từ tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam, Bắc.

Với tình hình mới, công cuộc xây dựng miền Bắc đứng trước những nhiệm vụ nặng nề, vừa phục hồi đời sống mọi mặt, xây dựng những cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, vừa tạo những tiền đề để thực hiện nghĩa vụ hậu phương cho cuộc đấu tranh hoàn thành nhiệm vụ dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Trên chặng đường mới, cùng với những thay đổi của tình hình cả nước nói chung và miền Bắc nói riêng, sau tháng 7 năm 1954, ở Liên khu Việt Bắc cũng xuất hiện nhiều chuyển biến và đặc điểm mới, đan xen cả những thuận lợi và khó khăn:

Một là, Liên khu Việt Bắc được giải phóng, có nhiều tài nguyên lâm thổ sản, hầm mỏ...có điều kiện khai thác để phục vụ đời sống. Liên khu Việt Bắc có địa bàn rộng, tiếp giáp với nhiều tỉnh châu thổ, có tuyến biên giới Việt - Trung dài, trở thành địa bàn cửa ngõ thông thương trên đất liền giữa Việt Nam với hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ nhân dân, thuận tiện giao lưu hàng hóa cả trong và ngoài nước. Liên khu Việt Bắc, do đó có vai trò quan trọng trong kiến thiết, củng cố miền Bắc, được Trung ương chọn là một trong ba vùng phải chú trọng phục hồi kinh tế (vùng Việt Bắc, vùng miền bắc và vùng giới tuyến 17) [77, tr.431]. Đây là thuận lợi rất căn bản để Liên khu Việt Bắc phục hồi, phát triển kinh tế.

Hai là, địa giới hành chính Liên khu có sự thay đổi. Ngày 28-8-1954, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 45 cắt lại 2 tỉnh Lào Cai và Yên Bái thuộc khu Tây Bắc về Liên khu Việt Bắc, địa bàn Liên khu bao gồm 14 tỉnh. Ngày 17-2-1955, Ban Bí thư ban hành Nghị quyết số 05 NQ/TW *Về việc sáp nhập khu Tả Ngạn vào Liên khu III và thành lập các Đặc khu Hồng Quảng*, đến ngày 22-2-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 22/SL, đặc khu Hòn Gai và tỉnh Quảng Yên tách khỏi Liên khu Việt Bắc thành Đặc khu Hồng Quảng trực thuộc Trung ương, địa bàn Liên khu Việt Bắc gồm 13 tỉnh. Địa giới hành chính này duy trì đến khi Bộ Chính trị quyết định thành lập Khu tự trị Việt Bắc vào ngày 12-6-1956 và đến ngày 19-8-1956, Khu tự trị Việt Bắc chính thức đi vào hoạt động và Liên khu Việt Bắc chấm dứt hoạt động.

Ba là, trong năm đầu sau hòa bình lập lại, Liên khu có ba vùng khác nhau: vùng tự do cũ, vùng mới giải phóng và vùng địch chưa rút quân. Trong đó khu tự do được mở rộng bao gồm các vùng mới giải phóng và tỉnh Hải Ninh - nơi sát biển và giáp biên giới Trung Quốc. Khu mới giải phóng gồm những vùng đông người, nhiều ruộng, đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số, tình hình chính trị phức tạp, kinh tế bị tàn phá, các công trình thủy nông, đê điều chưa được củng cố vững chắc, ruộng đất nhiều chỗ bỏ hoang "riêng bốn tỉnh Hải Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang có 81.073 mẫu" [77, tr.179].

Bốn là, tình hình kinh tế, nhất là vấn đề lương thực gặp nhiều khó khăn. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Liên khu đã cung cấp cho chiến trường nhiều lương thực, thực phẩm. Những tháng đầu năm 1954 do sự phá hoại mùa màng của kẻ thù cùng với tình hình thời tiết vụ mùa không thuận lợi, hạn hán kéo dài trong 4 tháng, mưa đá cuối tháng 3 gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp: tỉnh Tuyên Quang, Bắc Ninh thiệt hại nhiều là 20%, tỉnh Bắc Giang thiệt hại ít là 4% [77, tr.178]. Khi rút đi, thực dân Pháp đã vơ vét, cướp phá của cải, tài sản của nhân dân. Những tài sản không mang đi được chúng tiến hành phá hoại kể cả thuốc men, máy móc, lương thực... Mặt khác, Liên khu tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cung cấp lương thực cho các đô thị mới giải phóng, phục hồi kinh tế, cứu đói, xây dựng lực lượng quốc phòng...

Năm là, tình hình chính trị, xã hội xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp. Khi rút quân, thực dân Pháp tuyên truyền, xuyên tạc đường lối của Đảng, dụ dỗ cưỡng bức đồng bào có đạo di cư vào miền Nam. Chỉ trong một thời gian ngắn đã có "trên 1000 gia đình với hơn 46.000 (trong đó có 800 gia đình với hơn 26.400 người theo đạo Thiên chúa) người của các tỉnh Hải Ninh, Quảng Yên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc" [190, tr.10] di cư vào miền Nam dẫn đến một số vùng quê trở nên hoang vắng, nhà cửa vườn tược không ai trông nom, ruộng đất bỏ hoang không ai sản xuất... Mặt khác, thực dân Pháp tiếp tục thả dù, tiếp tế lương thực, đạn dược, điện đài... cho lực lượng thổ phỉ ở Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái để tiến hành hoạt động gián điệp, biệt kích chống phá cách mạng.

Tình hình và những đặc điểm mới của Liên khu tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho quá trình khôi phục kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, tài chính... đồng thời, cũng đặt ra cho Đảng bộ Liên Khu phải khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần chủ động, thực hiện nhiệm vụ kinh tế đáp ứng những yêu cầu mới cũng như góp phần xây dựng, củng cố miền Bắc về mọi mặt.

3.1.1.2. Đường lối, chủ trương khôi phục kinh tế của Đảng

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, cách mạng Việt Nam đứng trước những nhiệm vụ mới trong đó nhiệm vụ quan

trọng và to lớn là khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân để giữ gìn và củng cố hòa bình. Nhận thức rõ yêu cầu to lớn, quan trọng đó, Trung ương Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra những chủ trương, chính sách mới về kinh tế.

Trong *Lời kêu gọi nhân dịp kỉ niệm Cách mạng Tháng Tám và quốc khánh 2-9* (1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

chúng ta phải đẩy mạnh phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thực hành chính sách công và tư đều được chú ý, thợ và chủ đều có lợi, thành hương giúp đỡ nhau, trong ngoài lưu thông đều để khôi phục và phát triển sản xuất, làm cho kinh tế phồn thịnh, làm cho đời sống của nhân dân dồi dào hơn [122, tr.39].

Nghị quyết Bộ Chính trị (9-1954) *Về tình hình mới nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng* chủ trương một trong mười nhiệm vụ cụ thể cần phải tiến hành là "phục hồi kinh tế quốc dân" [65, tr.294]. Trong nhiệm vụ phục hồi kinh tế, Bộ Chính trị nhấn mạnh: "Trong thời kỳ phục hồi, trước hết cần nắm vững việc phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp. Đó là vấn đề then chốt, là cơ sở của việc cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo lương thực cho nhân dân, phồn thịnh kinh tế, mở rộng việc giao lưu hàng hoá..." [65, tr.294-295]. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp kết hợp với tiếp tục nhiệm vụ cải cách ruộng đất. Bộ Chính trị khẳng định: "Chia ruộng cho nông dân, xoá bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ phải là chính sách bất di bất dịch của ta" [65, tr.297]. Tuy nhiên đứng trước tình hình và nhiệm vụ mới, Bộ Chính trị chủ trương : "... chúng ta phải sửa đổi một vài điểm trong Luật cải cách ruộng đất và trong phương thức thi hành Luật đó" [65, tr.297]. Bên cạnh việc phục hồi sản xuất nông nghiệp là trọng tâm, các lĩnh vực kinh tế khác cũng được chú trọng như phục hồi thủ công nghiệp, phục hồi đường xe lửa, đường ô tô, vận tải đường thủy, bưu điện, phục hồi công thương nghiệp, phục hồi và phát triển mậu dịch đối ngoại...

Thời gian cuối năm 1954 đầu năm 1955, nạn đói bắt đầu xảy ra ở nhiều nơi trên cả nước. Trước tình hình đó, việc phục hồi sản xuất nhất là sản xuất nông nghiệp càng trở nên cấp bách và cần thiết, ngày 3-11-1954, Ban Bí thư

ban hành Chỉ thị *Về chống đói, phòng đói và phục hồi sản xuất*, trong đó chủ trương: "Việc phục hồi sản xuất phải được tích cực thi hành, nhất là phục hồi sản xuất trên các thửa ruộng hoang" [65, tr.347]. Nhằm động viên, khích lệ nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định phát động phong trào thi đua sản xuất và tiết kiệm vụ xuân 1955 trong đó nhấn mạnh: "Công tác quan trọng hiện nay là sản xuất lương thực, làm cho quần chúng yên tâm sản xuất và lãnh đạo quần chúng giải quyết những khó khăn trở ngại" [66, tr.30].

Tiếp đó, *Hội nghị Trung ương lần thứ bảy mở rộng* (từ ngày 3 đến 12-3-1955), xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng trong năm 1955 là củng cố miền Bắc về mọi mặt. Hội nghị khẳng định:

Có khôi phục kinh tế mới băng bó được những vết thương của chiến tranh, đảm bảo được cung cấp trong thời bình, nâng cao được mức sống của quần chúng, tạo điều kiện để tăng cường lực lượng và kiến thiết nước nhà và để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của đại đa số đồng bào miền Nam. Trong điều kiện nước ta hiện nay, muốn khôi phục kinh tế, chủ yếu phải khôi phục nông nghiệp [66, tr.138].

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (từ ngày 13 đến 20-8-1955) đề ra chủ trương cụ thể về khôi phục kinh tế. Trung ương Đảng nhấn mạnh phương châm khôi phục kinh tế là:

- Khôi phục là chính, đồng thời phải phát triển nếu có đủ điều kiện, như về công nghiệp;
- Đi đôi với khôi phục, phải cải cách, điều chỉnh; như về nông nghiệp, chúng ta khôi phục sản xuất nông nghiệp trên cơ sở của cải cách ruộng đất; đối với công thương nghiệp, chúng ta vừa khôi phục vừa điều chỉnh;
- Trong việc khôi phục kinh tế, phải đặc biệt chú trọng việc khôi phục sản xuất nông nghiệp bao gồm sản xuất lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp và ngư nghiệp; phải dựa vào khôi phục

sản xuất nông nghiệp để khôi phục các ngành khác, khôi phục cả nền kinh tế quốc dân [66, tr.536]

Đồng thời, *Hội nghị Trung ương lần thứ tám* cũng xác định cụ thể nhiệm vụ khôi phục kinh tế trên các lĩnh vực, trong đó xác định " Sản xuất nông nghiệp là mấu chốt của việc khôi phục kinh tế quốc dân " [66, tr.537]. Để tăng cường phục hồi sản xuất nông nghiệp, Hội nghị chủ trương: "Nơi nào có kinh nghiệm đổi công, có cơ sở đổi công thông xuyên và có cốt cán lãnh đạo thì làm thí nghiệm một số hợp tác xã sản xuất... Xây dựng hợp tác xã mua bán ở nông thôn" [66, tr.582]. Cần khôi phục và phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp cũng như các ngành công nghiệp hiện có, nhằm đáp ứng nhu cầu dân sinh và phục vụ sản xuất ở cả thành thị lẫn nông thôn. Từng bước xây dựng những cơ sở mới một cách vững chắc, trong đó có chú ý đến yêu cầu phục vụ quốc phòng. Bên cạnh sản xuất, thương nghiệp cũng cần được khôi phục theo hướng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, thay cho nền thương nghiệp cũ vốn phục vụ đế quốc, chiến tranh xâm lược và một bộ phận nhỏ ở thành thị. Song song với đó, phải củng cố nền tài chính quốc gia thông qua việc tăng thu hợp lý, từng bước hạ thuế nông nghiệp, tinh giản biên chế, chống lãng phí và tham ô. Ngoài ra, khôi phục giao thông vận tải cũng là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa thiết thực đối với cả kinh tế và quân sự.

Bước sang năm 1956, tình hình thời tiết không thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, hạn hán kéo dài gây ảnh hưởng lớn đến việc trồng trọt, chăn nuôi. Trung ương chỉ đạo công tác chống hạn, chống rét là nhiệm vụ trung tâm, quan trọng bậc nhất. Trung ương nhấn mạnh: "Coi công tác chống hạn, chống rét, chống đói như một chiến dịch" [67, tr.19]. Vì vậy, cần tăng cường công tác thủy lợi, nhất là thủy lợi nhỏ như đào giếng, mương, phai, ao, chuôm... cũng như tổ chức việc điều hoà, dự trữ nước và sử dụng hợp lý. Chú ý dự trữ giống, cứu mạ, diệt trừ sâu bệnh... để tiếp tục sản xuất. Đi đôi với việc chống hạn, phải chú trọng việc chống rét và chống đói. Thực tế ba việc chống hạn, chống rét và chống đói không thể tách rời nhau, phải kết hợp chặt chẽ với nhau. Cần tuyên truyền,

nâng cao tinh thần vượt khó khăn, gian khổ của nhân dân để tích cực tăng gia sản xuất.

Để phát triển sản xuất, Trung ương Đảng chủ trương thành lập các tổ đội công, giải quyết vấn đề thiếu thốn lao động, thành lập các hợp tác xã mua bán nhằm tiêu thụ nông sản cho nhân dân. Ngày 27-3-1956, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 15 CT/TW *Về việc tổ chức hợp tác xã tín dụng ở nông thôn*. Trong đó, Chỉ thị nêu rõ "Hợp tác xã tín dụng là một tổ chức kinh tế của quần chúng lao động ở nông thôn" [67, tr.100-101]. Việc thành lập hợp tác xã tín dụng là cần thiết nhằm tăng cường đoàn kết giúp đỡ nhau trong việc vay mượn ở nông thôn, cũng như giải quyết tình trạng thiếu vốn để sản xuất và những khó khăn về đời sống hằng ngày, đồng thời đấu tranh với đối tượng cho vay nặng lãi. Từ đó, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo con đường tương trợ hợp tác đã đề ra. Về khôi phục công thương nghiệp, ngày 4-2-1956, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 08/CT-TW *Về lãnh đạo công tác thương nghiệp trong năm 1956*, trong đó Trung ương nhấn mạnh vị trí trọng yếu của thương nghiệp đối với nền kinh tế, từ đó, chỉ đạo nhiệm vụ của công tác thương nghiệp trong năm 1956 là:

Tăng cường lực lượng mậu dịch quốc doanh, giúp đỡ hợp tác xã phát triển, lãnh đạo công thương nghiệp tư nhân kinh doanh, mở rộng giao lưu giữa thành thị và nông thôn, giữa trong nước và ngoài nước, nhằm bình ổn vật giá, giúp đỡ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp (kể cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp) khôi phục và phát triển, đảm bảo cung cấp hàng hóa cần thiết cho đời sống nhân dân và tích lũy vốn cho Nhà nước [67, tr.44].

Chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng về khôi phục kinh tế một cách toàn diện nhưng chú trọng hàng đầu lĩnh vực nông nghiệp là định hướng quan trọng để các đảng bộ địa phương, trong đó có Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế trong tình hình mới.

3.1.2. Chủ trương của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế

Thực hiện đường lối khôi phục, phát triển kinh tế của Đảng, ngay từ đầu năm 1954, trong khi đề ra nhiệm vụ công tác, Liên khu ủy Việt Bắc đã chú

trọng công tác "phục hồi và bảo vệ sản xuất" [76, tr.189] nhất là vùng địch chiếm đóng nhằm bồi dưỡng lực lượng nhân dân, đề phòng nạn đói.

Quán triệt Nghị quyết Bộ Chính trị (9-1954) *Về tình hình mới nhiệm mới và chính sách mới của Đảng* và Chỉ thị của Ban Bí thư (3-11-1954) *Về chống đói, phòng đói và phục hồi sản xuất*, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc số 49-NQ/LKVB (11-1954) chủ trương: "Phải chuyển hướng tư tưởng làm cho các cấp ủy và cán bộ nhận thức vấn đề cho đúng với tình hình mới... Chú trọng vấn đề sản xuất phòng đói tháng 3 và có kế hoạch sản xuất vùng mới giải phóng... Tăng cường lãnh đạo công tác mật dịch và chú ý đến vấn đề mật dịch miền núi..." [76, tr.811-812].

Tiếp đó, tại Nghị quyết số 50-NQ/LKVB (tháng 12-1954) của Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc *Về chủ trương công tác*, chủ trương: "Trong tình hình và nhiệm vụ mới, vấn đề kinh tế là một vấn đề lớn phải coi trọng để tập trung lãnh đạo chặt chẽ" [76, tr.870]. Từ đó, đề ra nhiệm vụ cụ thể: vận động nhân dân sản xuất để phòng đói và cứu đói; lãnh đạo mật dịch quốc doanh tăng cường mua bán lâm thổ sản; kiểm tra đôn đốc công tác đường sá, chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ năm 1955, chú ý rút kinh nghiệm công tác đường sắt; bảo đảm công tác thu thuế; về phát động quần chúng tiến hành tổng kết đợt 6, chuẩn bị tiến hành đợt 7 với tinh thần "cố gắng mở rộng công tác giảm tô nhưng chú trọng bảo đảm lãnh đạo..." [76, tr.873]

Đầu năm 1955, nạn đói diễn ra trầm trọng ở một số địa bàn trong Liên khu: "Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Quảng Yên thì con số đói trầm trọng đã phải ăn cháo trừ bữa hoặc có ngày phải nhịn là 15.898 nhân khẩu" [77, tr.18], nhiều gia đình chạy ăn chạt vật, mức ăn hàng ngày sụt kém, phải ăn độn hoặc cơm chỉ đủ ăn một bữa... nhiều gia đình bị đói đã lên rừng kiếm củi, đi làm thuê, đi buôn, đi kiếm thực phẩm mà không khai khẩn đất hoang hoặc trồng trọt, khả năng lao động của gia đình thiếu đói giảm sút. Tình hình trên ảnh hưởng không nhỏ đến việc phục hồi sản xuất. Ngày 1-2-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Nghị quyết số 01-NQ/LKVB *Về lãnh đạo công tác cứu đói, phòng đói của Liên khu Việt Bắc*, trong đó chủ trương: các địa phương cần nghiêm túc

kiểm thảo công tác cứu đói và có kế hoạch cụ thể của từng địa phương. Trong kế hoạch đó cần "lấy sản xuất làm chủ yếu, dựa vào dân, vận động nhân dân, đồng thời Chính phủ giúp đỡ cho dân để cứu đói và sản xuất" [77, tr.25]. Tuy nhiên, phải quán triệt phương châm tự sản xuất để cứu đói không trông chờ, ỷ lại cấp trên.

Hội nghị Liên khu ủy mở rộng (27-5-1955), trong khi bàn biện pháp triển khai *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy mở rộng* (3-1955), đã chủ trương nhiệm vụ trung tâm của năm 1955 là "đẩy mạnh mọi mặt công tác để góp phần vào việc củng cố miền Bắc" [77, tr.226]. Đảng bộ Liên khu nhấn mạnh "công tác giảm tô và cải cách ruộng đất là công tác chủ yếu số một", "là một vấn đề rất quan trọng cấp bách và khẩn trương" [77, tr.226-227] nhằm đẩy mạnh các mặt khác trong đó có sản xuất nông nghiệp. Từ đó, xác định nhiệm vụ của Liên khu trong năm 1955 là "gắng hoàn thành giảm tô và mở rộng cải cách ruộng đất trong Liên khu, trước hết là miền núi trung du và tiến dần lên vùng miền núi" [77, tr.227]. Bên cạnh đó, trên lĩnh vực kinh tế, Hội nghị chủ trương phải "ra sức phục hồi kinh tế, nâng cao sản xuất để đáp ứng được yêu cầu ngày càng nhiều của mọi mặt nhằm củng cố miền Bắc..." [77, tr.230]. Trong nhiệm vụ phục hồi kinh tế "chủ yếu là khôi phục và phát triển nông nghiệp, khôi phục và phát triển nông nghiệp, trọng tâm là khôi phục và phát triển lương thực" [77, tr.231]; về công thương nghiệp: "phải điều chỉnh công thương nghiệp tư doanh, giáo dục khuyến khích và giúp đỡ cho công thương nghiệp kinh doanh đúng hướng, đồng thời giúp đỡ cho các ngành có điều kiện phục hồi, phát triển" [77, tr.233]; về giao thông vận tải, hội nghị nhấn mạnh "Cần phát triển và phục hồi các đường giao thông vận tải để phát triển sản xuất, phát triển kinh tế cải thiện đời sống nhân dân" [77, tr.233]; về tài chính, hội nghị xác định mục tiêu chính lúc này là tăng thu, giảm chi, bên cạnh thu đủ các loại thuế nông nghiệp, công thương nghiệp cần tích cực chống tham ô, lãng phí, củng cố, kiện toàn bộ máy tài chính; nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về công tác thuế trong thời bình. Đến tháng 5-1955, trong Chỉ thị số 13/CT *Về việc thu thuế nông nghiệp vụ hạ năm 1955*, Liên khu ủy xác định phương châm

thu thuế nông nghiệp vụ hạ năm 1955 là "thu đúng khả năng, căn cứ vào số thu hoạch về thóc, hoa màu, hoa lợi, sản vật đặc biệt và đất đai đặc biệt trong vụ hạ để tính mức thuế tối thiểu phải đóng" [77, tr.256]. Đến tháng 7-1955 trong Chỉ thị số 45-CT/LKVB *Về việc tăng cường lãnh đạo thuế công thương nghiệp*, Liên khu ủy nhấn mạnh phương châm "... chỉnh đốn và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thuế công thương nghiệp" [77, tr.331]

Nghị quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên Khu Việt Bắc mở rộng* số 10-NQ/LKVB (11-8-1955) kiểm điểm việc triển khai những công tác chính ở Liên khu và chủ trương để khôi khôi phục kinh tế thì một trong những nhiệm vụ trọng tâm là: "phải động viên toàn bộ lực lượng, sử dụng mọi lực lượng vào việc cứu đói"[77, tr.365]. Đứng trước tình hình nạn đói vẫn chưa được giải quyết ở Liên khu và thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Trung ương: "Nạn đói tuy có dịu đi nhưng vẫn nghiêm trọng và phải giải quyết trong tháng 8", ngày 20-8-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy ban hành Nghị quyết số 11/NQBB *Về Hội nghị sản xuất và cứu đói* chủ trương đặt công tác sản xuất để cứu đói là một trong ba công tác chủ yếu bên cạnh công tác phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất và chuẩn bị thành lập khu vực dân tộc tự trị. Trong *Nghị quyết Hội nghị sản xuất cứu đói* số 13/NQBB (15-9-1955) Liên khu ủy nhấn mạnh và bổ sung thêm một số vấn đề cần thiết về những công việc cụ thể để giải quyết đói, bệnh, rách và đặt ra mục tiêu giải quyết đói, rách phải xong trong tháng 9; bảo đảm vụ mùa để đạt được năng suất đã đăng ký phải phát động phong trào thi đua chăm bón lúa mạnh mẽ ở các địa phương trong toàn Liên khu, tích cực chống lụt, phòng hạn, trấn áp kẻ địch phá hoại sản xuất...

Hội nghị cán bộ toàn Liên khu Việt Bắc (từ 15 đến 25-9-1955) chủ trương: "từ giờ đến cuối năm nhiệm vụ của Liên khu lấy việc đẩy mạnh mọi hoạt động của công tác kinh tế - tài chính và hoàn thành việc chuẩn bị thành lập khu dân tộc tự trị làm chủ yếu" [77, tr.570]. Hội nghị chủ trương đẩy mạnh công tác kinh tế - tài chính một cách toàn diện, trong đó, "chủ yếu là sản xuất nông nghiệp để bảo đảm cung cấp cho quốc gia, giảm bớt dần dần khó khăn và nâng cao dần dần mức sống cho nhân dân, phục hồi nền kinh tế quốc dân, trước

mất là giải quyết nạn đói" [77, tr.571]; đẩy mạnh hoạt động của công thương nghiệp với phương châm "khôi phục và phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và công nghiệp trên cơ sở sẵn có, nhằm phục vụ dân sinh và sản xuất ở thành thị và nông thôn. Xây dựng cơ sở mới một cách vững chắc..." [77, tr.441-442]; phục hồi khai thác lâm thổ sản...; hoàn thành cải cách ruộng đất đợt 5, phát triển thắng lợi ở các xã đã cải cách ruộng đất để đẩy mạnh sản xuất; tích cực phòng đói, cứu đói; tăng thu, giảm chi "Đảm bảo hoàn thành thuế nông nghiệp vụ đông nhanh, gọn, đúng chính sách..." [77, tr.577]; về giao thông vận tải cần "Bảo đảm giao thông mùa mưa, cụ thể là sửa chữa, củng cố cầu cống. Chống đất lầy sệt và tăng cường các bến phà. Lãnh đạo chặt chẽ ngành vận tải bảo đảm an ninh vận tải chuyên hướng phương tiện vận tải thừa và lãnh đạo thống nhất giá cước vận tải thủy bộ" [77, tr.420].

Để đẩy mạnh sản xuất chống đói giáp hạt tháng 3, Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc ban hành Chỉ thị Số 36-CT (14-12-1955) *Về tuyên truyền, vận động đẩy mạnh sản xuất*, nhấn mạnh: tình hình mùa màng năm nay gặp nhiều khó khăn do thiên tai địch họa, do đó "nhân dân phải ra sức sản xuất, trước hết phòng đói, chống đói giáp hạt tháng 3 và cải thiện đời sống nhân dân" [77, tr.743]. Chuẩn bị triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong năm 1956, Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu ban hành Nghị quyết *Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc mở rộng* số 17-NQ/LKVB (31-12-1955). Nghị quyết chỉ rõ: về công nghiệp, ngoài việc phải khôi phục kinh tế để giải quyết vấn đề ăn mặc thì cần thiết phải khôi phục công thương nghiệp như các mỏ khai thác khoáng sản, thiếc, than, phốt phát... các nhà máy chè, tơ, sợi... Cũng như cần khôi phục buôn bán với nước ngoài. Cần khắc phục tư tưởng quá coi trọng khôi phục nông nghiệp mà coi nhẹ công thương nghiệp: "Về mặt tư tưởng phải coi trọng nông nghiệp nhưng cũng không đả kích tư tưởng coi trọng công nghiệp, ta phát triển nông nghiệp để phát triển công nghiệp" [77, tr.762-763]. Như vậy, Đảng bộ Liên khu đã xác định đúng đắn mối quan hệ chặt chẽ giữa nông nghiệp và công nghiệp. Đồng thời, phát huy được thế mạnh của Liên khu là sản xuất nông nghiệp; về nông nghiệp, Đảng bộ Liên khu tiếp tục chủ trương đẩy mạnh sản

xuất lúa là chính bên cạnh bông, thầu dầu, chăn nuôi... và đặt mục tiêu "mỗi người dân được 300 cân thóc một năm" [77, tr.763].

Cuối năm 1955 sang năm 1956, tình hình hạn hán ở Liên khu vẫn diễn ra gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Đến vụ chiêm năm 1955-1956, do nắng kéo dài làm cho mạ, màu khô héo vì thiếu nước. Nhân dân lo lắng, bị quan không chuẩn bị cấy chiêm, không tưới nước cho hoa màu. Ở một số địa phương nhân dân có tư tưởng trông chờ vào thời tiết, ngại khó, ngại khổ. Trong hoàn cảnh đó, quán triệt đường lối của Trung ương coi công tác chống hạn như một chiến dịch, Liên khu ủy Việt Bắc ban hành 3 Nghị quyết là: Nghị quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy mở rộng* số 2-NQ/LKVB (31-1-1956) chủ trương "công tác chống hạn phải là một vấn đề trường cửu" [77, tr.777]; Nghị quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy* số 3-NQ/LKVB (8-2-1956) chủ trương: tăng cường đào giếng, đào mương phai; tăng cường lãnh đạo các hệ thống nông giang; chuẩn bị chuyển hướng trồng trọt sang giống lúa Nam Ninh và Ba giăng; các tỉnh tăng cường thêm cán bộ cho công tác chống hạn; chuẩn bị triệu tập hội nghị sơ kết công tác chống hạn để bàn giải pháp; Nghị quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy mở rộng* số 4-NQ/LKVB (6-3-1956), tiếp tục nhấn mạnh: "Các cấp phải tập trung cán bộ cao độ để tăng cường lãnh đạo chống hạn ở các nơi" và phát động "thi đua ngăn ngày từ 1 đến 25 tháng giêng để hoàn thành cấy chiêm và trồng màu, trong thời gian này, các địa phương trên sẽ đặt công tác sản xuất lên trên hết..." [77, tr.806].

Sau hòa bình lập lại ở miền Bắc, Đảng chủ trương xây dựng những hình thức tổ chức phù hợp để các dân tộc thiểu số phát huy quyền làm chủ và phát triển về mọi mặt. Trong kỳ họp thứ 4 (tháng 3-1955), Quốc hội khóa I, đã quyết nghị về chính sách lập khu tự trị của các dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện. Công tác chuẩn bị thành lập khu tự trị Việt Bắc được xúc tiến và là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ Liên khu năm 1956. Chuẩn bị thành lập Khu tự trị Việt Bắc, Liên khu ủy đã tập trung chỉ đạo khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tiếp tục nhiệm vụ cải cách ruộng đất ở các địa phương miền núi. Nghị quyết *Hội nghị Liên khu ủy Việt Bắc* số 6-NQ/LKVB (28-4-1956)

chủ trương vấn đề cải cách ruộng đất ở miền núi: "Số xã dự định tiến hành đợt 1 là 171 xã của Lạng Sơn và 73 xã của Bắc Giang, cộng là 244 xã... Đợt 2 có thể làm 4 tỉnh Cao bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, gồm 490 xã. Đợt 3 làm Lào Kay, Yên Bái, Hà Giang, như thế 3 đợt có thể hoàn thành được" [77, tr.847].

Có thể thấy, những chủ trương khôi phục kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc là sự chấp hành và vận dụng những quan điểm, chủ trương của Đảng về nhiệm vụ khôi phục kinh tế miền Bắc, đồng thời, căn cứ vào đặc điểm tình hình và điều kiện Liên khu. Chủ trương khôi phục kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc nhìn chung là khá toàn diện, bao gồm nhiều lĩnh vực kinh tế, trong đó, tập trung vào nông nghiệp, trong nông nghiệp tập trung vào sản xuất lương thực; việc khôi phục kinh tế không chỉ nhằm tạo cơ sở để xây dựng nền tảng cho công cuộc kiến thiết mà còn gắn liền với đáp ứng những yêu cầu bức thiết mà cụ thể là giải quyết nạn đói cho nhân dân. Những chủ trương của Đảng bộ là cơ sở để các cấp ủy, địa phương trong Liên khu triển khai thực hiện nhiệm vụ phục hồi và phát triển kinh tế trong những năm 1954-1956.

3.2. QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO KHÔI PHỤC CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC

3.2.1. Chỉ đạo khôi phục sản xuất nông nghiệp

Quán triệt Chỉ thị *Về việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp* (12-5-1954) của Ban Bí thư, thực hiện chủ trương đã đề ra về nhiệm vụ kinh tế năm 1954, Liên Khu ủy Việt Bắc đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền các cấp trong Liên khu đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ kinh tế, tập trung sản xuất nông nghiệp.

Ngày 10-7-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 28-CT/LKVB *Về việc thu hồi nơi mới giải phóng*, chỉ rõ những công việc phải làm ngay khi tiếp thu vùng mới giải phóng. Một trong những nhiệm vụ cần kíp, phải làm ngay là phục hồi sản xuất gây một không khí phấn khởi trong nhân dân. Chỉ thị nêu rõ: "Tất cả những ruộng đất trước đây vì địch chiếm đóng phải bỏ hoang như vành đai, ruộng chung quanh vị trí, ven đường giao thông, v.v. đều phải vận động nhân dân cày cấy ngay" [76, tr.523]. Liên khu ủy chỉ rõ

để phục hồi sản xuất nông nghiệp ở vùng mới giải phóng, phải tích cực tuyên truyền 10 chính sách sản xuất nông nghiệp của Chính phủ, động viên nhân dân tích cực sản xuất...

Tiếp đó, ngày 22-7-1954, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Chỉ thị số 33-CT/LKVB *Về nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất sáu tháng cuối năm 1954*, trong đó chỉ đạo nhiệm vụ cụ thể là: "Tiếp tục đẩy mạnh vụ mùa, bảo đảm tăng thu hoạch lúa toàn năm lên 10%. Tranh thủ trồng thêm hoa màu ngắn ngày và rau để phòng đói tháng 8. Chuẩn bị cho vụ chiêm và vụ màu sắp tới" [76, tr.556-557].

Triển khai thực hiện chủ trương và chỉ đạo của Liên Khu ủy, từ ngày 2 đến ngày 7-7-1954, Ban kinh tế Liên khu Việt Bắc đã họp mở rộng và ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ chính 6 tháng cuối năm 1954. Nghị quyết đã cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Liên khu ủy về tập trung sản xuất nông nghiệp thành nhiệm vụ: "sản xuất nông nghiệp 6 tháng cuối năm chủ yếu là đẩy mạnh sản xuất lương thực hơn nữa để bảo đảm được cung cấp cho tiền tuyến ngày càng đòi hỏi nhiều và phòng đói trong vụ giáp hạt tháng 8" [177]. Hội nghị cũng đề ra những công tác cụ thể về công thương nghiệp, tài chính, trong đó, nhấn mạnh các lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp và thủ công nghiệp (ngành rèn, đúc; ngành dệt; ngành giấy, đường...); bình ổn vật giá; thực hiện thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, quản lý tài chính... Các biện pháp thực hiện là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động; thực hiện 10 chính sách sản xuất nông nghiệp ...

Trong bối cảnh ở Liên khu Việt Bắc đang gặp nhiều khó khăn như thời tiết không thuận lợi, hạn hán kéo dài ảnh hưởng đến nước tưới tiêu; thiếu thốn nhân lực do phải huy động nhân công cho tiền tuyến và làm cầu đường; nhiều ruộng đất bị bỏ hoang... thì sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc như trên thể hiện rõ quyết tâm vượt mọi khó khăn, gian khổ, trở ngại, nhanh chóng khôi phục và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, góp phần quan trọng vào ổn định đời sống của nhân dân trong Liên khu.

Quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương về bồi dưỡng sức dân, chính sách ruộng đất của Đảng tiếp tục được triển khai ở Liên khu nhằm động viên nhân dân tích cực lao động sản xuất. Chuẩn bị cho cải cách ruộng đất đợt

2 đạt kết quả tốt, ngày 9-7-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 49-TT/LKVB *Gửi các tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, đồng chí Nhân khu ủy viên về việc thành lập Ủy ban cải cách ruộng đất tỉnh*. Trong đó, chỉ rõ những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động thực tiễn của Ủy ban cải cách ruộng đất như về mặt tổ chức, về mặt lãnh đạo của tỉnh ủy và nhấn mạnh "Ủy ban cải cách ruộng đất cấp tỉnh không chỉ phản ánh thành phần rộng rãi mà Ủy ban đó phải làm công tác thực tế" [76, tr.515]. Sau khi thành lập Ủy ban cải cách ruộng đất ở các tỉnh thì Ban ruộng đất sẽ giải tán.

Ngày 3-8-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 38-CT/LKVB *Về nhiệm vụ công tác trước mắt của Liên khu sau khi ký kết Hiệp định đình chiến*, Liên khu ủy chỉ đạo: "Tiếp tục phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, làm cho người cày có ruộng. Đập tan phong kiến phản động giải phóng cho nông dân, tạo điều kiện phát triển sản xuất" [76, tr.600].

Đứng trước tình hình việc thi hành Nghị quyết số 49-NQ/LKVB (11-1954) của Đảng bộ Liên khu tuy đạt được một số kết quả nhất định nhưng vẫn còn nhiều hạn chế nhất là trong khôi phục sản xuất nông nghiệp, ngày 24-12-1954, Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 51-CT/LKVB *Gửi các tỉnh ủy và Đặc khu ủy Liên khu về việc kiểm điểm và chấn chỉnh công tác lãnh đạo kinh tế - tài chính*. Chỉ thị nêu rõ những biện pháp cụ thể để giải quyết những vấn đề quan trọng trước mắt: các tỉnh ủy phải kiểm điểm sâu sắc những hạn chế trong công tác lãnh đạo kinh tế, tài chính nhất là công tác sản xuất; phải lập kế hoạch thi hành; phải hướng dẫn, giúp đỡ nhân dân sản xuất, tuyên truyền, vận động nhân dân tương trợ lẫn nhau để giải quyết các khó khăn; phải gấp rút tiến hành điều tra về ruộng đất bỏ hoang để bàn bạc và tiến hành giải quyết....Chỉ thị nhấn mạnh: "Tỉnh ủy phải họp cán bộ canh nông, công chính và các đoàn thể Nông, Thanh, Phụ nữ bàn kế hoạch cụ thể về chống hạn hiện nay" [76, tr.845],

Trong quá trình triển khai, nhiều địa phương chưa thật sự chú trọng công tác phục hồi và đẩy mạnh sản xuất, chưa có biện pháp cụ thể về giải quyết vấn

đề ruộng đất bỏ hoang, nhất là ruộng đất của một bộ phận nhân dân bị cưỡng ép, dụ dỗ di cư bỏ lại, chưa kịp thời giúp đỡ nông dân trở về sản xuất, không có kế hoạch sản xuất cụ thể và hướng dẫn giúp đỡ đồng bào vùng cao sản xuất... Tình trạng trên cùng với thiên tai hạn hán, lũ lụt, kẻ thù phá hoại đã gây ra nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, việc phục hồi sản xuất ở những nơi có ruộng đất bỏ hoang tiến triển chậm, dẫn đến khó khăn về lương thực và nạn đói đã xảy ra từ cuối năm 1954 đến giữa năm 1955 với phạm vi ngày càng mở rộng và mức độ rất nghiêm trọng (đầu năm 1955 gần 1 vạn người đói đến tháng 4-1955 tăng lên 20 vạn người đói [39, tr.1]).

Trước tình hình trên đây, thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/LKVB (1-2-1955) *Về lãnh đạo công tác cứu đói, phòng đói của Liên khu Việt Bắc*, Liên khu ủy đã triệu tập Hội nghị lương thực Liên khu Việt Bắc (từ ngày 14 đến 17-2-1955), gồm các đồng chí Bí thư, Thường vụ Tỉnh ủy và thủ trưởng các ngành có liên quan. Hội nghị nghe báo cáo về ý nghĩa của vấn đề lương thực. Sau khi nghe báo cáo, các đại biểu thảo luận, kiểm điểm những sai lầm trong nhận thức và lãnh đạo từ đó tiến hành thảo luận đề án nhiệm vụ của khu, lập kế hoạch triển khai trong thực tiễn để cải thiện tình hình lương thực. Hội nghị yêu cầu các địa phương trước tiên phải nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề lương thực, đồng thời các cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo. Các địa phương trong Liên khu phải triển khai ba nhiệm vụ: *thứ nhất*, tranh thủ hoàn thành sớm công tác thuế, đồng thời vận động sản xuất, phục hồi và đẩy mạnh sản xuất đảm bảo hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu cấp trên đề ra; *thứ hai*, các cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo thực hiện kế hoạch thi đua sản xuất nông nghiệp mùa Xuân năm 1955; *thứ ba*, vận động nhân dân phát huy tinh thần yêu nước, bán thóc cho Chính phủ. Các tỉnh phải chú ý kết hợp việc mua thóc với sản xuất và tiết kiệm, không vì mua thóc mà sao nhãng chỉ đạo việc sản xuất.

Tiếp đó, để khắc phục những khó khăn như tình hình hạn hán diễn ra nghiêm trọng gây thiệt hại ở hầu khắp các địa phương trong Liên khu đầu năm 1955, diện tích lúa bị hạn ngày một tăng lên, hoa màu do hạn cũng bị chết hoặc năng suất rất thấp, ngày 15-3-1955 Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban

hành Chỉ thị số 5-CT/LKVB, *Gửi các tỉnh ủy trong Liên khu về việc đẩy mạnh phong trào chống hạn và phòng hạn*, nhấn mạnh những nhiệm vụ mà địa phương cần triển khai ngay: "Ở những nơi bị hạn các tỉnh phải coi công tác chống hạn là công tác trọng tâm của phong trào thi đua sản xuất mùa xuân, cần có kế hoạch động viên mọi tầng lớp nhân dân, các cơ quan dân, chính, Đảng, bộ đội, trường học, xí nghiệp ở đâu thì tham gia chống hạn với nhân dân ở đó" [77, tr.63-64].

Hơn hai tháng sau, Hội nghị Liên khu ủy mở rộng ngày 27-5-1955 đã tiếp tục đề ra những chỉ đạo để phát triển nông nghiệp. Hội nghị nhất trí rằng: để phục hồi và phát triển sản xuất lương thực cần tăng gia trồng trọt giống lúa Nam Ninh, Chiêm, Ba Giăng cùng các thứ hoa màu ngắn ngày như ngô, đỗ, lạc; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong việc thiết thực giải quyết những khó khăn cho nông dân về vốn, giống, nông cụ...; có biện pháp giải quyết những nhận thức sai lầm của cán bộ và nhân dân như trông chờ ỷ lại vào cấp trên, không tăng gia sản xuất vì sợ lên thành phần, sợ tăng thuế; củng cố nông hội ở các cấp; điều tra cụ thể tình hình sản xuất ở miền núi làm cơ sở lập kế hoạch hướng dẫn cho từng vùng. Đồng thời, phát triển chăn nuôi và có kế hoạch bảo vệ gia súc cũng như điều hòa hợp lý giữa nơi thừa và nơi thiếu.

Thực hiện chủ trương "sản xuất vụ mùa là một công tác rất quan trọng và cấp thiết" trong việc phòng đói và cứu đói, Ban kinh tế Liên khu hợp với các tỉnh để phổ biến chủ trương, kiểm thảo sự lãnh đạo sản xuất, từ đó làm cho các tỉnh thấm nhuần ý nghĩa, tầm quan trọng của sản xuất vụ mùa năm 1955. Đồng thời đối với các địa phương, Liên khu ủy chỉ đạo: cấp ủy phải giải quyết được tư tưởng ỷ lại, ngại khó, không tin tưởng ở khả năng có thể vượt qua khó khăn của cán bộ và nhân dân, chủ quan khi đạt được thành tích, bi quan khi khó khăn xảy ra. Từ đó "thấm nhuần phương châm sản xuất tự cứu là duy nhất và tuyệt đối để giải quyết nạn đói thiếu" [77, tr.378]; phải chỉ đạo để tập trung lực lượng, khả năng giải quyết nạn đói, những nơi trọng tâm, trọng điểm phải giải quyết trước; tập trung cán bộ cốt cán của tỉnh đến tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng bộ Liên khu, thông suốt nhận thức của cán bộ cơ sở; giúp đỡ các địa

phương thực hiện trong thực tiễn. Ở nơi đã phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất thì sử dụng đội công tác của tỉnh phối hợp với Đoàn ủy. Nơi có bộ đội tiểu phi thì lực lượng chính là bộ đội. Nơi chưa phát động quần chúng thì lựa chọn những thành phần cốt cán, tích cực để tiến hành. Phát huy vai trò của các tổ đội công, tổ tương trợ và các tổ chức như Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,... Sau khi tiến hành sản xuất cứu đói cần tổ chức các cuộc họp để nhận rõ điển hình tốt xấu, từ đó rút kinh nghiệm và thúc đẩy phong trào. Với tính chất quan trọng của nhiệm vụ sản xuất cứu đói Tỉnh ủy phải trực tiếp lãnh đạo các hội nghị và chỉ đạo một trọng điểm để rút kinh nghiệm.

Trước tình hình hạn hán tiếp tục diễn biến phức tạp, ngày 26-1-1956, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 5-TT/LKVB *Thực hành Chỉ thị số 4-CT/TW về việc gấp rút đẩy mạnh phong trào chống hạn của Trung ương*. Ban Thường vụ yêu cầu các Tỉnh ủy phải tăng cường công tác tư tưởng làm cho cán bộ và nhân dân khắc phục tư tưởng trông chờ, ngại khó, ngại khổ, tin tưởng vào khả năng chống hạn. Công tác lãnh đạo phải toàn diện, cụ thể, sát hợp với địa phương. Đối với vùng cấy chiêm nhiều, cần chống hạn cho lúa, bảo vệ mạ sau đó mới chống hạn đến các cây trồng khác. Đối với vùng cấy chiêm ít, thì chủ yếu chống hạn cho hoa màu... Về tổ chức cần nhanh chóng thành lập và kiện toàn hoạt động của Ban chống hạn...

Với sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc các tỉnh đã triển khai nhiệm vụ phục hồi và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp: tăng gia trồng trọt lúa, các loại hoa màu, rau, chăn nuôi gia súc, gia cầm; khôi phục ruộng đất bỏ hoang và giải quyết ruộng đất của người dân bị dụ dỗ, cưỡng ép di cư vào Nam, đặc biệt là tăng cường thủy lợi, chống hạn hán, lũ lụt... Để đảm bảo sản xuất, Liên khu ủy đã chỉ đạo phục hồi các hệ thống nông giang và phát triển tiểu thủy nông, chỉ đạo kịp thời sửa chữa một số đập đề bảo đảm tưới tiêu. Đến tháng 5-1955, đập Liên Sơn và Cầu Sơn được sửa chữa xong, phục vụ tưới cho 70.000 mẫu [77, tr.180]. Bên cạnh đó, Liên khu ủy cũng chỉ đạo khôi phục hệ thống nông giang sông Cầu để đảm bảo tưới tiêu. Đây là một nhiệm vụ to lớn, quan trọng bởi hệ thống nông giang sông Cầu gồm 7 kênh phụ, một kênh chính, dài

hơn 200 cây số đảm bảo tưới tiêu cả một vùng rộng lớn hơn 3 vạn mẫu chiêm và hơn 70.000 mẫu mùa. Thông tri số 18-TT/LKVB (12-4-1955) *Gửi Tỉnh ủy Thái Nguyên, Bắc Giang về việc tổ chức bảo vệ nông giang sông Cầu* của Ban Thường vụ Liên khu khẳng định: "Sau đình chiến, hòa bình lập lại, vấn đề kiến thiết xong đập Thác Huống, đập Vạn Giã, phục hồi toàn bộ hệ thống nông giang Sông Cầu là một công trình to lớn và cũng là một thành tích góp vào việc phục hồi sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân" [77, tr.102].

Việc phục hồi hệ thống nông giang sông Cầu được khởi công ngay từ tháng 10-1954. Ở tỉnh Thái Nguyên, Ban lãnh đạo phục hồi hệ thống nông giang sông Cầu được thành lập do một Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh phụ trách và Bí thư huyện Phú Bình tham gia làm nhiệm vụ tổ chức và huy động dân công. Với sự chỉ đạo sát sao của Liên khu ủy, nhận thức của các cấp ủy Đảng và nhân dân về tầm quan trọng của việc phục hồi các hệ thống nông giang ngày một nâng lên, mang lại kết quả trong thực tiễn. Công nhân và dân công ở công trường Thác Huống vượt qua khó khăn về nhiều mặt, thi đua hoàn thành đập đập bằng bê tông trước mùa mưa, đảm bảo chắc chắn việc cung cấp nước cho gần 15.000 ha. Hệ thống nông giang ở Cầu Sơn, Liên Sơn cũng nhanh chóng được củng cố, bảo đảm cung cấp nước cho sản xuất. Trong 6 tháng đầu năm 1955, ba hệ thống nông giang được phục hồi phục vụ sản xuất, nên đã cấy được 102.299 mẫu [39, tr.2]. Đến tháng 10-1955 đã hoàn thành kế hoạch đập Thác Huống, Cầu Sơn, Liên Sơn, cấy được trên 12 vạn mẫu ta [77, tr.558]. Về tiểu thủy nông, các địa phương triển khai phong trào thi đua chống hạn đắp đập, làm nương phai, chú trọng đào ao, giếng vì vậy đã giải quyết được một phần nhiệm vụ chống hạn. Chỉ trong 6 tháng đầu năm, đã chống hạn, bảo đảm nước cấy cho 173.136 mẫu lúa [39, tr.2], tỉnh Hà Giang trong năm 1955 tu sửa và làm mới được 571 con nương, với tổng chiều dài hơn 10 km, đủ tưới cho gần 3.000 ha [6, tr.162].

Liên khu Việt Bắc có hơn 800 km đê bao bọc cả một vùng rộng lớn khắp năm tỉnh trung du như Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ..., công tác bảo vệ đê điều chống lũ lụt bảo vệ mùa màng được Đảng bộ Liên khu hết sức chú ý. Ngày

23-3-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 6-CT/LKVB *Về việc lãnh đạo bảo vệ đê cống trong vụ nước năm nay*. Liên khu ủy chỉ đạo các tỉnh ủy phải coi công tác bảo vệ đê điều phòng lụt là "một trong những công tác rất quan trọng, tăng cường công tác lãnh đạo, tu bổ và tổ chức lãnh đạo canh giữ, bảo vệ đê điều, đảm bảo không để bị lụt" [77, tr.75]. Ngày 16-5-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 12-LKVB *Về tăng cường lãnh đạo công tác đê điều để gấp rút hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn*. Chỉ thị nêu rõ: "Công tác đê điều năm nay có một ý nghĩa rất lớn về kinh tế và chính trị" [77, tr.139]; tập trung nhân vật lực, làm ngay những quãng đê xung yếu như kè Sen Hồ ở Bắc Ninh, kè Xuân Trạch ở Vĩnh Phú, quãng đê Lâm Thao, Hạc Trì ở Phú Thọ... Trong quá trình chỉ đạo thực hiện công tác đê điều, Liên khu ủy luôn theo sát tình hình, kịp thời rút kinh nghiệm để giải quyết những khó khăn phát sinh. Nhờ đó, đến tháng 10-1955, nhân dân trong Liên khu đã đóng góp 2.090.400 ngày công để đắp 1 triệu 653 nghìn mét khối đất đá và bỏ 23.000 m³ đá kè [77, tr.407]. Trong 6 tháng đầu năm 1956, công tác sửa chữa đê, cống căn bản hoàn thành và đạt kết quả tốt, các yêu cầu về đất và đá kè các tỉnh đều đảm bảo và vượt mức so với kế hoạch, chất lượng đê tương đối vững chắc. Chất lượng đê đã được kiểm chứng qua mấy trận lụt mà không chỗ nào xảy ra nguy hiểm.

Công tác khôi phục ruộng đất bỏ hoang được đẩy mạnh. Đầu năm 1955, Liên khu đã lên kế hoạch và tổ chức hai đợt khai hoang từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1955 ở một số xã trọng điểm và thí điểm làm cơ sở để phát động đợt phá hoang quy mô trên toàn Liên khu từ ngày 19-5-1955. Tổng kết 15 xã khai hoang đợt 1 (từ đầu tháng 1 đến 15-3-1955) đã vỡ được 14.009 m² (98.848 m² bị bỏ hoang), trồng màu, lúa, rau xanh với diện tích 2.916 m², đào được 40 giếng, 11 nương tưới cho 3.535 m² [182, tr.26]. Trong toàn Liên khu, đến tháng 6-1955 đã khai hoang được 22.892 mẫu [39, tr.2]. Nếu tính 4 tỉnh có vành đai và vùng mới giải phóng thì đến tháng 7-1955, diện tích vỡ hoang tăng lên 18.947 ha [77, tr.407]. Trong bối cảnh mới tiếp quản vùng giải phóng, nhiều đồng bào bị dụ dỗ, cưỡng ép di cư vào Nam, nạn đói xảy ra gây nhiều khó khăn về nhân lực

thì kết quả vỡ hoang như trên đã giải quyết được 2/3 diện tích là sự nỗ lực rất lớn của nhân dân và các cấp ủy Đảng, chính quyền ở Liên khu, góp phần tạo thêm lương thực để giải quyết nạn đói.

Dưới sự chỉ đạo kịp thời của Đảng bộ Liên khu, công tác chống hạn đã đạt được kết quả. Đến đầu năm 1956, nhiều tỉnh đã quán triệt tốt sự chỉ đạo của Liên khu ủy, triển khai phong trào tương đối mạnh và kết quả tốt như Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Phú Thọ, Yên Bái... Tỉnh Phú Thọ chống hạn được 11.614 mẫu lúa, mạ và hoa màu; Vĩnh Phúc 11.399 mẫu; Bắc Ninh 5.720 mẫu..." [77, tr.768]. Huyện Thanh Sơn của tỉnh Phú Thọ đến tháng 2 năm 1956 đã giải quyết gần xong vấn đề hạn hán.

Đầu năm 1956, ở một số địa phương quá chú trọng vào công tác phát động quần chúng thành lập khu tự trị mà coi nhẹ sản xuất. Để khắc phục tình trạng này, ngày 1-2-1956, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Chỉ thị số 02-CT/LKVB (1-2-1956) *Về việc đẩy mạnh công tác sản xuất trong phát động quần chúng thành lập khu tự trị*. Ban Thường vụ Liên khu chỉ đạo: "Các cấp ủy tỉnh, huyện cần nhận thức đầy đủ vấn đề khôi phục kinh tế năm 1956 và công tác phát động quần chúng thành lập khu tự trị để đẩy mạnh sản xuất và ngược lại lấy công tác vận động sản xuất làm nội dung thiết thực của việc thành lập khu tự trị" [77, tr.783].

Trong chỉ đạo phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, Liên khu ủy chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật trồng trọt. Liên khu, tỉnh, huyện cử cán bộ chuyên môn xuống địa bàn hướng dẫn đồng bào kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi. Ở một số địa phương, nhân dân trồng khoai lang nhưng do thiếu đất phải chuyển sang trồng khoai lang ụ, có cách thức tiến hành hiệu quả. Nhiều nơi phổ biến những sáng kiến sản xuất hiệu quả đến nhân dân như ở Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Cao Bằng. Ở miền núi có phong trào gieo mạ thừa, dùng phân thường, phân xanh trong trồng trọt đã được phổ biến để nhân dân áp dụng rộng rãi. Cao Bằng áp dụng kỹ thuật cao như "chăm mạ, ngâm mạ vào phân trước khi cấy và dùng bừa cỏ Nghệ An" [77, tr.405].

Vấn đề lãnh đạo sản xuất miền núi được coi trọng hơn trước. Cụ thể Liên khu có kế hoạch sản xuất miền núi sau đó cử cán bộ đi chỉ đạo một xã thí điểm và rút được kinh nghiệm trong việc vận động đồng bào Dao xuống thấp vỡ ruộng để trồng trọt, cũng như hướng dẫn bà con dùng cỏ để làm phân trong trồng trọt lúa và hoa màu. Một số tỉnh miền núi như Cao Bằng, Bắc Cạn đã tổ chức được hội nghị đại biểu người Dao, người Mông để thu nhận những thắc mắc, nguyện vọng của đồng bào, từ đó có cơ sở giải thích và hướng dẫn đồng bào cách thức để khắc phục khó khăn trong sản xuất. Từ đó, đồng bào phấn khởi và thêm tin tưởng vào Đảng và Nhà nước.

Trên lĩnh vực giảm tô, cải cách ruộng đất, đến tháng 8-1956, Liên khu Việt Bắc đã được tiến hành 4 đợt từ đợt 2 đến đợt 5. Sau khi tiến hành giảm tô, cải cách ruộng đất, ruộng đất, trâu bò, nông cụ được chia cho người lao động mà chủ yếu là bản cổ nông. Tuy nhiên, công tác giảm tô và cải cách ruộng đất cũng còn nhiều hạn chế, thiếu sót, nhất là công tác tra điền, định sản còn dùng mệnh lệnh, còn hiện tượng quy kết oan sai...

Do những chỉ đạo trên đây của Liên khu ủy, của các cấp bộ Đảng trực thuộc, nên tình hình sản xuất nông nghiệp từng bước vượt qua khó khăn, có chuyển biến tích cực. Vụ chiêm màu Đông - Xuân 1954-1955, diện tích cây lúa là 145.556 ha, thu hoạch được 217.714 tấn thóc; diện tích cây ngô, khoai, đỗ là 96.313 ha, thu hoạch được 108.759 tấn. Vụ mùa năm 1955, toàn Liên khu đã cấy lúa ngắn ngày như Ba Giăng và Nam Ninh với diện tích 14.062 ha và trồng màu được 9.306 ha [77, tr.408]. Đến vụ chiêm màu Đông - Xuân 1955-1956, sản xuất lương thực các loại ngô, khoai, sắn, lúa ... đều vượt mức quy định cả về sản lượng và diện tích "diện tích chiêm tăng 4%, sản lượng tăng từ 15 đến 30%" [77, tr.891], điển hình như tỉnh Thái Nguyên, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về thiên tai nhưng tính đến tháng 11-1955, tổng sản lượng lương thực đạt 96.854 tấn, sản lượng lúa cả năm đạt 54.753 tấn [12, tr.200]. Hưởng ứng cuộc vận động Liên khu ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu, nhân dân trong Liên khu đã áp dụng kỹ thuật trong sản xuất. Vụ chiêm màu Đông - Xuân 1954-1955, toàn Liên khu có 393.297 mẫu gieo cấy các loại lúa như: Nam Ninh,

Chiêm, Ba Giang [39, tr.2]. Tại tỉnh Cao Bằng, số địa phương cấy giống lúa Nam Ninh cho năng suất cao tăng từ 3/10 huyện (năm 1954) tăng lên 9/10 huyện và thị xã (năm 1956) với diện tích tăng gấp 15 lần [5, tr.274]. Trong quá trình sản xuất, nhân dân đã tiến hành đổi công gồm 11.402 công người và 3.272 công trâu [39, tr.2].

Những kết quả trong sản xuất nông nghiệp đã làm giảm thiểu những khó khăn, nhất là trong khắc phục nạn đói. Nếu như cuối tháng 4 - 1955 toàn Liên khu có trên 20 vạn người bị đói thì đến tháng 9 - 1955, theo thống kê chưa đầy đủ, số người đói chỉ còn 39.298 người [39, tr.2]. Đến tháng 8-1956, Liên khu đã giải quyết được cơ bản khó khăn về lương thực, góp phần làm chuyển biến công tác cứu đói.

Thông qua sự chỉ đạo và điều hành trực tiếp nhiệm vụ kinh tế, nhận thức của cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ khôi phục kinh tế, đặc biệt là phát triển sản xuất nông nghiệp, ngày càng được nâng cao. Các hội nghị từ cấp khu đến cấp tỉnh được tổ chức để qua đó việc phổ biến, học tập chủ trương được gắn với kiểm điểm, chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm để kịp thời sửa chữa, đồng thời tổng kết, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Cán bộ, đảng viên nhận thức rõ hơn tính chất cấp bách của nạn đói và sự cần thiết phải đẩy mạnh sản xuất nhằm cứu đói, củng cố Liên khu, góp phần tăng cường hậu phương miền Bắc. Nhận thức đó đã được chuyển hóa thành hành động cụ thể trong thực tiễn, thể hiện ở sự sâu sát, tích cực và tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

3.2.2. Chỉ đạo khôi phục tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp

Về tiểu thủ công nghiệp

Quán triệt nghiêm túc chủ trương của Trung ương trong *Hội nghị Trung ương lần thứ tám* (8-1955) về khôi phục kinh tế trong đó có khôi phục tiểu thủ công nghiệp, *Hội nghị cán bộ toàn Liên khu Việt Bắc* (9-1955) chủ trương khôi phục và phát triển những cơ sở tiểu thủ công nghiệp sẵn có, đồng thời, xây dựng cơ sở mới một cách chắc chắn, nhằm bảo đảm cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho đời sống của nhân dân. Liên khu ủy chỉ đạo: "Một mặt phải đi sâu

ngiên cứu tình hình và khả năng sẵn có cả vùng miền núi lẫn miền xuôi. Một mặt, phải giải quyết những vấn đề trước mắt đã có sẵn hoặc đã nắm được" [77, tr.442]. Liên khu ủy chỉ đạo Ủy ban hành chính Liên khu yêu cầu các địa phương đẩy mạnh sản xuất nông cụ nhằm phục vụ sản xuất, khai hoang.

Thực hiện sự chỉ đạo của Liên khu ủy, các cấp ủy, chính quyền các địa phương đã tích cực thực hiện. Ở Trung du, sản xuất nông cụ phát triển mạnh không chỉ đảm bảo nhu cầu của địa phương còn cung cấp thêm cho miền núi, không chỉ góp phần ổn định giá cả (Phụ lục 11) còn thúc đẩy phục hồi sản xuất nông nghiệp và khai hoang được nhiều diện tích. Trong 5 tháng đầu năm 1955, Vĩnh Phúc sản xuất được 36.616 mũi cày (48% cả năm), Phú Thọ sản xuất được 2.458 bừa (gấp 3 lần năm 1954). Toàn Liên khu sản xuất được 3.160 bừa, 79.810 mũi cày, 42.228 dao [39, tr.6]. Ở khu vực thượng du, miền núi, nghề dệt vải của đồng bào được phục hồi nhanh, đặc biệt như vải xanh Đồng Văn, vải kẻ Móng Cái "tăng từ 67 khung tháng 1-1955 lên 129 khung tháng 6-1955 (gấp hơn hai lần)" [77, tr.414].

Bên cạnh việc hỗ trợ, tạo điều kiện các ngành có tiềm năng, thế mạnh, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của nhân dân, Liên khu ủy cũng chỉ đạo việc chuyển hướng hoặc thu hẹp những ngành nghề không phù hợp như ngành giấy bản, nghề dệt vải khổ hẹp... chuyển sang sản xuất nông nghiệp hoặc trở thành nghề phụ của nông dân. Theo chỉ đạo của Liên khu ủy, 3 tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên từ 3.019 khung giảm xuống còn 600 khung hoạt động, 104 khung đã trở thành nghề phụ của nông dân [77, tr.414]. Một số ngành trước đây chủ yếu phục vụ cho thực dân Pháp và tay sai như buôn hàng ngoại hóa, ăn uống... cũng thu hẹp hoạt động hoặc chuyển hướng sang ngành nghề khác như ở tỉnh Vĩnh Phúc - nơi có nhiều hàng quán ăn uống giảm từ 1.009 hàng ăn tháng 3 xuống 886 hàng tháng 7 năm 1955 [77, tr.414].

Tuy nhiên, đến năm 1955, khôi phục tiểu thủ công nghiệp còn nhiều khó khăn, hạn chế. Việc chỉ đạo một số nơi còn lúng túng; một số ngành tiểu thủ công nghiệp như nông cụ, gạch, gốm thiếu hướng dẫn sản xuất cụ thể như ở Cao Bằng, Bắc Ninh... Trong 13 tỉnh của Việt Bắc thì 9 tỉnh miền núi, cơ sở

tiểu thủ công nghiệp ít, phân tán gây khó khăn cho công tác quản lý; tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu làm cho một số ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp gặp nhiều khó khăn nhất là ngành sản xuất nông cụ.

Trước tình hình trên, bước vào năm 1956, Đảng bộ Liên khu tích cực chỉ đạo khuyến khích, giúp đỡ các cơ sở sản xuất khắc phục khó khăn cho nghề sản xuất nông cụ. Tháng 5-1956, Hội nghị Nông cụ của Liên khu diễn ra nhằm tổng kết những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, đồng thời, chia sẻ những kinh nghiệm trong sản xuất. Sau đó, Hội nghị Nông cụ các tỉnh đã diễn ra. Nhận thức, tư tưởng của một số cơ sở sản xuất có chuyển biến tốt, ý thức phục vụ và tinh thần đoàn kết trong sản xuất ngày một nâng cao. Một số cơ sở đã liên kết, hợp tác trao đổi kinh nghiệm mang lại tác động tích cực đối với sản xuất như một cơ sở lò đúc ở Vĩnh Phúc nhờ việc trao đổi, học tập kinh nghiệm với các cơ sở khác nên đã tăng được năng suất lên 75% [100, tr.3]. Do đó, 9 tháng đầu năm 1956, sản xuất tiểu thủ công nghiệp của Liên khu cao hơn năm 1955. Nổi bật nhất là Thái Nguyên, năm 1955 sản xuất được 13.700 lưỡi cày thì đến năm 1956 tăng lên 29.200 cái.

Về thương nghiệp

Thực hiện chủ trương của Trung ương trong *Hội nghị Trung ương lần thứ tám* (8-1955) về khôi phục kinh tế trong đó có khôi phục thương nghiệp và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Liên khu ủy mở rộng (5-1955), các cấp ủy Đảng, chính quyền đã ban hành và tổ chức thực hiện thể lệ quản lý thương nhân, lãnh đạo công tác mậu dịch nhất là công ty lương thực, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các ngành sản xuất đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của nhân dân và đề xuất khẩu như: buôn bán lâm thổ sản, vải, nông cụ...

Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy, số lượng cán bộ hoạt động trong ngành thương nghiệp tăng lên: năm 1955, số cán bộ chính thức của công ty lương thực 4 tỉnh Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái nguyên, Tuyên Quang là 414 người đến năm 1956, là 444 người. Năm 1956, tổng số cán bộ chính thức của công ty lương thực, bách hóa, lâm thổ sản là 1.094 người [109, tr.54-55] (Phụ lục 12); số lượng công ty bách hóa, lương thực, lâm thổ sản cũng tăng đáng kể: năm

1955, toàn Liên khu có 66 công ty, đến năm 1956 tăng lên 100 công ty (Thái Nguyên có 7 công ty lương thực và 8 công ty lâm thổ sản) [109, tr.58-59] (Phụ lục 13). Ở tỉnh Phú Thọ, số tiền bán lâm thổ sản đã thu được 7 tháng đầu năm 1954 là 30 triệu so với 5 tháng cuối 1954, tăng lên 828 triệu (tăng lên hơn 7 lần) [77, tr.414]. 5 tháng đầu năm 1955, Trung ương giao chỉ tiêu cho Liên khu thu mua 30.000 m³ gỗ thì mật dịch đã thu mua được 27.123 m³ gỗ, đạt 98% so với nhiệm vụ Trung ương giao [39, tr.5].

Những kết quả trên cho thấy, đến năm 1955, thương nghiệp ở Liên khu đã bước đầu được phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, trong công tác chỉ đạo vẫn còn nhiều hạn chế: công tác bình ổn giá trong năm 1955 chưa đạt kết quả; cán bộ còn nặng tư tưởng dựa vào thương nhân, mua hàng qua thương nhân mà không mua trực tiếp từ dân để dẫn tới hậu quả thương nhân ép giá, mua tranh bán cướp lâm thổ sản của nông dân như ở Bắc Kạn, Bắc Giang, Cao Bằng... Một số tỉnh chưa chú trọng đến mặt hàng lâm thổ sản.

Để khắc phục tình trạng trên, bước vào năm 1956, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo phải bình ổn cho được vật giá, đấu tranh với gian thương, cán bộ mật dịch phải nắm vững phương thức mua - bán và quan trọng là biết dựa vào quần chúng; đẩy mạnh khai thác lâm thổ sản là thế mạnh của Liên khu "trong việc tổ chức thu mua cần phổ biến rộng rãi quy cách mẫu mực cho đồng bào, để giảm bớt được tình trạng thương nhân có cơ hội bắt chẹt nông dân" [77, tr.441]. Từ tháng 4-1956, cơ quan mật dịch đã có sự chuẩn bị nguyên vật liệu để giải quyết những khó khăn cho nghề sản xuất nông cụ.

Bên cạnh việc đảm bảo cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất tiêu thủ công nghiệp, các cơ quan mật dịch ở Liên khu còn góp phần quan trọng vào công tác bình ổn vật giá, nhất là giá cả những mặt hàng thiết yếu như: gạo, muối, vải... Trong những tháng đầu năm 1956, do mùa màng thu hoạch kém do thiên tai và sâu bọ nên giá gạo hầu hết tăng ở các địa phương. Hệ thống mật dịch đã kịp thời cung cấp số lượng gạo lớn ra thị trường (vào tháng 1, tháng 2 trung bình Thái Nguyên bán 13-15 tấn/ngày, Lạng Sơn 20-25 tấn/ngày, thì đến tháng 4, tháng 5 Thái Nguyên bán 35-37 tấn/ngày, Lạng Sơn 33-35 tấn/ngày...

[99, tr.4]). Các địa phương đã triển khai nhiều biện pháp để tích cực như: tăng cường các điểm bán gạo cho nhân dân, khuyến khích mở thêm các hàng quà bánh, kết hợp bán gạo với các điểm thu mua lâm thổ sản, cho nhân dân vay đổi giáp hạt, bán chịu, cải tiến cách quản lý, kết hợp các cửa hàng mậu dịch với thương nhân... Với những biện pháp tích cực trên đây, việc bình ổn giá gạo trong Liên khu đạt được kết quả tích cực (điển hình ở Thái Nguyên, giá gạo từ 320 đồng/kg (đầu năm 1956) đến tháng 9-1956, giảm xuống còn từ 170 đồng đến 215 đồng/kg [99, tr.3-4]). Cùng với gạo, muối và vải là hai hàng hóa thiết yếu được các cấp ủy chỉ đạo mậu dịch cung cấp hoàn toàn cho thị trường hoặc động viên, khuyến khích nhân dân sản xuất nên giá cả tương đối ổn định không có biến động lớn.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, dưới sự hỗ trợ của Tiểu ban Hợp tác xã mua bán và tiểu thủ Trung ương, Liên khu ủy, các cấp ủy Đảng địa phương tổ chức thí điểm hợp tác xã mua bán ở những nơi đã cải cách ruộng đất tại. Việc thành lập các hợp tác xã mua bán được quần chúng hoan nghênh, hưởng ứng. Sau một thời gian thí điểm, đến tháng 10-1955, ở Liên khu Việt Bắc đã tổ chức được 9 cơ sở gồm 156 xã, kết nạp được 37.542 xã viên, góp 43.651 cổ phần; mở được 32 cửa hàng bán lẻ và 2 xưởng gia công chế biến; bộ máy từ tỉnh đến cơ sở có 245 cán bộ, nhân viên [77, tr.676]. Đến tháng 12-1955, chỉ tính trong 4 tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc xây dựng được 16 cơ sở (tức là 16 huyện) gồm 201 xã, kết nạp được 53.394 xã viên, thu 63.984 cổ phần, mở 40 cửa hàng bán lẻ" [77, tr.722]. Các hợp tác xã mua bán đã góp phần cung cấp cho nông dân những mặt hàng thiết yếu như phân bón, nông cụ, vải... với giá cả thấp hơn thị trường từ 10% - 20%, đồng thời thu mua của nông dân những sản phẩm nông nghiệp với giá cả hợp lý. Hoạt động của hợp tác xã mua bán giúp người nông dân không bị phú nông, gian thương ép giá, bóc lột thông qua buôn bán đầu cơ. Từ đó, góp phần, phục hồi và thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động của các hợp tác xã mua bán nảy sinh những tiêu cực, hạn chế như: hiện tượng tham ô, lãng phí đã diễn ra và nhiều nơi nghiêm trọng. Có địa phương (như ở Phú Thọ) phát hiện ba vụ tham ô tới

gần 50 vạn đồng [77, tr.677]); việc chấp hành các chế độ kinh tế - tài chính ở nhiều hợp tác xã không nghiêm, luân chuyển vốn chậm, hàng, tiền còn ứ đọng; nghiệp vụ kinh doanh của cán bộ còn non và ít kinh nghiệm; việc bảo quản hàng hóa chưa bảo đảm dẫn đến hàng hóa bị hư hỏng. Ngoài những hạn chế trên hoạt động của các hợp tác xã mua bán gặp rất nhiều khó khăn do địa chủ, thương nhân tìm mọi cách phá hoại gây hoang mang trong quần chúng, hỗn loạn giá cả thị trường vì động chạm đến quyền lợi của họ.

Nhận định rằng những tiêu cực, hạn chế trên đây chủ yếu là do thiếu sót trong công tác lãnh đạo, nên tháng 10-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 73/TT *Gửi các tỉnh ủy Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc về việc tăng cường lãnh đạo công tác hợp tác xã mua bán*. Liên khu ủy nhận định "Công tác hợp tác xã mua bán là một công tác mới, lại là công tác kinh tế - tài chính nên nó rất phức tạp" [77, tr.678]. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, Liên khu ủy chỉ đạo: *thứ nhất*, cần giáo dục, bồi dưỡng cán bộ và nhân viên để họ ý thức được "tính chất, nhiệm vụ, đối tượng đấu tranh và vai trò quan trọng của hợp tác xã trong nền kinh tế dân chủ nhân dân" [77, tr.679]; mặt khác, cần có chế độ đãi ngộ về vật chất cũng như biểu dương, khen thưởng kịp thời tạo động lực cho cán bộ, đảng viên trong công tác; *thứ hai*, giáo dục quần chúng xã viên về ý thức xây dựng và bảo vệ hợp tác xã; *thứ ba*, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hợp tác xã. Kế hoạch kinh doanh của các hợp tác xã phải được cấp ủy phê duyệt, đảm bảo đúng đối tượng phục vụ, đúng với đường lối kinh tế của Trung ương và địa phương; *thứ tư*, các cấp ủy Đảng cần kiểm tra đôn đốc sát sao, kịp thời báo cáo với cấp trên và có sự phối hợp giữa các ngành để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tiếp đó, tại Thông tri số 98-TT (8-12-1955) *Thi hành Chỉ thị số 47-CT/TW của Trung ương về việc tổ chức hợp tác xã mua bán ở nông thôn và hợp tác xã tiêu thụ ở thành thị*, Liên khu ủy chỉ đạo: phải tăng cường công tác lãnh đạo "Cử cán bộ khá, nhất là cấp ủy viên sang phụ trách" [77, tr.727]; củng cố cơ sở đã có và phát triển thêm cơ sở mới

Với sự chỉ đạo kịp thời của Liên khu ủy, các cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số địa phương đã chú ý hơn đến việc lãnh đạo hợp tác xã mua bán. Tỉnh ủy Phú Thọ đã lên kế hoạch hoạt động và chú ý giải quyết những khó khăn, vướng mắc; Tỉnh ủy Thái Nguyên đã phân công đồng chí tỉnh ủy viên phụ trách công tác hợp tác xã, ở cấp huyện cử cấp ủy viên phụ trách... Việc xây dựng hợp tác xã ở Liên khu cũng được đẩy mạnh. Hợp tác xã mua bán được tổ chức ở tất cả các địa phương đã tiến hành cải cách ruộng đất (nổi bật là ở Thái Nguyên, năm 1956, có 7 hợp tác xã với tổng số xã viên là 38.751 người tăng gần 3 lần so với năm 1955 [109, tr.56]). Đến năm 1956, mậu dịch và hợp tác xã ngày càng gắn kết chặt chẽ. Mậu dịch có nhiều hoạt động giúp đỡ hợp tác xã như hướng dẫn về nghiệp vụ bán hàng, xây dựng chương trình, ưu tiên hàng hóa cho hợp tác xã nhất là những mặt hàng khan hiếm...

Sau khi hòa bình lập lại, Đảng và Chính phủ chủ trương đẩy mạnh hoạt động ngoại thương. Với vị trí tiếp giáp Trung Quốc, Liên khu Việt Bắc có điều kiện thuận lợi để phát triển mậu dịch biên giới. Do đó, trong những năm 1954–1956, hoạt động ngoại thương ở Việt Bắc từng bước phát triển trong quá trình miền Bắc chuyển sang khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế. Hoạt động xuất nhập khẩu ở Liên Khu Việt Bắc nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa, góp phần tiêu thụ sản phẩm địa phương, thúc đẩy sản xuất và tăng nguồn thu cho nhân dân.

3.2.3. Chỉ đạo khôi phục giao thông vận tải

Sau khi miền Bắc được giải phóng, phục hồi giao thông vận tải để nhanh chóng khôi phục kinh tế là yêu cầu bức thiết. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phục hồi giao thông vận tải, ngày 8-7-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 27-CT/LKVB *Về việc đảm bảo giao thông để đảm bảo kế hoạch vận chuyển*. Chỉ thị nêu rõ, để thực hiện kế hoạch vận chuyển lớn, khối lượng nhiều, thời gian ngắn, các tỉnh “phải bảo đảm cầu, đường, phà trong tỉnh thường xuyên, thông suốt” [76, tr.513]. Về đường bộ, Bắc Giang phải đảm bảo đường số 1, Thái nguyên bảo đảm đường số 3, số 1 bis, Lạng Sơn đường số 1 và 1 bis, Cao Bằng, Bắc Kạn đường số 3, 3 bis và số 4, Tuyên

Quang đường số 1 [76, tr.513]. Về đường thủy, cần khai thông các luồng sông Lô, sông Chảy, sông Gâm,...

Để nhanh chóng phục hồi và củng cố giao thông vận tải, Đảng bộ Liên khu chủ trương tăng cường bộ máy lãnh đạo các cấp. Trước tình hình đội ngũ cán bộ ngành giao thông vận tải ở các tỉnh do yêu cầu phải chuyển sang nhận nhiệm vụ khác; ở các tỉnh mới giải phóng, bộ máy ty giao thông còn yếu (Vĩnh Phúc, Bắc Ninh), thậm chí có nơi chưa có bộ máy ty giao thông (Quảng Yên, Hải Ninh...), ngày 17-9-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Công văn số 616-CV/LKVB *Gửi các tỉnh ủy toàn Liên khu (trừ Thái Nguyên) về việc bổ sung cán bộ cho ngành giao thông vận tải*. Công văn nêu rõ: "Để tăng cường cán bộ cho ngành giao thông vận tải, để đủ đảm nhiệm nhiệm vụ trong giai đoạn hiện tại, Khu ủy thông tri để các tỉnh ủy nghiên cứu bổ sung cán bộ chính trị sang làm trưởng ty giao thông vận tải ở các tỉnh" [76, tr.700].

Bên cạnh nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải, Liên khu phải thu thập và sản xuất một số lớn tà vẹt để cung cấp cho nhu cầu phục hồi đường sắt Nam Quan - Hà Nội. Liên khu ủy chỉ đạo các cấp ủy tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền, làm cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc phục hồi tuyến đường sắt Nam Quan - Hà Nội là tuyến đường sắt nối Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc cũng như các nước dân chủ khác, giúp cho quá trình vận tải hàng hóa sang các nước và tiếp nhận hàng hóa viện trợ của nước bạn được nhanh chóng, thuận lợi. Việc phục hồi tuyến đường ngoài việc thắt chặt tình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa, còn tạo điều kiện phục hồi phát triển kinh tế của Liên khu nói riêng và đất nước nói chung.

Trước tình hình một số tỉnh xem nhẹ công tác này, từ tháng 9 đến tháng 10-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc đã ban hành liên tiếp 3 Thông tri: Thông tri số 58-TT/LKVB (22-9-1954) *Gửi các Tỉnh ủy Bắc Cạn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Quảng Yên về việc phục hồi đường xe lửa Nam Quan - Hà Nội*; Thông tri số 15-TT/LKVB (13-10-1954) *Về việc thu thập đường ray và tà vẹt cũ*; Thông tri số 16-TT/LKVB (13-10-1954) *Về chế độ báo cáo của các tỉnh sản xuất tà vẹt gỗ, đá và thu thập*

đường ray. Liên khu ủy yêu cầu các tỉnh "thu thập đường ray còn tản mát đem tập trung vào những nơi đã quy định..." [76, tr.718]. Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy, các tỉnh đã chấn chỉnh công tác thu thập và sản xuất tà vẹt để cung cấp cho công tác phục hồi đường sắt Nam Quan - Hà Nội.

Trước yêu cầu tăng cường công tác vận tải, thực hiện chỉ đạo của Liên khu ủy, từ ngày 19 đến 23- 2- 1955, Sở giao thông Việt Bắc tổ chức hội nghị các ty giao thông ở Việt Bắc để kiểm điểm tình hình công tác và thảo luận đề án: “Chương trình công tác về đường giao thông thủy bộ năm 1955 của Liên khu Việt Bắc” [130].

Hội nghị Ban Chấp hành Liên khu ủy mở rộng (27-5-1955) đã thông qua Nghị quyết số 6/BB về nhiệm vụ phục hồi giao thông vận tải trong năm 1955. Theo đó, trong năm 1955, cần chú trọng kế hoạch sản xuất tà vẹt để hoàn thành công trình xe lửa Hà Nội - Lào Cai trên cơ sở những kinh nghiệm phục vụ tuyến đường sắt Nam Quan - Hà Nội; sửa chữa cầu đường đúng kế hoạch; phát triển giao thông đường thủy nhất là khai thông các luồng vận tải trên sông Lô, sông Chảy, sông Gâm. Để thực hiện yêu cầu đề ra, các cấp ủy địa phương tăng cường công tác lãnh đạo, kiểm tra, giám sát để thực hiện nhiệm vụ kiến thiết và tu bổ đường sá. Tùy vào nhu cầu và thực tiễn địa phương đường dân sinh kinh tế cũng được sửa chữa phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống.

Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy, sự điều hành trực tiếp của Sở giao thông Liên khu, công tác giao thông vận tải được khẩn trương triển khai thực hiện và thu được một số kết quả.

Về công tác cầu đường, với các tuyến đường chính như đường số 3 đã bảo đảm giao thông thông suốt, đường số 4 đã được khai thông, đường số 18 mới khai thông được một phần để phục vụ kế hoạch tiếp quản Hải Phòng. Các địa phương đã chủ động chống lầy sệt ở những nơi xung yếu như đèo Giàng, đèo Mã Phục. Đường dân sinh cũng được các địa phương tích cực huy động dân công tu bổ để đảm bảo sự đi lại cũng như vận chuyển hàng hóa trong nhân dân. Toàn Liên khu đã huy động gần 22 vạn ngày công, tu bổ được 110 cầu,

720 cây số đường tỉnh [77, tr.421]. Đến tháng 6-1955, công tác cầu đường đã hoàn thành được 90% kế hoạch [39, tr.8].

Đối với giao thông đường thủy, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc chỉ đạo các địa phương phối hợp với cơ quan giao thông tiến hành khảo sát lại luồng lạch, xác định những đoạn bị bồi lấp, có bãi cạn, đá ngầm và chướng ngại vật cản trở tàu thuyền; huy động nhân lực thanh thải vật cản, khơi vét những đoạn sông cạn, chỉnh sửa luồng chạy tàu và đặt các dấu hiệu chỉ dẫn để phương tiện đi lại an toàn. Đồng thời, các bến sông, bến phà và địa điểm tập kết, bốc dỡ hàng hóa được sửa chữa; thuyền và những phương tiện vận tải còn sử dụng được sau chiến tranh được tập trung tu bổ, đưa trở lại hoạt động. Việc khai thông các tuyến sông vì thế được thực hiện đồng thời trên cả ba phương diện: mở luồng, khôi phục cơ sở phục vụ vận tải và tổ chức lại lực lượng vận chuyển. Trên sông Lô, trọng tâm là khôi phục tuyến vận tải nối khu vực Tuyên Quang với Việt Trì và hệ thống sông Hồng, thanh thải những đoạn có vật cản, khơi vét các bãi cạn và củng cố các bến phục vụ việc vận chuyển lâm sản, nông sản, lương thực và hàng tiêu dùng giữa miền núi với miền xuôi. Đối với sông Cầu, công tác khai thông tập trung bảo đảm sự lưu thông giữa khu vực Thái Nguyên, Bắc Ninh với Phả Lại và hệ thống sông Thái Bình, nhất là xử lý những đoạn luồng hẹp, nông cạn và tổ chức lại các điểm đỗ, bốc dỡ hàng hóa. Trên sông Đuống, việc khơi thông luồng có ý nghĩa duy trì tuyến nối giữa sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình, qua đó tạo điều kiện cho hàng hóa từ Việt Bắc và trung du được vận chuyển đến Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, đồng thời đưa máy móc, vật tư và hàng tiêu dùng từ đồng bằng lên miền núi.

Về công tác sản xuất tà vẹt phục vụ khôi phục các tuyến đường sắt, các địa phương trong Liên khu đã có nhiều cố gắng. Tỉnh Tuyên Quang huy động hơn 10 ngàn công nhân tham gia hai đợt khai thác gỗ làm tà vẹt, sản xuất được 6.000 tà vẹt, trên 2.000 m³ gỗ cầu, đảm bảo các kỹ thuật phục hồi tuyến đường sắt Hà Nội - Yên Bái - Lào Cai [13, tr.119]. Các địa phương trong Liên khu đã cung cấp được 335.000 tà vẹt, vượt mức Trung ương giao (315.000 tà vẹt) [39, tr.8]; về vận tải, số hàng vận tải nhiều hơn Liên khu đã xây dựng được bảng giá

cước vận tải thô sơ thủy bộ và áp dụng bảng giá cước vận tải cơ giới trong thực tiễn. Nhiều địa phương kiểm soát được việc thực hiện thể lệ vận tải, kịp thời xử lý những vi phạm, do đó, tai nạn xe cộ giảm hơn so với đầu năm 1955.

Việc phục hồi giao thông vận tải thông qua thực hiện nhiệm vụ tu bổ, sửa chữa, xây mới cầu, đường, phà để đảm bảo giao thông thông suốt ở Liên khu và từ Liên khu đến các địa phương đã góp phần quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi để phục hồi các lĩnh vực kinh tế khác.

3.2.4. Chỉ đạo khôi phục và củng cố công tác tài chính- ngân sách

Sau khi miền Bắc giải phóng, hoạt động tài chính đứng trước yêu cầu điều chỉnh cho phù hợp, từ một nền tài chính chủ yếu phục vụ yêu cầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược chuyển sang phục vụ yêu cầu kiến thiết nước nhà, mau chóng phục hồi nền kinh tế. Nhu cầu về lương thực cho nhân dân các thành phố lớn, cấp phát cho bộ đội, công nhân viên, cung ứng cho các công trình phục hồi và kiến thiết... rất lớn. Tình hình trên vừa tạo những thuận lợi, đồng thời đặt ra cho Đảng bộ Liên khu nhiệm vụ rất nặng nề.

Trong công tác tài chính, thì hoạt động thu thuế, nhất là thuế nông nghiệp, đóng vai trò chủ đạo trong thu ngân sách Liên khu, nhưng công tác thu thuế gặp phải những khó khăn không nhỏ. Sau hòa bình lập lại phạm vi thu thuế mở rộng với nhiều vùng khác nhau và cách thu cũng khác nhau; mùa màng bị thiệt hại do thiên tai, sâu bọ; nhiều công tác lớn phải tiến hành cùng một lúc với công tác thuế... Nhận thức của cán bộ sau khi giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chủ quan, tự mãn, chưa đánh giá đúng những khó khăn nên phạm nhiều sai lầm, khuyết điểm trong tổ chức thực hiện; hiệu quả hoạt động của mật dịch còn thấp, gặp khó khăn trong chủ động nguồn hàng thóc, gạo tạo áp lực lên công tác thu thuế trong việc bình ổn giá cả, bảo đảm đời sống của nhân dân. Đặc biệt, một trong những khó khăn của công tác tài chính của Liên khu là tình trạng trạng khai man diễn biến ngày càng trầm trọng, không chỉ trong nhân dân mà cả trong cán bộ, đảng viên. Điển hình như "Xã Hùng Tiến, Lâm Thao, Phú Thọ, hội nghị chi ủy mở rộng có 36 đồng chí, thì 35 đồng chí có khai man; đến khi hội nghị Quân, Dân, Chính mở rộng có 113 người đều

có khai man cả" [76, tr.730]). Một số địa phương thấy tình trạng sản xuất gặp nhiều khó khăn do hạn hán, ngập lụt nên nảy sinh tư tưởng muốn miễn giảm nhiều nên không kê khai đúng sự thật thiệt hại mùa màng, thiệt hại ít lại kê khai nhiều. như: "Quảng Yên, huyện Nam Sách báo cáo nước lụt mất trắng 500 mẫu, khi kiểm tra lại mất có 18 mẫu. Thôn Lưu Thị, Yên Dũng, Bắc Giang xã báo cáo mất 50% sản lượng, cán bộ về kiểm tra mất có 30% " [76, tr.730]...

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã đề ra nhiều biện pháp về thuế và chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện. Liên ủy ủy chỉ đạo củng cố, kiện toàn và tăng cường bộ máy tài chính các cấp. Năm 1955, bộ máy làm công tác thuế ở Liên khu tăng gấp 4 lần năm 1954. Số biên chế ấn định cho toàn Liên khu 1.010 người, số cán bộ đã được biên chế là 1.004 người, nhiều nhất là tỉnh Bắc Ninh 132 người, ít nhất tỉnh Bắc Cạn 18 người [40, tr.10]. Việc tăng cường bộ máy làm công tác thuế có tác động trực tiếp tới nhiệm vụ phục hồi tài chính ở Liên khu.

Để hoàn thành được mục tiêu thăng bằng thu - chi, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo sát sao công tác thuế nhất là thuế nông nghiệp - nguồn thu tài chính chủ yếu của Liên khu. Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy, các tỉnh đã tổ chức học tập chính sách thuế của nhà nước cho cán bộ các cấp, kịp thời chỉnh đốn những nhận thức sai lầm, làm cho cán bộ thấu suốt chủ trương của Trung ương, thêm tin tưởng và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tỉnh Phú Thọ đã tổ chức học tập cho 903 cán bộ toàn tỉnh [76, tr.729]. Huyện Định Hóa (Thái Nguyên), vận động được 9.915 người tham gia học tập [97, tr.45]. Tỉnh Bắc Kạn, ngay từ đầu vụ thuế đã làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế đến cán bộ và nhân dân. Tỉnh tổ chức hội nghị học tập với 320 cán bộ cốt cán huyện, xã.

Để chỉnh đốn tình trạng khai man, ngày 18-10-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 59-TT/LKVB *Gửi ban tỉnh ủy các tỉnh toàn Liên khu về việc thu thuế nông nghiệp trong Liên khu*. Thông tri nhấn mạnh một số vấn đề để các tỉnh tăng cường lãnh đạo công tác thu thuế nông nghiệp vụ Đông: *một là*, tăng cường lãnh đạo công tác tư tưởng cho cán bộ và

nhân dân đặc biệt là tư tưởng tự tư, tự lợi; *hai là*, chỉ đạo chặt chẽ vấn đề miễn giảm. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình thực tế; *ba là*, xác định "công tác chống khai man là then chốt" [76, tr.732] để đảm bảo việc đóng thuế công bằng, hợp lý, bảo đảm nguồn thu cho ngân sách. Ở vùng tạm chiếm mới giải phóng, cần tổ chức học tập cho cán bộ, nhân dân để họ hiểu chủ trương đúng đắn của Đảng, từ đó, quyết tâm vượt mọi khó khăn đóng góp cho quá trình củng cố miền Bắc. Tiếp đó, để khắc phục tinh thần thiếu trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ làm cho "công tác thuế còn chậm và kém" [76, tr.841], ngày 19-12-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 49-CT/LK *Gửi các tỉnh toàn Liên khu về việc hoàn thành thuế nông nghiệp vụ đông 1954*. Ban Thường vụ Liên khu ủy chỉ đạo các cấp ủy chân chính tư tưởng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đặt mục tiêu "về nhiệm vụ phải hoàn thành 100%, về chính sách phải thực hiện được đóng góp công bằng, về thời gian phải đảm bảo để khỏi ảnh hưởng tới kế hoạch công tác chung" [76, tr.841].

Thực hiện chỉ đạo của Liên Khu ủy, các cấp ủy, chính quyền địa phương đã tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia đóng thuế đủ, đúng hạn. Đến ngày 31-12-1954, nhân dân tỉnh Bắc Cạn đã đóng thuế nông nghiệp đạt 101%; 19/22 xã thuộc huyện Định Hóa (Thái Nguyên) đã hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn; vùng mới giải phóng ở huyện Bình Xuyên (Vĩnh Phúc) đóng vượt 15% [97, tr.40].

Tuy nhiên, nhiều địa phương trong Liên khu không đạt mục tiêu đề ra, Đến tháng 3- 1955, nhiều địa phương vẫn chưa hoàn thành chỉ tiêu về thuế nông nghiệp (Vĩnh Phúc: 81%, Bắc Giang: 83,5%, Cao Bằng: 72,2%, Lạng Sơn: 70,3%); ở một số tỉnh, thu hực thuế nghiêm trọng (Vĩnh Phúc thu thuế hực 3.187 tấn; Bắc Giang thu thuế hực 2.308 tấn. Tình trạng trên dẫn đến thuế nông nghiệp vụ Đông năm 1954 ở Liên khu chỉ đạt 88% chỉ tiêu, ảnh hưởng đến ngân sách [97, tr.41].

Trên cơ sở đánh giá những kết quả và hạn chế, tồn đọng của công tác tài chính năm 1954, quán triệt đường lối phục hồi kinh tế trong Hội nghị Trung ương lần thứ bảy mở rộng (3-1935), ngày 20-5-1955, Ban Thường vụ Liên khu

ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 13/CT *Về việc thu thuế nông nghiệp vụ hạ năm 1955*. Liên khu ủy nhấn mạnh: "Công tác thu thuế nông nghiệp vụ hạ năm 1955, là một công tác cực kỳ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, nó có tính chất quyết định đối với việc giải quyết vấn đề lương thực, là vấn đề then chốt, chi phối mọi mặt công tác hiện nay của ta" [77, tr.253]. Liên khu ủy chỉ đạo các tỉnh thực hiện đồng thời nhiều biện pháp: tăng cường tổ chức hội nghị với huyện ủy, chi ủy để thảo luận kỹ lưỡng kế hoạch thực hiện; lãnh đạo tư tưởng thường xuyên, thống nhất, chặt chẽ từ đầu đến cuối; tích cực động viên, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân; có kế hoạch đối phó với thực dân Pháp và tay sai cũng như những phần tử bất mãn phá hoại; tập trung mọi lực lượng, kết hợp với các ngành đẩy mạnh việc thu thuế; chú trọng công tác lãnh đạo của cơ sở từ chi bộ xã đến chi ủy, đồng chí bí thư phải nắm được tình hình, gương mẫu, sát sao với công việc, Ban Thuế ở cấp xã cần chấn chỉnh hoạt động... Đến ngày 17-6-1955, Ban Thường vụ Liên khu tiếp tục ban hành Chỉ thị số 16/CT *Gửi các tỉnh ủy trong Liên khu về việc đẩy mạnh hoàn thành thuế nông nghiệp vụ hạ*, trong đó bổ sung vấn đề "tăng cường cán bộ cho những huyện yếu" và "phương pháp làm thuế cần đơn giản, dễ làm, thích hợp với trình độ cán bộ xã, theo đúng đường lối quần chúng" [77, tr.293-294].

Thực hiện chỉ đạo của Liên khu ủy. Ủy ban Hành chính Liên khu tổ chức *Hội nghị tổng kết thuế nông nghiệp* vào tháng 4-1955, chỉ rõ những kết quả, hạn chế và nguyên nhân, từ đó, đề ra kế hoạch cụ thể quyết tâm hoàn thành thu thuế nông nghiệp vụ hạ. Ủy ban hành chính Liên khu yêu cầu các địa phương tiến hành các bước cụ thể: *bước thứ nhất* là tổ chức hội nghị học tập, dự toán mức thu tỉnh đến xã từ ngày 15 đến 30-5-1955; *bước thứ hai* là điều tra khả năng, phân định mức thu đối với từng nông hộ và báo cáo kết quả trước nhân dân. Chuẩn bị tổ giao lương, vận chuyển từ ngày 4 đến 10-6-1955; *bước thứ ba* là vận chuyển nhập kho. Bắt đầu phát động từ ngày 11 đến 28-6-1955 hoàn thành thu [97, tr.6].

Chỉ đạo sát sao công tác thuế nông nghiệp vụ Đông năm 1955, Liên Khu ủy đã đề ra nhiều biện pháp, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đôn đốc công tác

thu thuế nông nghiệp ở các địa phương. Ngày 13-9-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy ban hành Chỉ thị số 26-CT/LKVB *Về công tác thuế nông nghiệp vụ đông 1955*. Ngày 8-10-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy thông qua Nghị quyết số 14-NQ/LKVB trong đó chủ trương về nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp vụ Đông năm 1955 tiến hành với phương châm nhanh, gọn, đúng chính sách. Ngày 21-10-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy ban hành Chỉ thị số 30-CT/LKVB *Về đẩy mạnh công tác thuế vụ đông năm 1955*. Ngày 14-11-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy ban hành Chỉ thị số 33-CT/LKVB *Về bổ khuyết việc tiến hành công tác thuế nông nghiệp vụ đông 1955*. Ngày 2-12-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy ra Thông tri số 96-TT/LKVB (2-12-1955) *Về việc đẩy mạnh công tác thuế nông nghiệp vụ đông*. Nội dung chủ yếu mà Ban Thường vụ Liên khu ủy chỉ đạo là yêu cầu các cấp ủy, chính quyền nắm chắc tình hình sản xuất, diện tích, sản lượng và khả năng đóng góp của từng địa phương để xác định mức thu phù hợp; nhấn mạnh việc tuyên truyền, giải thích chính sách thuế cho nhân dân, tránh tình trạng thu sai, thu quá mức hoặc để thất thu. Ban Thường vụ Liên khu cũng yêu cầu tăng cường kiểm tra, đôn đốc, kịp thời bổ khuyết những thiếu sót trong quá trình thực hiện.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Liên khu ủy và Ủy ban Hành chính Liên khu, cấp ủy, chính quyền các tỉnh đã nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác thuế trong năm 1955. Hầu hết các địa phương đều nêu cao vai trò lãnh đạo của tập thể, phân công các đồng chí phụ trách một cách cụ thể, rõ ràng. Ở Yên Bái các vấn đề quan trọng đều đưa ra bàn bạc, sau đó cử đồng chí Tỉnh ủy viên kiêm ủy viên hành chính chuyên trách, nếu đồng chí chuyên trách đi vắng đồng chí Bí thư tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo công tác thuế. Tỉnh Phú Thọ thành lập Ban lãnh đạo thuế và sản xuất do đồng chí Bí thư tỉnh ủy làm trưởng ban trực tiếp chỉ đạo... Các tỉnh có kế hoạch cụ thể để triển khai từng bước theo chỉ đạo của Liên khu ủy và kế hoạch của Ủy ban Hành chính Liên khu; công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đóng thuế được triển khai sâu rộng với thời gian sắp xếp hợp lý không ảnh hưởng đến sản xuất. Nhiều địa phương công việc vận chuyển hết sức khó khăn nhưng nhờ nhân dân tích cực, chủ động phát

huy sáng kiến đã đảm bảo thời hạn đóng thuế cho Nhà nước. Tại xã Thiên Hòa, Bình Gia, Lạng Sơn đã phân công các cụ già đàn sọt, phụ nữ lấy lá dong, thanh niên lấy nứa làm được 323 các máng, đắp 53 các đập ngăn nước để thả bè trở thóc, chuyển hai chuyến xong 120 tấn [97, tr.3]. Vì vậy, năm 1955, kết quả thu thuế nông nghiệp có những tiến bộ vượt bậc so với năm 1954: hầu hết các tỉnh đều vượt chỉ tiêu được giao, thuế nông nghiệp đã nhập kho đạt 102,9% vượt chỉ tiêu Trung ương giao 4.284 tấn [97, tr.2].

Kết quả thu thuế của Liên khu Việt Bắc sau những năm tháng bị chiến tranh tàn phá phản ánh sự nỗ lực cố gắng của các cấp ủy đảng, chính quyền và quần chúng nhân dân.

Bước sang năm 1956, để đảm bảo dự toán ngân sách, trên cơ sở xác định thuế nông nghiệp vẫn là nguồn thu quan trọng, ngày 22-3-1956, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Thông tri số 21-TT/LKVB *Về việc lãnh đạo công tác thuế nông nghiệp 1956*. Thông tri thể hiện tinh thần chỉ đạo Ban Thường vụ Liên khu ủy, yêu cầu các địa phương tiếp tục tăng cường kiểm tra nắm vững tình hình; kiện toàn, bổ sung cán bộ cho ngành thuế; kết hợp công tác sản xuất với công tác thuế và nhất là "Các tỉnh phải tăng cường lãnh đạo của cấp ủy, phải có một ủy viên hành chính trực tiếp chuyên trách công tác thuế..." [77, tr.823]. Bên cạnh chỉ đạo công tác thu thuế nông nghiệp đó, Đảng bộ Liên khu triển khai công tác ổn định sản lượng, lập sổ thuế nông nghiệp năm 1956. Tính đến ngày 9-6-1956, công tác lập sổ thuế đã thu được nhiều kết quả; trong số 708 xã thuộc 5 tỉnh trung du đã tuyên bố ổn định sản lượng được 549 xã và đã lập xong sổ thuế 1956 được 639 xã [77, tr.865]. Sau khi lập sổ thuế ở 5 tỉnh trung du thì mức thu thuế đều tăng, nhất là các nơi đã tiến hành cải cách ruộng đất đợt 5. Kết quả 6 tháng đầu năm 1956, công tác thu thuế nông nghiệp bảo đảm nhiệm vụ: thuế nông nghiệp vụ hạ đạt 115% [17, tr.4].

Bên cạnh thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp và các loại thuế khác cũng được Liên khu ủy chỉ đạo thu nhằm thực hiện mục tiêu cân bằng được thu - chi.

Sau hòa bình lập lại, tình hình thị trường ở Liên khu có những biến đổi: luồng hàng từ khu 4 đi Lạng Sơn không còn là chủ yếu, do có những luồng hàng mới từ vùng giải phóng; các phương tiện vận chuyển từ xe thô sơ là chủ yếu chuyển sang những phương tiện cơ giới như ca nô và ô tô. Các thị trấn tập trung đông đúc, hàng hóa lưu thông trên thị trường tăng lên, hoạt động kinh doanh phát triển mạnh, số người buôn chuyển không ngừng tăng lên. Ở Thái nguyên 1 ngày có đến 61 người buôn chuyển kẹo bánh; khu Kỳ Lừa (Lạng Sơn) có 227 người buôn chuyển, huyện Than Uyên (Cao Bằng) có 462 người đăng ký.... [96, tr.1]. Hoạt động kinh doanh buôn bán của nhân dân cũng phát triển, doanh thu tăng. Ở vùng mới giải phóng như Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc tập trung nhiều nhà buôn lớn, hoạt động công thương nghiệp phát triển như thị xã Bắc Ninh có đến 2.100 công thương gia [96, tr.4]. Tình hình trên tạo nhiều thuận lợi cho công tác thuế công thương nghiệp

Ngày 21-7-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 32-CT/LKVB *Về nhiệm vụ thuế công thương nghiệp năm 1954*. Chỉ thị nhấn mạnh "Tại các thị trấn và nơi đông công thương gia thì phải đặt công tác thuế công thương nghiệp là công tác đặc biệt quan trọng" [76, tr.544]. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Chỉ thị, nhiều vướng mắc nảy sinh do các quy định cũ về thuế không còn phù hợp, tập trung vào thuế nông nghiệp,...nên kết quả thu thuế công thương nghiệp không đạt được kết quả. Đến cuối năm 1954, kết quả thu thuế công thương nghiệp rất thấp, đầu tháng 11-1954, mới đạt 50% nhiệm vụ cả năm [96, tr.8]; tình trạng thu thuế chậm, thất thu, tình trạng khai man ngày càng nghiêm trọng, thậm chí có loại thuế như thuế buôn chuyển tháng 7 là 163,9 triệu, tháng 8 chỉ thu được 150,8 triệu, tháng 9 là 151,6 triệu). Việc thất thu thuế công thương nghiệp ảnh hưởng rất lớn kế hoạch thăng bằng thu - chi của Liên khu.

Trước tình hình đó, Liên Khu ủy chỉ đạo tăng cường công tác lãnh đạo, nắm vững tình hình, quản lý chặt chẽ công thương gia nhằm tích cực chống thất thu; tăng cường bộ máy thuế ở địa phương nhất là phải có cán bộ đủ năng lực để làm công tác thuế.

Thực hiện đường lối của Trung ương trong *Hội nghị Trung ương lần thứ bảy mở rộng* (3-1955) và *Hội nghị Trung ương lần thứ tám* (8-1955) về việc phục hồi tài chính cần tăng thu (tăng mức thu thuế công thương nghiệp, hạ dần thuế nông nghiệp), giảm chi, thực hành tiết kiệm, tăng cường chống tham ô, lãng phí... Liên khu ủy đã tăng cường chỉ đạo công tác thuế công thương nghiệp. Ngày 14-7-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy ban hành Chỉ thị số 45-CT/LKVB (14-7-1955) *Về việc tăng cường lãnh đạo công tác thuế công thương nghiệp*. Chỉ thị nhấn mạnh những nội dung mà các địa phương cần lưu ý để khắc phục tình trạng thu thuế công thương nghiệp chưa đạt chỉ tiêu đề ra: nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên mà trước hết là cấp ủy về vai trò của thuế công thương nghiệp; củng cố, kiện toàn bộ máy thuế; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng "Ở những tỉnh có số thu lớn thì cử những đảng viên tương đương trình độ tỉnh ủy phụ trách cơ quan thuế..." [77, tr.332]. Tiếp đó, ngày 10-12-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy ban hành Thông tri số 99-TT/LKVB *Về việc kiểm tra sự chấp hành thuế công thương*. Thông tri nêu rõ: để sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm các tỉnh cần chú ý lãnh đạo các chi, sở tiến hành việc kiểm tra thu thuế buôn chuyến, việc truy thu thuế, thu thuế những người buôn bán lật vật... Đặc biệt, nhấn mạnh một số tỉnh như Bắc Giang, Lạng Sơn, Hà Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ... cần chú ý một số vấn đề như: thuế rượu, nghề phụ, thuế buôn chuyến... Trên cơ sở đó, các địa phương có nhiều nỗ lực, cố gắng bám sát thực tiễn, chỉ đạo cụ thể, tích cực tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, nhân dân, cũng như không ngừng củng cố, tăng cường bộ máy làm công tác thuế.

Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy, tính đến ngày 10-12-1955, thuế công thương nghiệp thu được 11.753 tấn đạt 97,9% chỉ tiêu Trung ương giao (12.080 tấn); số thu trong cả năm 1955 đạt 227% [40, tr.1].

Nhìn chung, kết quả thu thuế công thương nghiệp ở Liên khu Việt Bắc năm 1955 có sự tiến triển, song, chưa đạt mục tiêu đề ra và không đồng đều giữa các địa phương. Việc áp dụng thuế suất chưa thống nhất và chưa đúng chính sách thuế. Thông tri của Ban Thường vụ Liên khu ủy *Về việc kiểm tra sự chấp hành chính sách thuế công thương nghiệp* (10-12-1955) cho biết: những

hàng nông lâm thổ sản đáng lẽ đánh 5% lại đánh 7% hoặc những thứ hàng khác đáng 7% lại đánh 5%, như các tỉnh Hà Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Giang. Có nơi không áp dụng miễn thuế cho hàng nông lâm thổ sản dưới khởi điểm 10.000 đồng. Thuế hàng hóa có nơi đánh cả vào cá tươi, lợn, gà như Vĩnh Phúc, Bắc Giang...; có nơi phạt quá nặng như ở Bắc Giang chỉ ghi thiếu 8 cái bánh đậu đã phạt 10.000 đồng... [77, tr.731]. Trong vấn đề quản lý chi tiêu chưa theo kịp sự thay đổi của tình hình cũng như kiểm tra, giám sát toàn diện để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vấn đề tham ô, lãng phí như ở Hà Giang trong 9 tháng, Phòng thuế công thương nghiệp Vị Xuyên đã làm thất thu các loại thuế lên tới 53 triệu đồng, hoặc cán bộ thuế tham ô 701.770 đồng và 251 kg gạo [6, tr.163]. Tình hình trên đây cho thấy công tác chỉ đạo của Liên khu ủy trong quản lý, kiểm tra và tổ chức thu thuế công thương còn hạn chế.

Sang năm 1956, quán triệt chủ trương của Trung ương về hạ dần thuế nông nghiệp để tạo điều kiện khuyến khích, động viên người nông dân tăng gia sản xuất; đồng thời, nâng thuế công thương nghiệp tăng gấp đôi năm 1955 để bảo đảm ngân sách, ngày 16-1-1956, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Chỉ thị số 01-CT/LKVB *Về việc tăng cường công tác lãnh đạo thuế công thương nghiệp năm 1956*. Liên khu ủy chỉ đạo các Tỉnh ủy phải tăng cường lãnh đạo việc thu thuế công thương nghiệp, giao cho Huyện ủy phải kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ các xã và cơ quan thuế hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, nhấn mạnh cần củng cố các cơ quan thuế, nhất là cán bộ cần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như phẩm chất đạo đức và bổ sung cán bộ nếu thiếu. Vấn đề quan trọng là đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền để cán bộ và nhân dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn về chính sách thuế công thương của Trung ương.

Đi liền với việc tăng cường thu thuế, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo tăng cường quản lý chi tiêu. Quán triệt Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư (8-5-1955) *Về việc đảm bảo thống nhất lãnh đạo công tác phân cấp quản lý tài chính*, Liên khu ủy đã chỉ đạo các cơ quan cấp Liên khu, các địa phương thực hiện phân cấp quản lý và tiến hành kiểm tra việc chi tiêu ở một số nơi có mức chi tiêu lớn như các công trường cầu đường, đê điều. Qua chỉ đạo thực hiện

quản lý chi tiêu, Liên khu ủy phát hiện một số sai phạm như: công trường đê Thái Nguyên để lãng phí 1.700 lít xăng, Bắc Ninh sản xuất để lãng phí tới 30%... [77, tr.418]. Trên cơ sở đó, Liên khu ủy đã kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh và xử lý các sai phạm. Vì vậy, về chi ngân sách ở Liên khu 6 tháng đầu năm 1956, mức chi đã dưới mức thu.

Nhìn chung, tuy còn một số hạn chế, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, công tác tài chính đã được phục hồi và đạt được thăng bằng thu - chi. Kết quả này của lĩnh vực tài chính có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế, đồng thời góp phần xây dựng, củng cố miền Bắc.

3.2.5. Bảo vệ kinh tế, chống sự phá hoại của quân Pháp và phản động

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, trong quá trình diễn ra Hội nghị Giơnevơ, quân Pháp một mặt rút lui khỏi Vĩnh Phúc, Quảng Yên... một mặt tiến hành phá hoại kinh tế của Liên khu Việt Bắc. Máy bay Pháp tiến hành oanh tạc các khu căn cứ Gia - Lương - Thuận và khu du kích phía Nam Vĩnh Phúc...

Trước tình hình đó, ngày 7-7-1954, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Chỉ thị số 26-CT/LKVB *Về việc đối phó với âm mưu của địch*, trong đó chỉ đạo các địa phương tăng cường bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Đối với vùng du kích và vùng căn cứ du kích, phải vận động nhân dân phân tán của cải, cất giấu kỹ lưỡng thực phẩm để phòng địch cướp phá. Ở vùng tạm chiếm, cần lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống áp bức. Ở vùng tự do, cần tổ chức tốt việc canh gác, báo động, đề phòng địch tấn công. Đặc biệt, ở các tỉnh có vành đai trắng như Quảng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang cần đẩy mạnh chiến tranh du kích, kiềm chế địch, tạo điều kiện cho việc lấn đai, bảo vệ sản xuất.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, trong quá trình chuẩn bị rút khỏi miền Bắc, thực dân Pháp ra sức phá hoại kinh tế đặc biệt là phá hoại hệ thống nông giang sông Cầu nhằm triệt hạ kinh tế nông nghiệp của ta. Để bảo vệ nông giang sông Cầu phục vụ nhiệm vụ phục hồi sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân, ngày 12-4-1955, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Thông tri số 18-TT/LKVB *Gửi các Tỉnh ủy Thái Nguyên, Bắc Giang về việc tổ chức bảo vệ nông giang sông Cầu*, trong đó nhấn mạnh "Trước những âm mưu thâm độc

của địch, các đồng chí cần đề cao tinh thần cảnh giác, đặt vấn đề cho đúng mức, để tiến hành việc bảo vệ cho kết quả"[77, tr.103].

Bên cạnh quân Pháp, các phần tử phản động trong Liên khu cũng tiến hành các hoạt động phá hoại, nhằm vào hệ thống giao thông. Tại Lạng Sơn, Bắc Giang, các phần tử phản động đã đốt, phá tà vẹt. Do đó, để bảo vệ các công trình giao thông, bảo vệ số lượng lớn tà vẹt, Ban Thường vụ Liên khu ban hành Thông tri số 40-TT/LKVB (7-7-1955) *Về việc bảo vệ tà vẹt gỗ*. Liên khu ủy chỉ đạo:

Các cấp tỉnh ủy, huyện ủy, chi ủy phải coi việc bảo vệ tà vẹt là một trách nhiệm, cần có kế hoạch cho dân quân du kích hằng ngày kiểm soát, có kế hoạch cho công an theo dõi, giám sát và ngăn ngừa mọi hành động của những tên tình nghi chính trị, của bọn phản động, bọn địa chủ và tay chân của chúng [77, tr.325].

Đồng thời, Liên khu ủy nhấn mạnh bảo vệ gỗ tà vẹt là nhiệm vụ quan trọng, nếu không có kế hoạch bảo vệ chu đáo sẽ làm thiệt hại đến công sức lao động của nhân dân, tiền bạc của Chính phủ, kế hoạch đường sắt của Nhà nước và nghiêm trọng hơn là ảnh hưởng đến việc củng cố miền Bắc, hoàn thành việc hòa bình, thống nhất nước nhà.

Cùng với việc phá hoại các tuyến giao thông, các phần tử phản động trong Liên khu còn lợi dụng những sai lầm trong chính sách ruộng đất của Đảng, tiến hành chống phá chính sách ruộng đất của Đảng; tuyên truyền, xuyên tạc, tung tin để gây hoang mang trong quần chúng; kích động các địa chủ phản ứng bằng những hành động tiêu cực.

Trước tình hình đó, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo phải giải quyết vấn đề tư tưởng cán bộ, tổ chức họp các Bí thư đoàn ủy để tổng kết vấn đề này và nhấn mạnh cần chủ động tấn công địch, mở rộng phong trào chống địch phá hoại là công tác mấu chốt trọng tâm để giải quyết toàn bộ phong trào. Phương pháp tiến hành chống địch phá hoại là: lúc đầu phải phát động cá biệt những người có thể biết được vấn đề, những người bị đe dọa, những người có nhiều thắc mắc... để tìm ra manh mối. Tiếp theo, tổ chức những hội nghị nhỏ để tìm ra những đối tượng phá hoại, sau đó, tiến hành phân hóa để tìm ra đầu sỏ. Báo cáo

của Ban Thường vụ Liên khu ủy, ngày 28-10-1955, “Về tình hình phát động quần chúng giảm tô đợt 8, cải cách ruộng đất đợt 4 và tình hình những nơi đã quan giảm tô, cải cách ruộng đất” cho biết: đến tháng 10-1955, trong số 619 vụ toàn Liên khu, các đoàn đã theo đường lối trên khám phá ra 347 vụ. Ở Bắc Bắc... đã phát hiện ra 61 thủ mưu và 146 tên là thủ phạm. Thành phần bọn thủ mưu gồm 52 địa chủ (trong đó có 22 tên là cường hào gian ác), 1 phú nông, 8 trung nông, 1 bần nông... [77, tr.526]. Trên cơ sở bám sát tình hình thực tiễn, luôn cảnh giác trước những âm mưu phá hoại của kẻ thù để chủ động đối phó, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã chỉ đạo kịp thời các địa phương tiến hành nhiệm vụ bảo vệ những thành quả kinh tế, ngăn chặn hành động phá hoại của thực dân Pháp và phản động.

Đáp ứng yêu cầu mới về tổ chức đơn vị hành chính – kinh tế trong bối cảnh mới, Trung ương Đảng quyết định kết thúc mô hình Liên khu Việt Bắc, lập mô hình Khu tự trị Việt Bắc. Ngày 1- 7- 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 268/SL thành Lập Khu Tự Trị Việt Bắc (gồm: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ hai huyện Phổ Yên, Phú Bình) và huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang). Tổ chức hành chính đặc thù ra đời, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc kết thúc sứ mệnh vào tháng 8-1956.

Tiểu kết Chương 3

Sau tháng 7 năm 1954, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào giai đoạn cách mạng mới với nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và bước đầu xây dựng nền kinh tế độc lập. Trong bối cảnh đó, Đảng đề ra đường lối khôi phục kinh tế, nhằm nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, khắc phục hậu quả chiến tranh và tạo tiền đề cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc xác định nhiệm vụ cấp thiết là phục hồi nền kinh tế dựa trên điều kiện thực tiễn của vùng trung du và miền núi; đề ra chủ trương phát triển nông nghiệp đảm bảo tự

cấp tự túc, khôi phục các ngành nghề tiểu thủ công, thương mại và củng cố hệ thống giao thông nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. Thực hiện chủ trương đề ra, Đảng bộ chỉ đạo thực hiện khôi phục kinh tế nông nghiệp, công thương nghiệp, tài chính, giao thông vận tải, đấu tranh kinh tế với Pháp, đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, quá trình phục hồi kinh tế của Liên khu Việt Bắc cũng gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Cơ sở vật chất bị tàn phá nặng nề khiến việc khôi phục sản xuất gặp nhiều trở ngại. Địa hình hiểm trở, giao thông chưa phát triển khiến việc vận chuyển hàng hóa và trao đổi kinh tế giữa các vùng còn hạn chế. Sản xuất chủ yếu mang tính tự cung tự cấp, chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành. Các chính sách tài chính, thương mại tuy được triển khai nhưng còn sơ khai, chưa thể đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế lâu dài. Ngoài ra, các hoạt động phá hoại kinh tế của Pháp vẫn tiếp diễn, gây ra nhiều khó khăn trong việc kiểm soát thị trường và ổn định đời sống nhân dân.

Nhờ sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc, cùng với tinh thần đoàn kết và nỗ lực vượt khó của nhân dân, kinh tế từng bước phục hồi, sản xuất phát triển, đời sống dần ổn định. Thành tựu về kinh tế trong giai đoạn 1954-1956 không chỉ giúp Liên khu Việt Bắc vững vàng hơn trong thời kỳ kháng chiến mới mà còn góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tạo hậu phương vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ (1949-1956)

4.1.1. Ưu điểm, thành tựu và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm và thành tựu

Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế tại một địa bàn rộng, tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số trong điều kiện đất nước có chiến tranh là quá trình nỗ lực, cố gắng của các cấp đảng bộ trên địa bàn Liên khu Việt Bắc. Quá trình Đảng bộ Liên khu lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế diễn ra trong hai giai đoạn với hai bối cảnh khác nhau: Liên khu Việt Bắc thực hiện nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp (từ tháng 11-1949 đến tháng 7-1954); Liên khu Việt Bắc thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (từ tháng 7-1954 đến tháng 8-1956). Quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc qua hai giai đoạn trên thể hiện rõ những ưu điểm sau đây:

Một là, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc chủ động, kịp thời quán triệt và vận dụng đường lối kinh tế của Đảng, xác định nhiệm vụ kinh tế là một công tác trọng tâm, đề ra những chủ trương lãnh đạo sát hợp.

Lãnh đạo một địa bàn chiến lược trọng yếu, một vùng lãnh thổ rộng lớn phía Bắc Việt Nam, nơi sinh sống của hơn 30 dân tộc, có đường biên giới với Trung Quốc, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc luôn quán triệt và vận dụng đường lối kinh tế của Đảng, kịp thời có những chủ trương phù hợp với thực tiễn địa phương.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, ngay từ khi thành lập, Đảng bộ Liên khu đã xác định đúng đắn tầm quan trọng của nhiệm vụ phát triển kinh tế, thường xuyên quán triệt với các cấp ủy địa phương phải nhận thức rõ mặt trận kinh tế ngang hàng với mặt trận quân sự, có xây dựng được tiềm lực về mặt kinh tế mới củng cố và tăng cường được sức mạnh về quân sự và tiến lên giành những thắng lợi quyết định. Đảng bộ Liên khu xác định rõ, để lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế, trước hết phải đề ra chủ trương đúng và phải thực hiện

chỉ đạo khẩn trương, sáng tạo và tích cực. Điều kiện bảo đảm cho chủ trương và sự chỉ đạo đúng đắn, hiệu quả là phải tuân thủ đường lối kháng chiến, đường lối kinh tế kháng chiến của Đảng, chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, của Chủ tịch Hồ Chí Minh; đồng thời, phải căn cứ vào đặc điểm kinh tế- xã hội, sự phát triển của tình hình kháng chiến ở Liên khu.

Ngay sau khi thành lập (11-1949), Đảng bộ Liên khu đã tiếp thu, lĩnh hội Nghị quyết *Hội nghị toàn quốc lần thứ ba* (2-1950) của Đảng về nhiệm vụ phát triển kinh tế dân chủ nhân dân, cải thiện đời sống nhân dân, thi hành chính sách ruộng đất đúng mức, đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp... để chuyển mạnh sang tổng phản công. Trên tinh thần đó, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Liên khu ủy đã đề ra nhiều chủ trương cụ thể hóa nghị quyết của Đảng, để lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế phục vụ kháng chiến như: Nghị quyết *Hội nghị cán bộ toàn Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất* (3-1950) đề ra chủ trương về nhiệm vụ và kế hoạch thi hành các nghị quyết "Chuyển mạnh sang tổng phản công" của Trung ương; Nghị quyết số 25-NQ/LKVB (26-7-1950) *Về kế hoạch tạm cấp ruộng đất Liên khu Việt Bắc* chủ trương làm xong việc tạm cấp trong năm 1950; Nghị quyết số 33-NQ/LKVB (26-9-1950) *Về án định những công tác chính của Liên khu Việt Bắc (đồng thời là những công tác phải kiểm tra) về ba tháng cuối năm 1950* nhấn mạnh thực hiện kế hoạch về kinh là một trong những nhiệm vụ trung tâm của toàn Liên khu...

Từ năm 1951, quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế do *Đại hội lần thứ II của Đảng* (2-1951) đề ra, tháng 5-1951, *Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất* chủ trương: kinh tế - tài chính là “cơ sở vật chất của kháng chiến,” nếu cơ sở đó bị lung lay mòn mỏi thì dù về các mặt khác ta có mạnh mẽ, tài giỏi đến mấy cũng khó đứng vững được. Từ nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của mặt trận kinh tế là nhân tố quyết định sự thắng bại của nhiệm vụ quân sự, coi kinh tế là một trong hai nhiệm vụ cần kíp nhất và đặc biệt đối với các địa phương tự do, Đảng bộ Liên khu chủ trương thực hiện sáu nhiệm vụ kinh tế. Trong đó, nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp là trọng tâm.

Tiếp đó, quán triệt đường lối của Đảng về tăng gia sản xuất và tiết kiệm để bồi dưỡng quân và dân, đặc biệt là Nghị quyết *Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (4-1952) đặt kinh tế - tài chính quan trọng sát nút với vấn đề quân sự, là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, Đảng bộ Liên khu đã xây dựng nhiều chủ trương để đẩy mạnh nhiệm vụ kinh tế: Nghị quyết *Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc* số 37-NQ/LKVB (9-1952) chủ trương phát triển sản xuất phải đi đôi với việc chống cướp phá của địch; *Chỉ thị số 40-CT/LKVB* (10-9-1952), yêu cầu các tỉnh ủy chấn chỉnh công tác lãnh đạo kinh tế - tài chính; Nghị quyết *Về hoàn thành nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp của Liên khu Việt Bắc* ...

Năm 1953, thực hiện chủ trương của Đảng trong *Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng* (từ 25 đến 30-01-1953) về tăng cường nhiệm vụ kinh tế, cung cấp lương thực, thực phẩm cho chiến trường, đồng thời, bồi dưỡng sức dân về vật chất, tinh thần mà cụ thể là phóng tay phát động quần chúng triệt để thực hiện giảm tô, giảm tức, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đề ra những chủ trương vận dụng quan điểm chỉ đạo của Đảng vào thực tiễn Liên khu: Nghị quyết số 1-NQ/LKVB (2-4-1953) *Về nhiệm vụ công tác hậu địch*, trong đó trên lĩnh vực kinh tế chủ trương công tác kinh tế trong vùng địch là một công tác trọng yếu; Nghị quyết số 18-NQ/LKVB (14-5-1953) *Về công tác phát động quần chúng và một số nhiệm vụ trước mắt*, chủ trương thành lập Ban ruộng đất và toà án nhân dân; Nghị quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu Việt Bắc mở rộng* số 39-NQ/LKVB (13-9-1953), trong đó ấn định số xã phát động quần chúng ở Bắc Giang và Thái Nguyên; Nghị quyết *Hội nghị kiến thiết cầu đường* số 29-NQ (12-1953), trong đó chủ trương công trình kiến thiết đường sá dần dần phải đi vào chính quy...

Đầu năm 1954, sau khi Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, yêu cầu huy động và tập trung cao độ mọi nguồn lực cho chiến dịch, Đảng bộ Liên khu đã chủ trương nhiệm vụ kinh tế năm 1954 là đẩy mạnh sản xuất chủ yếu là nông nghiệp, bên cạnh cải cách ruộng đất là trung tâm ở vùng tự do.

Có thể thấy, những chủ trương của Liên khu ủy thể hiện trong các văn kiện, được triển khai, thực hiện thông qua sự chỉ đạo tích cực đã bám sát quan điểm, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng, đồng thời, xuất phát từ thực tiễn địa phương, nên đã đi vào thực tiễn đời sống kháng chiến, từ đó, thúc đẩy sự lớn mạnh và phát huy được vai trò của kinh tế phục vụ sự nghiệp kháng chiến-kiến quốc trên địa bàn Liên khu, cũng như góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc khẩn trương quán triệt vận dụng chủ trương của Đảng, đồng thời, căn cứ vào tình hình cụ thể tại địa phương, chuyển nhiệm vụ kinh tế kháng chiến sang khôi phục sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, phòng đói, cứu đói, ổn định đời sống nhân dân, góp phần khôi phục kinh tế miền Bắc.

Quán triệt chủ trương khôi phục kinh tế của Bộ Chính trị (9-1954), Đảng bộ đã xây dựng và ban hành 2 nghị quyết là *Nghị quyết số 49-NQ/LKVB (11-1954)* và *Nghị quyết số 50-NQ/LKVB (12-1954)*, trong đó thể hiện rõ chủ trương tập trung khôi phục kinh tế, nhấn mạnh trong tình hình mới vấn đề kinh tế là một vấn đề lớn phải coi trọng để tập trung lãnh đạo chặt chẽ.

Từ năm 1955 đến trước khi kết thúc nhiệm vụ vào tháng 8-1956, Đảng bộ Liên khu đã quán triệt quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh về khôi phục, phát triển kinh tế, cứu đói, cải thiện đời sống nhân dân, tổ chức sản xuất... thể hiện qua nghị quyết, chỉ thị, như: *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy mở rộng (3-1955)*, *Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ tám (8-1955)*, *Chỉ thị số 15 CT/TW của Ban Bí thư Về việc tổ chức hợp tác xã tín dụng ở nông thôn (27-3-1956)*, *Chỉ thị số 08/CT-TW của Ban Bí thư Về lãnh đạo công tác thương nghiệp trong năm 1956 (4-2-1956)* về đẩy mạnh khôi phục kinh tế của Đảng,... Đồng thời, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc cũng lĩnh hội quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng, coi Liên khu là một trong ba vùng của miền Bắc phải chú trọng phục hồi kinh tế, đóng vai trò quan trọng trong kiến thiết, củng cố miền Bắc. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đã đề ra những chủ trương về khôi phục kinh tế: *Nghị quyết số 01-NQ/LKVB (2-1955)*

Về lãnh đạo công tác cứu đói, phòng đói của Liên khu Việt Bắc chủ trương bên cạnh sự giúp đỡ của Trung ương cần quán triệt phương châm tự sản xuất để cứu đói; Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Liên khu ủy mở rộng số 6-BB (27-5-1955) nhấn mạnh việc thực hiện nhiệm vụ phục hồi kinh tế, nâng cao sản xuất để góp phần củng cố miền Bắc trong đó, công tác giảm tô và cải cách ruộng đất là công tác chủ yếu số một; Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Liên Khu Việt Bắc mở rộng số 10-NQ/LKVB (11-8-1955); Nghị quyết số 11/NQBB (20-8-1955) Về Hội nghị sản xuất và cứu đói; Nghị quyết Hội nghị sản xuất cứu đói số 13/NQBB (15-9-1955) đã tập trung lãnh đạo một trong ba nhiệm vụ cấp bách ở Liên khu là phòng đói và cứu đói; Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn Liên khu Việt Bắc số 14-NQ/LKVB (8-10-1955) chủ trương một trong hai công tác chủ yếu đến cuối năm là đẩy mạnh phục hồi kinh tế; Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc mở rộng số 17-NQ/LKVB (31-12-1955), chủ trương khôi phục công thương nghiệp như các mỏ khai thác khoáng sản, thiếc, than, phốt phát, các nhà máy chè, tơ, sợi; khôi phục buôn bán với nước ngoài.

Nổi bật trong chủ trương về khôi phục kinh tế là lấy phục hồi sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm, trong sản xuất nông nghiệp lấy sản xuất lương thực là nhiệm vụ chính; đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Liên Khu ủy chủ trương bước đầu tổ chức “lối làm ăn tập thể” trong sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó Liên khu ủy chủ trương tăng cường phát triển các ngành kinh tế khác, yêu cầu các cấp ủy khắc phục tư tưởng quá coi trọng khôi phục nông nghiệp mà coi nhẹ công thương nghiệp. Trong khôi phục công thương nghiệp, phương châm được đề ra là khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp trên cơ sở sẵn có, phục hồi khai thác lâm thổ sản nhằm phục vụ dân sinh và sản xuất trên cơ sở đó khôi phục công thương nghiệp; khôi phục buôn bán với nước ngoài.

Chủ trương khôi phục kinh tế trong giai đoạn này còn phục vụ công tác chống đói, ổn định đời sống nhân dân, mà biện pháp chủ yếu là nêu cao tinh thần tự lực, không trông chờ, ỷ lại; đặt công tác sản xuất lương thực lên trên hết; tập trung phát triển thủy lợi, tích cực thực hiện công tác chống hạn. Nghị

quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc mở rộng số 2-NQ/LKVB (31-1-1956)*, Nghị quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc số 3-NQ/LKVB (8-2-1956)*, Nghị quyết *Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc mở rộng số 4-NQ/LKVB (6-3-1956)*, đều thống nhất một chủ trương coi công tác chống hạn là một vấn đề cấp bách trước mắt, đồng thời là vấn đề trường cửu.

Có thể thấy, trong suốt quá trình ra đời và lãnh đạo phong trào cách mạng tại một địa bàn chiến lược trọng yếu, căn cứ địa kháng chiến của cả nước, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc thể hiện rõ vai trò lãnh đạo chủ động, tích cực trong việc quán triệt và triển khai đường lối kinh tế của Trung ương. Các chủ trương lớn về phát triển sản xuất, cải cách ruộng đất, phục hồi và củng cố kinh tế... của Đảng bộ đều là kết quả của sự quán triệt, vận dụng đường lối kinh tế của Trung ương kết hợp với nghiên cứu, nắm bắt thực tiễn Liên Khu. Nhờ đó, những chủ trương về nhiệm vụ kinh tế của Đảng bộ bảo đảm được sự nhất quán với đường lối chung của Đảng, vừa luôn được bổ sung, hiệu chỉnh đã đáp ứng tốt nhất nhu cầu thực tiễn của từng vùng (vùng thượng du, vùng trung du; vùng tự do, vùng tạm bị chiếm), phù hợp với từng giai đoạn phát triển cụ thể; vừa thể hiện tính toàn diện vừa bảo đảm có trọng tâm trọng điểm... Trong quá trình hoạt động Đảng bộ Liên khu chỉ tổ chức một lần Đại hội Đảng bộ Liên khu, do đó, hầu hết các chủ trương về kinh tế, về từng nhiệm vụ kinh tế được xây dựng thông qua các hội nghị cán bộ, hội nghị Liên khu ủy... do đó, vừa bảo đảm tập hợp được ý chí chung của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ, vừa đáp ứng được sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình thực tiễn.

Hai là, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã linh hoạt trong phương thức chỉ đạo các lĩnh vực kinh tế, phù hợp với thực tiễn và tình hình Liên khu.

Tuân thủ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền do Trung ương giao phó, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã linh hoạt trong phương thức chỉ đạo, trong tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ kinh tế, phù hợp với thực tiễn và tình hình cụ thể.

Nhìn chung, trên cơ sở chủ trương kinh tế đề ra, Đảng bộ Liên khu, trực tiếp là Liên khu ủy, các cấp ủy địa phương đã chỉ đạo Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, châu, huyện, xã xây dựng các chương trình, đề án kinh tế nói chung hay kế hoạch kinh tế cho từng lĩnh vực để qua đó triển khai, thực hiện trong thực tiễn. Tuy nhiên, trong những năm kháng chiến, đặc biệt là đối với những vùng tạm bị chiếm, vùng du kích, những chủ trương kinh tế của Liên khu ủy, đã thông qua các chỉ thị, thông tri, qua cán bộ, đảng viên... đi trực tiếp đến cơ sở, qua triển khai của cấp ủy Đảng, đảng viên ở cơ sở đi vào thực tiễn cuộc sống. Việc tổ chức hội nghị học tập, quán triệt, bàn các biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế được tiến hành khá thường xuyên ở tất cả các cấp, kể cả trong hoàn cảnh kháng chiến. Trong quá trình chỉ đạo, Liên khu ủy luôn nắm bắt tình hình, kịp thời chỉ đạo để thúc đẩy, hoặc uốn nắn, xử lý kịp thời những khuyết điểm, sai lầm trong lĩnh vực kinh tế. Việc rút kinh nghiệm từ công tác tổng kết hằng năm, hoặc thông qua các đoàn cán bộ kiểm tra các nhiệm vụ kinh tế, các lĩnh vực kinh tế, tại các địa phương cũng được tiến hành, qua đó phổ biến, hướng dẫn những cách làm hay, hiệu quả ra toàn Liên khu.

Cùng với các biện pháp hành chính, Đảng bộ rất coi trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng cao, các dân tộc thiểu số, thông qua đó để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế. Bên cạnh việc thông qua bộ máy chính quyền các cấp, Đảng bộ đã quan tâm phát huy vai trò của Mặt trận, của các đoàn thể quần chúng, nhất là đối với tổ chức thanh niên, phụ nữ, qua đó, việc tổ chức các nhiệm vụ kinh tế được thống nhất nhận thức và hành động trong cán bộ và nhân dân Liên khu.

Đặc biệt, việc chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế một cách linh hoạt, hiệu quả của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc được thể hiện trên những lĩnh vực kinh tế cụ thể.

Đối với nông nghiệp: Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, trên cơ sở xác định lấy nông nghiệp làm trọng tâm trong xây dựng kinh tế kháng chiến, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo, tổ chức thực hiện để phát huy những lợi thế của sản

xuất nông nghiệp. Từ đó, có những biện pháp chỉ đạo sản xuất nông nghiệp như: giúp đỡ nhân dân về vốn, giống, nông cụ, cải tiến kỹ thuật, chú ý công tác thủy lợi nhất là thủy lợi vừa và nhỏ, đấu tranh với Pháp để bảo vệ mùa màng. Mặc dù trong điều kiện bị chiến tranh tàn phá, Liên khu là nơi tập trung đông đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, tập quán canh tác lạc hậu, nhưng Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo sát sao các Đảng bộ địa phương đẩy mạnh tăng gia trồng trọt và chăn nuôi với nhiều phong trào sản xuất được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như: "vụ mùa thắng lợi", "sản xuất và tiết kiệm", "tuần lễ ra quân chống hạn"... Cấp ủy và chính quyền Liên khu phát động phong trào tăng gia sản xuất rộng khắp, vận động khai hoang, tận dụng đất đai trồng trọt, phát triển chăn nuôi, áp dụng kỹ thuật cải tiến phù hợp với hoàn cảnh địa phương. Các phong trào thi đua sản xuất được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ.

Sau ngày hòa bình lập lại, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo thực hiện khôi phục kinh tế nông nghiệp, Đảng bộ tập trung chỉ đạo việc khai hoang mở rộng diện tích canh tác, đẩy mạnh sản xuất lúa nước tại các vùng thấp và phát triển cây lương thực ngắn ngày ở vùng cao. Các chương trình thủy lợi nhỏ như: đào mương dẫn nước, làm ruộng bậc thang..., được triển khai mạnh mẽ để thích ứng với địa hình miền núi. Chính sách giảm tô, cải cách ruộng đất được thực hiện, giúp nông dân có tư liệu sản xuất, tăng cường động lực lao động.

Đối với tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp: Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Liên khu ủy đã tập trung chỉ đạo duy trì các ngành nghề thủ công truyền thống như rèn, mộc, dệt vải, xay xát, làm giấy, chế biến thực phẩm... phục vụ đời sống và kháng chiến. Các tổ hợp tác, tổ sản xuất nhỏ được khuyến khích hình thành, vừa phát triển kinh tế hộ gia đình, vừa hỗ trợ sản xuất tập thể. Do điều kiện chiến tranh và sự phát triển còn hạn chế của Liên khu, các ngành công nghiệp quy mô lớn chưa thể triển khai, Đảng bộ Liên khu đã định hướng phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

Cùng với tiểu thủ công nghiệp thì thương nghiệp cũng được Đảng bộ Liên khu quan tâm chỉ đạo. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp,

thương nghiệp từng bước ổn định, với việc mở rộng mạng lưới mậu dịch nhân dân, chợ lưu động, tổ chức trao đổi hàng hóa giữa vùng căn cứ và các vùng lân cận, góp phần khơi thông dòng chảy kinh tế trong vùng tự do. Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo mở mang việc buôn bán giữa các vùng trong Liên khu, giữa Liên khu với các vùng trong cả nước và đặc biệt giữa Liên khu với nước ngoài, chủ yếu là với Trung Quốc. Liên khu đã tận dụng được các sản phẩm thế mạnh như quế, hồi, sa nhân... trong trao đổi mua bán. Bên cạnh đó, để cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho nhu cầu của bộ đội, nhân dân, bình ổn vật giá, lãnh đạo tư nhân kinh doanh..., Đảng bộ Liên khu chỉ đạo xây dựng các cơ quan mậu dịch trong toàn Liên khu. Càng về những năm cuối của cuộc kháng chiến, chính sách thương nghiệp của Trung ương ngày càng toàn diện và cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, trong đó có Liên khu Việt Bắc. Đặc biệt đã góp phần bình ổn được giá cả thị trường, ổn định đời sống nhân dân.

Sau ngày hòa bình lập lại, Đảng bộ Liên khu tập trung chỉ đạo khôi phục các ngành nghề thủ công truyền thống như dệt vải, rèn, làm giấy, sản xuất công cụ lao động để cung ứng cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân. Đồng thời, các cơ sở khai thác khoáng sản nhỏ như thiếc, sắt được khôi phục để tận dụng nguồn tài nguyên địa phương. Bên cạnh nghề dệt vải, sau năm 1954, thủ công nghiệp nhất là sản xuất nông cụ nhanh chóng được phục hồi và đẩy mạnh sản xuất đáp ứng nhu cầu trong sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Đối với thương nghiệp, Đảng bộ chỉ đạo mở rộng hệ thống chợ phiên, phát triển các hợp tác xã mua bán giúp lưu thông hàng hóa giữa các vùng, đặc biệt là trao đổi giữa miền núi và miền xuôi.

Đối với giao thông vận tải: Liên khu Việt Bắc là một địa bàn rộng, địa hình nhiều đồi núi, nên nhiều nơi giao thông vận tải rất khó khăn. Từ thực tiễn đó, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo sát sao nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải để phát triển kinh tế, phục vụ dân sinh, đồng thời phục vụ nhiệm vụ kháng chiến. Công tác chỉ đạo tập trung vào khắc phục mọi khó khăn do địa hình và sự phá hoại của kẻ thù, tiến hành sửa chữa, bảo vệ, xây dựng cầu đường phục vụ đắc lực sự nghiệp kháng chiến.

Hòa bình lập lại, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo tập trung khôi phục các tuyến đường huyết mạch nối Việt Bắc với các vùng khác, đặc biệt là các tuyến đường liên thôn, liên xã để phục vụ vận chuyển hàng hóa và giao lưu kinh tế. Nhân dân được huy động tham gia tu sửa cầu cống, đường mòn, mở rộng lối đi nhằm đảm bảo giao thông thông suốt ngay cả trong điều kiện địa hình phức tạp.

Đối với công tác tài chính. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Liên khu ủy chỉ đạo tăng thu, giảm chi, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực, tạo nguồn tài chính thông qua đẩy mạnh sản xuất, cân bằng thu - chi, huy động các hình thức đóng góp như quỹ công lương, thuế điền thổ và các khoản phụ thu... Từ năm 1951, là địa phương được Trung ương lựa chọn làm thí điểm thực hiện chính sách thuế nông nghiệp lũy tiến để rút kinh nghiệm triển khai trên cả nước, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo thực hiện nghiêm chủ trương của Trung ương về thuế nông nghiệp là loại thuế duy nhất nhằm huy động khả năng đóng góp của tất cả những người có thu hoạch từ sản xuất nông nghiệp; các hình thức đóng góp cũ đều bị bãi bỏ; mọi hình thức quyên góp do địa phương tự đặt ra cũng bị nghiêm cấm. Đảng bộ Liên khu cũng chỉ đạo kiên toàn, củng cố bộ máy tài chính các cấp; tuyên truyền, vận động, đồng thời tăng cường bồi dưỡng sức dân, triệt để thi hành chính sách giảm tô, giảm tức đi đến cải cách ruộng đất, thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển sản xuất; quản lý chặt chẽ thu - chi, xử lý nghiêm những hiện tượng tham ô, lãng phí. Bộ máy quản lý tài chính ở Liên khu từng bước được chỉ đạo củng cố và kiên toàn, đặc biệt là đội ngũ cán bộ phụ trách công tác thuế, qua đó bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ thu - chi ngân sách theo chủ trương của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Hoạt động thu - chi ngân sách được thực hiện tương đối nề nếp, có nguyên tắc và đúng quy định. Liên khu đã xây dựng nguồn thu ổn định thông qua nhiều hình thức huy động tài chính trong nhân dân như phát hành tín phiếu, vận động tiết kiệm kháng chiến, tổ chức các đợt quyên góp tự nguyện và thực hiện chính sách thuế của Đảng và Chính phủ, trong đó, thuế nông nghiệp là nguồn thu chủ yếu của Liên khu. Chính quyền các cấp trong Liên khu đã có sự phối hợp tương đối đồng bộ trong việc lập kế hoạch thu - chi, kiểm tra và

giám sát tài chính, góp phần hạn chế thất thoát, lãng phí. Đồng thời, tinh thần tiết kiệm trong cán bộ và nhân dân được phát huy, tạo thêm nguồn lực phục vụ kháng chiến lâu dài.

Hòa bình lập lại, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo thực hiện các biện pháp huy động nguồn lực tại chỗ, khuyến khích nhân dân tiết kiệm và phát triển các quỹ tín dụng nông thôn, chủ trương tăng thu - giảm chi, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực được triển khai sâu rộng. Công tác thu thuế được điều chỉnh theo chỉ đạo của Trung ương về hạ dần thuế nông nghiệp để tạo điều kiện khuyến khích, động viên người nông dân tăng gia sản xuất; nâng thuế công thương nghiệp để bảo đảm ngân sách. Đồng thời, công tác thuế cũng được Đảng bộ chỉ đạo thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc điểm kinh tế địa phương, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển mà không gây áp lực quá lớn lên nhân dân. Liên khu ủy tiếp tục chỉ đạo kiện toàn bộ máy tài chính từ tỉnh đến xã để vận hành đáp ứng yêu cầu mới.

Đối với công tác đấu tranh kinh tế với địch: Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Liên khu Việt Bắc là địa bàn thường xuyên bị kẻ thù tập trung đánh phá không chỉ trên mặt trận quân sự mà cả trong lĩnh vực kinh tế. Đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp ở Liên khu Việt Bắc diễn ra trên các lĩnh vực mậu dịch, tài chính, ngoại thương và tiền tệ. Đảng bộ Liên khu xác định đấu tranh mậu dịch là trọng tâm, coi hàng hóa là “vũ khí”, thị trường là “chiến trường” để kiểm soát lưu thông và phục vụ kháng chiến. Đảng bộ đã chỉ đạo sát sao các địa phương trong việc xây dựng thế trận kinh tế - quốc phòng, tổ chức bảo vệ vụ mùa, tuyên vận tải, các khu sản xuất, công trình dân sinh, khai thông các luồng hàng. Lực lượng dân quân, du kích được tổ chức chặt chẽ, sẵn sàng đánh trả các cuộc càn quét, bảo vệ vùng căn cứ. Đồng thời, hệ thống kho tàng, hậu cần được phân tán hợp lý, vừa tránh tổn thất, vừa phục vụ linh hoạt các nhu cầu chiến trường. Các biện pháp tăng cường quản lý xuất nhập khẩu, lập các tuyến giao thương, kết hợp chống buôn lậu, hạn chế hàng xa xỉ và điều tiết giá cả được triển khai trên địa bàn Liên khu. Trên lĩnh vực ngoại thương, Liên khu ủy chỉ đạo chuyển sang thế chủ động, vừa buôn bán với bên ngoài vừa tăng

cường trao đổi giữa các vùng. Dù còn nhiều khó khăn, các hoạt động này đã góp phần phá thế bao vây, phong tỏa kinh tế của Pháp, giữ vững hậu phương.

Hòa bình lập lại, đấu tranh kinh tế với địch được Đảng bộ chỉ đạo thông qua các biện pháp ngăn chặn sự phá hoại các lực lượng phản động, bảo vệ thị trường địa phương. Đồng thời, phong trào tự lực tự cường, phát huy nội lực được đẩy mạnh nhằm tận dụng tối đa tài nguyên sẵn có, giảm phụ thuộc vào nguồn cung từ bên ngoài.

Có thể thấy, nhờ linh hoạt trong phương thức chỉ đạo, trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế nói chung, trong từng lĩnh vực kinh tế cụ thể, phù hợp với thực tiễn Liên Khu và tình hình luôn chuyển biến đã có ý nghĩa quan trọng trong thành công của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

Ba là, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các lĩnh vực kinh tế ở Liên khu Việt Bắc đạt nhiều thành tựu, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, đồng thời góp phần khôi phục kinh tế - xã hội và ổn định đời sống sau khi hòa bình lập lại.

Thành tựu trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nông nghiệp ở Liên khu Việt Bắc đạt được những thành tựu rất quan trọng. Diện tích và sản lượng trồng trọt không ngừng tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Chỉ tính riêng lúa chiêm ở 5 tỉnh Bắc Cạn, Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên năm 1953 so với năm 1940 diện tích tăng 15.288 ha, sản lượng tăng 210 %. Năm 1950, diện tích lúa mùa toàn Liên khu là 445.170 ha, hoa màu là 139.442 ha [73, tr.653]. Đến vụ mùa năm 1951, cấy thêm được 25.913 mẫu lúa và 12.698 mẫu hoa màu [185, tr.344]. Sang năm 1952, diện tích canh tác tăng thêm 28.608 mẫu, trong đó, có 25.913 mẫu lúa. Năng suất, sản lượng cũng tăng bình quân từ 10% đến 15% [189, tr.315]. Năm 1953, đã tăng diện tích thêm được 25.913 mẫu lúa và 12.689 mẫu hoa màu [76, tr.72]. Vụ chiêm màu 1954-1955 tổng diện tích trồng lúa và hoa màu là 241.869 ha thu hoạch được 254.315 tấn lúa, ngô, khoai [77, tr.408]. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi ở Liên khu Việt Bắc cũng có sự phát triển: số lượng gia súc, gia cầm không ngừng tăng lên; việc phòng chống dịch cho trâu bò có tiến bộ, đã đảm bảo sức kéo cho nông nghiệp.

Năm 1955 so với 1954 giảm được 38 ổ dịch, số trâu bò chết giảm (năm 1955 so với 1950 giảm số trâu bò chết từ 5.000 con xuống 285 con) (Phụ lục 15).

Từ tháng 12-1953 đến tháng 3-1954, cải cách ruộng đất được thực hiện thí điểm ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên [65, tr.201]. Tiếp đó từ tháng 5-1954 đến tháng 7 năm 1956 đã diễn ra 5 đợt cải cách ruộng đất ở 536 xã thuộc Liên khu Việt Bắc.

Bảng 4.1: Tình hình cải cách ruộng đất ở Liên khu Việt Bắc (1954 -1956)

Tỉnh	Đợt 1 (từ tháng 5-1954 đến tháng 8-1954)	Đợt 2 (từ tháng 10-1954 đến tháng 1- 1955)	Đợt 3 (từ tháng 2- 1955 đến tháng 6- 1955)	Đợt 4 (từ tháng 6- 1955 đến tháng 12-1955)	Đợt 5 (từ tháng 12-1955 đến tháng 7- 1956)	Tổng
Phú Thọ		100 xã	106 xã	17 xã		223 xã
Thái Nguyên	47 xã	22 xã				22 xã
Bắc Giang		22 xã	84 xã	1 xã		107 xã
Vĩnh Phúc			65 xã	111 xã		176 xã
Bắc Ninh					8 xã	8 xã
Tổng	47 xã	144 xã	255 xã	129 xã	8 xã	536 xã

Nguồn: [65, tr.201], [195, tr.39]

Kết quả cải cách ruộng đất ở Liên khu Việt Bắc đã xóa bỏ quan hệ chiếm hữu phong kiến, giúp đông đảo nông dân nghèo và trung nông có tư liệu sản xuất, có những tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp và đời sống xã hội. Tuy nhiên, cũng như các khu vực tiến hành cải cách ruộng đất, công tác lãnh đạo cải cách ruộng đất ở Liên khu đã mắc phải một số sai lầm, hạn chế cả trong nhận thức và chỉ đạo.

Kết quả trên trong sản xuất nông nghiệp đã đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân ở Liên khu; cung cấp lương thực cho các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Liên khu, đồng thời đóng góp khối lượng không nhỏ lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu của cuộc kháng chiến cũng như phục vụ nhiệm vụ củng cố miền Bắc sau hòa bình lập lại. Trong 2 năm (1950-1951), nhân dân 6 tỉnh thuộc Liên khu Việt Bắc (Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Lạng Sơn, Bắc Giang) đã bán cho nhà nước 9.801 tấn thóc “quân lương” để cung cấp cho Chiến dịch Trung du và Đường số 18 [27, tr.84]. Trong Chiến dịch Biên giới, đồng bào Liên khu đóng góp 316 tấn lương thực, 530 con trâu, bò, lợn... Trong Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (1951), đồng bào Liên khu đóng góp 2.280 tấn lương thực, hơn 800 trâu, bò, lợn [189, tr.272, 285]. Năm 1953, Liên khu đã cung cấp cho mặt trận hơn 1.000 tấn gạo, 118 tấn thịt, 113 tấn rau khô (đỗ, lạc) và muối (rau khô vượt mức được 150%) [76, tr.82]. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Liên khu Việt Bắc đã cung cấp 4.680 tấn lương thực [189, tr.353]. Sản xuất nông nghiệp cũng là nhân tố đóng vai trò nền tảng kinh tế của Liên khu.

Thành tựu trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, tiểu thủ công nghiệp đã sản xuất những vật dụng phục vụ đời sống nhân dân, thực hiện “tự cung, tự cấp”. Đặc biệt, nghề dệt thủ công của đồng bào các dân tộc được phát huy. Từ năm 1950 đến 1954, nghề dệt phát triển mạnh trên phạm vi cả nước trong đó có Liên khu Việt Bắc, sản phẩm không chỉ phục vụ cho nhu cầu tại địa phương mà còn phục vụ nhu cầu quân trang của bộ đội. Năm 1950, Liên khu Việt Bắc cung cấp cho Nhà nước 511.000 mét vải đến năm 1954 tăng lên 710.000 mét [114, 184], [194, 157].

Sau khi miền Bắc được giải phóng, các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp ở Liên khu được khôi phục và mở rộng; chủng loại sản phẩm cũng phong phú hơn, thiết thực phục vụ đời sống nhân dân và sự nghiệp khôi phục kinh tế

Bảng 4.2: Tình hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp (1955-1956)

Tên nghề	Đơn vị	Năm 1955	Năm 1956
Lưỡi Cày (Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn)	cái	268.972	343.005
Dao (Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn)	cái	96.300	128.913
Bừa sắt (Tuyên Quang, Thái Nguyên)	cái	858	2.883
Gạch (số liệu 9 tháng)	viên	149.000	1.526.787
Vôi (Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn)	tấn	2.028	3.627
Đồ gốm (Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn)	cái	96.714	82.134
Đường mật (Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng)	tấn	545	758

Nguồn: [100, tr.13], [109, tr.3-7]

Nhìn chung, trong hoàn cảnh kháng chiến hay sau khi hòa bình lập lại, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp của Liên khu Việt Bắc được quan tâm duy trì, khôi phục và đẩy mạnh; sản xuất chủ yếu ở quy mô nhỏ trong các hộ gia đình; đáp ứng nhu cầu dân sinh, thực hiện "tự cấp tự túc", tăng thêm nguồn thu nhập cho một bộ phận cư dân vùng tự do và có tác dụng đấu tranh kinh tế với Pháp; phục vụ khôi phục kinh tế sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

Cùng với tiểu thủ công nghiệp, hoạt động thương nghiệp ở Liên Khu cũng đạt nhiều kết quả. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ Liên khu, các cơ quan mậu dịch được thành lập và tăng cường hoạt động. Năm 1951, ở Liên khu Việt Bắc có 6 chi sở mậu dịch là: Cao Hải Lạng, Lào-Yên (Lào Cai, Yên Bái), Tuyên Hà (Tuyên Quang, Hà Giang), Vĩnh Phú (Vĩnh Phúc, Phú Thọ), Bắc Bắc (Bắc Giang, Bắc Ninh), Thái Bắc (Thái Nguyên, Bắc Cạn); hai chi sở xuất nhập khẩu là: Bắc Bắc và Vĩnh Phú, trong đó thương khẩu Bắc Bắc đóng vai trò quan trọng nhất. Thương khẩu Bắc Bắc gần Hà Nội, Hải Phòng là những đô thị tập

trung nhiều hàng hóa nhất và cũng là thị trường tiêu thụ mạnh lâm thổ sản như chè để xuất cảng. Các cơ quan mậu dịch ở Liên khu đã tăng cường quản lý ngoại thương, tranh thủ việc mua bán có lợi cho kháng chiến, thúc đẩy sản xuất, tăng cường đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp.

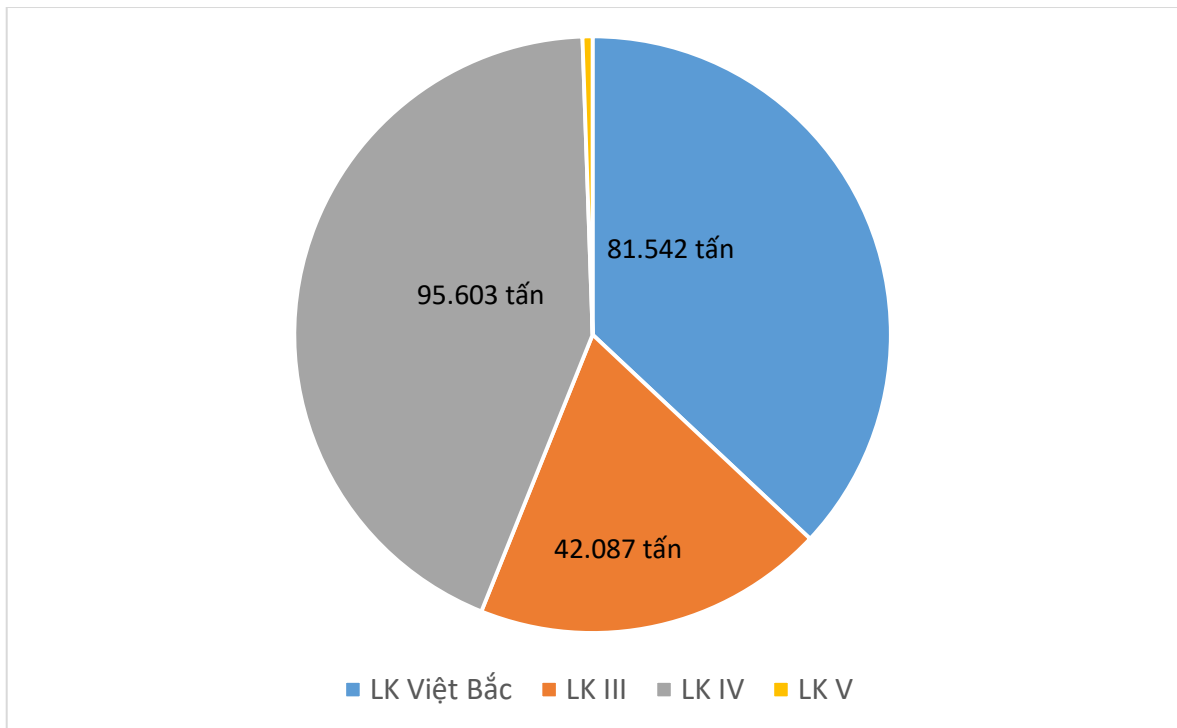
Sau ngày hòa bình lập lại, hoạt động thương nghiệp ở Liên khu được khôi phục, củng cố và mở rộng. Ngành mậu dịch đã phối hợp chặt chẽ với ngân hàng, cơ quan thuế, hoạt động theo một kế hoạch chung, để phục vụ nhiệm vụ khôi phục kinh tế. Một số hoạt động ngoại thương cũng được thực hiện.

Thành tựu trong lĩnh vực giao thông vận tải: Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, hệ thống đường giao thông được tu sửa; nhiều tuyến vận chuyển mới được mở; nhiều cầu phao, bến thuyền trên sông Lô, sông Cầu... được xây dựng phục vụ cả vận chuyển quân sự và lưu thông hàng hóa dân sinh. Đến năm 1953, các tuyến giao thông vận tải chiến lược đã hình thành, bao gồm: tuyến đường từ Liên khu Việt Bắc vào Liên khu 3, Liên khu 4 sang Tây Bắc, nối liền các vùng tự do với vùng căn cứ địa của kháng chiến. Các tuyến giao thông đóng vai trò quan trọng trong lưu thông, vận chuyển hàng hóa phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ phong trào kháng chiến.

Sau khi hòa bình lập lại, hệ thống đường giao thông được tu bổ, sửa chữa, nhất là các tuyến đường sắt được khôi phục. Đến năm 1956, trên địa bàn Liên khu Việt Bắc có 1.773 km đường giao thông được sửa chữa, 487 km đường kinh tế địa phương được khôi phục [17, tr.3-4]. Hệ thống đường thủy cũng được sửa chữa nên số phương tiện vận tải đường thủy không ngừng tăng lên từ 229 chiếc thuyền (năm 1955) lên 449 chiếc (năm 1956) [17, tr.4], việc vận chuyển hàng hóa nhất là gỗ được tăng cường hơn trước. Hoạt động giao thông vận tải được đẩy mạnh phục vụ vận chuyển vật tư, sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế, thúc đẩy mua bán hàng hóa giữa các vùng trong cả nước và với nước ngoài. Việc lưu thông hàng hóa, mua bán của nhân dân có nhiều thuận lợi hơn đã góp phần vào việc bình ổn giá cả trên thị trường, thúc đẩy quá trình phục hồi kinh tế ở Liên khu.

Thành tựu trong lĩnh vực tài chính, ngân sách: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, công tác tài chính, ngân sách đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Liên khu Việt Bắc là địa phương ngay năm đầu tiên thi hành chính sách thuế mới đã đóng góp cho Nhà nước 81.542 tấn thóc trong tổng số 219.152 tấn thóc thu được tính từ Liên khu 4 trở ra, chiếm tới 37% tổng số thu thuế nông nghiệp cả nước thể hiện ở biểu đồ 4.1.

Biểu đồ 4.1: So sánh tỷ lệ nộp thuế nông nghiệp của một số Liên khu trên cả nước năm 1951



Nguồn: [43, tr.102]

Từ năm 1951 đến năm 1954, số thuế nông nghiệp của Liên khu thu được là 366.832,068 tấn thóc, bằng 23,2 % so với tổng số thuế thu được của các địa phương từ Liên khu 5 trở ra là 1.578.000 tấn thóc [42, tr.247-248]. Kết quả đó thể hiện sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân Liên khu Việt Bắc khi phần lớn địa hình là đồi núi, đất canh tác ít, dân cư thưa thớt và thiếu lao động sản xuất có kinh nghiệm, lại thường xuyên bị kẻ thù tập trung đánh phá trong đó nổi bật nhất là kết quả thu thuế nông nghiệp năm 1953 đạt tỷ lệ 92,1%.

Bảng 4.3: Kết quả thu thuế nông nghiệp của Liên khu Việt Bắc năm 1953

Tỉnh	Mức thuế cả năm (tấn)	Đã thu vụ chiêm (tấn)	Đã thu vụ mùa (tấn)	Cộng đã thu (chính tang)	Tỷ lệ thu (%)
Bắc Kạn	3600	717,596	2930,802	3678,884	102
Bắc Giang	14500	544,395	6941,449	14075,142	100,5
Bắc Ninh	9000	4137,679	1354,366	5530,382	
Cao Bằng	100000	463,027	8522,671	9299,293	92,9
Hà Giang	6800	425,890	4912,775	5542,976	81,5
Hải Ninh	730	94,672	465,043	586,295	97,5
Hồng Gai	20	-	-		81
Lạng Sơn	9000	725,778	5405,772	6131,500	68,1
Phú Thọ	22000	11158,473	9408,712	21555,136	97,9
Quảng Yên	5200	2178,724	2027,090	4403,232	106
Thái Nguyên	11984	2699,21	8442,804	11621,313	96,9
Tuyên Quang	8200	1112,369	6023,656	7228,828	88,1
Vĩnh Phúc	9500	4043,738	3342,611	7601,750	84,6
Tổng	110,554	33221,728	59777,761	97254,595	92,1

Nguồn: [175, tr.19]

Hòa bình lập lại, thuế nông nghiệp ở Liên khu Việt Bắc tiếp tục đạt ở mức cao. Tính đến ngày 5-4-1955, số thuế nông nghiệp Liên khu hoàn thành đạt 86,6%, cao hơn những khu vực khác (Liên khu 3: 77,6%, Liên khu 4: 61,8%, Khu Tả Ngạn: 76,2%) [179, tr.135].

Bảng 4.4: Kết quả thu thuế nông nghiệp ở Liên khu Việt Bắc năm 1955

Đơn vị: %

Tỉnh	Thuế nông nghiệp
Vĩnh Phúc	136%
Bắc Ninh	119%
Hải Ninh	117%
Bắc Giang	110%
Yên Bái	108%
Bắc Kạn	106%
Cao Bằng	105%
Lạng Sơn	103%
Tuyên Quang	103%
Phú Thọ	102,8%

Nguồn: [97, tr.2]

Bên cạnh thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, dù còn gặp nhiều khó khăn, song đã có tăng thu.

Bảng 4.5: Kết quả thu thuế công thương nghiệp ở Liên khu Việt Bắc năm 1955

Đơn vị: %

Tỉnh	Thuế công thương nghiệp
Vĩnh Phúc	76,7%
Bắc Ninh	97%
Hải Ninh	120%
Bắc Giang	95,8%
Yên Bái	113%
Bắc Kạn	80,9%
Cao Bằng	90%
Lạng Sơn	85%
Tuyên Quang	106%
Phú Thọ	143%

Nguồn:[40, tr.1]

Công tác tài chính, ngân sách không chỉ phục vụ các hoạt động kháng chiến trong Liên khu mà còn đóng vai trò quan trọng trong huy động sức dân phục vụ cuộc kháng chiến trên toàn quốc. Không chỉ đóng vai trò là nhân tố thiết yếu cho sự nghiệp khôi phục, ổn định đời sống sau chiến tranh cho đồng bào Liên khu Việt Bắc mà còn góp phần xây dựng miền Bắc sau ngày hòa bình lập lại.

Thành tựu trong lĩnh vực bảo vệ kinh tế kháng chiến, đấu tranh kinh tế với địch: Trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ kinh tế kháng chiến, đấu tranh kinh tế với địch đạt được nhiều kết quả trong xây dựng thể trận kinh tế - quốc phòng, tổ chức bảo vệ vụ mùa, tuyển vận tải, các khu sản xuất... Đồng thời, đấu tranh tiền tệ được đẩy mạnh nhằm bảo vệ giá trị đồng tiền Việt Nam, chống sự lũng đoạn của tiền Đông Dương và ổn định thị trường. Những kết quả đạt được trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải... cũng phản ánh nhiệm vụ bảo vệ kinh tế kháng chiến, đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp thực sự có hiệu quả trong việc bảo vệ tài sản, công sức của nhân dân cũng như góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Sau khi hòa bình lập lại, đấu tranh kinh tế chuyển nội dung sang bảo vệ tài sản, nhất là những cơ sở hạ tầng kinh tế, giao thông như hệ thống nông giang, cầu cống, quan trọng nhất là hệ thống nông giang sông Cầu mà thực dân Pháp có âm mưu và hành động phá hoại khi chúng rút đi. Các biện pháp đấu tranh đã ngăn chặn kịp thời hoạt động của các phần tử phản động trong việc phá hoại thống đường giao thông, nhất là tuyến đường sắt ở Lạng Sơn, Bắc Giang, nhờ đó công cuộc khôi phục kinh tế có thêm nhiều thuận lợi. Đấu tranh kinh tế ở Liên khu Việt Bắc sau ngày hòa bình lập lại còn là ngăn chặn các phần tử phản động phá hoại việc thi hành chính sách ruộng đất của Đảng trên địa bàn Liên khu.

Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kinh tế đã góp phần quan trọng bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc Việt Bắc, phục vụ sự nghiệp kháng chiến và xây dựng ở Liên khu.

Liên khu Việt Bắc, dù trong quá trình tồn tại là một đơn hành chính - quân sự có nhiều biến đổi địa dư, nhưng vẫn là một vùng lãnh thổ rộng lớn, địa hình phần lớn là rừng núi hiểm trở; trình độ kinh tế vốn rất khó khăn, đặc biệt là ở khu vực thượng du, dân cư thưa thớt, còn nhiều tập quán sản xuất nhỏ, manh mún, phân tán và lạc hậu... Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, thành tựu mà các lĩnh vực kinh tế đạt được đóng vai trò rất quan trọng trong duy trì và bảo đảm đời sống cho cộng đồng dân cư nơi đây. Việc bảo đảm đời sống, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư hơn 3 triệu người thuộc hơn 30 dân tộc trên một địa bàn chiến lược, vùng căn cứ kháng chiến và phen dậu của quốc gia có ý nghĩa quan trọng trong việc bồi dưỡng, huy động nguồn lực sức người, sức của phục vụ kháng chiến, đồng thời góp phần xây dựng và ổn định đời sống sau khi hòa bình lập lại. Qua đó, những thành tựu này còn mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, góp phần thể hiện tính ưu việt của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Những thành tựu đạt được trên lĩnh vực kinh tế đồng thời tạo cơ sở nền tảng cho đời sống chính trị, văn hóa, xã hội và hoạt động quân sự ở Liên khu; góp phần xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc; đồng thời tạo điều kiện cho công cuộc khôi phục, ổn định đời sống mọi mặt sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc.

Cùng với các hoạt động kinh tế, sự giao lưu, gắn kết giữa nhân dân các dân tộc, giữa vùng trung du với vùng thượng du ngày càng tăng lên. Sự đoàn kết gắn bó trong lao động sản xuất trên các lĩnh vực đã làm nảy nở tinh thần lao động tập thể, làm ăn chung trong nhân dân; cũng từ đó, khối đại đoàn kết nhân dân được tăng cường.

Cùng với sự phát triển của các hoạt động kinh tế, sự giao lưu và gắn kết giữa nhân dân các dân tộc, giữa vùng trung du và thượng du ngày càng được tăng cường. Quá trình giúp nhau trong lao động, sản xuất trên các lĩnh vực đã góp phần hình thành và phát triển tinh thần lao động tập thể, hợp tác, tương trợ trong nhân dân; qua đó, củng cố quan hệ đoàn kết và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân ở Liên khu Việt Bắc

Quá trình xây dựng, phát triển kinh tế trên các lĩnh vực và những thành tựu đạt được đã tạo thêm cơ sở vật chất, nguồn lực cho việc nâng cao đời sống và thúc đẩy sự phát triển của giáo dục, y tế; đồng thời góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực trong nhận thức của đồng bào. Cùng với đó, một nếp sống mới lành mạnh, tốt đẹp từng bước được xây dựng ở nhiều nơi; nhiều tệ nạn do xã hội cũ để lại từng bước bị đẩy lùi và xóa bỏ. Đến năm 1956, 83% số xã trong Liên khu có cơ sở y tế [78, tr.897]; toàn Liên khu đã phát triển được 12.198 tủ thuốc và 18.000 ban, tổ phòng bệnh. Một số bệnh truyền nhiễm phổ biến như đậu mùa, sởi, sốt rét... được chủ động phòng ngừa, hạn chế nguy cơ bùng phát thành dịch trên diện rộng.

Ở những địa phương vùng cao còn nhiều khó khăn như Hà Giang, từ chỗ chỉ có 1 trường tiểu học trước Cách mạng tháng Tám (1945), đến năm 1954, tỉnh đã có 1 trường phổ thông, 42 trường cấp I với 2.524 học sinh, 1 trường cấp II với 71 học sinh, 15 trường mẫu giáo với 488 trẻ; mở 242 lớp bình dân học vụ với 240 giáo viên và 4.730 học viên, đã thanh toán triệt để nạn mù chữ trên 3.600 người lớn biết đọc, biết viết [152, tr.5]. Những chuyển biến trên là kết quả của nhiều chủ trương, nỗ lực và nguồn lực khác nhau; trong đó, không thể không kể đến vai trò của các thành tựu kinh tế trong việc tạo dựng cơ sở vật chất và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho sự phát triển của giáo dục, y tế và đời sống xã hội.

Với những kết quả đạt được trên lĩnh vực kinh tế, Liên khu Việt Bắc không chỉ đáp ứng được nhu cầu đời sống của nhân dân và sự nghiệp kháng chiến ở địa phương mà còn cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu cho các cơ quan Trung ương, cho các đơn vị đứng chân trên địa bàn; đóng góp về vật lực, nhân lực cho những thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như cho công cuộc khôi phục kinh tế miền Bắc sau này hòa bình lập lại. Chỉ tính trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược Liên khu Việt Bắc đã ủng hộ và đóng góp 334.252 tấn lương thực, 10.734.129.000 đồng [44, tr.209].

Thành tựu xây dựng, khôi phục, phát triển kinh tế trên các lĩnh vực đã đặt những tiền đề cho công cuộc xây dựng, phát triển của khu vực trung du và miền núi phía Bắc sau này.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm và thành tựu

Những ưu điểm và thành tựu của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế trên các lĩnh vực có những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Thứ nhất, đường lối kháng chiến, đường lối kinh tế kháng chiến và đường lối khôi phục kinh tế miền Bắc của Đảng được ban hành là kim chỉ nam cho Đảng bộ Liên khu thực hiện nhiệm vụ kinh tế. Liên khu Việt Bắc là nơi các cơ quan của Trung ương đứng chân, nơi diễn ra Đại hội lần thứ II của Đảng, nên Đảng bộ có điều kiện thuận lợi trong nhận thức và sớm nắm bắt những chủ trương, quan điểm chỉ đạo, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ về nhiệm vụ kinh tế. Đảng bộ Liên khu còn nhận được những chỉ đạo, giao nhiệm vụ trực tiếp cũng như sự quan tâm, giúp đỡ của Trung ương Đảng, Chính phủ, của các bộ, ban, ngành Trung ương về kinh tế. Đường lối của Đảng, sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Trung ương là nhân tố quyết định hàng đầu đối với những thành quả về kinh tế mà nhân dân Liên khu đã đạt được.

Thứ hai, Việt Bắc là vùng đất giàu truyền thống đấu tranh cách mạng. Đồng bào các dân tộc trong Liên khu luôn theo Đảng, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến do Đảng lãnh đạo; có truyền thống lao động cần cù, khả năng tự cung, tự cấp cao. Do đó, mặc dù gặp nhiều khó khăn, song, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong Liên khu Việt Bắc đã đoàn kết nhất trí, giúp đỡ, hỗ trợ nhau sản xuất, xây dựng đời sống kinh tế kháng chiến. Chính tinh thần và khả năng cách mạng, niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của các tầng lớp nhân dân đã giúp Đảng bộ Liên Khu Việt Bắc thực hiện tốt nhiệm vụ kinh tế trong quá trình hoạt động và lãnh đạo phong trào cách mạng từ năm 1949 đến năm 1956.

Thứ ba, Liên khu Việt Bắc là một địa bàn rộng lớn, có nhiều tài nguyên, có nhiều khả năng phát triển nền kinh tế đa dạng, nhất là có nhiều thuận lợi về

thổ nhượng, khí hậu, sông ngòi... để phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời, có khả năng để thực hiện “tự cấp, tự túc” rất cao. Bên cạnh đó, những thắng lợi về chính trị, về quân sự,... của phong trào kháng chiến trên cả nước nói chung, trong phạm vi Liên khu nói riêng có tác dụng hỗ trợ to lớn cho Liên khu trên lĩnh vực kinh tế.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu, quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế trong kháng chiến chống thực dân Pháp và những năm đầu sau hòa bình lập lại (1949-1956) cũng bộc lộ một số hạn chế, khuyết điểm, cả trong nhận thức, hoạch định chủ trương và chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế.

Hạn chế trong nhận thức và chủ trương:

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhận thức của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về vị trí, vai trò và yêu cầu phát triển kinh tế từng bước được nâng lên, song, ở một số thời điểm vẫn chưa thật toàn diện. Một bộ phận cấp ủy Đảng địa phương, một bộ phận cán bộ, đảng viên có lúc, có nơi chưa nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của nhiệm vụ kinh tế, cho rằng, nhiệm vụ kháng chiến, nhiệm vụ quân sự mới đóng vai trò chính, nhiệm vụ kinh tế chỉ đóng vai trò phục vụ; chưa nắm vững quan điểm kháng chiến toàn diện của Đảng, chưa nắm chắc sự chỉ đạo của cấp trên về kinh tế, thiếu kinh nghiệm dẫn đến sự chỉ đạo, điều hành chưa sâu sát và quyết liệt. Liên khu ủy nhận định: "Tình hình sản xuất miền núi chưa nắm được, còn mơ hồ, đại khái, cho nên chưa đề ra được phương hướng cụ thể" [182, tr.39]. Việc xây dựng và phát triển các lĩnh vực kinh tế chủ yếu vẫn có xu hướng tập trung trước hết vào việc đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến trước mắt, ngắn hạn, trong khi chưa thể hiện đầy đủ tầm nhìn lâu dài về xây dựng cơ sở kinh tế và tạo lập những điều kiện vật chất bền vững cho sự phát triển của Liên khu. Vì vậy, trong xác định nhiệm vụ có lúc chưa giải quyết thật tốt mối quan hệ giữa yêu cầu trước mắt với yêu cầu phát triển lâu dài, giữa nhiệm vụ sản xuất với nhiệm vụ huy động nguồn lực phục vụ kháng chiến...

Hạn chế trong nhận thức còn thể hiện ở việc có lúc, có nơi cấp ủy chưa xác định thật rõ trọng tâm của từng nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các lĩnh vực kinh tế. Năm 1951, một số Tỉnh ủy trong Liên khu chưa nhận thức đúng trọng tâm của tăng gia sản xuất là bảo đảm “vụ mùa thắng lợi”, mà chủ yếu vận động tăng gia sản xuất nói chung. Khi triển khai tạm vay và thuế nông nghiệp, một số nơi lại sao lãng nhiệm vụ sản xuất. Ngược lại, có thời điểm quá nhấn mạnh sản xuất và tiết kiệm mà coi nhẹ công tác thuế; có nơi tập trung nhiều vào thuế nông nghiệp nhưng chưa nhận thức đầy đủ rằng bên cạnh nguồn thu này còn có các loại thuế khác như thuế xuất nhập khẩu, thuế công thương nghiệp cũng giữ vai trò quan trọng. Điều đó cho thấy nhận thức về tính chỉnh thể của công tác kinh tế - tài chính ở một số cấp chưa thật đầy đủ.

Trong những năm đầu sau hòa bình lập lại, hạn chế về nhận thức biểu hiện trong việc giải quyết quan hệ giữa khắc phục khó khăn trước mắt với phát triển sản xuất. Chủ trương tăng cường trồng rau màu ngắn ngày để góp phần giải quyết nạn đói được đề ra, nhưng ở một số Đảng bộ địa phương việc cụ thể hóa chưa tương xứng với yêu cầu thực tế. Ở "xã Hồng Phong thuộc Phú Bình, Thái Nguyên đói mà dân tháng 7 chỉ có hơn một mẫu rau muống" [12, tr.409]. Có nơi chỉ chú ý đến những địa bàn đang là trọng điểm của nạn đói mà chưa quan tâm đúng mức đến những khu vực khác; vì vậy, khi tình trạng thiếu đói ở địa bàn trọng điểm giảm thì ở một số nơi khác lại gia tăng. Trong sản xuất nông nghiệp, việc chuyển đổi diện tích trồng lúa sang cây công nghiệp chưa được chú trọng đúng mức; trong chăn nuôi, việc xây dựng kế hoạch sản xuất và phòng, chống dịch bệnh chưa được nhận thức đầy đủ.

Những hạn chế trên cho thấy nhận thức của một số cấp ủy về phát triển kinh tế chưa thật sự đồng đều và toàn diện. Một số cấp ủy chưa đặt quyết tâm cao, mang nặng tư tưởng “làm được đến đâu hay đến đó”. Có lúc chưa thấy hết mối quan hệ giữa các ngành, lĩnh vực và giữa sản xuất với lưu thông, tài chính, giao thông vận tải; chưa gắn đầy đủ yêu cầu phát triển từng ngành với điều kiện cụ thể của địa phương. Một số địa phương chưa quán triệt và thực hiện tốt quan điểm “toàn dân”, chưa đề ra chủ trương huy động nhân dân tham gia sản xuất

một cách thích hợp. Đảng bộ Liên khu từng chỉ rõ: “sự lãnh đạo công tác kinh tế - tài chính của các cấp tỉnh, huyện còn yếu. Nhận thức tầm quan trọng của công tác chưa đúng mức, chưa quyết tâm và đi sâu” [78, tr.476].

Về hạn chế trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện:

Những hạn chế trong nhận thức và chủ trương dẫn đến và được biểu hiện rõ hơn trong hạn chế của công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Trước hết, sự chỉ đạo của một số cấp ủy có lúc còn thiếu linh hoạt, chưa thật sự bám sát thực tiễn và chưa kịp thời điều chỉnh phương pháp tổ chức thực hiện. Đối với chủ trương tạm thu thuế vụ chiêm năm 1952, do việc quán triệt chủ trương và làm công tác tư tưởng chưa đầy đủ nên một số tỉnh coi nhẹ việc vận động quần chúng tham gia đóng thuế. Khi Trung ương đề ra việc tổng chỉnh lý thu thuế nông nghiệp vào giữa năm 1952, Liên khu ủy có lúc chưa nghiên cứu kỹ và chưa căn cứ đầy đủ vào điều kiện cụ thể của địa phương, dẫn đến việc chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các tỉnh thực hiện không đúng thời hạn.

Trong sản xuất nông nghiệp, một số cấp ủy địa phương còn có biểu hiện chỉ đạo, tổ chức vận động nhân dân sản xuất mang tính hình thức, chạy theo phong trào; cán bộ chưa thực sự quyết tâm thực hiện các chỉ tiêu được giao, còn tư tưởng “làm được đến đâu hay đến đó”. Năm 1953, nhiều địa phương chưa coi trọng phát triển thủy lợi nhỏ mà có xu hướng thực hiện các công trình lớn nên hiệu quả chưa cao. Năm 1955, khi hạn hán gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, một số tỉnh ủy triển khai công tác chống hạn chậm, làm thiệt hại sản xuất. Trong chăn nuôi, việc phòng, chống dịch bệnh chưa tích cực, dẫn đến sáu tháng đầu năm 1956, một số Đảng bộ và chính quyền địa phương để xảy ra tình trạng có số gia súc chết khá lớn, như Cao Bằng 2.585 con, Tuyên Quang 526 con [78, tr.892].

Công tác chỉ đạo giao thông vận tải cũng bộc lộ những hạn chế trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Một số địa phương chưa thực sự coi trọng việc bảo đảm giao thông, nhất là trong mùa mưa; sửa chữa cầu, cống, đường sá còn chậm, chất lượng chưa cao dẫn đến khả năng vận chuyển ở một số nơi bị ảnh

hưởng nghiêm trọng. Khi mưa lũ, có nơi phải chờ phà một, hai ngày, thậm chí tám, chín ngày, gây trở ngại cho vận chuyển và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống.

Trong qua trình chỉ đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ Liên khu đã quan tâm xây dựng phát triển các hình thức hợp tác sản xuất, tuy nhiên, công tác chỉ đạo cũng có lúc chưa sâu sát. Năm 1953, Đảng bộ Liên khu nhận thấy trong phát triển tổ đổi công, các cấp ủy “chưa chú ý hướng dẫn để phát triển, thường khoán cho nông hội hoặc địa phương cứ tự làm” [77, tr.74]. Đối với việc lãnh đạo các ngành, các giới, có tình trạng “thiếu sự giúp đỡ cụ thể coi như khoán trắng, không có một chế độ lãnh đạo báo cáo thường kỳ” [77, tr.88]. Điều đó cho thấy phương thức chỉ đạo ở một số lĩnh vực kinh tế còn nặng về giao nhiệm vụ, chưa chú trọng đúng mức đến hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng kết thực tiễn.

Hạn chế trong tổ chức thực hiện thể hiện ở việc Đảng bộ chưa có nhiều biện pháp chỉ đạo liên tục và quyết liệt để nâng cao chất lượng của bộ máy và đội ngũ cán bộ kinh tế - tài chính. Ở một số nơi, bộ máy hoạt động chưa hiệu quả, còn thiếu cán bộ có năng lực và kinh nghiệm; một bộ phận cán bộ chưa nắm vững chính sách, phương pháp tuyên truyền, giải thích chưa phù hợp, thậm chí có biểu hiện áp đặt trong tổ chức thu thuế. Sáu tháng đầu năm 1952, thu thuế công thương nghiệp đạt kết quả thấp do cán bộ thuế chưa nắm rõ chính sách, chưa tuyên truyền, giáo dục sát với công thương gia; cách thức thu chưa hợp lý, trong khi công thương nghiệp đang khó khăn lại tổ chức thu dồn ba vụ làm một, gây thêm khó khăn cho nhân dân.

Sau hòa bình lập lại, những hạn chế về bộ máy và cán bộ vẫn tồn tại. Đến tháng 10-1955, Đảng bộ Liên khu đánh giá: “Bộ máy kinh tế - tài chính còn yếu, cán bộ chưa được kiện toàn, chất lượng lại kém, tư tưởng còn biểu hiện nhiều sai lầm nhất là nạn tham ô, hữu khuynh nghiêm trọng” [78, tr.477]. Trong sửa chữa đường sá, cầu cống sáu tháng đầu năm 1956, kết quả thấp cũng được xác định có nguyên nhân từ “thiếu cán bộ kỹ thuật, tinh thần phục vụ của một số cán bộ còn kém” [78, tr.896].

Như vậy, hạn chế trong lãnh đạo kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc không chỉ thể hiện ở một số điểm chưa đầy đủ trong nhận thức và hoạch định chủ trương, mà còn bộc lộ trong phương thức chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Ở một số thời điểm, sự chỉ đạo chưa thật sát thực tiễn, thiếu linh hoạt; việc phối hợp giữa các nhiệm vụ kinh tế chưa đồng bộ; công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên; năng lực của một bộ phận cán bộ và hiệu quả hoạt động của bộ máy kinh tế - tài chính còn hạn chế.

Đặc biệt, trong chỉ đạo thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Đảng bộ Liên khu mắc nhiều sai lầm, khuyết điểm. Nhiều cấp ủy Đảng còn coi nhẹ việc giảm tô, nhất là chưa sâu sát điều tra kỹ lưỡng tình hình ở nông thôn, chưa chú trọng dựa vào sức mạnh nông dân nên dẫn đến có những địa phương giảm tô chưa đúng sắc lệnh, nhiều nơi không giảm hoặc giảm ít. Vấn đề tạm cấp ruộng đất cũng chỉ đạo tiến hành chậm có nơi còn sót lại ruộng đất của Pháp và Việt gian đứng tên người khác nên chưa kịp thời chia cho nông dân. Cán bộ triển khai công việc với phương pháp chưa đúng, không hiệu quả, chỉ thiên vào thuyết phục địa chủ, chưa biết lấy lực lượng quần chúng đấu tranh làm chủ yếu; không nắm vững sách lược đấu tranh, quân bình coi các loại địa chủ như nhau, hay coi phú nông cũng như địa chủ, không có sự phân biệt... Các cấp ủy đảng còn buông lỏng, thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc như ở Thái Nguyên; thiếu cảnh giác đưa cả địa chủ, phú nông vào ban tạm cấp như ở Bắc Ninh; nóng vội làm sai chính sách ruộng đất tạm giao như ở Vĩnh Phúc [76, tr.55]. Việc chỉ đạo công tác tuyên truyền chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ, vận động quần chúng còn chưa thường xuyên, nhiều xã miền núi công tác tuyên truyền kém nên dân hầu như chưa biết về những chủ trương triệt để giảm tô, giảm tức, về cách mạng ruộng đất...

Những hạn chế trên đây trong nhận thức, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu đã gây nên những cản trở cho sự phát triển của một số lĩnh vực kinh tế ở một số lúc, một số nơi; dẫn đến một số chỉ tiêu kinh tế không đạt, sự phát triển và đóng góp thiếu ổn định, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc, nhiệm vụ xây dựng và ổn định đời sống nhân dân những năm đầu hòa bình lập lại.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, do điều kiện chiến tranh, thực dân Pháp và tay sai có những hoạt động chống phá ác liệt dẫn đến việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chưa kịp thời, thường xuyên, liên tục. Liên khu Việt Bắc là hậu phương chiến lược của cuộc kháng chiến, là căn cứ địa cách mạng quan trọng của cả nước, vì vậy, thực dân Pháp tập trung để đánh phá, dùng mọi thủ đoạn để triệt hạ kinh tế kháng chiến như ném bom, càn quét các làng mạc, phá hoại mùa màng, ngăn chặn mọi con đường lưu thông hàng hóa nhằm cô lập Việt Bắc làm cho cơ sở vật chất – kỹ thuật của nền kinh tế bị tàn phá nặng nề, giao thông liên lạc bị chia cắt, nhiều vùng sản xuất không ổn định, "Trong vòng một tháng (từ ngày 7 tháng 4 đến ngày 7 tháng 5 năm 1954) chúng đã bắn hơn 6.000 đạn và trút 282 quả bom xuống khu vực quanh đỉnh đèo từ Huyết Hồ đến Cầu Cui" [189, tr.350-351]. Điều này khiến việc tổ chức sản xuất, lưu thông hàng hóa và huy động nguồn lực phục vụ kinh tế gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác, nhiệm vụ kháng chiến, đặt ra yêu cầu rất lớn về cung cấp nhân, tài, vật lực; yêu cầu về khai thác các nguồn lực đáp ứng nhiệm vụ khôi phục kinh tế- văn hóa xã hội sau hòa bình lập lại cũng không nhỏ, trong khi đó, nhiều thế mạnh kinh tế còn ở dạng tài nguyên, đời sống của nhân dân Liên khu Việt Bắc còn khó khăn; Đảng bộ Liên khu vừa phải lãnh đạo huy động nguồn lực phục vụ kháng chiến, vừa xây dựng và củng cố nền kinh tế trong điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và khả năng quản lý... bất cập.

Hai là, đội ngũ cán bộ, đảng viên ở Đảng bộ Liên khu Việt tuyệt đại đa số có tinh thần trách nhiệm cao, kinh nghiệm trong lãnh đạo và tổ chức quần chúng nhân dân đấu tranh cách mạng, nhưng lại chưa có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức và động viên nhân dân sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế. Sự hạn chế về trình độ học vấn của một bộ phận cán bộ đã gây khó khăn trong nhận thức, lãnh đạo, chỉ đạo, thậm chí có cán bộ chưa nắm vững quan điểm, chủ trương của Đảng, "lập trường giai cấp không vững, nhận thức vấn đề cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và chính sách trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh không đầy đủ. Quan điểm quần chúng thiếu sót và tác phong quan

liều mệnh lệnh còn nặng" [76, tr.94]. Do chưa có điều kiện được học tập, đào tạo về quản lý kinh tế, nên trình độ tổ chức, quản lý kinh tế của cán bộ còn yếu, thiếu kinh nghiệm trong việc chỉ đạo sản xuất, phân phối và điều hành các hoạt động kinh tế trong điều kiện đặc thù của thời chiến. Một bộ phận cán bộ còn lúng túng trong việc cụ thể hóa chủ trương của cấp trên vào điều kiện thực tiễn địa phương, dẫn đến việc triển khai thiếu linh hoạt, thậm chí máy móc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuy đã được chú trọng nhưng chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tiễn, làm ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế.

Ba là, xây dựng, phát triển kinh tế trong điều kiện đất nước có chiến tranh là một nhiệm vụ mới mẻ. Do đó, trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện không tránh khỏi những hạn chế. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với phục vụ kháng chiến, giữa sản xuất và bảo vệ sản xuất trong điều kiện thường xuyên bị địch uy hiếp, đánh phá chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Bên cạnh đó, các chính sách, các mô hình tổ chức sản xuất và cơ chế quản lý kinh tế áp dụng tại Việt Bắc như tạm vay, thuế nông nghiệp, cải cách ruộng đất... còn mang tính thử nghiệm, vừa làm vừa điều chỉnh để phù hợp với điều kiện vùng căn cứ.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM TỪ QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ LIÊN KHU VIỆT BẮC LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ (1949-1956)

Từ thực tiễn quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế (1949-1956) có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

4.2.1. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế

Trong suốt quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, trước đối phương có tiềm lực quân sự, kinh tế vượt trội, để tiến hành kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, Đảng luôn nhất quán đường lối kháng chiến, kiến quốc - vừa kháng chiến vừa xây dựng, phát triển kinh tế. Đại hội lần thứ II của Đảng (1951), khẳng định: "Muốn thắng địch về quân sự, chính trị, phải có một cơ sở kinh tế vững chắc, phải phát triển kinh tế kháng chiến nhằm mục

đích làm cho quân và dân ta đủ ăn, đủ mặc, có súng, có đạn để đánh lâu" [62, tr.127]. Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, để xây dựng miền Bắc vững mạnh về mọi mặt, khắc phục tình trạng nền sản xuất bị tàn phá, đình đốn, nhanh chóng ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, Đảng chủ trương đặt lên hàng đầu nhiệm vụ khôi phục kinh tế.

Quán triệt và vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, ngay khi thành lập, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ kinh tế đối với sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc ở Liên khu; đồng thời, nhận thức sâu sắc yêu cầu khách quan của việc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ về kinh tế. Các nghị quyết, các văn kiện thể hiện chủ trương và sự chỉ đạo của Liên Khu ủy đều khẳng định về nhiệm vụ kinh tế là một nhiệm vụ kháng chiến có ý nghĩa “trọng tâm” bên cạnh nhiệm vụ quân sự; đề ra những nhiệm vụ lãnh đạo kinh tế cho các cấp bộ Đảng trực thuộc. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất (1951) quán triệt đến các cấp ủy đảng “từ nay quân sự và kinh tế - tài chính là hai trọng tâm công tác thường xuyên, chúng ta phải đặc biệt chú ý tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng về hai vấn đề ấy hơn bất cứ một vấn đề nào khác” [74, tr.95]; Chỉ thị của Ban Thường vụ Liên khu *Gửi các Tỉnh ủy toàn khu về việc chấn chỉnh công tác lãnh đạo kinh tế - tài chính* (10-9-1952) ghi rõ: “Các cấp ủy, các cán bộ phải nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác kinh tế tài chính, nhất là đối với các tỉnh vùng tự do để ra sức thực hiện mọi chính sách kinh tế - tài chính của Đảng” [74, tr.747]. Năm 1953, Liên khu ủy thông qua “*Đề án Về nhiệm vụ công tác kinh tế - tài chính*”, nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh tế đối với việc giải quyết đời sống nhân dân và đóng góp cho kháng chiến. Để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, phải đẩy mạnh sản xuất, thăng bằng thu - chi, kết hợp công tác kinh tế với phát động quần chúng... “Các cấp ủy cần nhận thức cho đúng tầm quan trọng của công tác kinh tế - tài chính, học tập nghiên cứu chính sách về mọi mặt: sản xuất, tài chính, mậu dịch, ngân hàng,... để tăng cường việc lãnh đạo công tác kinh tế - tài chính và giáo dục cán bộ về tư tưởng, chính sách cũng như về nghiệp vụ” [75, tr.23].

Để bảo đảm và tăng cường vai trò lãnh đạo trên mặt trận kinh tế nói chung cũng như đối với các lĩnh vực kinh tế, Đảng bộ Liên khu đặt lên hàng đầu công tác tư tưởng, nhận thức. Đảng bộ cho rằng lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế là phải giải quyết vấn đề nhận thức, tư tưởng: "Phải nhận thức cho đúng vấn đề kinh tế - tài chính hiện nay là một vấn đề quan trọng như thế nào? Tại sao lại trọng yếu? Cần nhận rõ nội dung của nó trong vấn đề củng cố chế độ dân chủ nhân dân, vấn đề củng cố miền Bắc, chiêu cố miền Nam, trong vấn đề hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế....." [77, tr.448]. Thống nhất được nhận thức, tư tưởng sẽ dẫn đến thống nhất hành động, khắc phục được những sai lầm đã mắc phải trước đây như tự mãn, ngại khó, ngại khổ, chưa quan tâm giải quyết những khó khăn trong đời sống của nhân dân...

Cùng với công tác tư tưởng, Đảng bộ quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ và tổ chức cơ quan vừa đóng vai trò tham mưu, giúp việc, vừa trực tiếp theo dõi, nắm bắt tình hình và giúp Liên khu ủy chỉ đạo kinh tế. Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất (1951) quyết định thành lập Ban Kinh tế - Tài chính các cấp với mục đích "để thực tế nắm vững được tình hình kinh tế - tài chính và điều khiển các ngành kinh tế - tài chính hoạt động thống nhất theo đúng chính sách kinh tế - tài chính của Đảng" [74, tr.99]. Ban Kinh tế - Tài chính ở mỗi cấp ít nhất có một đồng chí thường vụ phụ trách; đối với vùng tự do, đồng chí Bí thư cấp ủy trực tiếp làm trưởng ban theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo Ban Kinh tế - Tài chính. Ngoài Ban Kinh tế - Tài chính, Liên khu ủy còn chỉ đạo lập các phòng, bộ phận giúp các cấp ủy, chính quyền các cấp điều hành quản lý các lĩnh vực, nhiệm vụ kinh tế cụ thể, trong đó, các cấp ủy viên đóng vai trò hạt nhân. Thông tri số 60-TT/LKVB (10-9-1953) *Gửi các tỉnh ủy toàn Liên khu về việc chấn chỉnh tổ chức phòng thuế nông nghiệp tỉnh*, trong đó nhấn mạnh: "Trưởng phòng phải là một đồng chí thường vụ huyện ủy hoặc tương đương" [75, tr.489] để lãnh đạo sát sao công tác của phòng thuế.

Đối với xây dựng đội ngũ cán bộ, trong điều kiện kháng chiến và điều kiện cụ thể ở Liên khu Việt Bắc, Đảng bộ Liên khu đã tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Để bảo đảm các lĩnh vực kinh tế hoạt động đúng chủ

trường đường lối của Đảng, hạn chế tiêu cực, chống thất thoát, lãng phí, nhất là trong lĩnh vực tài chính, Đảng bộ đã điều động cán bộ, đảng viên sang tham gia, thực hiện các hoạt động kinh tế. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1953, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc, ban hành liên tiếp 2 thông tri: Thông tri số 37-TT/LKVB (9-6-1953) *Về việc cử cán bộ và đảng viên sang phụ trách ngành thuế*, trong đó chỉ đạo "Đối với các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang nên có một tỉnh ủy viên sang phụ trách, nếu không ít nhất cũng phải có một đồng chí trình độ bí thư huyện ủy. Còn các tỉnh khác (Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Vĩnh Phúc, Quảng Yên, Hà Giang, Bắc Kạn) mỗi tỉnh ít nhất cũng phải cử một đồng chí trình độ thường vụ huyện ủy sang" [75, tr.303].

Trong hoàn cảnh chiến tranh, một mặt, Đảng bộ phát huy vai trò lãnh đạo, tổ chức trực tiếp thông qua hệ thống cấp ủy Đảng, qua đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đảm bảo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện nghiêm chỉnh, thống nhất chủ trương, đường lối của Đảng; mặt khác, Đảng bộ căn cứ vào thực tiễn địa phương phát huy vai trò của Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế. Liên khu ủy chỉ đạo các cấp ủy: lãnh đạo kinh tế không có nghĩa là Đảng làm thay, làm hộ các cấp, các ngành, mà cần chú trọng chỉ đạo xây dựng kế hoạch, thường xuyên nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện những khâu trọng yếu để tập trung chỉ đạo giải quyết.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh là yêu cầu cấp bách để củng cố miền Bắc, làm cơ sở hoàn thành nhiệm vụ dân tộc, dân chủ trong cả nước. Trong đó, nhiệm vụ phục hồi kinh tế ở Liên khu Việt Bắc là rất quan trọng trong việc củng cố kiến thiết miền Bắc. Việc nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành về tầm quan trọng và tính cấp thiết của nhiệm vụ kinh tế trong tình hình mới và nhiệm vụ mới của cách mạng cả nước được Đảng bộ rất coi trọng.

Trước tình hình một bộ phận cán bộ, đảng viên nảy sinh tư tưởng chủ quan, ỷ lại, tự mãn, Đảng bộ Liên khu nhấn mạnh cần tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp từ tỉnh đến xã đối với nhiệm vụ kinh tế. Liên khu ủy

yêu cầu: các cấp ủy, nhất là cấp tỉnh ủy phải thể hiện vai trò lãnh đạo, nắm bắt chặt chẽ tình hình cụ thể không chủ quan khoán trắng cho chính quyền về nhiệm vụ kinh tế; các cấp ủy phải tiến hành kiểm tra, giám sát, theo dõi sát sao tình hình để nắm bắt, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nảy sinh... Liên khu ủy kịp thời phê phán, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, coi nhẹ nhiệm vụ khôi phục kinh tế, dẫn đến "quan liêu, xa rời thực tế, tác phong hời hợt, không đi sâu, thiếu điều tra, nghiên cứu, làm việc sự vụ" [77, tr.448], thiếu tinh thần chủ động, "trên bảo gì thì dưới làm đấy, dưới yêu cầu gì thì giải quyết đấy" [77, tr.448]... Nhờ việc tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, nhiệm vụ khôi phục kinh tế ở Liên khu Việt Bắc đã đạt kết quả to lớn.

Thực tiễn Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế cho thấy, trong điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh, việc tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với nhiệm vụ kinh tế ở Liên khu Việt Bắc có ý nghĩa quan trọng với công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Thực tiễn khôi phục kinh tế ở Liên khu Việt Bắc sau ngày hòa bình lập lại cũng cho thấy, ở đâu các cấp ủy Đảng tăng cường sự lãnh đạo, bám sát thực tiễn thì ở đó kinh tế đạt kết quả cao.

Sự lãnh đạo đúng đắn, sát sao của Đảng bộ bảo đảm sự huy động tối đa nguồn lực tại chỗ, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân, đồng thời tổ chức tốt sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa phục vụ tiền tuyến và hậu phương. Các cấp ủy Đảng đã chủ động xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế phù hợp với địa phương, gắn chặt sản xuất với nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho bộ đội và nhân dân. Vai trò của Đảng không chỉ là ngọn cờ lãnh đạo chính trị mà còn là trụ cột trong việc định hướng và thúc đẩy phát triển kinh tế kháng chiến. Thường xuyên củng cố, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế là hết sức quan trọng, là điều kiện hàng đầu, tiên quyết đối với việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế. Đó chính là thành tựu, cũng là bài học kinh nghiệm lớn từ quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956.

4.2.2. Chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế phù hợp với thực tiễn địa phương

Trong suốt quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ tháng 11 năm 1949 đến tháng 8 năm 1956, Đảng bộ Liên khu đã bám sát quan điểm xây dựng, phát triển kinh tế của Trung ương để nhanh chóng triển khai trên địa bàn Liên khu một cách chủ động, sáng tạo, trong đó, có việc lựa chọn đúng những lĩnh vực kinh tế chủ đạo mà Liên khu có thể mạnh; lựa chọn và thực hiện đúng nhiệm vụ trọng tâm đáp ứng yêu cầu của mỗi thời kỳ; phù hợp với từng địa bàn, khu vực ở Liên Khu.

Trong các nghị quyết, chỉ thị, đề án..., Đảng bộ Liên khu luôn luôn nhấn mạnh việc phải bám sát và vận dụng những quan điểm chỉ đạo của Trung ương một cách chủ động, linh hoạt. Ngay sau khi Hội nghị Liên khu ủy diễn ra (từ ngày 27 đến 28-10-1949) để thống nhất Liên khu 1 và Liên khu 10 thành Liên khu Việt Bắc, Đảng bộ Liên khu đã nhanh chóng ban hành những chủ trương nhằm chỉ đạo toàn diện các hoạt động, trong đó có lĩnh vực kinh tế. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của lĩnh vực kinh tế đối với cuộc kháng chiến, Đảng bộ Liên khu chủ động lãnh đạo các địa phương tích cực chuẩn bị mọi mặt để đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị tổng phản công. Trên cơ sở những đánh giá của Trung ương về năm 1949, ta đã tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công trong năm 1950, ngày 17-12-1949, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành Chỉ thị số 01/LKVB *Gửi các cấp Đảng bộ và các ngành công tác toàn Liên khu Việt Bắc về đặt chương trình ba tháng đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị tổng phản công (từ ngày 1-1 đến ngày 31-3-1950)*, trong đó chỉ rõ "... trong chương trình công tác sang năm (1950), Trung ương sẽ đề ra nhiệm vụ chuyển mạnh sang giai đoạn tổng phản công. Trong khi chờ đón nhiệm vụ lớn lao đó, Ban Thường vụ Liên khu ủy nhận thấy các địa phương, các ngành công tác phải biết tháo vát cướp lấy thời gian để đẩy mạnh nhiệm vụ" [73, tr.14]. Với tinh thần tích cực, chủ động Liên khu ủy chỉ rõ nhiệm vụ trọng tâm cho toàn Liên khu, nhiệm vụ cụ thể từng vùng, từng ngành trong đó có nhiệm vụ cần thực hiện trên lĩnh vực kinh tế như: ở vùng biên giới và vùng Đông Bắc cần nỗ lực phá

kinh tế địch; ở vùng tự do cần nỗ lực cấy nhiều lúa chiêm, trồng nhiều ngô, khoai; phụ nữ và nông dân cần tăng gia sản xuất... Căn cứ vào thực tế hoạt động của Ban bảo vệ mùa màng ở các cấp không có hiệu quả, *Hội nghị quân dân chính trung du* (9-1950) đã kịp thời điều chỉnh: không thành lập Ban bảo vệ mùa màng các cấp mà giao nhiệm vụ cho ba đồng chí: Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính, đồng chí phụ trách quân sự giải quyết những việc cần kíp. Cuối năm 1954, "căn cứ vào tình hình nhiệm vụ chung, căn cứ vào tình hình trước mắt hiện nay do Trung ương đề ra... căn cứ vào tình hình trong Liên khu đang tiếp tục làm nhiệm vụ năm 1954 và chờ đợi chương trình công tác 1955..." [76, tr.868], tháng 12-1954, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc chủ động ban hành Nghị quyết số 50/LKVB *Về chủ trương công tác* để các địa phương căn cứ vào đó mà lãnh đạo các nhiệm vụ đang triển khai và thực hiện nhiệm vụ trước mắt trong năm 1955, trong đó có nhiệm vụ kinh tế. Với tinh thần chủ động, tích cực của Đảng bộ Liên khu việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế diễn ra có kế hoạch, có thời gian chuẩn bị chu đáo tránh bị động mà làm mau, làm ẩu, làm cho xong để báo cáo.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Liên khu Việt Bắc được chia làm hai vùng: vùng tự do và vùng địch tạm chiếm. Trong đó, hầu hết các tỉnh trong Liên khu đều có những vùng bị tạm chiếm. Chính vì vậy, trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, Đảng bộ Liên khu luôn chú ý đến hoàn cảnh cụ thể của mỗi vùng để đề ra chủ trương cho sát hợp. Năm 1953, Trung ương xác định nhiệm vụ kinh tế là: thực hiện sản xuất và tiết kiệm; thi hành chính sách ruộng đất; thực hiện thăng bằng thu - chi; phát triển mậu dịch bình ổn vật giá; tăng cường giao thông vận tải; đấu tranh kinh tế với địch. Căn cứ vào đường lối của Trung ương, Liên khu ủy Việt Bắc đã thông qua *Đề án Về nhiệm vụ kinh tế - tài chính năm 1953*, trong đó xác định nhiệm vụ chính về kinh tế ở Liên khu là: đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm, thăng bằng thu - chi và phát động quần chúng để thi hành chính sách ruộng đất của Đảng. Đối với vùng tự do, đó là nhiệm vụ trọng tâm về kinh tế phải quyết tâm thực hiện cho kỳ được. Nhưng đối với vùng tạm chiếm có hoàn cảnh, điều kiện đặc biệt cũng

không thể coi nhẹ hoặc bỏ qua nhiệm vụ sản xuất. Liên khu ủy nhấn mạnh: "Phải đặt vấn đề phát triển sản xuất trong vùng địch là quan trọng" [75, tr.8] bởi trong vùng địch tạm chiếm nhiệm vụ phát triển sản xuất gắn bó chặt chẽ với nhiệm vụ đẩy mạnh chiến tranh du kích. Vì vậy, ở vùng địch tạm chiếm chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kinh tế là phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ sản xuất, chống địch cướp phá mùa màng. Ở miền núi, cần chú ý tăng năng suất là chính, chú ý giúp đỡ nhân dân về nông cụ, giống, cải tiến kỹ thuật... Nhờ đó, trong năm 1953, kinh tế ở Liên khu đã có sự chuyển biến khá hơn so với năm 1952. Hội nghị Liên khu ủy Việt Bắc (1-1954) cũng chỉ đạo toàn diện, cụ thể đối với từng lĩnh vực và chú ý đến từng địa bàn. Hội nghị chỉ đạo: ở vùng tự do, có điều kiện sản xuất cần chú ý kỹ thuật để tăng năng suất, khai khẩn đất hoang tăng diện tích sản xuất. Ở vùng miền núi, đồng bào quen với tập quán canh tác cũ còn lạc hậu, vì vậy, cần chú ý cải tiến canh tác, chính quyền địa phương có kế hoạch giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất và thu mua lâm thổ sản. Ở vùng địch tạm chiếm, cần kết hợp đẩy mạnh du kích chiến để bảo vệ và phục hồi sản xuất. Vùng giáp biển, cần chú trọng thêm nghề đánh cá và nghề phụ...

Khi hòa bình lập lại, căn cứ vào chủ trương của Trung ương và đặc điểm tình hình ở Liên khu, Đảng bộ Liên khu đã có sự chỉ đạo phù hợp đối với hai vùng, miền núi và miền xuôi. Ở miền núi, thuận lợi hơn cho chăn nuôi đại gia súc cần tiếp tục được đẩy mạnh. Ở miền xuôi chỉ nên tập trung chăn nuôi tiểu gia súc. Ở miền xuôi sẽ xảy ra tình trạng thiếu đại gia súc để cày, kéo, Đảng bộ Liên khu kịp thời chỉ đạo miền núi cần hỗ trợ miền xuôi đại gia súc để đẩy mạnh sản xuất.

Căn cứ vào điều kiện và tình hình cụ thể ở Liên khu, trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, Đảng bộ Liên khu chú trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, khai thác được thế mạnh của địa phương. Việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc ổn định đời sống nhân dân và cung cấp cho mặt trận cũng như phục hồi kinh tế sau chiến tranh. Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo các địa phương cử cán bộ

xuống giúp đỡ nhân dân về kỹ thuật canh tác, tăng cường trồng trọt các cây lương thực phù hợp với mỗi địa bàn như ở miền ngược chủ yếu trồng giống lúa Nam Ninh và Mạch Cang, vùng trung du trồng Chiêm và Ba Giăng... Bên cạnh đó, để tích cực đề phòng và chống nạn đói thì trồng những cây lương thực ngắn ngày như ngô, khoai, sắn.

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ Liên khu tập trung chỉ đạo phát triển tiểu thủ công nghiệp nhất là thủ công nghiệp gia đình để cung cấp sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất như ươm tơ, dệt vải, làm giấy... Thương nghiệp cũng được đẩy mạnh nhất là sau chiến dịch Biên giới (1950), Đảng bộ Liên khu chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động mậu dịch, khai thông luồng hàng giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm, giữa Liên khu với Trung Quốc. Đặc biệt, các mặt hàng chủ lực để xuất khẩu sang Trung Quốc là những mặt hàng lâm thổ sản, đây là thế mạnh của Liên khu như quế, hồi, sa nhân... Việc đẩy mạnh thương mại đã phá vỡ âm mưu cô lập, bao vây kinh tế của thực dân Pháp, giá cả được điều hòa góp phần thăng bằng thu - chi và quan trọng hơn hết là ổn định được đời sống nhân dân, cũng như cung cấp ngày càng nhiều nhân lực, vật lực cho mặt trận quân sự.

Đảng bộ Liên khu luôn quan tâm phát huy sáng kiến của nhân dân. Trong lao động sản xuất, từ những khó khăn của chiến tranh, đồng bào Liên khu lại có những sáng kiến, cách làm phù hợp. Nhiều kinh nghiệm làm tiểu thủy nông, giữ nước được nhân dân áp dụng như: thả bèo hoa dâu vào ruộng lúa, ủ rơm rạ trên mặt luống trồng hoa màu, đào rìa nhỏ ở đầu ruộng... để giữ nước. Nhiều địa phương trong quá trình triển khai công tác chống địch thả côn trùng phá hoại mùa màng đã có những sáng kiến, kinh nghiệm hiệu quả được phổ biến toàn Liên khu như kinh nghiệm bắt sâu ngô ở xã Liên Hiệp, Thanh Ba, Phú Thọ. Nhân dân "đã bắt được hơn 50 tấn sâu trong 7 tỉnh, riêng Phú Thọ bắt được 27 tấn, Bắc Giang 12 tấn, đã cứu được 5,6 nghìn mẫu lúa và hoa màu" [76, tr.73], giảm thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, trong giai đoạn 1949-1956, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc luôn quán triệt và nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Trung ương

Đảng; đồng thời, linh hoạt vận dụng các chủ trương của Trung ương phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương theo phương châm phát huy thế mạnh vùng căn cứ cách mạng, tận dụng nguồn lực tại chỗ và huy động sức dân đã giúp kinh tế kháng chiến phát triển ổn định. Sự kết hợp hài hòa giữa chỉ đạo từ Trung ương với sáng tạo trong tổ chức thực hiện ở cơ sở chính là yếu tố quyết định mang lại những kết quả tích cực. Nhờ vậy, Liên khu Việt Bắc không chỉ đảm bảo đời sống nhân dân mà còn vững vàng làm hậu phương lớn cho tiền tuyến, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến và công cuộc kiến thiết sau hòa bình.

4.2.3. Xây dựng kinh tế mang tính chất toàn diện, trong đó tập trung phát triển lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế, phù hợp với trình độ sản xuất của nhân dân

Lãnh đạo một địa bàn rộng lớn, có nhiều lợi thế, tiềm năng phát triển kinh tế, thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng nền kinh tế kháng chiến, Đảng bộ Liên khu đã quan tâm chỉ đạo phát triển tương đối toàn diện các lĩnh vực kinh tế, từ nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, giao thông vận tải... đi đôi với bảo vệ kinh tế kháng chiến đấu tranh kinh tế với Pháp. Những lĩnh vực kinh tế được quan tâm lãnh đạo, phát huy vai trò hỗ trợ, bảo đảm và thúc đẩy nhau phát triển, hình thành nên nền kinh tế kháng chiến, phục vụ nhiệm vụ quân sự, xây dựng văn hóa, giáo dục, cải thiện đời sống nhân dân.

Căn cứ vào tiềm năng, điều kiện cụ thể và khả năng, trình độ sản xuất của nhân dân, Đảng bộ Liên khu đã tập trung khai thác những thế mạnh của từng lĩnh vực, trong từng lĩnh vực lại chú trọng sản xuất những sản phẩm cụ thể.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, Đảng bộ Liên khu luôn xác định sản xuất nông nghiệp là trọng tâm, phát huy được thế mạnh của Liên khu; đồng thời đáp ứng nhu cầu của nhân dân và cung cấp cho mặt trận. Đảng bộ Liên khu chủ trương đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp bằng nhiều biện pháp như: khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt, tận dụng đất đai rừng núi, ven suối để trồng các loại cây lương thực khoai, sắn, ngô, đậu tương – những loại cây phù hợp với điều kiện địa hình đồi núi. Từ năm 1950 đến 1953,

tại Bắc Kạn và Cao Bằng, diện tích trồng khoai và sắn đã tăng trên 30%, nhiều xã đã xây dựng các "xóm sản xuất tự túc", vừa trồng trọt vừa chăn nuôi, hình thành các mô hình hậu cần tại chỗ. Để nâng cao năng suất Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo tăng cường cán bộ phổ biến tổ chức kỹ thuật canh tác, phổ biến giống mới, cải tiến công cụ lao động phù hợp với điều kiện miền núi cũng như giải quyết vấn đề thủy lợi đảm bảo tưới tiêu. Trong quá trình thực hiện việc sử dụng các giống lúa mới có năng suất cao hơn, phù hợp với điều kiện tự nhiên của Liên khu đã tạo ra những thay đổi có tính cách mạng, song đó cũng là cuộc đấu tranh lâu dài với thói quen, tập quán lạc hậu. Từ chỗ lẻ tẻ, rải rác, phong trào cấy các giống lúa mới như Nam Ninh, Ba Giăng trở thành phổ biến ở nhiều nơi: ở Tuyên Quang, vụ chiêm 1951-1952 toàn tỉnh cấy được 82,8 mẫu Nam Ninh, 845 mẫu Ba Giăng; đến vụ chiêm 1952-1953 cấy được 201 mẫu Nam Ninh, 488 mẫu Ba Giăng [13, tr.86]. Đây là hai giống lúa tránh được rét, năng suất cao phù hợp với điều kiện tự nhiên ở các huyện miền núi.

Để khắc phục tình trạng thiếu lao động trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo việc xây dựng các tổ đổi công và tổ hợp tác sản xuất. Đây là những hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh. Các tổ đổi công và hợp công ngày càng phát triển mạnh mẽ, trở thành những mầm mống đầu tiên của hợp tác xã nông nghiệp. Trong những tổ chức này, nông dân sống đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, giúp đỡ nhau trong công việc. Đến năm 1953, ở Liên khu Việt Bắc "trong 6 tỉnh có tới hơn 7.000 hội đổi công và 3.000 tổ sản xuất" [76, tr.74]. Trong hoàn cảnh giao thông bị phong tỏa và tiếp tế gặp rất nhiều khó khăn, việc phát triển chăn nuôi nhỏ tại các hộ gia đình trở thành một giải pháp lâu dài, nhằm đảm bảo nguồn thực phẩm cho hậu phương. Đặc biệt, phong trào "nuôi lợn góp thịt cho bộ đội" đã được phát động rộng rãi ở Thái Nguyên, trong đó các huyện Đại Từ và Định Hóa tổ chức các tổ nuôi lợn tập thể, mỗi tháng đóng góp hàng tấn thịt cho bộ đội. Các chính sách thuế nông nghiệp, chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp ở những vùng đã thực hiện cải cách ruộng đất cũng như chưa thực hiện cải cách ruộng đất được triển khai nhanh chóng, rộng khắp trong toàn Liên khu.

Đặc biệt, Đảng bộ Liên khu đã từng bước thực hiện chính sách về ruộng đất phù hợp với sự phát triển của cuộc kháng chiến trên cơ sở các Sắc lệnh giảm tô (7-1949), từ năm 1951 trở đi một loạt các Sắc lệnh của Chính phủ như: tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian, ruộng đất công, nửa công, ruộng đất vắng chủ... tạm cấp cho nông dân. Từ tháng 4-1953, Đảng đã phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức và thực hiện cải cách ruộng đất. Vinh dự và tự hào Liên khu Việt Bắc được Trung ương lựa chọn để triển khai thí điểm sau đó rút kinh nghiệm và nhân rộng ra toàn quốc. Mặc dù quá trình thực hiện cải cách ruộng đất ở Liên khu đã mắc phải một số sai lầm, nhưng đã có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp. Nhờ một loạt các chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp như trên, đã khơi dậy, phát huy tính tích cực, chuyên cần của người nông dân, khiến họ hăng say sản xuất, tạo thành động lực thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp trong những năm đầy mạnh cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn. Những chính sách về nông nghiệp, coi nông nghiệp là lĩnh vực kinh tế quan trọng nhất tiếp tục được thực hiện trong những năm khôi phục kinh tế sau hòa bình lập lại.

Trong phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, Đảng bộ hướng vào những ngành thiết yếu phục vụ kháng chiến và dân sinh như dệt vải, làm giấy, nông cụ...; "Chú trọng phát triển thủ công nghiệp gia đình và tiểu công nghệ, thủ công nghiệp gia đình là chính" [75, tr.6]. Để hỗ trợ phát triển thủ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Liên khu uỷ chỉ đạo tăng cường công tác mậu dịch, bài trừ hàng lậu, hàng cấm, hàng xa xỉ phẩm, giáo dục thương nhân...; đồng thời, để giải quyết khó khăn về nguyên liệu cần tận dụng nguyên liệu sẵn có của địa phương. Trong lĩnh vực thương nghiệp, Đảng bộ Liên khu không chỉ chú trọng mở mang thương nghiệp giữa các vùng, mà còn tận dụng lợi thế có đường biên giới để mở mang thương mại với Trung Quốc. Từ đó, đã triển khai các chính sách thúc đẩy thương nghiệp như chính sách về giá, chính sách về sản xuất, xuất khẩu...

Trong lĩnh vực giao thông, vận tải, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc xác định xây dựng, củng cố, bảo vệ hệ thống giao huyết mạch có ý nghĩa rất quan trọng

do địa bàn Liên khu rộng lớn, địa bàn miền núi chia cắt, hiểm trở. Căn cứ vào điều kiện và nguồn lực cụ thể, công tác giao thông vận tải tập trung vào việc sửa chữa, tu bổ, nâng cấp, bảo vệ những tuyến đường có ý nghĩa chiến lược; từng bước xây dựng hệ thống đường dân sinh; huy động sự tham gia đóng góp của các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế khác nhau trong xây dựng phương tiện vận tải; thực hiện các nhiệm vụ vận tải hàng hóa sản phẩm nông lương, các vật dụng thiết yếu... để phục vụ đời sống nhân dân, thúc đẩy các hoạt động giao thương nội địa, với các địa phương tiếp giáp và ngoại thương với Trung Quốc... Đặc biệt, trong những năm kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, giao thông vận tải không chỉ thực hiện chức năng kinh tế mà còn có nhiệm vụ phục vụ sự nghiệp kháng chiến đi đến thắng lợi.

Cùng với các lĩnh vực sản xuất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc cũng như công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc, Đảng bộ đã từng bước tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác tài chính ngân sách. Nét nổi bật của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong lãnh đạo công tác tài chính là chấp hành chủ trương, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo triển khai nhiều chính sách như: chính sách thuế, tạm vay, thống nhất các kho quỹ riêng... phù hợp với điều kiện của nhân dân các dân tộc; kịp thời điều chỉnh để bảo đảm chỉ tiêu, đồng thời không gây khó khăn cho hoạt động kinh tế ở Liên khu.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, một lĩnh vực mà Đảng bộ Liên khu quan tâm lãnh đạo là đấu tranh kinh tế với địch. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nội dung chủ yếu đấu tranh kinh tế với địch là bảo vệ sản xuất, chống địch phá hoại kinh tế kháng chiến. Trong quá trình thực hiện Đảng bộ đã tuân thủ sự chỉ đạo của Trung ương, đồng thời, căn cứ vào tình hình chuyển biến, về nhu cầu của nhân dân để điều chỉnh nhận thức và phương thức tiến hành, vừa có thể ngăn chặn sự lũng đoạn của địch, vừa bảo đảm đáp ứng những hàng hóa thiết yếu cho phong trào kháng chiến. Hòa bình lập lại, nhiệm vụ đấu tranh kinh tế với địch hướng vào đấu tranh chống các hoạt động phá hoại cơ sở hạ tầng thiết yếu, bảo vệ sản xuất...

Xây dựng kinh tế mang tính chất toàn diện, đồng thời, tập trung ưu tiên phát triển khu vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế, phù hợp với trình độ sản xuất của nhân dân là một hướng đi, một phương thức mang lại hiệu quả cao trong xây dựng phát triển kinh tế ở Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như sau ngày miền Bắc giải phóng. Đó cũng là một bài học có nghĩa thực tiễn của Đảng bộ Liên khu về lãnh đạo kinh tế những năm 1949-1956.

4.2.4. Tăng cường vận động nhân dân, huy động sức dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nhiệm vụ kinh tế

Liên khu Việt Bắc là địa bàn miền núi với đa số dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số đời sống còn rất khó khăn, nhưng giàu lòng yêu nước, tin tưởng vào Đảng, Chính phủ, quyết tâm ủng hộ kháng chiến. Mặt khác, trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt, nguồn lực về lao động huy động từ bên ngoài rất hạn hẹp. Do đó, phong trào kháng chiến nói chung, xây dựng và phát triển kinh tế nói riêng chỉ có thể thành công khi vận động, huy động được sự tham gia đóng góp của nhân dân Liên khu.

Nhận thức sâu sắc vai trò của nhân dân, quán triệt quan điểm chỉ đạo kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, ngay khi thành lập, Đảng bộ Liên khu đã xác định vận động, phát huy vai trò của nhân dân, dựa vào nhân dân để lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế. Để phát huy tinh thần tự giác và tích cực của nhân dân, đa số là đồng bào các dân tộc thiểu số, Đảng bộ đã tập trung thực hiện công tác dân vận. Dân vận không chỉ là hoạt động tuyên truyền, vận động đơn thuần, mà còn là quá trình xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, giúp nhân dân hiểu rõ trách nhiệm và tự giác tham gia vào công cuộc kháng chiến kiến quốc. Đảng bộ Liên khu luôn nhấn mạnh việc tuyên truyền, giải thích sâu rộng để nhân dân nắm vững và chấp hành các chủ trương, chính sách. Nhiều địa phương đã cử cán bộ về kiên trì bám cơ sở, lắng nghe và giải thích thấu đáo cho nhân dân hiểu rõ về kháng chiến, về sự lãnh đạo của Đảng, của Chính phủ, về tầm quan trọng của nhiệm vụ kinh tế,... Qua đó, nâng cao nhận thức cách mạng trong nhân dân, làm cho

quần chúng tự nguyện thực hiện các chính sách kinh tế của Đảng, Chính phủ; thúc đẩy phong trào sản xuất và huy động đóng góp cho kháng chiến một cách tự nguyện, hiệu quả.

Để huy động nhân dân tham gia nhiệm vụ kinh tế đạt kết quả, các cấp ủy đã biết kết hợp giữa tuyên truyền, vận động với tổ chức thực hiện, củng cố chính quyền ở những vùng tự do, đưa cán bộ về cơ sở xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng vững mạnh, gần dân và sát dân, tổ chức nhân dân sản xuất, xây dựng kinh tế. Đảng bộ Liên khu đặc biệt coi trọng việc củng cố, xây dựng các tổ chức quần chúng như Nông hội, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Liên Việt..., tạo nên khối đoàn kết nhân dân, sự thống nhất giữa các giai cấp, dân tộc, tôn giáo trên địa bàn Liên khu trong xây dựng kinh tế. Hội Nông dân Cứu quốc đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức tự lực tự cường, yêu lao động, quý trọng sản xuất và tiết kiệm trong nhân dân

Đặc biệt, các địa phương đã quan tâm chăm lo đời sống cho nhân dân, thông qua đẩy mạnh các phong trào sản xuất và tiết kiệm, đồng thời thực hiện những chính sách kinh tế bảo đảm lợi ích thiết thực của nhân dân các dân tộc trong Liên khu. Phong trào sản xuất được phát động và tổ chức thường xuyên, liên tục đóng vai trò quan trọng trong bồi dưỡng sức dân. Lực lượng cán bộ, học sinh, quân đội và các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn tích cực tham gia cùng nhân dân, giúp đỡ đồng bào sản xuất. Từ năm 1951, chính sách thuế được áp dụng để giảm bớt gánh nặng của nhân dân. Để nhân dân hiểu rõ và hưởng ứng chính sách mới của Đảng và Chính phủ, Đảng bộ Liên khu cùng các cấp bộ Đảng địa phương tích cực tuyên truyền, mở các lớp huấn luyện: ở Yên Bái 89,8% dân số từ 16 tuổi trở lên tham gia học tập, huyện Bắc Sơn vận động được 90% dân số đi học [99, tr.2]. Năm 1953, Đảng bộ Liên khu phát động quần chúng giảm tô đã tiến hành ở vùng tự do, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện một phần đời sống nhân dân, giao thông vận tải được bảo đảm, bình ổn vật giá, nhiệm vụ thu thuế đã hoàn thành, nạn đói được thu hẹp và bớt trầm trọng. Sau hòa bình lập lại, Đảng bộ Liên khu xác định phải chăm lo, cải thiện đời sống nhân dân, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng trong phục hồi kinh tế, củng cố miền Bắc. Khi nạn đói hoành hành, đe dọa đời sống

nhân dân, Đảng bộ Liên khu chủ trương "cứu đói như cứu lửa", yêu cầu tất cả các cấp, các ngành vận động, tổ chức nhân dân đẩy mạnh sản xuất.

Có thể thấy, việc xác định nguồn lực chủ yếu ở nơi dân, dựa vào dân để thực hiện nhiệm vụ kinh tế, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp vận động, tổ chức nhân dân tham gia vào thực hiện xây dựng kinh tế kháng chiến trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, cũng như đóng vai trò to lớn trong khôi phục kinh tế sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc. Được Đảng bộ Liên khu quan tâm lãnh đạo, chăm lo đời sống, các tầng lớp nhân dân trong Liên khu đã tự nguyện cống hiến sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, tạo nền tảng cho thắng lợi của cuộc kháng chiến lâu dài. Dựa vào dân, huy động sức dân là bài học thành công của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc trong lãnh đạo phát triển kinh tế thời kỳ kháng chiến và những năm đầu hòa bình lập lại ở miền Bắc.

Tiểu kết Chương 4

Quá trình lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc tại một địa bàn chiến lược trong những năm 1949-1956 thể hiện những nỗ lực, quyết tâm to lớn của các cấp bộ Đảng và nhân dân Liên khu. Trong quá trình lãnh đạo xây dựng phát triển kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc có nhiều ưu điểm nổi bật: Đảng bộ Liên khu Việt Bắc chủ động, kịp thời quán triệt và vận dụng đường lối kinh tế của Đảng, xác định nhiệm vụ kinh tế là một công tác trọng tâm, đề ra những chủ trương lãnh đạo sát hợp; Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã linh hoạt trong phương thức chỉ đạo các lĩnh vực kinh tế, phù hợp với thực tiễn và tình hình Liên khu; dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các lĩnh vực kinh tế ở Liên khu Việt Bắc đạt nhiều thành tựu, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, đồng thời góp phần khôi phục kinh tế - xã hội và ổn định đời sống sau khi hòa bình lập lại.

Để có được những kết quả trên do những nguyên nhân khách quan và chủ quan như: Liên khu nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh; Việt Bắc cũng

là mảnh đất có truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường sẵn sàng chiến đấu, hi sinh, đóng góp sức người, sức của cho cách mạng; Liên khu Việt Bắc là một địa bàn rộng lớn, có nhiều tài nguyên, có nhiều khả năng phát triển nền kinh tế đa dạng... Đường lối của Đảng, sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Trung ương là nhân tố quyết định hàng đầu đối với những thành quả về kinh tế mà nhân dân Liên khu đã đạt được. Chính vì thế, nhiệm vụ xây dựng kinh tế của Đảng bộ Liên khu đạt nhiều thành tựu. Những kết quả kinh tế mà Đảng bộ và Nhân dân Liên khu đạt được đã đóng vai trò quan trọng trong thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến của nhân dân các dân tộc trong Liên khu, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như góp phần vào thành công của nhiệm vụ khôi phục, củng cố miền Bắc những năm 1954-1956.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc cũng còn một số hạn chế, khuyết điểm trong nhận thức, chủ trương và chỉ đạo thực hiện như: nhận thức của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc về vị trí, vai trò và yêu cầu phát triển kinh tế từng bước được nâng lên, song, ở một số thời điểm vẫn chưa thật toàn diện; ở một số thời điểm, sự chỉ đạo chưa thật sát thực tiễn, thiếu linh hoạt; việc phối hợp giữa các nhiệm vụ kinh tế chưa đồng bộ; công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên; năng lực của một bộ phận cán bộ và hiệu quả hoạt động của bộ máy kinh tế – tài chính còn hạn chế... Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm trên là do điều kiện chiến tranh tàn phá, bên cạnh đó, thiếu cán bộ hoặc cán bộ yếu về năng lực, thiếu kinh nghiệm... đã dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.

Thực tiễn quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956, để lại một số kinh nghiệm. Đây là những kinh nghiệm quý báu trong xây dựng và phát triển kinh tế hiện nay, đóng góp vào những nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân để tạo ra những chuyển biến có tính đột phá trong phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề tài “Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956” có ý nghĩa khoa học, thực tiễn và có tính thời sự. Từ quá trình nghiên cứu, luận án có những luận điểm sau đây:

1. Quán triệt những quan điểm điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về kinh tế, về vai trò của kinh tế đối với đời sống xã hội, trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cũng như trong xây dựng, củng cố miền Bắc sau ngày hòa bình lập lại, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán khẳng định: kinh tế là một mặt trận quan trọng; phát triển kinh tế phải gắn chặt với nhiệm vụ kháng chiến, nhằm bảo đảm cung cấp đầy đủ cho tiền tuyến và ổn định đời sống nhân dân. Trên tinh thần ấy, Đảng đề ra đường lối kinh tế đúng đắn, sáng tạo, xuyên suốt và thể hiện sự nhất quán trong tư duy lãnh đạo, nhờ đó đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Chấp hành và vận dụng đường lối, chủ trương về kinh tế của Đảng, trong suốt quá trình xây dựng và phát huy vai trò lãnh đạo trên một địa bàn chiến lược rộng lớn, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc luôn quan tâm lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn chặt với yêu cầu kháng chiến và kiến quốc trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể.

2. Sự lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc từ năm 1949 đến năm 1956 có nhiều thuận lợi và khó khăn do những tác động, ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan từ đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của Liên khu, đặc biệt là quan điểm, đường lối kinh tế và sự chỉ đạo của Đảng đối với Liên khu Việt Bắc. Quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế từ khi thành lập (năm 1949) đến khi kết thúc nhiệm vụ (năm 1956) diễn ra qua hai giai đoạn: từ năm 1949 đến năm 1954 và từ năm 1954 đến năm 1956.

Trong giai đoạn 1949-1954, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ Liên khu là xây dựng nền kinh tế kháng chiến; phát huy vai trò của từng lĩnh vực kinh tế

nhằm phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc đi đến thắng lợi. Trong bối cảnh chiến tranh ngày càng ác liệt, vùng tự do bị thu hẹp, thực dân Pháp tăng cường đánh phá, nền kinh tế của Liên khu gặp nhiều khó khăn như sản xuất sa sút, lưu thông đình trệ, đời sống nhân dân thiếu thốn... Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương, kịp thời xác định đúng nhiệm vụ kinh tế trong tình hình mới. Các chủ trương phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, củng cố tài chính - tiền tệ, tổ chức lưu thông hàng hóa, thực hành tiết kiệm, xây dựng đời sống mới... được triển khai, thực hiện đồng thời và linh hoạt. Đảng bộ đã phát huy vai trò của tổ chức Đảng cán bộ, đảng viên, vai trò quản lý, điều hành của chính quyền và các đoàn thể nhân dân; chú trọng huy động sức mạnh của nhân dân, từng bước hình thành và củng cố nền kinh tế kháng chiến mang tính tự lực, tự cường, phù hợp với điều kiện chiến tranh lâu dài. Các chủ trương và sự chỉ đạo về kinh tế của Đảng bộ Liên khu không chỉ nhằm giải quyết những nhu cầu cấp bách tại chỗ mà còn hướng tới mục tiêu bảo đảm cung cấp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến, qua đó phát huy vai trò căn cứ địa chiến lược, “thủ đô kháng chiến” của cả nước.

Trong giai đoạn 1954-1956, nhiệm vụ của Đảng bộ Liên khu chuyển sang phục hồi kinh tế sau chiến tranh, phục vụ sự nghiệp xây dựng và củng cố miền Bắc. Trong giai đoạn này, Đảng bộ Liên khu đã lãnh đạo tiến hành nhiệm vụ kinh tế một cách toàn diện, từ nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, ngân sách, đấu tranh kinh tế với địch. Phương thức lãnh đạo cũng có sự phát triển, phù hợp với tình hình mới, từ việc xây dựng kế hoạch sản xuất, củng cố hợp tác xã nông nghiệp, phát triển ngành nghề thủ công, tổ chức các đội công tác đi sâu vào cơ sở, phát động thi đua sản xuất, đến việc quản lý thị trường, chống đầu cơ tích trữ, bảo đảm lưu thông hàng hóa... Đồng thời, Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền sâu rộng nhằm tạo sự phát huy tính chủ động của quần chúng nhân dân trong khôi phục và phát triển kinh tế. Nhờ sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt và bám sát thực tiễn, kinh tế của Liên khu Việt Bắc từng bước vượt qua khó khăn và tương đối ổn định. Nông nghiệp được phục hồi, nhiều địa phương đạt sản lượng lương thực cao; thủ công nghiệp

từng bước khôi phục, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân; tài chính, tiền tệ cơ bản được ổn định; lưu thông hàng hóa được tổ chức hợp lý, bảo đảm cung cấp cho thị trường và cho các nhiệm vụ chung. Có thể khái quát nội dung lãnh đạo kinh tế của Đảng bộ Liên khu trong giai đoạn này trên các mặt chủ yếu: lấy nông nghiệp làm nền tảng, kết hợp phát triển tiểu thủ công nghiệp, quản lý chặt chẽ tài chính - tiền tệ, ổn định thị trường và cải thiện đời sống nhân dân, qua đó tạo tiền đề cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc sau này.

Xét trên tổng thể, mặc dù nhiệm vụ kinh tế trong hai giai đoạn đều thống nhất ở mục tiêu phục vụ sự nghiệp cách mạng trong từng thời kỳ. Sự chuyển hướng từ kinh tế kháng chiến sang kinh tế phục hồi, xây dựng sau chiến tranh là quá trình kế thừa và phát triển hợp quy luật, thể hiện năng lực nắm bắt thực tiễn và vận dụng linh hoạt đường lối của Đảng và của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc.

3. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã đạt được nhiều ưu điểm và thành tựu nổi bật. Trước hết, đó là ưu điểm trong nhận thức và chủ trương: Đảng bộ chủ động, kịp thời quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối kinh tế của Đảng, xác định đúng vị trí, vai trò của nhiệm vụ kinh tế, của từng lĩnh vực kinh tế, đề ra những chủ trương sát hợp với điều kiện thực tiễn của địa bàn. Trong quá trình tổ chức thực hiện, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do chiến tranh gây ra, Đảng bộ vẫn chỉ đạo tương đối toàn diện các lĩnh vực kinh tế như: nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, tài chính... Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc, nền kinh tế trên địa bàn không những từng bước tự cung, tự cấp, ổn định đời sống nhân dân, phá thế bao vây, cấm vận của kẻ thù mà còn bảo đảm cung cấp sức người, sức của cho các chiến trường, góp phần củng cố miền Bắc, tạo tiền đề để thực hiện những nhiệm vụ chiến lược cao hơn do Trung ương giao phó. Những thành tựu đạt được trong kinh tế, trong các lĩnh vực kinh tế giai đoạn 1949-1956 là cho thấy rõ vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của kinh tế đối với thắng lợi chung của sự nghiệp cách mạng.

Bên cạnh những ưu điểm và thành công, trong quá trình lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế từ năm 1949 đến năm 1956, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc còn một số hạn chế, khuyết điểm. Những hạn chế, khuyết điểm trên xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan như điều kiện chiến tranh ác liệt, xuất phát điểm kinh tế thấp, trình độ dân trí và năng lực cán bộ còn hạn chế... Điều đáng chú ý là Đảng bộ Liên khu đã nghiêm túc nhìn nhận những hạn chế, nhiều lần kiểm điểm, rút kinh nghiệm và kịp thời điều chỉnh chủ trương, biện pháp lãnh đạo. Nhờ đó, những khuyết điểm từng bước được khắc phục, kinh tế trên địa bàn tiếp tục được phục hồi và phát triển, đóng góp thiết thực cho nhiệm vụ quân sự và chính trị chung của cả nước.

4. Từ thực tiễn lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế giai đoạn 1949-1956, Đảng bộ Liên khu Việt Bắc đã đúc rút nhiều kinh nghiệm quý báu, có giá trị cả về lý luận và thực tiễn, đó là: giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế; chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế phù hợp với thực tiễn địa phương; xây dựng kinh tế mang tính chất toàn diện, trong đó tập trung phát triển lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế, phù hợp với trình độ sản xuất của nhân dân; tăng cường vận động nhân dân, huy động sức dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nhiệm vụ kinh tế.

Những kinh nghiệm đó có giá trị tham khảo sâu sắc đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ trong kỷ nguyên mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Ngọc - Đinh Thị Thu Phương (2024), “The Agricultural Production Development Path of the Communist Party of Vietnam Period 1945 - 1954” (Đường lối phát triển sản xuất nông nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam 1945-1954), *Cross-Currents: An International Peer-Reviewed Journal on Humanities & Social Sciences*, ISSN (Online) : Open Access. ISSN (Print) : 2394-451X.

2. Nguyễn Thị Mai - Đinh Thị Thu Phương (2024), "Hậu phương Liên khu Việt Bắc trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)", trong cuốn Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia *Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954): tầm vóc thời đại và việc phát huy giá trị di sản trong bối cảnh hiện nay*, Nxb Đại học sư phạm, tr.495-506

3. Nguyễn Thị Mai - Đinh Thị Thu Phương (2024), “Hậu phương Liên khu Việt Bắc trong Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và bài học đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, 1-5-2024.

<https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/918302/hau-phuong-lien-khu-viet-bac-trong-chien-dich-dien-bien-phu-va-bai-hoc-doi-voi-cong-cuoc-xay-dung-dat-nuoc-hien-nay.aspx>

4. Đinh Thị Thu Phương (2024), "Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lãnh đạo phát triển sản xuất nông nghiệp (1949-1954)", *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (405), tr.96-101.

5. Đinh Thị Thu Phương, Nguyễn Thị Ngọc, Đỗ Thị Thu Hương (2024), "Quá trình lãnh đạo phát triển sản xuất nông nghiệp của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc từ năm 1949 đến năm 1956", Đề tài khoa học cấp trường.

6. Đinh Thị Thu Phương (2025), "Kinh tế tự lực thời chiến – Động lực tự cường thời bình: nghiên cứu lịch sử từ Liên khu Việt Bắc", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2815-5831 ngày 29-7 2025.

<https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/07/29/kinh-te-tu-luc-thoi-chien-dong-luc-tu-cuong-thoi-binh-nghien-cuu-lich-su-tu-lien-khu-viet-bac/>.

7. Đinh Thị Thu Phương (2025), Truyền thống yêu nước đấu tranh cách mạng của đồng bào Liên khu Việt Bắc và ý nghĩa giáo dục đối với thế hệ trẻ ngày nay, *Tạp chí Công dân và khuyến học*, tr.221-222.

8. Đinh Thị Thu Phương (2026), Một số ưu điểm, hạn chế và kinh nghiệm trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc (1949-1956), *Tạp chí Lịch sử Đảng*, ISSN-2815-6013, ngày 31-1-2026. <https://tapchilichsudang.vn/mot-so-uu-diem-han-che-va-kinh-nghiem-trong-lanh-dao-thuc-hien-nhiem-vu-kinh-te-cua-dang-bo-lien-khu-viet-bac-1949-1956.html>.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ph.Ăngghen (1971), *Chống Duy-rinh*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Giang, Tập 1 (1926-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (2000), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, Tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2025), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926-2025)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (2020), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2020)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang (2020), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Giang (1945-2020)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1999), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu, Tập 1 (1945-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (2019), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1930-1985)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai (1947-2007)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ (2004), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Thọ, Tập 1 (1930-1968)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (2021), *Văn kiện Đảng bộ tỉnh Sơn La, Tập 1 (1939-1963)* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2021), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, Tập 1 (1939-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội (Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung).
13. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2000), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (2007), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (1930-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái (2007), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái, Tập 1 (1930-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Ban Chấp hành Khu tự trị Việt Bắc (1955), *Tổng kết công tác năm 1955 của khu ủy Khu tự trị Việt Bắc*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
17. Ban Chấp hành Khu tự trị Việt Bắc (1956), *Tổng kết công tác năm 1956 của khu ủy Khu tự trị Việt Bắc*, Hồ sơ 662, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
18. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975, thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Ban Tuyên truyền Liên khu ủy Việt Bắc (1952), *Nghị quyết của Ban Tuyên truyền Liên khu ủy Việt Bắc về đẩy mạnh tuyên truyền phục vụ tiền tuyến*, Phong Liên khu ủy Việt Bắc (1946-1954), Mục lục số 01, Đơn vị bảo quản số 1777, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
22. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên (1997), “Hồ Chí Minh với việc xây dựng ATK Định Hoá trong căn cứ địa Việt Bắc (1947-1954)”, *Hội thảo khoa học ATK Định Hoá trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Thái Nguyên.
23. Nguyễn Văn Bích (2007), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam sau 20 năm đổi mới quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Lucien Bodard (1963), *Cuộc chiến tranh Đông Dương*, bản dịch tiếng Việt, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2004.
25. Bộ Nội vụ (1955), *Sắc lệnh, công văn của Chủ tịch nước, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc về thành lập Liên khu Việt Bắc và điều chỉnh địa giới trong Liên khu năm 1949-1955*, Số hồ sơ 2856, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

26. Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần (1995), *Lịch sử Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam, Tập 1 (1944-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
27. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1989), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, Tập 3*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
28. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1997), *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
29. Bộ Tài chính (1950), *Số liệu về tình hình tài chính chung từ 1946-1950*, Hồ sơ 64, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
30. Bộ Tài chính (1950), *Tóm tắt ý kiến tại Hội nghị Bộ Tài chính với Liên khu Việt Bắc năm 1950*, Hồ sơ 82, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
31. Bộ Tài chính (1952), *Kế hoạch, báo cáo thu thuế nông nghiệp vụ mùa, chiêm và cả năm 1952 (1951-1952) của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc, Vụ Thuế Nông nghiệp - Bộ Tài chính*, Hồ sơ 11809, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
32. Bộ Tài chính (1952), *Tài liệu của Ban Chấp hành Liên khu Việt Bắc về kinh nghiệm kinh tế tài chính ở Trung Quốc (khoảng năm 1952)*, Hồ sơ 126, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
33. Bộ Tài chính (1953), *Biên bản Hội nghị Ban kinh tế Liên khu Việt Bắc ngày 02-05.3.1953*, Số hồ sơ 152, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
34. Bộ Tài chính (1953), *Công văn, báo cáo Ủy ban kháng chiến hành chính, Khu Tài chính Liên khu Việt Bắc về thuế nông nghiệp vụ hạ năm 1953*, Hồ sơ 11845, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
35. Bộ Tài chính (1954), *Báo cáo tình hình kinh tế tài chính năm 1954 của Ủy ban kháng chiến hành chính và Ban kinh tế Liên khu Việt Bắc ngày 03-04.5.1954*, Hồ sơ 170, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
36. Bộ Tài chính (1954), *Biên bản họp Tiểu ban Tài chính - Ban kinh tế Liên khu Việt Bắc ngày 03-04.5.1954*, Hồ sơ 182, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

37. Bộ Tài chính (1954), *Dự thảo báo cáo công tác thuế nông nghiệp năm 1954 của Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 11879, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
38. Bộ Tài chính (1954), *Sổ tổng hợp thu thuế các loại của Liên khu Việt Bắc 9 tháng đầu năm 1954*, Hồ sơ 11864, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
39. Bộ Tài chính (1955), *Báo cáo công tác kinh tế tài chính trong năm 1955 của Ủy ban hành chính và Ban Kinh tế Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 195, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
40. Bộ Tài chính (1955), *Báo cáo thuế Công thương nghiệp năm 1955 của Phân sở thuế vụ Liên khu Việt Bắc, Liên khu Tả Ngạn*, Hồ sơ 1190, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
41. Bộ Tài chính (2005), *60 năm tài chính Việt Nam*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
42. Bộ Tài chính (2014), *Đồng chí Đặng Việt Châu - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
43. Bộ Tài chính (2020), *75 năm tài chính Việt Nam*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
44. Bộ Tư lệnh Quân khu I (1990), *Tổng kết chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chiến lược quân sự của Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Tập 1*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
45. Bộ Tư lệnh Quân khu I (1991), *Tổng kết chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chiến lược quân sự của Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Tập 2*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
46. Bộ Tư lệnh Quân khu I (1991), *Tổng kết chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chiến lược quân sự của Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Tập 3*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
47. Các đơn vị trực thuộc Ủy ban hành chính khu tự trị Việt Bắc (1952), *Báo cáo của Ủy ban hành chính kháng chiến Liên khu Việt Bắc về tình hình nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hai năm 1951-1952*, Hồ sơ 6144, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
48. Các đơn vị trực thuộc Ủy ban hành chính khu tự trị Việt Bắc (1952), *Báo cáo tình hình kinh tế tài chính trong năm 1952 của Ban Chấp hành Liên khu ủy và Ủy ban hành chính kháng chiến Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 6140, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

49. Đào Trọng Cảnh (1993), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc xây dựng các vùng tự do lớn trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)*, Luận án phó tiến sĩ lịch sử, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội.
50. Đỗ Khánh Chi (2019), *Quá trình thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng ở tỉnh Phú Thọ từ năm 1953 đến năm 1957*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
51. Trường Chinh (1947), *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
52. Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng (2009), *Kinh tế Việt Nam thắng trầm và đột phá*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
53. Lê Duẩn (1971), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
54. Vũ Thái Dũng (2017), *Công tác dân vận của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc từ tháng 10 năm 1949 đến tháng 7 năm 1954*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
55. Đinh Trần Dương (2009), "Chủ trương của Đảng về xây dựng nền kinh tế kháng chiến 1947-1954", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (7-2009).
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp, Tập 1 (1945-1950)*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 7*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 8*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 9*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 10*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 11*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Tập 13, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Tập 16, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Tập 17, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Đảng Cộng sản Việt Nam - 80 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
70. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
71. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
72. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
73. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
74. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
75. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
76. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

77. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc*, Tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
78. Đảng ủy, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Kạn (2001), *Bắc Kạn - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
79. Đảng ủy, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai (2001), *Lào Cai - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
80. Lê Văn Đạt (2002), *Vùng tự do Liên khu V trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 -1954*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
81. Võ Nguyên Giáp (2006), *Tổng tập hồi ký*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
82. Phrăng-xoa Gioay-ô (1981), *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (Gionevơ-1954)*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
83. Y.Gra (1979), *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954)*, Bản dịch lưu tại Viện Chiến lược và Lịch sử Quốc phòng Việt Nam, kí hiệu lưu trữ: VL/624-630.
84. Lê Văn Hiến (2004), *Nhật ký của một bộ trưởng, Tập 2*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng (Tái bản lần thứ ba).
85. Hoàng Ngọc La, Hoàng Quang Khánh, Lê Hồng (1976), *Căn cứ địa Việt Bắc (Trong cách mạng tháng Tám (1945))*, Nxb Việt Bắc.
86. Hoàng Ngọc La (1993), *Quá trình hình thành và phát triển của căn cứ địa Việt Bắc (Trong cuộc vận động cách mạng Tháng Tám - 1945)*, Luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
87. Nguyễn Thị Lan (2015), *Đảng bộ Liên khu Việt Bắc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng (1949-1956)*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
88. V.I. Lênin (1963), *Toàn tập, Tập 25*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
89. V.I. Lênin - I.V.Xta-lin (1977), *Bàn về mối liên hệ giữa kinh tế, hậu phương với chiến tranh, quân đội và quốc phòng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

90. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo về tình hình hoạt động thương mại Liên khu Việt Bắc của Khu Công thương Khu tự trị Việt Bắc năm 1951*, Hồ sơ 20, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
91. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tổng kết công tác chống dịch trâu bò tại Liên khu Việt Bắc năm 1952 của khu Nông lâm Việt Bắc*, Hồ sơ 3280, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
92. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo của Liên khu Việt Bắc về công tác phòng chống dịch trâu bò gia súc năm 1954*, Hồ sơ 3287, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
93. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tình hình côn trùng tháng 2-1954 ở Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 3285, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
94. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp năm 1954 của Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 3284, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
95. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tổng kết công tác thuế nông nghiệp năm 1954 của Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Ninh*, Hồ sơ 888, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

96. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tình hình công tác thuế công thương nghiệp, thuế buôn chuyển năm 1954 của Ban Kinh tế Liên khu Việt Bắc*, *Phân Sở Thuế Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 980, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
97. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tổng kết tình hình công tác thuế nông nghiệp năm 1955 của Khu Tài chính Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 893, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
98. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tình hình dịch tễ trâu bò năm 1955 của Khu Nông lâm Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 3290, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
99. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tình hình công thương trong khu tự trị Việt Bắc năm 1956 của khu tự trị Việt Bắc*, Hồ sơ 33, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
100. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Báo cáo tình hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong năm 1956 của Khu Công thương khu tự trị Việt Bắc*, Hồ sơ 36, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
101. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Bảng so sánh tình hình dịch trâu, bò, lợn 5 tháng đầu năm 1955 với năm 1956 của Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 3298, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

102. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Đồ thị, bảng kê giá cả một số mặt hàng muối, gạo, đỗ xanh, vải, đỗ tương, thịt tại Liên khu Việt Bắc năm 1951 và 3 năm (1949-1951)*, Hồ sơ 21, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
103. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Đồ thị, bảng thống kê giá cả một số mặt hàng vải, gạo, muối trong Liên khu Việt Bắc năm 1952*, Hồ sơ 22, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
104. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Đồ thị, giá cả một số mặt hàng một số mặt hàng chính ở các tỉnh trong Liên khu Việt Bắc trong năm 1953*, Hồ sơ 26, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
105. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Học tập kinh nghiệm công tác sản xuất tiết kiệm 6 tháng đầu năm đẩy mạnh công tác 6 tháng cuối năm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất tiết kiệm năm 1952 của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 2154, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
106. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Sổ ghi giá ngạch một số mặt hàng một số mặt hàng chính ở các tỉnh thuộc Liên khu Việt Bắc năm 1954 của Khu Công thương Việt Bắc*, Hồ sơ 29, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
107. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Sổ ghi giá ngạch một số mặt hàng một số mặt hàng chính ở các tỉnh trong Liên khu Việt Bắc năm 1955 của Khu Công thương Việt Bắc*, Hồ sơ 32, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

108. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Sổ ghi giá ngạch một số mặt hàng một số mặt hàng chính ở các tỉnh trong Liên khu Việt Bắc năm 1956 của Khu Công thương Việt Bắc*, Hồ sơ 41, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
109. Liên hiệp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc (1948-1956) và Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1956-1976), *Thống kê tiểu thủ công nghiệp 3 năm (1955-1957) của Khu tự trị Việt Bắc*, Hồ sơ 44, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
110. Liên khu ủy Việt Bắc (1952), *Thông tri của Liên khu ủy năm 1952*, phong số 43, mục lục số 1, đơn vị bảo quản 836, Cục lưu trữ văn phòng Trung ương Đảng.
111. Liên khu ủy Việt Bắc (1953), *Báo cáo của Khu hội Phụ nữ về tình hình công tác và phong trào phụ nữ năm 1953*, Phong Liên khu ủy Việt Bắc (1946-1954), Mục lục số 01, Đơn vị bảo quản số 1905, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
112. Liên khu ủy Việt Bắc (1954), *Nghị quyết Hội nghị Tuyên huấn của Liên khu ủy Việt Bắc tháng 3-1954*, Phong Liên khu ủy Việt Bắc (1946-1954), Mục lục số 01, Đơn vị bảo quản số 1739, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
113. C.Mác (1961), *Tư bản*, Q.II, Tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
114. Nguyễn Ngọc Minh (chủ biên, 1966), *Kinh tế Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến thắng lợi (1945-1954)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
115. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
116. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
117. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

118. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
119. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
120. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
121. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
122. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 9, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
123. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
124. Nguyễn Xuân Minh (1996), *An toàn khu (ATK) Trung ương ở Việt Bắc (trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954)*, Luận án Phó Tiến sĩ lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
125. H.Nava (1994), *Thời điểm của những sự thật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
126. Lê Thị Quỳnh Nga (2010), *Quá trình thực hiện chủ trương cách mạng ruộng đất của Đảng ở tỉnh Thanh Hóa (1945 - 1957)*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
127. Nha Công Chính Hỏa xa (1952), *Công văn, báo cáo về tình hình Nông Giang sông Cầu của Công chính Liên khu Việt Bắc năm 1952*, Hồ sơ 48, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
128. Nha Công Chính (1953), *Kế hoạch, báo cáo về công tác đê điều, thủy nông 3 tháng, 6 tháng, 1 năm, năm 1953 của Khu Giao thông Việt Bắc và các Ty Giao thông*, Hồ sơ 6, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
129. Nha Giao thông (1954), *Báo cáo tình hình công tác vận tải tháng trong năm 1954 của các Khu Giao thông Việt Bắc, Tây Bắc, Tả Ngạn, Liên khu IV*, Hồ sơ 1173, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
130. Nha Giao thông (1955), *Kế hoạch về tu bổ thường xuyên các đường ô tô, đường thủy năm 1955 của Bộ Giao thông Công chính, Nha Giao thông, Khu Giao thông Việt Bắc*, Hồ sơ 539, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

131. Nha thống kê Trung ương (1951), *Biểu đồ chỉ diện tích trồng trọt lúa, ngô, khoai, đỗ tương và hoa màu khác ở các tỉnh thuộc Liên khu Việt Bắc, Liên khu III và IV từ năm 1945 - 1951*, Hồ sơ 104, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
132. Nha thống kê Trung ương (1952), *Biểu thống kê tình hình kinh tế thương mại (xuất, nhập khẩu, kinh tế mậu dịch, kinh tế dịch...) năm 1952 ở các tỉnh thuộc Liên khu I, II III, IV, V và Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 27, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
133. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2004), *Chiến thắng Điện Biên Phủ cột mốc vàng lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
134. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2010), *Đảng Cộng sản Việt Nam - 80 năm xây dựng và phát triển (1930 – 2010)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
135. Nhà xuất bản Khoa học xã hội (2014), *Chiến thắng Điện Biên Phủ sức mạnh Việt Nam và tầm vóc thời đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
136. Jean Pouget (2007), *Tướng Navarre với trận Điện Biên Phủ*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
137. Đặng Phong (2000), *Lịch sử kinh tế Việt Nam (1945-2000)*, Tập 1 (1945-1954), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
138. Đặng Phong (2006), *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, Tập 2 (1954-1975), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
139. Phủ Thủ tướng (1950), *Biên bản, Nghị quyết Hội nghị kinh tế, tài chính ngày 27-7-1950 của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 2044, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
140. Phủ Thủ tướng (1953), *Biên bản, Nghị quyết Hội nghị, chương trình, báo cáo kinh tế tài chính trong năm 1953 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Vĩnh Phúc*, Hồ sơ 2415, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
141. Phủ Thủ tướng (1953), *Biên bản hội nghị, Báo cáo công tác kinh tế tài chính trong năm 1953 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Phú Thọ*, Hồ sơ 2404, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

142. Phủ Thủ tướng (1954), *Báo cáo công tác kinh tế tài chính trong năm 1954 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Ninh*, Hồ sơ 2557, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
143. Phủ Thủ tướng (1954), *Báo cáo công tác kinh tế tài chính trong năm 1954 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lạng Sơn*, Hồ sơ 2564, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
144. Phủ Thủ tướng (1954), *Báo cáo công tác kinh tế tài chính trong năm 1954 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Tuyên Quang*, Hồ sơ 2576, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
145. Phủ Thủ tướng (1954), *Báo cáo công tác kinh tế tài chính trong năm 1954 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Yên Bái*, Hồ sơ 2578, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
146. Phủ Thủ tướng (1954), *Báo cáo tình hình chung 1954 của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 522, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
147. Phủ Thủ tướng (1954), *Biên bản, Nghị quyết báo cáo kinh tế tài chính trong năm 1954 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Giang*, Hồ sơ 2556, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
148. Phủ Thủ tướng (1954), *Chương trình, báo cáo công tác kinh tế tài chính trong năm 1954 của UBND tỉnh Thái Nguyên*, Hồ sơ 2573, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
149. Phủ Thủ tướng, *Công văn v/v thông thương giữa Việt Nam và Trung Hoa ở khu vực biên giới Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 1464, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
150. Phủ Thủ tướng (1951), *Công văn, biên bản, báo cáo của TTg, Bộ Công thương, Bộ Kinh tế, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc, Liên khu IV về công tác mậu dịch năm 1951*, Hồ sơ 2192, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
151. Phủ Thủ tướng (1954), *Nghị quyết, biên bản Hội nghị, chương trình, báo cáo công tác kinh tế tài chính trong năm 1954 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Phú Thọ*, Hồ sơ 2568, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

152. Phủ Thủ tướng (1954), *Tập Báo cáo thành tích 8 năm KC (1946-1954) của các tỉnh thuộc Liên khu Việt Bắc. Tập I: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc*, Hồ sơ 578, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
153. Quốc hội từ 1945-1992 (1951), *Nghị định của Bộ tài chính về tổ chức bộ máy của Sở thuế năm 1951*, Hồ sơ 56, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
154. Lý Việt Quang (2011), *Đảng lãnh đạo thực hiện chính sách ruộng đất ở Bắc Bộ từ năm 1945 đến năm 1957*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
155. Sở Mậu dịch Trung ương (1953), *Báo cáo của Sở Mậu dịch về công tác mậu dịch năm 1953 mậu dịch Liên khu Việt Bắc, Tây Bắc*, Hồ sơ 46, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
156. Lê Trọng Tấn (1984), *Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 - Một bước phát triển sáng tạo của nghệ thuật quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
157. Đào Văn Tập (1990), *45 năm kinh tế Việt Nam (1945-1990)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
158. Nguyễn Duy Tiến (2000), *Quá trình giải quyết vấn đề ruộng đất ở Thái Nguyên từ sau cách mạng tháng Tám tới hết cải cách ruộng đất*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
159. Tỉnh uỷ Quảng Yên (1954), *Báo cáo của Tỉnh uỷ Quảng Yên về tình hình công tác năm; tình hình địch hậu và một số vấn đề khác trong năm 1954*, Phong Liên khu uỷ Việt Bắc (1946-1954), Mục lục số 01, Đơn vị bảo quản số 1094, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
160. Âu Thị Hồng Thắm (2013), *Tỉnh Bắc Kạn trong Căn cứ địa Việt Bắc từ năm 1942 đến năm 1954*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

161. Phan Thị Thoa (2011), *Hoạt động tài chính ở Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội.
162. Dương Đình Thông, "Quân và dân Việt Bắc với chiến dịch Điện Biên Phủ - Bài học về phát huy vai trò của căn cứ địa cách mạng trong bảo vệ tổ quốc", *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 328, tháng 4 năm 2019.
163. Trần Trọng Thơ, Lê Xuân An "Xây dựng căn cứ địa Việt Bắc theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh (1946 - 1954)", *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 6 năm 1998.
164. Lê Đức Thuận (2025), *Đảng lãnh đạo kháng chiến về kinh tế trong chống thực dân Pháp từ năm 1946 đến năm 1954*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
165. Tổng bộ Việt Minh (1946), *Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc*, Tổng bộ Việt Minh xuất bản.
166. Ngô Đăng Tri (1989), *Vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
167. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (2013), *Đại hội toàn quốc các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu lần thứ nhất năm 1952*, Nxb Văn học, Hà Nội.
168. Nguyễn Xuân Tú (2009), *Hậu phương miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
169. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1952), *Báo cáo kết quả thu thuế nông nghiệp năm 1952 của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 10.973, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
170. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1952), *Nghị quyết, biên bản, báo cáo của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc và các tỉnh tại các cuộc họp Hội nghị Ban Kinh tế trong năm 1952*, Hồ sơ 4922, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

171. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1953), *Báo cáo công tác và các mặt của Phân sở thuế xuất nhập khẩu phân khu 1 thuộc Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 10.990, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
172. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1953), *Báo cáo tổng kết công tác năm 1953 của Phân sở thuế Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 10.989, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
173. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1953), *Công văn, báo cáo của các cơ quan trong Liên khu Việt Bắc về công tác thuế năm 1953*, Hồ sơ 10.988, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
174. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1953), *Chương trình, kế hoạch, báo cáo về phong trào thi đua năm 1953 của UBHC Liên khu Việt Bắc và các đơn vị trực thuộc khu*, Hồ sơ 52, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
175. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1953), *Tổng kết kiểm thảo công tác thuế nông nghiệp của Liên khu Việt Bắc năm 1953*, Hồ sơ 10.093, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
176. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1954), *Báo cáo công tác trong năm 1954 của Ủy ban Hành chính Liên khu Việt Bắc*, Hồ sơ 64, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
177. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1954), *Biên bản, Nghị quyết, báo cáo tại Hội nghị Ban Kinh tế Liên khu Việt Bắc trong năm 1954*, Hồ sơ 5160, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
178. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1954), *Công văn, kế hoạch, báo cáo của Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc, Khu Canh nông, Ban Kinh tế Việt Bắc về khai thác sa nhân, và gổ năm 1954*, Hồ sơ 5201, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
179. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1954), *Kế hoạch và báo cáo công tác thuế nông nghiệp năm 1954 của Bộ Tài chính*, Hồ sơ 11.019, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

180. Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc (1955), *Chương trình, công tác sản xuất nông lâm ngư nghiệp trong năm 1955 của Phủ Thủ tướng, Ban Chấp hành Liên khu ủy Việt Bắc và các tỉnh: Hà Tĩnh, Tuyên Quang*, Hồ sơ 5341 Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
181. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (1955), *Báo cáo của Ủy ban Hành chính Liên khu và các tỉnh v/v phục hồi hoang hóa, khai hoang ruộng đất năm 1955*, Hồ sơ 2111, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
182. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (1955), *Trích Nghị quyết, báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy ban Hành chính Liên khu, khu về công tác kinh tế tài chính và tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng, 6 tháng đầu năm 1955*, Hồ sơ 9, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.
183. Viện Lịch sử Đảng, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển nông nghiệp trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) vấn đề và kinh nghiệm*, Đề tài khoa học cấp bộ.
184. Viện Lịch sử Đảng, Học viện chính trị hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2009), *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập III: *Đảng lãnh đạo kháng chiến và kiến quốc (1945-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
185. Viện Lịch sử Đảng, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập I (1930-1954), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
186. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2000), *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
187. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2005), *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
188. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2014), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, Tập IV (từ 1945 đến năm 1975), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

189. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam(1990), *Việt Bắc 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 -1975), Tập 1*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
190. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam(1992), *Việt Bắc 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 -1975), Tập 2*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
191. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 2 (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
192. Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2014), *Chiến thắng Điện Biên Phủ sức mạnh Việt Nam và tầm vóc thời đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
193. Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2013), *Lịch sử Việt Nam, Tập 10 - Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1950*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
194. Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2017), *Lịch sử Việt Nam, Tập 11 - Lịch sử Việt Nam từ năm 1951 đến 1954*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
195. Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2014), *Lịch sử Việt Nam, Tập 12 - Lịch sử Việt Nam từ năm 1954 đến 1965*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
196. Phạm Văn Vĩnh (2022), "Đảng lãnh đạo xây dựng kinh tế (1946-1954)", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2-2022).
197. https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/sac-lenh-96-sl-chu-tich-nuoc-847-d1.html?utm_source=chatgpt.com
198. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Sac-lenh-13-SL-cai-cach-che-do-dam-phu-bai-bo-quy-cong-luong-thue-dien-tho-v-v-bai-bo-mua-thoc-dinh-gia-dat-thue-nong-nghiep-mua-bang-thoc-36646.aspx>
199. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Sac-lenh-176-SL-sua-doi-dieu-le-tam-thoi-thue-nong-nghiep-36736.aspx?utm_source=chatgpt.com

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1²
SẮC LỆNH
CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
SỐ 120-SL NGÀY 25 THÁNG 1 NĂM 1948

CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Chiếu sắc lệnh số 63 ngày 27-11-45 và sắc lệnh số 71 ngày 21-12-45 tổ chức chính quyền nhân dân và các Ủy ban hành chính,

Chiếu sắc lệnh số 1-SL ngày 18-12-46 thành lập các Ủy ban bảo vệ và thông lệnh liên bộ số 6-NV/CT ngày 28-12-46 thi hành sắc lệnh ấy,

Chiếu sắc lệnh số 3/NV/SL ngày 28-12-46 tạm hoãn các cuộc tuyển cử vào Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính,

Chiếu sắc lệnh số 78/SL ngày 3-9-47 tổ chức lại các Ủy ban kháng chiến khu,

Chiếu sắc lệnh số 91/SL ngày 1-10-1947 tổ chức các Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính tại các cấp tỉnh, phủ, huyện, châu, xã,

Chiếu sự nhu cầu trong thời kỳ kháng chiến,

Sau khi Hội đồng Chính phủ và Ban thường trực Quốc hội thoả thuận,

RA SẮC LỆNH

Điều thứ 1

Các khu 1 và 12 nay hợp nhất làm một liên khu lấy tên là Liên khu 1.

Điều thứ 2

Các khu 2,3 và 11 nay hợp nhất làm một liên khu lấy tên là Liên khu 3.

Điều thứ 3

Các khu 10 và 14 nay hợp nhất làm một Liên khu lấy tên là liên khu 10.

Điều thứ 4

Khu 4 nay đổi tên là Liên khu 4.

Điều thứ 5

² Nguồn: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

Cấp khu nay bãi bỏ. Dừng đầu mối Liên khu là một Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính Liên khu.

Điều thứ 6

Các sắc lệnh, nghị định, thông tư v.v... qui định hoặc có liên hệ đến tổ chức khu cũ đều có giá trị đối với tổ chức Liên khu mới.

Điều thứ 7

Ủy ban kháng chiến Miền Nam nay đổi thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính miền Nam Trung Bộ và Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính Nam bộ.

Điều thứ 8

Các vị Bộ trưởng chiếu sắc lệnh thi hành.

CHỦ TỊCH NƯỚC

(Đã ký)

Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC 2³
SẮC LỆNH
CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
SỐ 127-SL NGÀY 4 THÁNG 11 NĂM 1949
CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Chiếu sắc lệnh số 63 ngày 22-11-1945 tổ chức Chính quyền nhân dân;

Chiếu sắc lệnh số 120-SL ngày 25-11-1949 tổ chức các Liên khu và thành lập các Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu;

Chiếu sắc lệnh số 254-SL ngày 19-11-1949 tổ chức Chính quyền nhân dân trong thời kỳ kháng chiến;

Xét nhu cầu hiện thời và để thực hiện việc giản chính;

Chiếu đề nghị của Hội đồng Quốc phòng Tối cao;

Theo quyết nghị của Hội đồng Chính phủ sau khi Ban thường trực Quốc hội thoả thuận;

RA SẮC LỆNH:

Điều 1.- Nay hợp nhất Liên khu 1 và Liên khu 10 thành Liên khu Việt Bắc.

Điều 2.- Ủy ban kháng chiến Hành chính Liên khu Việt bắc gồm có:

- 1 Chủ tịch,
- 2 Phó chủ tịch
- 2 hay 4 uỷ viên
- 1 đến 3 cố vấn.

Điều 3.- Về phần tổ chức các ngành chuyên môn trong Ủy ban kháng chiến Hành chính Liên khu Việt Bắc, Hội đồng Quốc phòng tối cao có thể tùy tình thế và nhu cầu công việc quy định cho thích hợp.

Điều 4.- Hội đồng Quốc phòng Tối cao chiếu sắc lệnh thi hành.

³ Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

Ngày 4 tháng 11 năm 1949

HỒ CHÍ MINH

Tiếp ký:

HỘI ĐỒNG QUỐC PHÒNG TỐI CAO

K.T. CHỦ TỊCH

Phó Chủ tịch

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỤ LỤC 3⁴
SẮC LỆNH
CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
SỐ 143-SL NGÀY 28 THÁNG 1 NĂM 1953
CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Chiếu sắc lệnh số 198-SL ngày 13 tháng 6 năm 1948 sửa đổi sắc lệnh số 76-SL ngày 1 tháng 7 năm 1949 và sắc lệnh số 21-SL ngày 12 tháng 2 năm 1950 ấn định thủ tục thiết lập và sửa đổi địa giới các đơn vị kháng chiến hành chính; Chiếu sắc lệnh số 254-SL ngày 19 tháng 11 năm 1948 tổ chức chính quyền nhân dân địa phương trong thời kỳ kháng chiến; Chiếu theo sắc lệnh số 127-SL ngày 4-11-1949 hợp nhất 2 Liên khu I và 10 thành Liên khu Việt Bắc; Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ,

RA SẮC LỆNH

Điều 1: Để củng cố căn cứ địa Tây Bắc mới giải phóng, nay thiết lập Khu Tây Bắc gồm các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Sơn La và Lai Châu tách ra ngoài Liên khu Việt Bắc.

Điều 2: Thủ tướng Chính phủ chiếu sắc lệnh thi hành.

CHỦ TỊCH NƯỚC
(Đã ký)

Hồ Chí Minh

⁴ Nguồn: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

PHỤ LỤC 4⁵
TỔNG SỐ THIẾT HẠI VỀ HOA MÀU TRONG LIÊN KHU VIỆT BẮC
SAU BỐN NĂM KHÁNG CHIẾN (1947 ĐẾN 1950)

Lúa và hoa màu	Thiên tai, bão lụt		Chiến tranh		Chú thích
	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	
Lúa chiêm	107 (a)	Từ 30 % đến 100%	1. 570 (d)	Bị hại 100%	
Lúa mùa	40.844 (b)	Bị hại 100%	17. 752	Bị hại 100%	
Hoa màu	1.568 (c)	Từ 20 % đến 100%	-	-	

(a) Trong 107 ha có 61 ha mạ

(b) Năm 1949 tài liệu không ghi rõ con số cụ thể

(c) Hoa màu về năm 1947-1948-1949 không có ghi con số cụ thể

(d) Năm 1947-1948-1949 không có tài liệu cụ thể, con số 1.570 ha là về năm 1950

⁵ Nguồn: Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc giai đoạn 1946-1956, tập 5.

PHỤ LỤC 5⁶**BẢNG GIÁ GẠO Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NĂM 1949, 1950***Đơn vị: đồng/kg*

Tỉnh	Tháng 1- 1949	Tháng 6- 1949	Tháng 12-1949	Tháng 1- 1950-	Tháng 6- 1950	Tháng 12-1950
Lạng Sơn	7,3	17,2	29,5	30,5	90	160
Thái Nguyên	4,3	14,2	22	26,3	115	200
Thanh Hóa	4,1	11	16,5	24	42,5	94
Quảng Nam	24,8	42,5	60	60	62	65
Bình Định	16,5	23	40	45	42	50

⁶ Nguồn: Kinh tế Việt Nam từ cách mạng Tháng Tám đến kháng chiến thắng lợi (1945-1954).

PHỤ LỤC 6⁷
TÌNH HÌNH TĂNG GIA SẢN XUẤT TRONG LIÊN KHU VIỆT BẮC
TRONG BỐN NĂM KHÁNG CHIẾN

Lúa và hoa màu	Năm 1947 (1)		Năm 1948		Năm 1949		Năm 1950	
	Diện tích (ha)	Thu hoạch (tấn)	Diện tích (ha)	Thu hoạch (tấn)	Diện tích (ha)	Thu hoạch (tấn)	Diện tích (ha)	Thu hoạch (tấn)
Lúa chiêm (a)	86.174	102.742	109.757	130.214	124.949	160.797	117.432	134.424
Lúa mùa (b)	241.699	227.595	367.035	468.910	412.752	445.170	445.170	586.950
Hoa màu (c)	51.408	120.351	81.884	169.381	89.724	139.442	139.442	407.064
	379.281	450.688	558.676	768.505	627.425	882.005	702.044	1.128.438

(a) Lúa chiêm + lúa màu

(b) Lúa mùa + Ba giăng + Rây + My + Nam Ninh

(c) Mạch ba gốc + ngô + khoai + đỗ + sắn

(1) Chỉ có tài liệu trong Liên khu I, còn Liên khu X không có tài liệu

⁷Nguồn: Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc giai đoạn 1946-1956, tập 5.

PHỤ LỤC 7⁸
DIỆN TÍCH VÀ THU HOẠCH CỦA 4 TỈNH TRUNG DU Ở LIÊN KHU
VIỆT BẮC NĂM 1950, 1951

Tỉnh	Diện tích 1950 (ha)	Diện tích 1951 (ha)	Thu hoạch 1950 (tấn)	Thu hoạch 1951 (tấn)
Vĩnh Phúc	25.000	26.930	24.200	27.390
Phú Thọ	21.000	22.800	28.300	32.300
Bắc Giang	21.600	21.500	19.800	24.500
Bắc Ninh	16.700	20.00	19.000	24.000
Cộng	84.500	91.230	91.300	108.190

⁸ Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

PHỤ LỤC 8⁹
THỐNG KÊ TÌNH HÌNH DỊCH TRÂU BÒ Ở LIÊN KHU VIỆT BẮC NĂM 1954

STT	TỈNH	SỐ Ổ DỊCH		SỐ CHẾT		SỐ ỒM		SỐ KHỎI		SỐ TIÊM		TÌNH HÌNH HIỆN TẠI		SỐ TIÊM PHÒNG		
		Cũ	Mới	T	B	T	B	T	B	T	B	Tất	Còn	T	B	L
1	Bắc Ninh	0	15	80				2		296	6	15	0	145	50	
2	Quảng Yên	7	9	19								16	0	1842		929
3	Bắc Giang	3	7	18	20			17	11			10	0	3059	956	
4	Phú Thọ	3	33	107	16	374	3	362				32	4	178	207	
5	Lạng sơn	0	5	8	4	6		22		166	43	5	0			
6	Bắc Kạn	0	6							87		6	0	300		
7	Cao Bằng	2	9	23	8	23				1710	173	11	0			
8	Thái Nguyên	0	5	22	6					762		5	0	99		
9	Hà Giang	1	0									1	0			
10	Tuyên Quang	0	1	8						100		0	1			
11	Vĩnh Phú	0	4	29								3	1			
11 tỉnh có dịch				314	54	403	3	403	11	3121	222	104	6	5593	1213	929

⁹Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

PHỤ LỤC 9¹⁰**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG DÂN CÔNG VÀ TỔ CHỨC DÂN CÔNG**

Tỉnh	Số lượng		Chia từng đợt		Thời gian tập trung	Địa điểm liên lạc
	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2		
1. Lạng Sơn	15.000	5.000	10.000	25/12	9,10,11/12	Đồn công an Bình Gia
2. Quảng Yên	4.000	-	4.000	1953	6-16/2/1954	-
3. Bắc Ninh	4.000		4.000		10-20/2/1954	Đồn công an Bắc Sơn
4. Bắc Giang	4.000		4.000		14 và 16/2/1954	-
5. Cao Bằng	1.000		1.000		11/2/1954	-
6. Thái Nguyên	4.500	1.000	3.500	1/1/1954	14,15/2/1954	Đồn công an Định Hóa
7. Bắc Kạn	1.000		1.000		13/2/1954	-
8. Tuyên Quang	5.500		5.500		13,14,15/2/1954	Tập trung ở công trường

¹⁰Nguồn: Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc giai đoạn 1946 - 1956, tập 7.

PHỤ LỤC 10¹¹**KẾT QUẢ THU THUẾ NÔNG NGHIỆP CỦA LIÊN KHU VIỆT BẮC NĂM 1954**

Tỉnh	Mức thuế cả năm (tấn)	Đã thu vụ chiêm (tấn)	Đã thu vụ mùa (tấn)	Cộng đã thu (chính tang)	Tỷ lệ thu (%)
Bắc Kạn	3900	956,903	2923,616	3880,519	99,5
Bắc Giang	17583	4367,569	10314,769	14682,338	83,5
Bắc Ninh	12426	1937,469	9227,483	11164,952	89,8
Cao Bằng	11400	2444,285	5789,257	8233,542	72,2
Hà Giang	7200	992,335	6116,048	7108,383	98,7
Hải Ninh	4144	110,353	3346,372	3456,725	83,4
Hồng Gai	-	-	-	-	-
Lạng Sơn	9000	2051,295	4358,929	6410,224	71,0
Lào Cai					
Phú Thọ	23540	13250,333	8664,291	21914,824	93,9
Quảng Yên	-	-	-	-	-
Thái Nguyên	12680	3094,701	8552,500	11647,201	91,9
Tuyên Quang	8500	1805,275	5126,627	6931,902	81,5
Vĩnh Phúc	17086	2933,753	10912,247	13 846	81,0
Tổng	127459	33944,471	75332,139	109276,610	86,1

¹¹ Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

PHỤ LỤC 11¹²**GIÁ CẢ MŨI CÀY Ở MỘT SỐ TỈNH THUỘC LIÊN KHU VIỆT BẮC***Đơn vị: đồng*

Tỉnh	Tháng 4-1955	Tháng 5-1955
Phú Thọ	2.500đ	1.500đ
Lạng Sơn	3.000đ	1.500đ
Bắc Kạn	2.700đ	1.700đ

PHỤ LỤC 12¹³

TỔNG SỐ CÁN BỘ HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH THƯƠNG
NGHIỆP QUỐC DOANH 1955-1956

TÊN CÔNG TY	ĐƠN VỊ TÍNH	1955				1956			
		Chính thức	Hợp đồng	Phụ đồng	Tạm tuyển	Chính thức	Hợp đồng	Phụ đồng	Tạm tuyển
Bách hóa	Người	365	4	19		321	14	21	
Lương thực		414	4	26		467	7	31	
Lâm thổ sản		306	55			306	11	45	8
Tổng		1.085	63	45		1.094	32	97	8

¹²Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III¹³Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

PHỤ LỤC 13¹⁴

**TỔNG SỐ MẠNG LƯỚI THƯỜNG NGHIỆP CỦA MẠU DỊCH QUỐC
DOANH TRONG TOÀN KHU QUA 3 NĂM (CỦA 3 NGÀNH)**

TÊN CÔNG TY	1955			1956			1957		
	Cửa hàng	Tổ cố định	Tổ lưu động	Cửa hàng	Tổ cố định	Tổ lưu động	Cửa hàng	Tổ cố định	Tổ lưu động
Bách hóa	26		11	34	4	7	36	10	5
Lương thực	8			35	9		37	5	1
Lâm thổ sản	32	11	1	31	22	1	32	26	3
Tổng	66	11	12	100	35	8	105	41	9

¹⁴Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

PHỤ LỤC 14¹⁵**PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ MUA BÁN TRONG BA NĂM 1955-1957**

STT	CHỈ TIÊU	1955	1956	1957
1. SỐ CƠ SỞ	Thái Nguyên	3	7	7
	Bắc Kạn		2	3
TỔNG		3	9	10
2. SỐ XÃ VIÊN	Thái Nguyên	13.476	38.751	41.148
	Bắc Kạn		7.576	9.123
TỔNG		13.476	46.327	50.271
3. TỶ LỆ XÃ VIÊN SO VỚI DÂN SỐ	Thái Nguyên	6,2%	17,5%	19,2%
	Bắc Kạn		9,8%	11,8%
TỔNG		1,5%	5,2%	5,6%
4.SỐ CỔ PHẦN	Thái Nguyên	16.098	41.841	44.485
	Bắc Kạn		8.103	9.794
TỔNG		16.098	49.944	54.279
5.SỐ VỐN HUY ĐỘNG	Thái Nguyên	32.196.0 00	91.198.000	97.017.000
	Bắc Kạn		19.544.000	28.151.000
TỔNG		32.196.0 00	110.742.000	125.168.000

¹⁵ Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

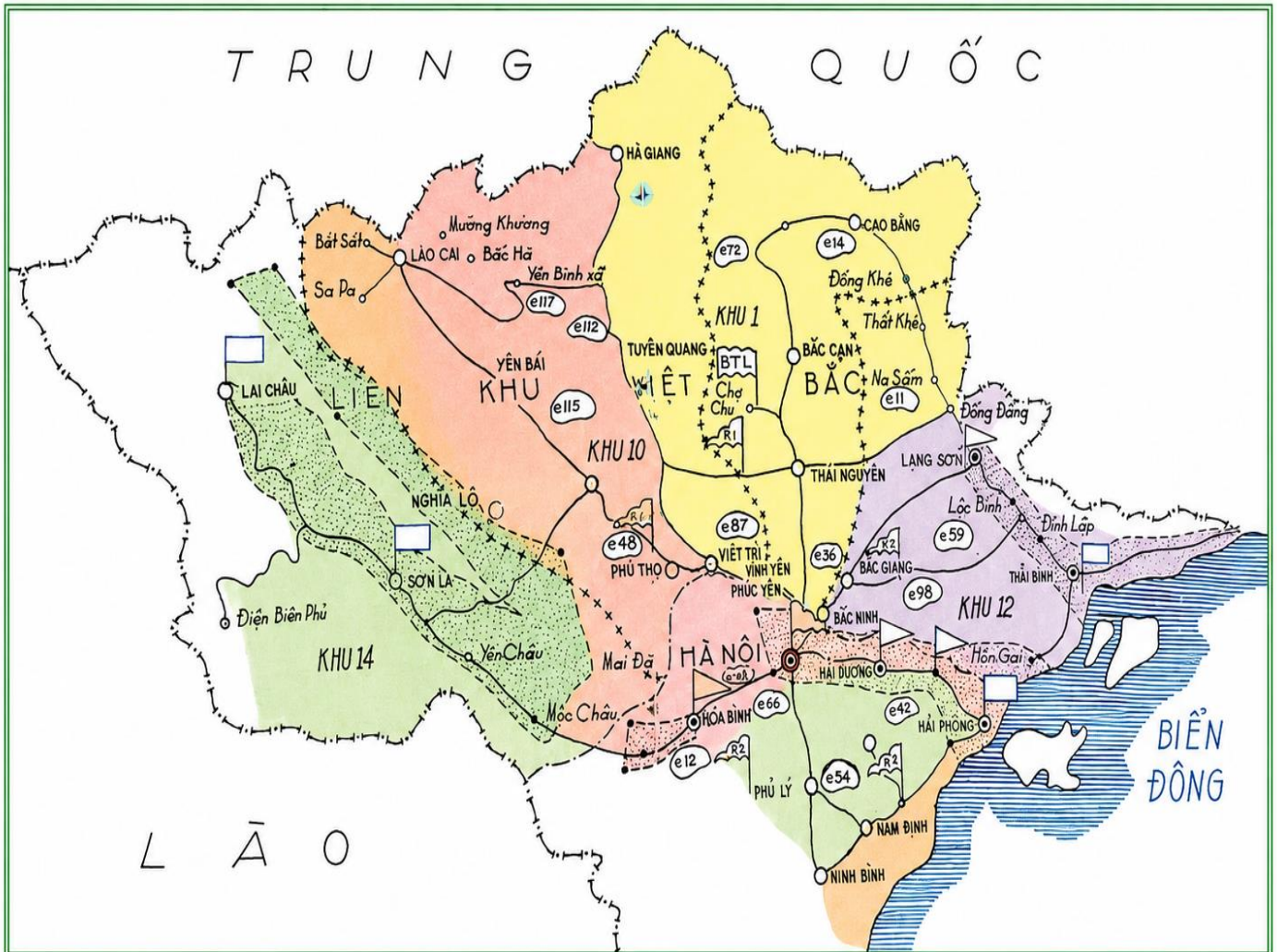
PHỤ LỤC 15¹⁶
TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH Ở TRÂU BÒ TỪ NĂM 1950-1955

Chi tiết	1950	1951	1952	1953	1954	1955
Số ổ dịch	61	62	90	87	110	72
Số trâu bò chết	5.000	1.756	1.296	783	568	285
Số tiêm khò			21	32	414	383

¹⁶Nguồn : *Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.*

PHỤ LỤC 16¹⁷

HÌNH THÁI CHUNG TRƯỚC CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC THU - ĐÔNG 1947



Ghi chú:

- Địa giới Liên Khu năm 1950.
- *** - Địa giới Khu năm 1947.
- o o - Thị xã, thị trấn.



- Vị trí chỉ huy của Bộ Tổng Tư Lệnh.
Chỉ huy Khu



- Khu vực tập kết e.



- Đồn bót và vùng địch tạm chiếm.
Bộ chỉ huy Pháp ở Bắc bộ:



¹⁷ Nguồn: Tổng kết chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chiến lược quân sự của Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

PHỤ LỤC¹⁸

HÌNH THÁI CHUNG TRƯỚC CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI 1950



¹⁸ Nguồn: Tổng kết chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chiến lược quân sự của Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)